



# Chuyện Người Hành Hương

**Nguyên tác tiếng Nga:** “Chuyện Kể Chân Thật Của Một Người Hành Hương Cho Cha Linh Hương Của Mình”

**Bản dịch tiếng Pháp:** “Les Récits d'un Pèlerin Russe” (Những Chuyện Kể Của Một Khách Hành Hương Người Nga)

**Bản dịch tiếng Anh:** “The Way of a Pilgrim and The Pilgrim Continues His Way” (Con Đường Của Người Hành Hương và Người Hành Hương Tiếp Tục Con Đường Mình)

**Biên dịch: Nguyễn Ước**

**MỤC LỤC**

Lời Nói Đầu

Chương Một

Chương Hai

Chương Ba

Chương Bốn

Chương Năm

Chương Sáu

Chương Bảy

Chương Tám

Về Dịch Giả

## LỜI NÓI ĐẦU

Đây là một tác phẩm lâu đời, đầy bí nhiệm, dạt dào tình yêu thương và hết sức lôi cuốn. Nội dung là lời kể chuyện khiêm tốn của một Kitô hữu Nga với cha linh hướng của mình về cầu nguyện và chiêm nghiệm. Trọng điểm là cách thể tu tập qua tâm trí, đến tâm hồn vào sâu trong tâm linh hiệp nhất với Thiên Chúa.

Ban đầu, bản thảo cuốn này tới tay một đan sĩ Núi Athos (Hilap) rồi được một đan viện trưởng nhà dòng Thánh Micae ở Kazan, Nga, chép lại và sau đó cho in thành sách năm 1884. Từ bấy đến nay, sách được xem là một đóng góp vô giá vào việc sống đạo, vì tình yêu thương Thiên Chúa và sự cứu rỗi linh hồn. Tại Việt nam, sách được đề cập tới trong vài tài liệu tôn giáo và giáo trình ở tu viện và chủng viện, nhưng chưa lưu hành rộng rãi bản tiếng Việt nào.

Câu chuyện bắt đầu với chỉ thị từ Tân Ước rằng Kitô hữu phải làm điều trước hết và trên hết là cầu nguyện không ngừng, mọi nơi, mọi lúc và còn phải cầu nguyện cho nhau. Nhưng lý do và ý nghĩa của việc cầu nguyện đó ra sao. Làm cách nào thực hiện việc cầu nguyện đó giữa cuộc sống lao động và hợp quần trong thời đại ngày nay. Và nếu mệnh lệnh ấy quả thật không thi hành được thì nó đã không xuất phát từ Kinh Thánh. Câu trả lời sẽ từ từ hiện ra theo từng chữ mà người giáo dân Nga này chân thành viết lại.

Cuốn sách đầy ắp những ghi chép mộc mạc, tỉ mỉ và tuân tữ theo bước chân của người hành hương lang thang khắp nước Nga và Tây bá lợi á để trong khi thăm viếng các tu viện và các đền thánh, được sống ở những nơi vắng vẻ mà học tập và “cầu nguyện không ngừng.” Xen kẽ các tường thuật về những nếm trải của bản thân, hành giả còn kể lại các chứng nghiệm và ý kiến của những kẻ từng ngã lòng trông cậy và các bậc hiền giả một đời dày công tu tập.

Xuôi dòng chuyện kể của tác giả, ta cơ hồ được nếm mùi vị cuộc sống hân hoan trong ơn sủng vô ngần của Thiên Chúa xuống cho người hiệp thông với Ngài và yêu thương người bên cạnh. Ta còn được làm quen với truyền thống chiêm nghiệm tịch lặng, người Kitô hữu Nga chân chất, những Giáo phụ thánh thiện và các đan sĩ đạo hạnh... Đặc biệt, hình ảnh nổi bật là Giáo hội Đông phương, nơi có truyền thống tâm linh phong phú, cao nhã, tuyệt vời và những gương phước đạo hạnh sâu xa... Đồng thời, ta còn có cơ hội tuân phục ý chỉ của Thánh Công Đồng Vatican II: "Mọi người đều biết rằng: thông hiểu, kính trọng, giữ gìn và phát triển di sản phụng vụ và tu đức rất phong phú của các tín hữu đông phương là việc tối quan trọng để trung thành bảo toàn truyền thống Kitô giáo và để thực hiện sự giao hòa các Kitô hữu Đông phương và Tây phương." (Sắc Lệnh Về Hiệp Nhất, số 15).

Nhan đề của cuốn “Chuyện Người Hành Hương” này trong nguyên tác tiếng Nga có nghĩa là “Chuyện Kể Chân Thật Của Một Người Hành Hương Cho Cha Linh Hướng Của Mình.” Các sự kiện kể trong sách xảy ra trước cuộc giải phóng nông nô tại Nga năm 1861 và trong cuộc chiến tranh Crimea năm 1853. Bản dịch tiếng Pháp là “Les Récits d'un Pèlerin Russe” (Những Chuyện Kể Của Một Khách Hành Hương Người Nga) và nhiều bản dịch tiếng Anh, trong đó nổi tiếng là “The Way of a Pilgrim and The Pilgrim Continues His Way” (Con Đường Của Người Hành Hương và Người Hành Hương Tiếp Tục Con Đường Mình) của Helene Bacovsin và một bản cùng tên do R.M. French dịch với lời dẫn nhập của Huston Smith, một hành giả và học giả nổi tiếng về các tác phẩm tôn giáo đối

chiều. Trong bản tiếng Việt này, chúng tôi có soạn thêm phần Phụ Lục, chỉ để làm rõ nghĩa hơn một số từ vựng và cung cấp văn tắt tiểu sử các Giáo phụ và các nhà văn có tên trong sách.

**Toronto, Canada**  
**Nguyễn Ước**  
**Mùa Giáng sinh**



## CHƯƠNG MỘT

Nhờ ơn sủng vô biên của Thiên Chúa, con được làm Kitô hữu, qua hành động của một kẻ vô cùng tội lỗi và bởi lời gọi làm người thuộc dòng dõi hèn mọn nhất, lang thang không nhà, rong ruổi nơi này nơi nọ. Cửa cải trần gian của con là chiếc ba lô đựng ít bánh mì khô đeo trên lưng và cuốn Kinh Thánh trong túi áo trước ngực. Và chỉ có vậy thôi.

Hôm đó, ngày Chúa nhật thứ hai mươi bốn sau lễ Hiện Xuống, con tới nhà thờ, và trong thánh lễ, con dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện của mình. Thư Thứ Nhất của Thánh Tông đồ Phaolô gửi tín hữu Thêxalônica được đọc lên và trong những lời ấy con nghe có câu:

"Hãy cầu nguyện không ngừng".

Hơn bất cứ bài đọc nào khác, bài đọc Sách Thánh ấy xâm chiếm tâm trí con. Con bắt đầu ngẫm nghĩ là làm sao có thể cầu nguyện không ngừng vì con người còn phải lo toan nhiều vấn đề trong cuộc sống. Con nhìn vào cuốn Kinh Thánh và tận mắt mình thấy lời vừa nghe. Và lời ấy có ý nghĩa rằng: chúng ta phải luôn luôn cầu nguyện, trong mọi lúc và khắp mọi nơi, đưa cao tay mình lên mà cầu nguyện. Con nghĩ tới nghĩ lui mãi nhưng không hiểu ra manh mối của câu ấy. Con thầm nhủ:

- Mình phải làm sao đây? Biết tìm đâu ra người giải thích cho mình câu Kinh Thánh đó? Mình sẽ đi tới bất cứ nhà thờ nào mà người ta đồn rằng ở đó có người rao giảng nổi tiếng, có lẽ mình sẽ được nghe đôi điều rọi sáng câu ấy cho mình.

Nghĩ ra sao là làm ngay như vậy. Con đã nghe một số bài giảng rất thanh cao về sự cầu nguyện - cầu nguyện là gì, chúng ta cần cầu nguyện biết bao và cầu nguyện sinh hoa kết quả ra sao - nhưng không có vị nào nói rõ cách ta nên cầu nguyện như thế nào cho có kết quả. Con đã nghe một bài giảng về cầu nguyện có tính cách tâm linh và cầu nguyện không ngừng, nhưng bài ấy vẫn không vạch ra được là ta phải cầu nguyện theo cách nào.

Như thế, việc lắng nghe các bài giảng vừa không đem lại cho con điều con muốn, vừa làm lòng con đầy ứ chùng mà không thu đạt được chút am hiểu nào về câu Kinh Thánh ấy. Con bỏ cuộc, không đi nghe các bài giảng dành cho công chúng nữa. Con lập một kế hoạch khác là: nhờ Thiên Chúa giúp đỡ, con phải tìm cho ra người có kinh nghiệm và thông thạo chịu chuyện trò với con, dạy bảo con về cầu nguyện không ngừng, là cái càng ngày càng lôi cuốn con một cách cần kíp.

Trong một thời gian dài, con lang thang nhiều nơi. Con luôn luôn đọc Kinh Thánh, và tới đâu con cũng hỏi không biết có thể tìm thấy trong vùng này một vị thầy tâm linh, một người đầy kinh nghiệm, sốt sắng hướng dẫn mình không. Vào ngày nọ, người ta nói với con rằng tại làng kia, có một nhà đạo đức bỏ ra trọn đời tìm kiếm sự cứu rỗi linh hồn mình. Trong nhà ông có một nhà nguyện. Ông không bao giờ ra khỏi nhà và dùng hết ngày giờ để cầu nguyện và đọc sách kinh. Nghe như vậy, con đi như chạy tới ngay làng đã được người ta chỉ tên đó. Con tới nơi, tìm được ông. Ông hỏi:

- Anh muốn tôi làm gì giúp anh đây?

Con nói:

- Tôi nghe người ta nói ông là người mộ đạo và khôn ngoan. Nhân danh Thiên Chúa, xin ông vui lòng giải thích cho tôi câu của Thánh Tông đồ rằng: "Hãy cầu nguyện không ngừng". Làm sao mà cầu nguyện không ngừng được? Tôi không hiểu chút gì câu đó, và tôi đang thật tình muốn hiểu cho ra.

Ông im lặng một lúc và xem xét con thật kỹ lưỡng. Rồi ông nói:

- Cầu nguyện không ngừng trong tâm hồn tức là tinh thần của mình khát khao hướng tới Thiên Chúa. Để đạt được kết quả trong việc thực hành đây an ủi đó, chúng ta lúc nào cũng phải cầu xin Thiên Chúa dạy cho mình biết cầu nguyện không ngừng. Nhờ cầu xin như vậy, anh sẽ tự mình thấy được là làm thế nào đạt tới sự cầu nguyện không ngừng; nhưng để đạt tới thì cần một ít thời gian.

Nói như vậy rồi ông mang cho con thực phẩm, cho con tiền lộ phí tiếp tục cuộc hành trình và để con ra đi.

Ông không giải thích gì về điều con muốn biết.

Con lại lên đường. Con nghĩ hoài nghĩ mãi, con đọc hoài đọc mãi Kinh Thánh. Con để hết lòng mình vào những gì ông ấy nói với con, nhưng con không thể hiểu cặn kẽ lời đó. Tuy vậy, con muốn hiểu rõ nó hết sức, tới độ ban đêm con không ngủ được.

Con đi bộ ít ra là đã hai trăm cây số, rồi tới một thị trấn lớn, thủ phủ của một tỉnh, con thấy một tu viện. Tại quán trọ nơi con dừng chân, con nghe người ta nói rằng cha tu viện trưởng là người cực kỳ nhân ái, mộ đạo và hiếu khách. Con đến gặp ông. Bằng thái độ rất ân cần, ông đón tiếp con, yêu cầu con ngồi xuống và mời con ăn uống cho khoẻ người. Con nói:

- Thưa cha rất thánh, con chẳng cần nghỉ mệt, con chỉ xin cha ban cho con ít lời giảng dạy về tinh thần. Làm thế nào cứu rỗi được linh hồn con?

- Cái gì? Cứu rỗi linh hồn con? Được, con hãy sống theo các giới răn và đọc kinh cầu nguyện rồi con sẽ được cứu rỗi.

- Nhưng con nghe có lời nói rằng chúng ta nên cầu nguyện không ngừng, và con không biết làm thế nào cầu nguyện không ngừng. Ngay cả việc cầu nguyện không ngừng nghĩa là gì con cũng không hiểu. Thưa cha, con năn nỉ cha, xin cha giải thích việc đó cho con.

- Người anh em thân mến, ta không biết làm thế nào giải thích thêm nữa. Nhưng con hãy chờ một chút, ta có cuốn sách nhỏ trong đó có lời giải thích.

Nói xong, ông đưa cho con cuốn sách của Thánh Dimitri: “Giáo Dục Tâm Linh Trong Lòng Con Người” và nói:

- Đây, con hãy tự mình đọc nó.

Con bắt đầu đọc thấy như sau:

- Lời của Thánh Tông đề rằng: 'Hãy cầu nguyện không ngừng' nên hiểu như thể nó có ý nói tới sự cầu nguyện có tính chất sáng tạo của trí tuệ. Trí tuệ lúc nào cũng có thể vươn lên tới Thiên Chúa và không ngừng cầu nguyện Ngài.

Con hỏi:

- Nhưng thưa cha, bằng cách gì mà trí tuệ lúc nào cũng có thể vươn lên tới Thiên Chúa, không bao giờ bị xáo trộn và có thể cầu nguyện không ngừng?

Cha tu viện trưởng trả lời:

- Điều ấy rất khó, kể cả đối với kẻ mà chính Thiên Chúa ban cho tặng phẩm đó.

Ông không đưa ra cho con lời giải thích nào.

Đêm đó, con ở lại trong tu viện. Sáng ra, sau khi cảm tạ ông vì lòng hiếu khách đầy nhân ái của ông, con tiếp tục con đường của mình - đi đâu, chính con cũng không biết. Thất bại trong việc tìm hiểu khiến lòng con buồn bã, và như thể để làm mình khuây khoả, con đọc Kinh Thánh. Bằng cách đó, con đi dọc theo đường quốc lộ suốt năm ngày.

Sau cùng, khoảng chạng vạng tối, đi vượt qua mặt con là một ông lão trông giống như đan sĩ của một nhà dòng nào đó. Trả lời câu hỏi của con, ông cho con biết ông là linh mục ở trong một đan viện cách đường cái khoảng mười cây số. Ông yêu cầu con cùng đi với ông tới đan viện. Ông nói:

- Chúng tôi đón tiếp người hành hương, cho họ lương thực và để họ nghỉ ngơi với những người mộ đạo khác nơi nhà khách của tu viện.

Con cảm thấy mình không thích đi theo ông. Vì vậy, đáp lại lời mời ấy, con nói rằng sự bình an của tâm trí con không tùy thuộc vào việc con tìm được chỗ nghỉ ngơi hay không mà là tùy thuộc vào việc con tìm ra hay không một lời giảng dạy tinh thần. Dù cho con đã hết lương thực hoặc ba-lô con còn đầy ắp bánh mì khô.

Ông hỏi con:

- Người anh em ạ, con muốn có lời giảng tâm linh nào? Cái gì đang làm con bối rối? Hãy đi với tôi ngay! Người anh em thân mến, hãy tới nhà của chúng tôi. Chúng tôi có các starets tức là tu sĩ hướng dẫn tâm linh, chín muối kinh nghiệm, đủ sức đưa ra cho con lời hướng dẫn tâm linh và đặt linh hồn con vào đường ngay nẻo chính dưới ánh sáng của Lời Thiên Chúa và sách vở của các Giáo Phụ thánh thiện.

- Vâng, thưa cha, chuyện như thế này. Khoảng một năm trước đây, trong khi dự thánh lễ, con có nghe đọc một đoạn Sách Thánh trong Thư Tông Đồ, trong đó có mệnh lệnh ra cho loài người phải cầu nguyện không ngừng. Hiểu không ra câu đó, con bắt đầu đọc cuốn Kinh Thánh của mình. Tại nhiều chỗ trong sách ấy, chính con cũng tìm thấy huấn lệnh thiêng liêng đó, rằng chúng ta phải cầu nguyện trong mọi lúc, ở mọi nơi, không chỉ trong lúc làm việc, không chỉ trong lúc thức giấc, mà còn



cả trong khi ngủ: "Tôi ngủ nhưng lòng tôi thức." Lời ấy làm con hết sức ngạc nhiên. Con bối rối không biết xúc tiến lời ấy ra sao và bằng cách nào thực hiện nó. Trong con phát sinh ước muốn nồng cháy và lòng khát khao tìm hiểu. Suốt ngày suốt đêm, vấn đề đó bám chặt đầu óc con. Vì vậy, con bắt đầu đi tới các nhà thờ, lắng nghe các bài giảng. Tuy con đã được nghe nhiều bài giảng nhưng không có bài nào giúp con thu lượm được lời chỉ dẫn cho việc làm thế nào cầu nguyện không ngừng. Người ta thường hay nói tới việc chuẩn bị mình sẵn sàng để cầu nguyện hoặc về những hoa trái của cầu nguyện và đại loại như thế, nhưng không dạy cho con làm thế nào cầu nguyện không ngừng hoặc ý nghĩa của sự cầu nguyện không ngừng là gì. Con thường đọc Kinh Thánh và con chắc chắn trong đó có vấn đề mà con đã nghe đó. Có điều trái ngược là con không với tới được sự am hiểu mà con khao khát đó, nên vì thế cho tới lúc này, lòng con vẫn rối rắm và nghi nan.

Lúc đó, vị linh mục cao niên ấy làm dấu thánh giá và nói:

Người anh em thân mến ạ, cảm tạ Thiên Chúa đã tỏ ra cho con khát vọng không nguôi về sự cầu nguyện không ngừng trong tâm hồn. Con hãy nhận ra có lời gọi của Thiên Chúa trong khát vọng đó và lắng lòng con xuống. Sự thanh thần ấy bảo đảm rằng cho tới nay, điều đang thành tựu trong con chính là sự thử thách tình trạng hoà hợp ý nguyện của chính con với tiếng nói của Thiên Chúa. Con đã được ban ơn cho hiểu rằng để tìm thấy, để đạt tới ánh sáng siêu phàm của sự cầu nguyện không ngừng mang tính cách tâm linh thì không phải bằng trí tuệ của thế gian này, cũng không phải bằng sự khát khao thuần túy kiến thức, vì kiến thức là cái ở bên ngoài bản thân ta; nhưng ngược lại, ta chỉ tìm thấy nó trong sự nghèo khó tinh thần và trong sự nếm trải sống động của một tâm hồn mộc mạc. Đó là lý do tự nhiên khiến con không thể nghe được bất cứ điều gì về cái cốt tủy của sự cầu nguyện ấy, và con không thể thu lượm được cái cốt tủy đó bằng kiến thức vì kiến thức thì bị tiêm nhiễm bởi những hoạt động không ngừng của chính nó.

Chắc chắn là người ta đã giảng dạy nhiều, rất nhiều, về cầu nguyện, và trong những truyền đạt muôn hình muôn vẻ của các nhà văn đều có đề cập rất nhiều tới sự cầu nguyện đó. Nhưng vì hầu hết các lập luận ấy đều dựa trên suy xét và thao tác của trí tuệ tự nhiên mà không dựa trên kinh nghiệm sống động nên người ta giảng về phẩm chất của cầu nguyện hơn là về bản chất của cầu nguyện. Người ta biện luận một cách rất hay ho về nhu cầu của cầu nguyện, hoặc nói cách khác, về sức mạnh của nó và những ơn sủng liên quan tới nó, và thêm nữa, về những gì làm cho việc cầu nguyện được hoàn hảo, nghĩa là về tính chất tuyệt đối cần thiết như sự sốt sắng của tâm hồn, ân cần của tâm trí, nồng nàn của con tim, thanh khiết của ý nghĩ, hoà giải với kẻ thù của ta, khiêm tốn, sám hối và vân vân. Nhưng đối với hai câu hỏi có tính cách căn nguyên và cốt tủy rằng cầu nguyện là gì? Và ta học cầu nguyện như thế nào? Thì hiếm khi ta nhận được sự soi sáng rõ rệt nào từ những nhà thuyết giảng hiện nay.

Với những biện luận của họ, như ta vừa kể ở trên, thì thật khó cho người ta hiểu rõ hai câu hỏi đó vì cả hai đều đòi hỏi một sự am hiểu có tính cách bí nhiệm chứ không chỉ đơn giản do những gì học hỏi trên ghế nhà trường. Và điều đáng thương hơn cả là trí khôn hão huyền của thế gian thúc ép họ áp dụng những định chuẩn trần tục vào tính thiêng liêng. Nhiều người lập luận về sự cầu nguyện theo lối lẫn lộn và hoàn toàn sai lầm. Họ nghĩ rằng: các việc thiện và tất cả những loại biện pháp sơ bộ đều làm cho chúng ta có khả năng thực hiện sự cầu nguyện. Nhưng trong trường hợp này thì hoàn toàn ngược lại: chính cầu nguyện mang lại hoa trái cho việc thiện và cho hết thảy mọi đức hạnh. Những ai lập luận như trên thì lẫn lộn, vì họ xem hoa trái và kết quả của việc cầu nguyện là phương tiện thành tựu sự cầu nguyện, và như vậy, họ làm suy giảm uy lực của cầu nguyện. Và nói như họ thì hoàn toàn

trái ngược với Sách Thánh vì Tông đồ Phaolô đã nói rằng: 'Trước hết, tôi khuyên ai nấy dâng lời cầu nguyện' (1 Timôthê. 2:1).

Điều đầu tiên được viết ra trong lời của Thánh Tông đồ ấy về cầu nguyện là việc cầu nguyện đến trước các việc khác, rằng: 'Trước hết, tôi khuyên ai nấy dâng lời cầu nguyện...' Người Kitô hữu bị buộc làm nhiều việc thiện, nhưng việc tiên quyết, việc mà Kitô hữu buộc phải làm là cầu nguyện, vì không có việc cầu nguyện thì không thể hoàn thành được bất cứ việc thiện nào hoặc bất cứ cái gì khác. Không có việc cầu nguyện, Kitô hữu không thể tìm thấy con đường dẫn tới Chúa, không thể hiểu chân lý, không thể kèm hãm xác thịt mình với những đam mê và những thèm khát của thân xác; con tim của người ấy không thể được giác ngộ với ánh sáng của Đức Kitô, và người ấy không thể hiệp nhất một cách đầy cứu rỗi với Thiên Chúa. Trong các điều vừa kể ra đó, không điều nào có thể đạt kết quả nếu không có việc cầu nguyện 'liên tục' đi trước chúng. Ta nói 'liên tục' vì tính chất hoàn hảo của sự cầu nguyện không ở nội bên trong sức mạnh của chúng ta, như lời Tông đồ Phaolô nói rằng: 'Vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải' (Rôma. 8:26).

Do đó, chính việc cầu nguyện thường xuyên, cầu nguyện không ngừng làm tuôn tràn sức mạnh trong lòng của chúng ta như những phương cách thành đạt sự thanh khiết của việc cầu nguyện, cái là mẹ của những ân sủng tinh thần. Như lời Thánh Isaac xứ Xyri đã nói: 'Hãy đoạt lấy người mẹ và bà sẽ mang các con cái của bà tới cho bạn.' Trước hết, con hãy học để đạt được sức mạnh của cầu nguyện rồi con sẽ thực hành dễ dàng những đức tính tốt khác. Những người nhờ kinh nghiệm thực hành và lời giảng dạy vô cùng sâu xa của các Giáo phụ thánh thiện mà am hiểu ít nhiều về sự cầu nguyện thì không có kiến thức rõ ràng về nó và chỉ phát biểu được đôi chút về nó thôi.

Mãi mê đàm đạo, chúng con đã đi tới gần tu viện. Và như thể không để vượt mắt dịp tiếp xúc với vị linh mục lão trọng khôn ngoan này cũng như để nhanh chóng có được điều mình muốn biết, con thúc giục:

- Thưa cha thánh thiện, xin cha vui lòng nói cho con biết sự cầu nguyện không ngừng nghĩa là gì và làm thế nào học được nó. Con thấy là cha hiểu hết mọi sự ấy.

Ông ân cần chấp nhận lời thỉnh cầu của con và yêu cầu con tới căn buồng nhỏ hẹp của ông. Ông bảo con:

- Vào đi con. Ta sẽ cho con biết nhiều điều của các Giáo phụ để qua đó, với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, con có thể học biết rõ ràng từng chi tiết của sự cầu nguyện ấy.

Chúng con cùng nhau vào buồng của ông. Ông bắt đầu nói như sau:

- Cầu nguyện Đức Giêsu không ngừng và mang tính cách tâm linh tức là gọi liên tục và không ngớt thánh danh Giêsu bằng môi mình, trong tinh thần, trong con tim, và cùng lúc ấy, lập nên ở trong óc não mình hình ảnh sự có mặt thường xuyên của Ngài, và cầu xin ơn sủng của Ngài, trong mọi việc làm, trong mọi lúc, ở mọi nơi, kể cả trong khi ngủ. Lời cầu nguyện ấy được biểu lộ bằng câu này: "Chúa Giêsu Kitô, xin thương xót con." Người nào tự làm cho mình quen thuộc với lời cầu nguyện ấy thì ném trải một thành quả an ủi rất sâu xa và một nhu cầu hết sức lớn lao là bất cứ lúc nào cũng phải thốt lên lời cầu nguyện ấy, tới độ người ấy không thể tiếp tục sống mà không có lời đó, và lời đó sẽ tiếp tục tự nó cất tiếng bên trong người ấy bằng chính cung giọng của nó. Tới đây, con đã hiểu cầu nguyện không ngừng là gì chưa?

Con kêu lên, lòng chan chứa hơn hờ:

- Hiểu, hiểu thật rồi, cha ơi. Và, nhân danh Thiên Chúa, xin cha dạy cho con làm cách nào để lập thành thói quen đó.

Ông trả lời:

- Con hãy đọc cuốn sách này, nó có tên là Philôkalia. Trong sách này có đầy đủ nội dung cùng những chi tiết của phép cầu nguyện liên tục trong tâm hồn, hoặc cầu nguyện không ngừng có tính cách tâm linh, do hai mươi lăm Giáo phụ thánh thiện trình bày. Cuốn sách này ghi dấu một sự khôn ngoan tuyệt đỉnh và sử dụng nó thì ích lợi vô cùng, tới độ nó được đánh giá là cuốn thủ bản trên hết và tốt nhất cho cuộc sống tâm linh, chiêm nghiệm hay còn gọi là quán tưởng. Như đức Nicêphôre tôn quý đã nói: "Nó đưa ta tới cứu rỗi mà không mất công sức và không đổ mồ hôi".

Con hỏi:

- Thưa cha, như vậy phải chăng cuốn sách này cao siêu và thiêng liêng hơn Kinh Thánh?

Ông trả lời:

- Không, không phải như vậy. Có điều cuốn sách này chứa đựng những điều mà Kinh Thánh giữ bí nhiệm và chúng ta không thể dễ dàng nắm bắt những điều đó bằng kiến thức thiên cận của con người. Ta nêu cho con thí dụ này để làm rõ hơn. Mặt trời thì vĩ đại nhất, chói lọi rực rỡ nhất và tuyệt diệu nhất của sự sáng trên trời, nhưng con không thể ngắm nó và xem xét nó một cách giản dị bằng con mắt của mình mà không có gì bảo vệ mắt. Muốn làm như vậy, con phải dùng miếng kính nhân tạo nhỏ hơn và tối hơn mặt trời nhiều triệu lần. Nhưng qua miếng kính nhỏ bé đó, con có thể nhìn chăm chú và xem xét vị vua tinh tú tráng lệ ấy, ham thích nó và chịu đựng nổi những tia lửa của nó. Kinh Thánh cũng giống như mặt trời chói lọi kia và cuốn Philôkalia này là miếng kính ta thường dùng để có thể nhìn ngắm mặt trời trong sự rực rỡ nguy nga của nó. Lúc này con hãy nghe, ta sắp đọc cho con một loại chỉ dẫn về việc cầu nguyện không ngừng trong tâm hồn hay còn gọi là việc cầu nguyện tâm linh và liên tục.

Ông mở sách, giở tới trang có lời chỉ dẫn của Thánh Simêon Nhà thần học mới và đọc:

"Hãy ngồi xuống một mình, trong im lặng. Cúi thấp đầu xuống, nhắm mắt lại, thở ra thật nhẹ, tưởng tượng đang nhìn vào trái tim của mình. Mang tâm trí của mình, nghĩa là mang các ý nghĩ của mình từ óc não vào trái tim mình. Khi thở ra thì hãy nói: 'Chúa Giêsu Kitô, xin thương xót con.' Nói câu ấy trong khi mấp máy đôi môi hoặc chỉ giản dị nói câu ấy trong tâm trí của mình. Hãy cố gắng đặt các ý nghĩ khác qua một bên. Hãy bình tĩnh, nhẫn nại, và siêng năng thường xuyên lặp đi lặp lại diễn tiến đó,"

Vị tôn sư cao niên của con vừa cắt nghĩa cặn kẽ điều ấy cho con vừa đưa ra nhiều thí dụ. Chúng con tiếp tục đọc trong cuốn Philôkalia những trích đoạn của thánh Grêgôriô Núi Xinai, Thánh Callistô và Thánh Inhaxiô.

Những điều chúng con đọc từ cuốn sách đó đều được tôn sư của con đích thân giảng giải. Con lắng nghe cẩn thận với niềm sung sướng sâu xa và giữ chặt trong trí nhớ của mình, cố gắng hết sức có thể được của mình để ghi nhớ từng chi tiết. Bằng cách đó, chúng con trải qua một đêm bên nhau và tiếp tục cho tới sáng, không ngủ chút nào.

Tôn sư ban phép lành tiễn con lên đường, dặn dò con trong lúc học tập sự cầu nguyện đó thì phải thường xuyên tới gặp ông, kể cho ông nghe hết mọi sự, ngay thật xưng tội và báo cáo với ông, vì



nếu không có sự hướng dẫn của một vị thầy thì không thể tiếp tục một cách chính xác và hữu hiệu diễn tiến nội tâm ấy.

Tại nhà thờ, con thấy lòng mình sốt sắng bùng bùng, sẵn sàng bỏ ra hết công sức để học tập sự cầu nguyện không ngừng trong tâm hồn, và con cầu nguyện xin Thiên Chúa giúp đỡ con. Rồi con bắt đầu tự hỏi làm cách nào mình được ở gần tôn sư để hỏi ý kiến hoặc xưng tội vì không người khách nào được ở lại quá ba ngày trong nhà khách của tu viện, và gần đó chẳng có nhà ai cả.

Rồi con nghe nói có một ngôi nhà cách tu viện từ ba tới năm cây số. Con tới đó tìm cách ở lại, và thật vô cùng sung sướng, Thiên Chúa đã tỏ ra cho con cái con đang cần. Một người nông dân thuê con suốt mùa hè đó coi sóc vườn rau của ông, thêm nữa, ông còn cho con được ở lại một mình trong túp lều tranh nhỏ nơi vườn rau. Ngợi khen Thiên Chúa! Con đã tìm được một chốn yên tĩnh. Với thái độ vui mừng ấy, con tiếp nhận nơi cư ngụ của mình, bắt đầu học tập việc cầu nguyện có tính cách tâm linh và liên tục theo cách con đã được tôn sư cho biết, và thỉnh thoảng con tới gặp ông.

Suốt tuần lễ ấy, một mình trong vườn rau, con kiên trì bắt ép mình học tập cách cầu nguyện không ngừng, đúng từng chút một theo lời tôn sư giảng giải. Ban đầu, dường như mọi sự đều xảy ra tốt lành. Nhưng rồi nó làm con mệt mỏi quá sức. Con cảm thấy làm biếng, tẻ nhạt, buồn ngủ riu mắt, và mây mờ của đủ thứ ý nghĩ khác bao bọc vây mình kín mít. Con cảm thấy khổ sở và tìm tới tôn sư kể hết cho ông nghe tình trạng của mình.

Ông đón tiếp con rất thân thiện rồi bảo:

- Người anh em yêu quý của ta, đó là thế giới hắc ám đang tấn công con. Đối với thế giới đó thì không gì tệ hại cho nó hơn là ở phía chúng ta có người cầu nguyện chân thành. Bằng mọi cách, nó ra sức cản trở con và làm con quay lưng lại với việc học tập cầu nguyện. Nhưng dù kẻ thù ấy có làm gì đi nữa thì cũng chỉ là làm điều mà Thiên Chúa để cho nó làm trong chừng mực điều ấy cần thiết cho con. Hình như con cần thử thách thêm lòng khiêm tốn của mình, và do đó, lúc này mà để cho lòng hăng say vô hạn của con tiến tới gần lối vào cao cả nhất của tâm hồn là điều quá sớm. Con có thể khiến cho mình mê đắm trong trạng thái thêm khát tâm linh. Ta sẽ đọc con nghe một lời chỉ dẫn nhỏ trong cuốn Philôkalia về các trường hợp như thế.

Ông mở tới trang có lời giảng của Đức Nicêphôre tôn quý và đọc:

"Nếu sau vài lần thử theo cách đã được dạy mà bạn không thể đạt tới cảnh giới của tâm hồn mình thì hãy làm điều tôi sắp nói; và nhờ Thiên Chúa giúp đỡ, bạn sẽ tìm thấy điều bạn muốn kiếm. Tính năng phát âm thì nằm ở trong cổ họng. Bạn hãy từ khước tất cả những ý nghĩ khác (bạn có thể làm được điều đó nếu bạn muốn) và để cho tính năng ấy liên tục lặp đi lặp lại lời sau đây rằng: 'Chúa Giêsu Kitô, xin thương xót con.' Bạn hãy tự ép buộc mình lúc nào cũng làm như vậy. Nếu trong một thời gian ngắn mà bạn đạt kết quả thì lúc đó chắc chắn tâm hồn của bạn cũng sẽ mở ra để cầu nguyện. Chúng tôi biết rõ sự việc đó bằng chính kinh nghiệm của mình."

Đọc xong, tôn sư của con nói:

- Đó, con đã có lời dạy bảo của các Giáo phụ về những trường hợp như vậy. Vì thế, kể từ hôm nay, con phải tiếp tục thực hiện những chỉ dẫn của ta, và lặp lui lặp tới lời cầu nguyện Đức Giêsu hết sức thường xuyên có thể được. Đây là tràng hạt. Con hãy cầm lấy và bắt đầu nói lời cầu nguyện ấy mỗi ngày ba ngàn lần. Dù khi đứng hoặc khi ngồi, khi đi hoặc khi nằm, con cũng đều phải liên tục lặp đi lặp lại câu: "Chúa Giêsu Kitô, xin thương xót con." Con hãy nói lên lời ấy một cách thanh thản,

không gấp gáp, đúng con số ba ngàn lần mỗi ngày, không có ý thêm hoặc có ý bớt con số đó. Thiên Chúa sẽ giúp đỡ con, và bằng cách đó con cũng đạt tới sự thao tác không ngừng của tâm hồn mình.

Con vui mừng đón nhận lời hướng dẫn ấy, trở về túp lều tranh nhỏ bé và bắt đầu thực hiện trung thực, chính xác những gì tôn sư đã chỉ thị. Trong hai ngày đầu, con thấy hơi khó khăn, nhưng qua hôm sau, việc ấy trở thành quá dễ dàng và thú vị tới độ hễ bao giờ ngừng lại thì con cảm thấy có nhu cầu phải tiếp tục nói lời cầu nguyện Đức Giêsu, và con nói lời đó một cách tự do tự nguyện, không còn phải ép buộc mình như trước nữa.

Con báo cáo với tôn sư. Ông ra lệnh con nói lời cầu nguyện ấy sáu ngàn lần mỗi ngày, và bảo:

- Con hãy bình tĩnh, chỉ cố gắng hết sức có thể được để thực hiện cho đủ con số các lời cầu nguyện ấy. Thiên Chúa sẽ xuống ơn sủng của Ngài trên con.

Trong túp lều cô đơn của mình, con nói lời cầu nguyện Đức Giêsu sáu ngàn lần mỗi ngày, trong suốt một tuần. Con không cảm thấy khắc khoải. Con không để ý tới bất cứ ý nghĩ nào khác dù nó có dồn dập tấn công con đi nữa. Con chỉ có một mục tiêu duy nhất là thực hiện chính xác lệnh truyền của tôn sư. Và đã xảy ra cái gì? Dần dần con quen với lời cầu nguyện ấy tới độ khi con ngưng lại, dù chỉ ngưng trong một chút thôi, thì có thể nói là con cảm thấy như thể có cái gì đó đang vượt qua, như thể con đang đánh mất cái gì đó. Ngay lúc vừa bắt đầu trở lại nói lời cầu nguyện ấy thì con cảm thấy nó tiếp tục một cách dễ dàng và vui sướng. Nếu có gặp ai, con không ao ước chuyện trò với người đó.

Suốt tuần ấy, con chỉ muốn có một điều là được ở một mình để nói lời cầu nguyện ấy, cái đã trở thành rất thân thiết với con.

Trong mười ngày, tôn sư không gặp con. Vào ngày thứ mười một, ông đích thân đến thăm con. Con kể với ông mọi sự diễn ra như thế nào. Ông lắng nghe và nói:

- Lúc này con đã quen với việc cầu nguyện đó. Hãy thử coi con có duy trì được thói quen đó và cố gắng cố được nó không. Vì vậy, con đừng để mất thì giờ. Với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, con hãy quyết định là kể từ hôm nay, con nói lời cầu nguyện Đức Giêsu mười hai ngàn lần mỗi ngày. Con hãy tiếp tục sự cô đơn của mình, thức dậy sớm hơn, đi ngủ trễ hơn, và cứ cách mười lăm ngày thì con hãy đến gặp ta để nghe ta khuyên bảo.

Con làm theo chỉ thị của thầy. Ngày đầu, khi con kết thúc việc đọc mười hai ngàn lời cầu nguyện thì trời đã quá khuya. Ngày kế, con thực hiện nó dễ dàng và hài lòng. Việc nói không ngừng lời cầu nguyện này làm con mệt mỏi tới một mức độ nào đó và con có cảm giác lưỡi mình tê dại. Lúc mới bắt đầu, con cảm thấy như thể quai hàm mình cứng đơ. Ban đầu con có cảm giác thích thú nhưng sau đó cảm thấy hơi đau chỗ vòm trên trong miệng. Ngón cái bàn tay trái mà con dùng để đếm hơi đau. Con cảm thấy khắp cổ tay trái bị sưng, và sưng lan lên tới cùi chỏ, nhưng không cảm thấy khó chịu. Thêm nữa, tất cả những đau đớn đó có vẻ như nâng con lên, thúc giục con tiếp tục nói hoài nói mãi lời cầu nguyện ấy. Trong năm ngày, con thực hiện đúng con số mười hai ngàn lời cầu nguyện mỗi ngày. Và đồng thời với việc lập thành thói quen ấy, con thấy trong khi làm thì có sự khoan khoái và hài lòng.

Sáng nào cũng có vẻ như lời cầu nguyện ấy đánh thức con dậy thật sớm. Con bắt đầu nói lời cầu nguyện ấy buổi sáng như thường lệ, nhưng lúc đó lưỡi con không chịu thốt ra một cách dễ dàng và chính xác. Toàn bộ khát vọng của con tập trung vào một điều duy nhất là thốt lên lời cầu nguyện Đức

Giêsu, và chừng nào con còn tiếp tục lời cầu nguyện ấy thì lòng con tràn đầy vui tươi và thanh thản. Đường như môi con và lưỡi con tự chúng hoàn toàn thoả mái nói lên lời cầu nguyện ấy.

Con sống qua sáng sáng chiều chiều trong trạng thái vừa lòng đẹp ý sâu xa nhất. Con thấy mình như lìa xa hẳn mọi sự khác. Con như sống trong một thế giới khác, và tới lúc trời vừa tối, con kết thúc dễ dàng mười hai ngàn lời cầu nguyện ấy. Con cảm thấy rất muốn tiếp tục thêm nữa, nhưng con không dám vượt quá con số mà tôn sư đã đặt ra cho con. Những ngày sau đó, con tiếp tục kêu cầu Đức Giêsu bằng cũng một cách thức như thế, và cùng với việc ấy là lòng con cảm thấy sẵn sàng và thích thú sâu xa. Rồi con đi gặp tôn sư, nói với ông mọi sự, kể từng chi tiết, một cách ngay thật.

Nghe xong ông bảo:

Hãy tạ ơn Thiên Chúa rằng khát vọng việc cầu nguyện này và sự trôi chảy của nó đã được biểu thị trong con. Nó là hậu quả xảy ra tự nhiên đi theo sau những nỗ lực liên tục và thành tựu tâm linh. Cũng như chiếc máy với tay lái mà chúng ta đã định hướng cho nó, máy sẽ tự nó hoạt động kéo dài trong một thời gian. Nhưng nếu muốn máy tiếp tục hoạt động lâu hơn thì ta phải tra thêm dầu mỡ và cho thêm định hướng lái. Lúc này con đã thấy những ơn sủng cao trọng mà Thiên Chúa, trong tình Ngài yêu thương loài người, đã ban cho con người ngay cả trong bản tính thể xác của nó. Con đã thấy, như bản thân con đang nếm trải, rằng một linh hồn tội lỗi và mê đắm miệt mài cho dù có vẻ như đang ở bên ngoài trạng ơn sủng vẫn có thể phát sinh ra những cảm xúc nào.

Tuyệt vời thay, đẹp ý thay và ủi an thay cho con người khi Thiên Chúa vui lòng ban cho nó một tặng phẩm là sự cầu nguyện tự động đó, để rửa sạch linh hồn khỏi toàn bộ những ham muốn xác thịt! Nó là một trạng thái không nói nên lời và việc khám phá tính chất bí nhiệm của sự cầu nguyện đó là một nếm trải trước hạnh phúc thiên đàng trong khi ta còn ở chốn trần thế này. Niềm hạnh phúc đó được dành cho người nào tìm kiếm Thiên Chúa trong sự mộc mạc của một tâm hồn đầy yêu thương.

Lúc này, ta cho phép con cầu nguyện hết mức thường xuyên nhất theo ý con muốn và lên tới con số nhiều nhất mà con có thể. Con hãy cố gắng dành hết mọi lúc tỉnh thức của mình để cầu nguyện, tiếp tục cầu khẩn Đức Giêsu mà không đếm số lần, và tự mình khiêm tốn vâng phục thánh ý Thiên Chúa, tìm kiếm Ngài để được giúp đỡ. Ta chắc chắn rằng Ngài không bỏ rơi con và Ngài sẽ dẫn con đi đúng đường.

Theo lối hướng dẫn ấy, con trải qua trọn mùa hè không ngừng cầu nguyện thành lời Đức Giêsu Kitô và con cảm thấy tâm hồn mình bình an cực độ. Trong khi ngủ, con thường mơ thấy mình đang thốt lời cầu nguyện ấy. Suốt ngày, nếu tình cờ gặp người khác, thì hết thấy mọi người, không loại trừ một ai, đối với con đều hết sức thân thiện như họ là người bà con ruột thịt gần gũi nhất của mình. Nhưng bản thân con không để ý nhiều tới họ. Tất cả những ý nghĩ của con đều hoàn toàn êm đềm, hoà điệu với cung giọng của lời cầu nguyện. Ngoài lời cầu nguyện ấy ra, con không suy nghĩ tới điều gì khác. Tâm trí con vươn ra nghe ngóng lời cầu nguyện ấy, thỉnh thoảng con cảm thấy tâm hồn mình ấm áp và khoan khoái. Nếu con có dịp tới nhà thờ thì đối với con, buổi phụng vụ lâu lắc của tu viện dường như ngán lại và không còn làm con mỗi mệt như trước đây. Túp lều tranh cô độc của con giống như thể một dinh thự tráng lệ. Con không biết làm sao tạ ơn Thiên Chúa vì đã gọi đến cho con là kẻ tội lỗi lạc loài, một người hướng dẫn và là một tôn sư sinh ích như thế.

Nhưng con không vui hưởng được lâu sự dạy bảo của tôn sư yêu quý, đáng tràn đầy sự khôn ngoan thiêng liêng ấy. Ông tạ thế cuối mùa hè đó. Khóc sụt mướt, con chào vĩnh biệt và tạ ơn ông vì lời giảng dạy thân thương như một người cha mà ông đã ban bố cho kẻ khốn khổ vô phước là con. Và

con xin cho mình tiếp nhận tròng hạt của ông, mà với nó, khi còn sống ông đã đọc lời cầu nguyện ấy, để con giữ như một ơn phước và một vật kỷ niệm.

Như thế, con bị bỏ lại một mình. Đã tới lúc mùa hè chấm dứt và rau đã hết. Con chẳng còn chỗ nào để ở. Người nông dân tiễn con đi, cho con hai đồng rúp như để trả công và dòn vào ba lô con đầy bánh mì khô cho cuộc lữ hành sắp tới. Con lại lên đường tiếp tục lang thang. Nhưng lúc này, con không còn đi quờ quạng như trước vì lòng con đang chan chứa tình thân. Việc gọi tên Đức Giêsu Kitô làm hân hoan con đường con đi. Đối với con, mọi người đều đáng yêu, hình như ai cũng thương mến con.

Rồi con chợt tự hỏi rằng mình nên làm gì với số tiền kiếm được nhờ việc trông coi vườn rau. Làm sao mình dùng nó tốt nhất đây? Khoan đã! Mình không còn vị tôn sư ấy, mình không còn ai tiếp tục dạy bảo cho. Tại sao mình không mua một cuốn Philôkalia rồi tiếp tục học thêm trong sách ấy về sự cầu nguyện liên tục và tâm linh?

Con làm dấu thánh giá, lên đường với lời cầu nguyện Đức Giêsu Kitô. Tới một thị trấn lớn, con vào tất cả các nhà sách, lùng tìm cuốn Philôkalia. Sau cùng con tìm ra nó nhưng người ta đòi con tới ba đồng trong khi con chỉ có hai. Con mặc cả hồi lâu nhưng người chủ tiệm sách không chịu bớt một xu. Cuối cùng, ông bảo con:

- Anh hãy tới nhà thờ gần đây và nói với người quản lý tài sản hội thánh. Ông ấy có một cuốn như vậy, mà là bản rất cũ. Có thể ông ấy sẽ để lại cho anh với giá hai đồng.

Con đi liền và quả thật con tìm thấy. Với hai đồng con mua được một cuốn Philôkalia, bản in đã cũ, sờn rách. Mãn nguyện với nó, con ra sức sửa sang cuốn sách, bọc nó bằng một miếng vải, đút nó vô túi áo trên ngực mình, chung một chỗ với cuốn Kinh Thánh.

Đó là cách lúc này con đi đây đi đó, và không ngừng lặp lui lặp tới lời cầu nguyện Đức Giêsu, mà đối với con, lời cầu nguyện ấy quý báu, dịu ngọt hơn hết thảy mọi sự trên đời.

Thỉnh thoảng con đi được sáu mươi tám hoặc bảy mươi cây số một ngày và không chút nào cảm thấy mình đang mệt mỏi. Con chỉ nhận biết một thực tế duy nhất là con đang nói lời cầu nguyện ấy của mình. Khi giá lạnh làm nhức buốt da thịt, con lên tiếng nói lời cầu nguyện ấy sôi nổi hơn và khắp người con ấm lại liền. Khi cơn đói bắt đầu làm con khuyu xuống, con lên tiếng gọi thiết tha hơn trong tâm trí mình tên Đức Giêsu và con quên ngay sự thèm muốn có cái ăn của mình. Khi con ngã bệnh vì phong thấp ở lưng và chân, con tập trung ý nghĩ của mình vào lời cầu nguyện ấy và không để ý tới cơn đau.

Nếu có người nào đó làm thương tổn con, con chỉ việc nghĩ rằng "Lời cầu nguyện Đức Giêsu ngọt ngào biết bao!" thì vết thương lòng cũng như cơn giận của con bỏ đi luôn và con không còn nhớ tới chúng nữa. Con trở thành người như nửa mê nửa tỉnh. Con không lo lắng, chẳng nghĩ về lợi lộc. Con không để mắt tới công chuyện ồn ào của thế gian. Điều duy nhất con ao ước là được ở một mình. Điều thích hợp nhất với con là cầu nguyện, cầu nguyện không ngừng, và trong khi cầu nguyện, lòng con chan chứa niềm vui. Thiên Chúa hiểu điều đang xảy ra cho con!

Dĩ nhiên tất cả những sự ấy thì có tính cách cảm giác, hoặc nói như tôn sư quá cố của con rằng đó một trạng thái nhân tạo tiếp diễn theo nhau một cách tự nhiên và trở thành thường lệ. Nhưng vì sự bất xứng và đần độn của mình, con chưa dám liều lĩnh tiếp tục tiến xa hơn, để học tập và lập thành sự cầu nguyện tâm linh cho riêng mình ở bên trong những chôn sâu thẳm của tâm hồn mình. Con chờ giờ



của Thiên Chúa. Và trong thời gian chờ đợi, con để niềm hy vọng của mình nghỉ an trên lời cầu nguyện ấy mà vị tôn sư đã chỉ dạy. Tuy thế, dù chưa với tới sự cầu nguyện không ngừng và có tính cách tâm linh - cái tự nó thao tác trong tâm hồn mình - con vẫn cảm tạ Thiên Chúa rằng lúc này con am hiểu ý nghĩa của câu mà con đã nghe trong thư Thánh Tông đồ: "Hãy cầu nguyện không ngừng."



## CHƯƠNG HAI

Trong một thời gian dài, con lang thang từ tỉnh này sang tỉnh khác, lấy lời cầu nguyện Đức Giêsu làm bạn đồng hành. Lời cầu nguyện ấy an ủi con, làm con cảm thấy hào hứng trên khắp mọi nẻo đường, trong mọi cuộc gặp gỡ với đồng loại và trong mọi biến cố xảy ra trên đường đi.

Nhưng rồi sau cùng, con cảm thấy tốt hơn là mình nên ở lại một chỗ nào đó, để được thường xuyên cô đơn hơn, giúp mình có thể sống yên ổn mà học tập sách Philôkalia. Dù hễ lúc nào tìm được chỗ trú ngụ ban đêm hoặc chỗ nghỉ ngơi ban ngày là con đọc sách ấy liền, con vẫn hết lòng ao ước càng lúc càng được đi sâu thêm vào sách đó, với đức tin và lời cầu nguyện chân thành, để từ những trang sách đó, con học tập được lời dạy bảo chân chính nhằm cứu rỗi linh hồn mình.

Thế nhưng, dù có ao ước tới mấy đi nữa, con cũng không thể tìm đâu ra việc làm để mình có được nơi ăn chỗ ở cố định vì từ lúc còn nhỏ, con đã không thể làm lụng với cánh tay trái tật nguyền của mình. Thấy rõ lý do mình không thể nào ở yên được một chỗ, con quyết định đi Tây bá lợi á, tới mộ Thánh Innôcentê tại Irkutsk. Con có cảm tưởng rằng trong các khu rừng và trên những sườn đồi của Tây bá lợi á, mình sẽ được yên ổn bước đi hơn, và vì thế đó sẽ là cách tốt lành hơn để cầu nguyện và đọc sách. Và trong khi đi như vậy, lúc nào con cũng cảm thấy rằng chắc chắn mình sẽ thoát lên lời cầu nguyện Đức Giêsu mà không bị gián đoạn.

Sau một thời gian ngắn, con có cảm giác như thể lời cầu nguyện ấy, bằng thao tác của chính nó, nó tự chuyển từ môi con vào tim con. Nói cách khác, như thể với nhịp đập bình thường, tim con bắt đầu thoát lên lời cầu nguyện đó theo từng nhịp một. Thí dụ, một: 'Chúa', hai: 'Giêsu', ba: 'Kitô', và vân vân. Con không nói lời cầu nguyện ấy bằng môi mình nữa. Con chỉ có việc cẩn thận lắng nghe điều con tim mình đang nói. Dường như mắt con đang nhìn thẳng xuống trái tim mình, và con chú tâm vào những lời của tôn sư quá cố khi ông nói với con về nỗi hân hoan này. Rồi con cảm thấy như có cái gì nhoi nhoi trong trái tim và trong ý nghĩ của mình về một tình yêu Đức Giêsu quá dồi dào tới độ con tự hình dung nếu như có thể gặp Ngài, con sẽ gieo mình xuống dưới đôi chân Ngài, ghì chặt lấy chúng, không để chúng rời xa, hôn dịu dàng lên chúng, và chan chứa nước mắt cảm tạ Ngài vì tình yêu và ơn sủng của Ngài đã ban phép cho con - một tạo vật của Ngài, một tạo vật bất xứng và tội lỗi - tìm được nguồn an ủi cực độ trong Thánh Danh Ngài!

Tim con lại thêm chan chứa cảm giác nồng ấm đầy ơn huệ lan toả khắp lòng ngực. Sự nồng ấm ấy làm con càng ngày càng đọc cặn kẽ hơn cuốn Philôkalia để kiểm tra các cảm xúc của mình và làm con xem xét tỉ mỉ hơn việc cầu nguyện thâm kín trong tâm hồn. Vì nếu không tra xét như thế, con e



rằng mình đang sa ngã, mình chỉ là nạn nhân mê muội vào nó, hoặc sợ mình lấy những phản ứng tự nhiên làm hiệu quả của ơn sủng và sợ mình sinh lòng kiêu ngạo vì đã nhanh chóng học được sự cầu nguyện đó. Chính từ tôn sư quá cố mà con nghe nói tới những nguy cơ ấy.

Vì lý do đó, con quyết định đi bộ nhiều hơn vào ban đêm, còn ban ngày thì ngồi dưới gốc cây trong rừng đọc cuốn Philôkalia. A, thật là khôn ngoan, trước đây mình chưa biết làm như vậy, nay nhờ đọc sách ấy mà biết! Buông bỏ bản thân cho việc đọc sách, con cảm thấy mình mãn nguyện chưa bao giờ tưởng tượng nổi. Nói thật thì trong sách có nhiều chỗ vượt quá tầm hiểu biết của tâm trí đần độn của con. Nhưng lời cầu nguyện trong tâm hồn con mang theo với nó sự soi sáng những chỗ con không hiểu. Cũng có một đôi lần con nằm mơ thấy tôn sư quá cố và ông soi sáng cho con nhiều điều, và quan trọng hơn cả, những điều ấy chỉ dẫn cho linh hồn u mê của con ngày càng hướng tới khiêm nhường.

Con trải qua hơn hai tháng mùa hè trong trạng thái hạnh phúc ấy. Hầu hết cuộc hành trình, con đi theo đường mòn trong rừng. Đến làng nào con cũng chỉ xin một bọc bánh mì khô và một nắm muối. Con đổ nước đầy chiếc bình làm bằng da thuộc của mình và đi tiếp khoảng một trăm cây số khác.

Tới cuối mùa hè, thử thách bắt đầu tấn công con, có lẽ đó như là kết quả của tội lỗi trên linh hồn rách rưới của con hoặc như là điều gì đó cần thiết cho cuộc sống tâm linh hoặc cũng có thể, như là một cách tốt để dạy dỗ con và ban cho con kinh nghiệm. Điển hình là trường hợp cụ thể sau đây.

Ngày nọ, lúc trời chạng vạng, con vừa đặt chân ra đường cái thì có hai người trọc đầu trông giống như hai người lính. Họ tới gần con, đòi tiền. Khi nghe con nói con chẳng có một xu dính túi, họ không tin và bậm trợn la lên rằng:

- Mày nói dối, người hành hương nào mà chẳng kiếm được rất nhiều tiền.

Còn người kia thì nói:

- Cãi nhau với nó thì ích lợi gì chứ!

Rồi vung chiếc dùi cui bằng gỗ sồi quật vô đầu con một cú như trời giáng làm con gục xuống mê man.

Con không biết mình ngất xỉu trong bao lâu nhưng khi tỉnh lại, con thấy mình nằm trong rừng bên đường cái, bị cướp sạch. Ba lô biến mất; chỉ còn lại dây đeo ba lô mà họ cắt đứt ngang. Tạ ơn Thiên Chúa, họ không ăn cắp giấy thông hành mà con lúc nào cũng nhét nó trong mũ để có thể lấy ra trình ngay khi có ai hỏi. Con ngồi dậy khóc râm rứt, không hẳn vì đau nhức trên đầu mà vì bị mất sách - Kinh Thánh và Philôkalia - cả hai cuốn đều ở trong ba lô bị ăn cắp.

Suốt ngày suốt đêm, con khóc lóc rên rỉ không ngừng. Đâu rồi cuốn Kinh Thánh con luôn luôn mang theo mình từ lúc con còn trẻ và lúc nào con cũng đọc nó? Đâu rồi cuốn Philôkalia của con, cuốn mà qua đó con thu lượm được vô số lời chỉ bảo và an ủi? Ôi con vô phước biết bao, đã để mất kho báu đầu tiên và sau cùng của mình trước khi lòng mình tràn đầy châu báu! Thà mình bị giết quách đi còn hơn sống mà không có của ăn tinh thần. Vì lúc này, con không làm sao có khả năng kiếm nổi hai cuốn khác thay vào.

Suốt hai ngày, con lê lét hai chân đi dọc theo đường cái, tâm thần bị nghiền nát dưới sức nặng của xui rủi. Tới ngày thứ ba, con hoàn toàn kiệt sức, chúi đầu vô một bụi cây gục xuống ngủ. Và rồi

con nằm mơ. Con thấy mình về lại căn buồng của tôn sư trong đan viện, than vãn với ông việc mất mát của mình. Vị lão trưởng ấy ra sức an ủi con. Ông bảo rằng:

- Hãy để việc đó dạy cho con bài học rằng đừng ràng buộc mình vào những gì thuộc về thế gian, để con nâng lòng mình lên cao hơn tới Thiên Chúa. Việc đó được để xảy ra cho con là để cứu con khỏi mê đắm trong trạng thái chỉ biết khoái lạc với những gì có tính cách tâm linh. Thiên Chúa muốn Kitô hữu tuyệt đối từ bỏ hết thảy mọi thềm khát, khoái lạc, ràng buộc của mình và hoàn toàn qui thuận bản thân cho ý muốn của Ngài. Ngài an bài từng biến cố để giúp đỡ và cứu rỗi con người, "Ngài muốn mọi người đều được cứu rỗi." Như vậy, con hãy can đảm và tin rằng Thiên Chúa "cùng với thử thách sẽ đưa ra lối thoát" (1 Côrintô. 10:13). Chẳng bao lâu nữa con sẽ được hoan hỉ gấp mấy lần sự đau khổ của con lúc này.

Lời đó vừa nói xong thì đúng lúc con thức dậy, cảm thấy mạnh khoẻ trở lại và linh hồn mình tràn ngập ánh sáng và bình an. Con thốt lên:

- Con xin vâng theo thánh ý Thiên Chúa.

Con làm dấu thánh giá, đứng dậy, tiếp tục lên đường. Lời cầu nguyện Đức Giêsu lại bắt đầu sống động trong tâm hồn con như trước đây, và ba ngày liền con bước đi liên tục trong bình an.

Thình lình con gặp một đoàn tù đang bị lính áp giải. Khi tới gần họ, con nhận ra hai người đã trấn lột con. Họ ở bên rìa đội hình, và nhờ vậy, con sắp mình dưới chân họ, van xin nài nỉ họ cho con biết là họ đã đối xử ra sao với hai cuốn sách của con. Đầu tiên, họ không thèm để ý tới con, nhưng cuối cùng một trong hai người nói:

- Nếu mày đưa cho chúng ta cái gì đó, ta sẽ nói cho mày biết mấy cuốn sách ở đâu. Đưa ta một đồng.

Con thề với họ là nếu con mà có được một đồng của ai cho thì vì tình yêu Thiên Chúa, chắc chắn con sẽ đưa cho họ. Và để bảo đảm lời hứa của mình, con nói nếu họ muốn thì con sẵn sàng đưa cho họ giấy thông hành của con. Lúc đó, họ nói là hai cuốn sách của con đang nằm trong mấy chiếc xe ngựa đi theo đoàn tù, chung với các đồ ăn cấp mà người ta bắt được. Con hỏi:

- Làm thế nào tôi lấy được sách?

Một người lính trả lời:

- Hỏi ông sĩ quan áp tải chúng ta.

Con chạy tới viên sĩ quan, kể với ông đầu đuôi câu chuyện.

Ông hỏi con:

- Có thật anh đọc được sách Kinh Thánh?

Con trả lời:

- Thật, không những tôi biết đọc mà còn biết viết. Ông sẽ thấy trong cuốn Kinh Thánh đó có chữ ký tên tôi, chứng minh nó là của tôi, và đây là giấy thông hành xác nhận cùng một họ và tên ghi trong sách đó.

Lúc ấy, ông kể cho con nghe rằng hai tên côn đồ ăn cướp con là lính đào ngũ sống trong một túp lều bằng đất trong rừng. Chúng đã trấn lột nhiều người nhưng hôm qua, khi chúng sắp sửa đánh cướp chiếc xe tam mã thì bị người phu xe lanh trí tóm được. Ông nói thêm:

- Được rồi. Nếu hai cuốn sách có ở đó thì tôi sẽ đưa lại cho anh, nhưng anh phải đi với chúng tôi tới trạm dừng chân ban đêm; chỉ cách đây hơn ba cây số thôi. Để cho tôi không cần phải chỉ vì anh mà dừng toàn bộ đoàn người và các xe ngựa lại.

Con vui mừng đồng ý, và khi đi theo bên ngựa của ông, chúng con bắt đầu trò chuyện.

Con thấy ông là người đồng hành tuy lớn tuổi nhưng dễ mến và thật thà. Ông hỏi con là ai, từ đâu đến và đi đâu. Con trả lời mọi câu hỏi, không giấu giếm chút gì, và cứ như vậy, chúng con tới một nhà trạm đánh dấu kết thúc chặng hành trình trong một ngày. Khi đó ông nói:

- Đêm tới rồi, anh đi đâu bây giờ? Anh hãy ở lại đây, ngủ nơi phòng ngoài của tôi.

Vậy con ở lại.

Lúc này, con có lại hai cuốn sách của mình. Con vui mừng quá không biết làm thế nào tạ ơn Thiên Chúa. Con siết chặt sách vào ngực và ôm ghì chúng lâu tới nỗi tay con hoàn toàn tê dại. Viên sĩ quan chăm chú nhìn con và nói:

- Chắc là anh thích đọc Kinh Thánh ghê lắm.

Con có nghe nhưng vui quá tới nỗi không trả lời ông được, con chỉ biết khóc. Rồi ông tiếp tục nói:

- Người anh em ạ, tôi cũng thường đọc Tin Mừng mỗi ngày.

Ông đưa ra một ấn bản nhỏ cuốn Tin Mừng in ở Kiev và bọc bằng bạc, rồi nói:

-Ngồi xuống đây, tôi sẽ kể cho anh nghe câu chuyện xảy ra như thế nào.

Trước khi kể, ông nói lớn:

- Mà này chúng ta ăn chút gì đã.

Chúng con đứng dậy bước tới bàn ăn, và viên sĩ quan bắt đầu câu chuyện của ông như sau:

Từ thuở thanh niên tôi là lính tác chiến và không ở trong đơn vị đóng đồn nào. Tôi nắm vững công tác của mình. Cấp trên thích tôi vì tôi là một thiếu úy làm tròn trách vụ. Tuy thế, lúc ấy tôi trẻ quá, và các bạn tôi cũng vậy. Có điều bất hạnh là tôi uống rượu. Lúc nào tôi cũng ham nhậu. Hễ xa được rượu thì tôi là một sĩ quan tốt nhưng nếu tôi chịu thua nó thì trong sáu tuần lễ liên tiếp, tôi chẳng làm được việc gì ra hồn. Rượu chè đeo riết tôi suốt một thời gian dài. Kết cuộc của nó là trong một lần say rượu, tôi hết sức hỗn láo với vị sĩ quan chỉ huy của mình. Tôi bị lột chức và bị đày tới một đơn vị đóng đồn, làm binh nhì trong ba năm. Người ta còn dọa là sẽ phạt tôi nặng hơn nữa nếu tôi không chừa rượu và sửa đổi lối sống của mình. Trong hoàn cảnh công tác khôn khổ như thế, dù cố hết sức tôi cũng không phục hồi được khả năng tự kiểm soát và tự chữa trị. Tôi thấy mình không làm sao bỏ được tật nghiện rượu, và người ta quyết định gởi tôi tới một đơn vị kỷ luật để làm lao công. Được thông báo lệnh đó, tôi sàu thăm tuyệt vọng, không biết phải làm sao hoặc nói ra sao. Lúc ấy, tôi đang ở trong trại lính, đầu óc tràn ngập các ý tưởng tan nát thì có một tu sĩ tới. Ông đi lạc quyền khắp doanh trại cho giáo hội. Chúng tôi đều cho ông những gì có thể cho được.

Ông tới gần tôi, hỏi tại sao tôi khổ sở như vậy. Tôi nói chuyện với ông và kể ông nghe những phiền muộn của mình. Ông thông cảm tôi và nói:

- Chú em ruột của ta cũng từng gặp chuyện giống y của con, và con có biết cái gì đã giúp đỡ nó không? Cha linh hướng của nó cho nó cuốn Tin Mừng với chỉ thị nghiêm khắc là hễ lúc nào cảm thấy mình đuối trong cơn thèm rượu thì không được chậm trễ, hãy đọc ngay lập tức một chương và đọc liền một mạch. Nếu còn tiếp tục cơn thèm rượu thì đọc chương thứ hai, và đọc tiếp. Chú em của ta làm theo chỉ thị đó, cuối cùng, trong một thời gian ngắn, nó dứt hẳn được rượu chè. Con hãy làm như vậy và con sẽ thấy nó hữu ích cho con như thế nào. Ta có một cuốn Tin Mừng, và con phải chấp nhận cho ta đem sách ấy tới cho con.

Lắng nghe ông xong tôi nói:

- Làm sao cuốn Tin Mừng của thầy giúp nổi con trong khi tất cả những cố gắng của chính con và những thuốc thang chữa trị đều không làm cho con bỏ được rượu?

Tôi nói theo lối đó vì tôi chưa bao giờ có thói quen đọc Tin Mừng. Vị tu sĩ trả lời:

- Con đừng nói như vậy, ta chắc chắn nó sẽ có ích cho con.

Nói ra sao thì làm như vậy, hôm sau ông mang tới cho tôi cuốn Tin Mừng này. Tôi mở sách ra, liếc sơ qua một cái rồi nói:

- Con không thể nhận cuốn sách này được. Con không quen với tiếng Slave mà Giáo hội Nga dùng và con không hiểu rõ tiếng đó. Vị tu sĩ không nghe mà còn tiếp tục cam đoan với tôi rằng ở ngay trong mỗi chữ của sách Tin Mừng đã có sẵn sức mạnh đầy ơn sủng, vì những chữ đó ghi lại những gì Thiên Chúa đích thân nói ra. Ông nói tiếp:

- Nếu ban đầu con không hiểu cũng không sao cả, con hãy cứ tiếp tục siêng năng đọc. Có một vị tu sĩ đã nói rằng: 'Nếu bạn không hiểu Lời của Thiên Chúa thì ma quỷ hiểu những điều bạn đang đọc và chúng đang run rẩy.' Và chuyện rượu chè của con thì đó chắc chắn là việc của ma quỷ. Đây này, ta sẽ nói cho con nghe một điều nữa. Thánh Gioan Kim khẩu viết rằng: "Ngay cả trong một căn phòng mà có cuốn Tin Mừng thì cũng giữ cho ma quỷ hắc ám không tới gần được và căn phòng đó trở thành một chôn chiến trường mà các mưu ma chước quỷ đều thất bại."

Tôi quên mình đã tặng vị tu sĩ đó những thứ gì, nhưng tôi mua cuốn Tin Mừng của ông rồi để hoài để mãi nó trong rương chung với các đồ vật khác và quên lửng nó.

Khoảng một thời gian sau, chứng nghiện rượu lại hành hạ tôi. Trong cơn thèm rượu không cưỡng nổi đó, tôi lật đật mở rương lấy ít tiền để lao tới tiệm rượu. Nhưng khi mở rương ra, vật đầu tiên đập vào mắt tôi là cuốn Tin Mừng, và tất cả những lời nói của vị tu sĩ ấy trở về trong tâm trí tôi một cách sống động. Tôi mở sách, bắt đầu đọc chương thứ nhất theo thánh Mátthêu. Tôi tiếp tục đọc hết chương mà không hiểu lấy một chữ. Tôi vẫn nhớ lời vị tu sĩ nói rằng: 'Không quan trọng việc con hiểu hay không hiểu, con hãy cứ tiếp tục siêng năng đọc.' Tôi tự nhủ: 'Vậy thì mình phải đọc hết chương thứ hai'.

Tôi lại đọc và bắt đầu hiểu được đôi chút. Cứ thế, tôi tiếp tục đọc qua chương thứ ba, và kể đó, keng trong đồn bắt đầu đánh báo hiệu mọi người phải đi ngủ, không ai được phép ra ngoài, và tôi phải ở lại trong đồn.

Sáng mai vừa thức dậy, đang tính chuyện ra ngoài mua ít rượu thì đột nhiên tôi nghĩ rằng nếu như mình đọc thêm một chương nữa thì kết quả của nó sẽ ra sao nhỉ? Tôi đọc sách và không đi tới tiệm rượu. Rồi tôi lại nổi cơn thèm rượu và rồi tôi lại đọc một chương nữa. Tôi cảm thấy lòng mình thư thái tới một mức nào đó. Trạng thái ấy khích lệ tôi. Rồi kể từ lúc đó trở đi, hễ bao giờ cảm thấy thèm rượu thì lúc đó tôi lại đọc một chương sách Tin Mừng. Thêm một điều nữa là, thời gian trôi qua, tình trạng của tôi càng ngày càng khá hẳn lên. Cho tới khi tôi đọc xong bốn cuốn Tin Mừng thì chuyện rượu chè của tôi hoàn toàn chỉ còn là chuyện quá khứ, tôi chẳng thấy thèm thường chút nào mà lại còn gớm ghiếc rượu nữa. Tính ra từ đó tới hôm nay, trong suốt hai mươi năm, tôi không uống một giọt rượu nào.

Mọi người ngạc nhiên về sự thay đổi xảy ra bên trong con người tôi. Khoảng ba năm sau đó, tôi được phục chức. Theo dòng thời gian, tôi thăng bậc và cuối cùng lên cấp tá. Tôi lập gia đình, được ban ơn có một người vợ tốt. Cả hai chúng tôi cùng nhau xây dựng một nhân sinh quan chung, và như thế, tạ ơn Thiên Chúa, chúng tôi tiếp tục sống cuộc đời của mình. Chúng tôi giúp đỡ người nghèo và tiếp đãi người hành hương trong chừng mực có thể được của mình. Hiện nay tôi có đứa con cũng sĩ quan, bậc chuẩn úy.

"Và xin anh để ý cho điều này - từ lúc chừa được rượu chè, tôi sống với lời thề suốt đời mình ngày nào tôi cũng đọc một cuốn Tin Mừng. Cứ hai mươi bốn giờ là phải xong một cuốn, và tôi không để bất cứ cái gì ngăn không cho mình làm chuyện đó. Tôi giữ lời thề ấy một cách nghiêm ngặt. Nếu bị căng thẳng quá mức vì công việc hoặc cảm thấy trong người thỉnh thoảng không được khỏe, tôi nằm nghỉ; và để không vi phạm luật lệ của mình, tôi yêu cầu vợ tôi hoặc con trai tôi đọc hết một trong bốn cuốn Tin Mừng cho tôi nghe. Như để cảm tạ và vinh danh Thiên Chúa, tôi bọc bạc rỗng sách Tin Mừng này, và bao giờ tôi cũng để sách trong túi áo trước ngực mình."

Con lắng nghe câu chuyện của ông mà lòng hết sức vui sướng. Con kể với ông:

- Tôi cũng có biết sơ qua một trường hợp giống i như thế. Tại cơ xưởng trong làng chúng tôi có một người thợ thủ công tay nghề rất giỏi và là một bạn đồng nghiệp tử tế tốt bụng. Thế nhưng vô phúc là anh cũng uống rượu, nhậu thường xuyên. Có một người kính sợ Thiên Chúa khuyên anh hễ lúc nào bị cơn thèm rượu hành thì hãy lập đi lập lại ba mươi ba lần lời cầu nguyện Đức Giêsu để tỏ lòng tôn kính Ba Ngôi Chí Thánh và để tưởng nhớ ba mươi ba năm sống nơi trần thế của Đức Giêsu Kitô. Anh chấp nhận lời khuyên đó và bắt đầu thực hiện. Chẳng bao lâu, anh chừa hẳn được rượu. Rồi thêm điều này nữa, ba năm sau anh đi tu.

Nghe như vậy, ông liền hỏi:

- Vậy thì cái gì tốt nhất, lời cầu nguyện Đức Giêsu tốt nhất hay sách Tin Mừng tốt nhất?

Con trả lời:

- Cả hai cũng chỉ là một và cũng giống nhau thôi. Tin Mừng và lời cầu nguyện Đức Giêsu cũng chỉ là để cho Thánh Danh Đức Giêsu Kitô chứa đựng trong chính tên ấy toàn bộ chân lý Tin Mừng. Các Giáo phụ thánh thiện nói rằng: "Lời cầu nguyện Đức Giêsu là câu tóm tắt sách Tin Mừng."

Sau khi trò chuyện xong, chúng con đọc kinh theo cách của mỗi người. Viên thiếu tá khởi sự đọc câu đầu tiên của cuốn Tin Mừng theo thánh Máccô, con lắng nghe và thì thầm lời cầu nguyện Đức Giêsu trong tâm hồn mình. Tới hai giờ khuya, ông đọc đến câu cuối cuốn Tin Mừng đó, chúng con rời nhau, đi ngủ.



Sáng ra con dậy sớm như thường lệ. Mọi người còn ngủ. Ngay lúc mới rạng sáng, con hăm hở chụp cuốn Philôkalia thân yêu của mình. Và chao ôi, con vui sướng mở sách ra! Con như thể thấy thấp thoáng hình bóng cha ruột mình hiện về từ một chốn xa xăm, hoặc của một người bạn chỗi dậy từ cõi chết. Con hôn lên sách, cảm tạ Thiên Chúa đã cho nó trở về với con. Con lập tức bắt đầu đọc đức Thêlôép thành Philađenphia trong phần hai cuốn sách. Lời dạy của ông khiến con sửng sốt khi ông bảo rằng ta, con người của ta, trong cùng một lúc nên làm ba việc hoàn toàn khác nhau. Ông nói:

- Ngồi nơi bàn ăn mà vừa đưa thức ăn vô thân thể mình, vừa tai nghe đọc sách và vừa tâm trí cầu nguyện.

Con kinh ngạc nhưng nhớ lại buổi tối rất hạnh phúc vừa qua đã quả thật cho con, bằng kinh nghiệm của chính mình, hiểu ý nghĩa của tư tưởng đó. Và ở đây cũng vén lộ cho con thấy cái bí nhiệm là tâm trí và tâm hồn tuy không là một nhưng lại cũng là một.

Khi viên thiếu tá vừa thức dậy, con tới cảm ơn ông đã có lòng thương mến con, và chào từ giã. Ông cho con trà với một đồng và nói lời đưa tiễn. Con lại lên đường, lòng cảm thấy phấn khởi. Đi được gần một cây số, con chợt nhớ ra mình có hứa đưa cho hai người lính một đồng, và lúc này, một đồng đã đến với con theo cách hoàn toàn không ngờ. Con tự hỏi không biết mình có nên đưa cho họ hay không?

Mới đầu con nghĩ rằng họ đã đánh đập mình, họ đã trấn lột mình, và thêm nữa, đối với họ thì dù sao cũng không dùng được tiền này vì họ đang bị bắt. Nhưng sau đó, một ý tưởng khác tới với con. Mình hãy nhớ lại trong Kinh Thánh có viết rằng: "Nếu kẻ thù của anh chị em đói, hãy cho chúng ăn," và chính Đức Giêsu Kitô cũng đã nói rằng: "Hãy yêu kẻ thù của anh chị em," và "Nếu có kẻ thù nào lấy áo ngoài của anh chị em thì hãy để nó có luôn áo trong của anh chị em." Những lời ấy đã quyết định dùm cho con. Con quay lại. Vừa lúc con đến nhà trạm thì tất cả phạm nhân đang ra ngoài để bắt đầu một chặng hành trình mới. Con vội vàng bước tới hai người lính, đưa họ đồng rúp của mình và nói:

- Các anh hãy ăn năn và cầu nguyện! Đức Giêsu Kitô yêu thương loài người, ngài sẽ không bỏ rơi các anh đâu.

Với cử chỉ đó, con từ giã họ và tiếp tục con đường của mình.

Sau khi đi được chừng năm mươi cây số dọc theo đường cái, con nghĩ mình nên đi theo đường mòn để được cô đơn hơn và được yên tĩnh đọc sách hơn. Suốt một quãng thời gian dài, con đi trong rừng và hiếm khi vào làng nào. Thỉnh thoảng, con ngồi gần như suốt ngày dưới tàng cây đọc tỉ mỉ cuốn Philôkalia, và con kinh ngạc vì số lượng hiểu biết mà mình thu lượm được từ sách đó. Tâm hồn con rục rịch khát vọng hiệp nhất với Thiên Chúa bằng lời cầu nguyện trong lòng, và con tha thiết học hỏi việc cầu nguyện ấy dưới sự hướng dẫn và tra xét của sách đó. Đồng thời con cảm thấy mình chẳng có một chỗ trú ngụ để lúc nào cũng được tĩnh lặng, miệt mài đọc sách.

Trong thời gian này, con vẫn đọc Kinh Thánh và cảm thấy mình bắt đầu hiểu Kinh Thánh rõ ràng hơn trước. Trước đây, trong Kinh Thánh có nhiều điểm con hiểu không ra và con thường là miếng mồi ngon cho lòng ngờ vực. Các Giáo phụ thánh thiện có lý khi nói rằng cuốn Philôkalia là chìa khóa mở những bí nhiệm của Kinh Thánh. Với sự giúp đỡ được cung cấp từ sách Philôkalia, con bắt đầu hiểu, tới một mức độ nào đó, những ý nghĩa sâu kín của Lời Thiên Chúa. Con bắt đầu nhận ra ý nghĩa của những lời như: "Con người bí nhiệm bên trong tâm hồn"; "Cầu nguyện chân chính thờ

phượng trong tâm linh"; "Nước Thiên Chúa thì ở trong lòng chúng ta"; "Sự can thiệp của Thần Khí Thánh Linh với những thì thầm không thể nói thành lời"; "Hãy ở trong Ta"; "Hãy cho Ta con tim của người"; "Hãy mặc lấy Đức Kitô"; "Sự hứa hôn của Thánh Linh với con tim của chúng ta"; tiếng kêu từ những chốn sâu thẳm của linh hồn, "Abba, Cha ơi!"; và vân vân. Và khi con cầu nguyện bằng tâm hồn cùng với những điều ấy trong tâm trí mình thì vạn vật chung quanh con hân hoan và đẹp tuyệt vời. Cỏ cây, hoa lá, chim muông, mặt đất, không khí, ánh sáng, tất cả dường như nói với con rằng chúng hiện hữu vì lợi ích của con người, rằng chúng làm chứng tình yêu thương của Thiên Chúa dành cho con người, rằng mọi sự đều chứng tỏ tình yêu thương mà Thiên Chúa ban cho con người, rằng vạn vật đang cầu nguyện Thiên Chúa và hát lên lời ca tụng Ngài.

Như thế, con nhận ra được điều mà sách Philôkalia gọi là "sự am hiểu ngôn ngữ của mọi loài", và con thấy được những cách thức qua đó mình có thể xúc tiến cuộc chuyện trò với mọi sinh linh của Thiên Chúa.

Trên lộ trình ấy của mình, con đi lang thang trong một thời gian rất dài, cuối cùng tới một quận hẻo lánh đến nỗi con đi suốt ba ngày trời mà không gặp làng nào cả. Con đã dùng hết sạch bánh mì khô dự trữ và bắt đầu cảm thấy tinh thần xuống rất thấp với ý nghĩ mình có thể bị chết đói. Và con khởi sự bèn gan cầu nguyện từ những chốn sâu thẳm của tâm hồn. Mọi sợ hãi của con tan biến và con phó thác mình cho thánh ý của Thiên Chúa. Tâm trí con trở lại bình an, tinh thần con lại phấn khởi.

Khi đi xa thêm một quãng dọc theo đường mòn ven rừng, con bỗng thấy có con chó từ trong rừng phóng ra, vọt lên chạy đằng trước con. Con gọi nó và nó tới gần con tỏ vẻ hết sức thân thiện. Con mừng rỡ nghĩ rằng đây là một trường hợp nữa của lòng lành Thiên Chúa! Thế nào cũng đang có một đàn súc vật thả ăn trong rừng và chắc chắn con chó này là của người chăn bầy. Hoặc có lẽ có ai đó đang săn bắn trong vùng này. Dù gì đi nữa, ít ra mình cũng có thể xin được miếng bánh mì vì đã nhịn đói suốt hăm bốn giờ qua. Hoặc ít ra mình cũng có thể tìm được nơi gần nhất có làng.

Sau khi con chó nhảy nhót quanh con một lúc, thấy con chẳng cho gì cả, nó phóng trở lại vô rừng theo con đường mòn nhỏ mà nó vừa từ đó chạy ra. Con đi theo nó vào sâu hơn chừng vài trăm thước. Nhìn theo cây cối, con thấy con chó chạy vô một cái hố rồi ngó ra và bắt đầu sủa. Cùng lúc đó xuất hiện trong tầm mắt con là một bác nhà quê tuổi độ trung niên, gầy ốm xanh xao, từ sau một thân cây lớn bước ra. Bác hỏi con từ đâu tới; còn con, con muốn biết tại sao bác lại ở đây. Và cứ thế, chúng con bắt đầu chuyện trò thân mật.

Bác đem con vô túp lều bằng đất của bác và nói với con bác là người gác rừng, trông coi các loại cây đặc biệt mà người ta có thể đốn lấy thứ gỗ bán được. Bác dọn ra trước mặt con bánh mì và muối, rồi chúng con bắt đầu nói chuyện.

Con nói:

- Tôi hết sức ganh tị với bác. Bác được ở cô đơn một cách tuyệt vời trong chốn yên lặng này thay vì phải sống như tôi, lang thang hết nơi này nơi nọ và đụng chạm với đủ loại người.

Bác trả lời:

- Nếu anh muốn, anh cũng có thể dừng chân ở chỗ này. Lều của người gác rừng trước tôi ngay bên cạnh đây. Nó sập một nửa nhưng sống vào mùa hè thì không sao cả nếu anh có giấy thông hành. Chúng ta có rất nhiều bánh mì, còn lâu mới hết - tuần nào người làng cũng đem bánh mì ra cho tôi. Suối ở đây không bao giờ khô. Về phần tôi, người anh em thân mến ạ, từ mười năm nay tôi không

ăn gì ngoài bánh mì và chỉ uống nước sôi. Mọi việc diễn ra như thế này. Khi mùa thu tới, nông dân thôi làm đất thì sẽ có chừng hai trăm dân làng tới đây đốn loại cây mà gỗ bán được. Lúc đó tôi không còn việc gì làm, và anh cũng không được phép ở lại đây nữa.

Nghe xong những lời ấy con thấy hờ hững trong lòng, chỉ còn có nước sắp mình xuống dưới chân bác. Con không biết làm thế nào cảm tạ Thiên Chúa vì sự tốt lành như thế. Khát vọng lớn lao nhất của con đã được đáp ứng bằng một cách không chờ không đợi. Còn hơn bốn tháng nữa mới tới mùa thu; suốt thời gian đó con có thể vui hưởng sự tĩnh lặng và bình an cần thiết mà đọc cặn kẽ cuốn Philôkalia để tìm hiểu và học tập sự cầu nguyện không ngừng trong tâm hồn. Như vậy, con rất vui sướng ở lại và sống suốt bốn tháng trong túp lều mà bác gác rừng chỉ cho.

Con trò chuyện thêm nữa với người anh em chắt phác đã cho con nơi cư ngụ này. Bác kể con nghe cuộc đời và những suy nghĩ của bác. Bác nói rằng:

Tôi từng có một chỗ đứng rất vững vàng trong sinh hoạt nơi làng mình. Tôi có một xưởng thợ, tại đó tôi nhuộm vải bông thô và vải gai. Tôi sống thoải mái, đầy đủ tiện nghi dù tôi là người tội lỗi. Tôi thường lừa phỉnh người ta trong chuyện làm ăn, thề dối, hà hiếp, say rượu và cãi lộn. Trong làng tôi có một người lo việc hát thánh vịnh và đọc Sách Thánh trong nhà thờ. Ông ấy có một cuốn sách rất xưa nói về Cuộc Phán Xét Sau Cùng. Ông thường đi hết nhà này sang nhà khác, đọc ít đoạn trong sách đó, và người ta trả công cho việc ấy bằng vật này hoặc vật nọ. Ông cũng tới nhà tôi. Tôi mặc cả trả ông ba xu và một ly rượu vang để ông đọc liên tiếp suốt đêm cho tới khi gà gáy sáng.

Tôi ngồi làm việc, lắng tai nghe ông đọc về những khốn khổ đang chờ chúng ta dưới hỏa ngục. Tôi nghe chuyện người sống sẽ thay đổi và người chết chỗi dậy như thế nào; Thiên Chúa sẽ xuống phán xét thế gian ra sao; và các thiên thần sẽ thổi kèn đồng như thế nào. Tôi nghe tới lửa và vạc dầu sôi và dồi bọ đục khoét người có tội. Rồi tới một ngày, tôi đang lắng nghe thì bỗng kinh khiếp co rúm người lại. Tôi tự hỏi nếu như những thống khổ đó úp chụp lên người mình thì sao? Tôi phải sắp xếp để cứu rỗi linh hồn mình. Biết đâu bằng cầu nguyện, mình có thể tránh được các hậu quả của những tội lỗi mà mình đã phạm. Suốt trong một thời gian rất lâu, tôi nghĩ hoài nghĩ mãi tới chuyện đó.

Sau đó, tôi bỏ hết công việc và bán nhà. Vì chỉ một thân một mình trên đời nên tôi nhận chỗ làm gác rừng ở đây. Tôi chỉ đòi hỏi ban chức việc làng cung cấp cho tôi bánh mì, quần áo và một ít đèn cầy để cầu nguyện. Tôi sống như thế này đã mười năm. Mỗi ngày ăn một bữa, chỉ bánh mì và nước lã thôi. Tôi thức dậy lúc gà gáy sáng, thấp bẫy cây nến, dâng mình và đọc kinh trước các tượng thánh. Trong khi đi tuần trong rừng ban ngày, tôi quán vô người mình, bên dưới quần áo, một dây lòi tới bằng sắt nặng chừng ba mươi kilô. Tôi không bao giờ phàn nàn, không uống rượu, không uống bia. Tôi không bao giờ cãi nhau với ai và suốt đời mình, tôi không dính líu gì tới đàn bà con gái.

Ban đầu, tôi cảm thấy hài lòng với lối sống như thế này nhưng càng về sau, có các ý nghĩ khác xuất hiện trong tâm trí tôi mà tôi không thể xô đuổi chúng. Chỉ có Thiên Chúa mới biết rằng sống bằng cách này tôi có được sạch tội như lời cầu xin của tôi hay không, và tôi càng ngày càng thấy sống kiểu này quả thật là gay go quá. Có phải những gì được viết ra trong cuốn sách đó đều có thật? Làm sao người chết có thể chỗi dậy? Giả dụ người ta chết đã hơn trăm năm và không còn để lại gì hết, kể cả tro cốt? Ai biết thật sự có hỏa ngục hay không? Người ta còn biết thêm gì nữa về con người sau khi chết và đã mục nát? Có thể cuốn sách đó do các cha các thầy viết ra để có ý làm cho chúng ta thành kẻ khù khờ khốn khổ sợ hãi và giữ chúng ta sống an phận? Nếu đúng như vậy thì có phải chúng

ta đang gây tai họa cho mình một cách vô lỗi và từ bỏ mọi khoái lạc của mình một cách vô ích? Nếu thật sự có đời sau thì trong cái đời sau đó sẽ xảy tới cái gì? Không phải cách tốt là chúng ta cứ hưởng thụ cuộc sống trần tục của mình, sống một cách thông dong và vui sướng với nó sao? Các ý tưởng loại đó thường làm tôi bồn chồn lo lắng, tôi không biết phải làm sao đây, tôi chỉ biết chắc là mình sẽ không bao giờ trở về công việc như cũ nữa."

Nghe bác nói mà thương. Trước đây, con cứ tưởng rằng các ý nghĩ loại đó chỉ là của những người có học thức, thông thái, những kẻ có các ý kiến độc lập với những lời giảng dạy thường được chấp nhận của tôn giáo, và không tin vào cái gì cả. Nhưng đây lại là một người trong chúng ta, dù chỉ là một bác nhà quê chất phác, một con mồi cho thứ tinh thần vô tín ngưỡng như vậy. Hình như vương quốc của bóng tối mở toang cửa ra cho mọi người và có thể tấn công dễ dàng nhất những kẻ hồn nhiên chất phác. Do đó người ta phải hết sức mình học hỏi sự khôn ngoan và củng cố bản thân bằng Lời Thiên Chúa để chống trả kẻ thù của linh hồn.

Vì vậy, nhằm giúp đỡ người anh em đó và làm hết sức có thể được của mình để củng cố đức tin của bác ấy, con lấy cuốn Philôkalia ra khỏi ba lô. Con mở tới chương 109 của Isikhi và đọc cho bác nghe. Con sắp xếp để chứng minh cho bác thấy việc tránh khỏi tội lỗi chỉ hoàn toàn vì sợ hãi những thống khổ trong hỏa ngục thì vô dụng và viển vông biết chừng nào. Con nói với bác rằng ta chỉ có thể giải thoát linh hồn mình khỏi những ý nghĩ tội lỗi bằng cách canh chừng tâm trí và rửa sạch tâm hồn, và có thể làm được chuyện đó bằng việc cầu nguyện trong lòng mình. Con thêm rằng, theo các Giáo phụ thánh thiện thì, người nào làm những việc có tính cách cứu rỗi mà hoàn toàn chỉ vì sợ hỏa ngục thì kẻ đó đi theo con đường câu thúc, và cũng thế, người nào làm những việc có tính cách cứu rỗi mà hoàn toàn chỉ vì muốn được thưởng nước trời thì kẻ đó đi theo con đường mặc cả với Thiên Chúa. Các vị gọi loại người thứ nhất là kẻ nô lệ và loại người thứ hai là kẻ làm thuê. Nhưng Thiên Chúa muốn chúng ta đến với Ngài như người con đến với người cha của mình. Ngài muốn chính chúng ta có thái độ đầy vinh dự, một thái độ phát xuất từ tình chúng ta yêu thương Ngài và lòng chúng ta sốt sắng phục vụ Ngài. Ngài muốn chúng ta tìm thấy hạnh phúc của mình qua sự hiệp nhất bản thân ta với Ngài trong trạng thái nên một, một trạng thái có tính cách cứu rỗi, của cả tâm trí lẫn tâm hồn. Con nói rằng:

- Dù bác có bỏ ra nhiều công nhiều sức đối xử khắc nghiệt với thân xác của bác, thì làm theo cách như vậy, bác cũng không bao giờ tìm được sự bình an tâm trí; và nếu trong tâm trí bác không có Thiên Chúa và trong tâm hồn bác không cầu nguyện Đức Giêsu không ngừng, thì có vẻ như thể bác lúc nào cũng dễ dàng sa ngã phạm tội trở lại vì một lý do nào đó nhỏ nhặt hoặc nhẹ nhàng nhất. Hỡi người anh em của tôi, hãy dọn mình để thốt lên lời cầu nguyện Đức Giêsu không ngừng. Tại đây, ở nơi vắng vẻ này, bác có cơ hội rất tốt để cầu nguyện như thế, và chỉ trong một thời gian ngắn thôi, bác sẽ thấy hoa quả của việc ấy. Lúc đó, sẽ không có ý nghĩ nào có tính cách vô thần tới gần bác được, và sẽ vén lộ cho bác đức tin và tình yêu thương Đức Giêsu Kitô. Lúc đó bác sẽ hiểu ra người chết chỗi dậy như thế nào và bác sẽ thấy Cuộc Phán Xét Sau Cùng trong ánh sáng chân chính của nó. Việc cầu nguyện ấy sẽ làm cho bác cảm thấy thanh thoi và vui sướng biết bao trong tâm hồn mình tới độ bác sẽ chính mình kinh ngạc về nó, đồng thời, với một lối sống khỏe mạnh, bác sẽ không bao giờ còn cảm thấy mờ mịt hay khủng hoảng.

Rồi con tiếp tục ra sức giải thích cho bác nghe cách bắt đầu và cách tiếp tục không ngừng lời cầu nguyện Đức Giêsu, cùng Lời Thiên Chúa cũng như văn bản của các Giáo phụ dạy ra sao về việc cầu nguyện đó. Bác đồng ý hết thảy, và con thấy bác đã có vẻ bình tĩnh hơn.



Rồi con rời bác, tự nhốt mình trong túp lều đất bác đã chỉ cho. A! con vui sướng biết mấy, con hạnh phúc an tĩnh biết mấy khi bước qua ngưỡng cửa rút vào nơi cô tịch ấy, hoặc đúng hơn, một nhà mồ! Đối với con nó giống như một dinh thự nguy nga tràn đầy ủi an và mãn nguyện. Với nước mắt sung sướng vô ngần, con thốt lên lời cảm tạ Thiên Chúa, và nói với mình rằng:

- Đây, trong sự yên ổn tịch lặng này, mình phải trang trọng sắp xếp công việc của mình và cầu khẩn Thiên Chúa soi sáng cho mình.

Như thế, con lại bắt đầu đọc suốt cuốn Philôkalia từ đầu tới cuối, hết sức tha thiết. Trước đây khá lâu, con đã đọc hết cuốn sách và thấy trong đó có biết bao nhiêu điều khôn ngoan, thánh thiện và những cái nhìn thấu suốt sâu thẳm. Tuy vậy, trong đó vẫn còn nhiều vấn đề cần được xử lý, và nó chứa đựng vô số bài học của các Giáo phụ thánh thiện mà con không thể nắm bắt hết được một cách rõ ràng và đúc kết những điều các vị phát biểu về sự cầu nguyện trong lòng thành một tập hợp duy nhất. Và đó là cái chủ yếu mà con muốn biết, để từ cái đó, con học được cách thực hành sự cầu nguyện tự động và không ngừng trong tâm hồn mình.

Đó là khát vọng lớn lao của con, theo mệnh lệnh thiêng liêng trong lời Thánh Tông đồ rằng: "Háo hức thêm muốn những tặng phẩm tốt lành nhất," và ông nói còn thêm rằng: "Chớ nguôi khao khát Thánh Linh". Con nghĩ hoài nghĩ mãi tới vấn đề đó trong một lúc rất lâu. Con tự hỏi mình sẽ xúc tiến như thế nào đây? Tâm trí và tầm hiểu biết của mình thấp kém quá so với việc này. Ở đây lại không có ai giảng giải cho mình.

Con quyết định bao vây Thiên Chúa bằng lời cầu nguyện. Có lẽ bằng cách này hoặc cách khác Ngài sẽ làm cho con am hiểu. Suốt hai mươi bốn giờ, con cầu nguyện và cầu nguyện liên tục, không chốc lát nào ngừng. Cuối cùng, các ý nghĩ của con lắng xuống, con cảm thấy buồn ngủ. Và lúc ấy con mơ thấy mình ở trong căn buồng của tôn sư quá cố và thấy ông đang giải thích sách Philôkalia cho con. Ông nói rằng:

- Cuốn sách thiêng liêng này đầy ắp sự khôn ngoan sâu xa. Nó là kho báu bí nhiệm chứa đựng ý nghĩa những phán xét ẩn mật của Thiên Chúa. Không phải ai cũng có thể dễ dàng tới gần mọi chỗ trong sách nhưng bù lại, nó đưa ra cho mỗi loại người một sự chỉ dẫn thích hợp mà người đó cần tới: đối với người thông thái thì có sự chỉ dẫn thông thái, đối với người trí óc chất phác thì có sự chỉ dẫn giản dị. Đó là lý do một kẻ chất phác như con không nên đọc tuần tự hết chương này tới chương khác theo thứ tự sắp xếp trong sách. Thứ tự ấy chỉ dành cho người được đào tạo về thần học. Những ai không được đào tạo nhưng ao ước học từ trong sách này sự cầu nguyện trong lòng thì nên đi theo thứ tự sau đây. Trước tiên đọc từ đầu tới cuối tập của Nicêphôrê Nhà ẩn tu (ở phần hai), rồi tới trọn tập của Grêgôriô Núi Xinai, trừ những chương ngắn, rồi tới Simêon Nhà thần học mới về ba hình thức cầu nguyện và bài bàn về các đức hạnh, kế đó, các tập của Callistôt và Inhaxiô. Trong các bài của các Giáo phụ ấy đầy đầy những chỉ dẫn và lời giảng về sự cầu nguyện bên trong tâm hồn, với lối trình bày mà ai cũng có thể hiểu. Thêm nữa, nếu con muốn tìm lời chỉ dẫn rất dễ hiểu về sự cầu nguyện đó thì hãy mở tới phần thứ tư và tìm những mẫu lời cầu nguyện do Đức Callistôt, Thượng phụ Conxantinôp cô đọng lại.

Trong giấc mơ đó con thấy mình cầm trong tay cuốn Philôkalia, bắt đầu tìm trích đoạn ấy nhưng con không tìm thấy gì cả. Lúc đó, tôn sư tự tay mở ra vài trang và nói: "Nó đây này, ta sẽ đánh dấu cho con." Nói xong, ông lượm dưới đất lên một cục than, vạch dấu bên lề, ngay chỗ trích đoạn mà ông vừa chỉ cho. Con cẩn thận lắng nghe, rần rức ghi nhớ từng tiếng một những lời ông nói.



Khi con thức giấc trời vẫn còn tối. Con nằm yên, nhớ lại giấc mơ của mình và những lời tôn sư đã nói. Con nghĩ thầm:

- Chỉ có Thiên Chúa mới biết là mình thấy thần khí thật sự của tôn sư quá cố hoặc đó chỉ là hậu quả các ý nghĩ của mình vì chúng thường xuyên kết hợp với cuốn Philokalia và tôn sư.

Con đứng lên với sự ngờ vực ấy trong tâm trí. Ngày bắt đầu rạng và con thấy ra cái gì? Trên mặt tảng đá dùng làm bàn trong túp lều, cuốn sách nằm đó, mở ra đúng trang mà tôn sư đã chỉ cho con, và ngay bên lề có một dấu vạch bằng than đúng như trong giấc mơ của con! Bên cạnh cuốn sách còn có cả cục than nữa! Con nhìn sững vì con nhớ rõ tối hôm qua con không để cuốn sách ở chỗ đó, con đã xếp nó lại, nhét dưới gối của mình, và con cũng hoàn toàn chắc chắn là trước đây không có gì cả ở chỗ mà lúc này con thấy có dấu vạch bằng than.

Sự việc đó làm con tin chắc rằng giấc mơ của con là đúng và rằng lòng con nhớ tưởng đầy biết ơn tôn sư của mình đã làm vui lòng Thiên Chúa. Con bắt đầu đọc cuốn Philokalia đúng theo thứ tự tôn sư đã ra lệnh. Con đọc xong một lần, rồi đọc lại lần thứ hai, và càng đọc càng rục rịch cháy trong tâm hồn con khát vọng sôi nổi biến những điều con đọc thành những nếm trải thực tế. Con thấy rõ câu nguyện trong lòng nghĩa là gì, làm cách nào với tới nó, hoa quả của nó là gì, nó làm con tim và linh hồn ta hân hoan chan chứa ra sao, và làm thế nào ta có thể nói rõ rằng những hân hoan đó là do bởi Thiên Chúa hay do bởi tự nhiên hay do bởi cảm dỗ.

Vì vậy con bắt đầu tìm tòi con tim mình theo cách Simêôn Nhà thần học mới chỉ dạy. Nhắm mắt mình lại, bằng ý nghĩ, nghĩa là, bằng tưởng tượng, con nhìn chăm chú vào trái tim mình. Con cố gắng hình dung tái tim của con ở đó, trong lòng ngực bên trái của con, và con chăm chú lắng nghe tiếng đập của nó. Con khởi sự làm như vậy vài lần trong một ngày, mỗi lần nửa giờ, ban đầu con chỉ cảm thấy tối thui. Nhưng dần dà, sau một thời gian tương đối ngắn, con đã có thể hình dung trái tim mình, nhận thấy chuyển động của nó, và hơn nữa, với sự trợ giúp của hơi thở, con có thể đưa vào nó và rút ra từ nó lời cầu nguyện Đức Giêsu theo cách dạy của các Thánh Grêgôriô Núi Xinaï, Callistô và Inhaxiô. Khi hít hơi vào, con nhìn bằng tinh thần vào trái tim của mình và nói: "Đức Giêsu Kitô", và khi thở hơi ra con nói: "Xin thương xót con". Ban đầu con làm như vậy trong một giờ, rồi lên tới hai giờ, rồi lâu hết sức có thể được, và cuối cùng, gần như làm suốt ngày. Nếu có phát sinh khó khăn nào, nếu thỉnh linh con thấy uể oải hoặc nghi ngờ, con vội vàng cầm cuốn Philokalia lên, đọc lại phần nói về sự ứng xử với việc của trái tim, và rồi con lại thêm lần nữa cảm thấy nhiệt thành sôi nổi với lời cầu nguyện Đức Giêsu.

Qua được chừng ba tuần lễ thì con cảm thấy nhói nhói nơi trái tim, và rồi cảm thấy sự nóng ấm hân hoan nhất, cùng với an ủi và bình yên. Cảm giác ấy lại càng làm con phấn khởi hơn và cổ võ con càng ngày càng chú ý sâu xa hơn vào lời cầu nguyện Đức Giêsu tới độ lời ấy xâm chiếm hết thảy những ý nghĩ của con và con cảm thấy vui sướng tột độ. Từ lúc này, con bắt đầu thỉnh thoảng có một số cảm xúc khác nhau trong tâm hồn và tâm trí. Đôi lúc tim con cảm thấy như thể sủi bọt hân hoan, bên trong nó phoi phới, thên thưng và an ủi. Đôi lúc con cảm thấy nóng bỏng tình yêu thương Đức Giêsu Kitô và tình yêu thương mọi sinh linh của Thiên Chúa. Đôi lúc mắt con chan hòa lệ biết ơn Thiên Chúa, đáng quá đỗi thương xót con, kẻ tội lỗi tã tơi. Đôi lúc, sự hiểu biết của con, vốn trước đây rất u mê, nay được soi sáng quá tới độ con có thể dễ dàng nắm bắt và chú tâm vào những vấn đề mà mới trước đó, con nghĩ mãi nghĩ hoài cũng không ra manh mối nào. Đôi lúc cảm giác khoan khoái nồng ấm trong tim con lan tỏa khắp mình mẩy và con cảm động sâu xa nhận ra rằng sự có mặt của

Thiên Chúa ở khắp mọi nơi là một thực tế. Đôi khi qua việc gọi danh Đức Giêsu lòng con chan chứa hạnh phúc, và lúc này con đã hiểu ra ý nghĩa của câu: "Nước Thiên Chúa ở trong lòng người."

Từ khi có tất cả những cái vừa kể và những cảm xúc giống như thế, con ghi nhận rằng việc cầu nguyện Đức Giêsu Kitô mang lại hoa trái trong cả ba cách: trong tinh thần hoặc tâm linh; trong cảm giác; và trong mặc khải.

Trong cách đầu tiên, thí dụ, là sự dịu ngọt tình yêu của Thiên Chúa, bình an trong tâm hồn, hân hoan trong tâm trí, thanh khiết của ý nghĩ, sự tưởng nhớ ngọt ngào về Thiên Chúa. Trong cách thứ hai, là sự nồng ấm thú vị của con tim, tràn ngập khoan khoái trong tứ chi của ta, "sủi bọt" mừng vui trong trái tim, phơi phới và can đảm, niềm vui cuộc sống, sức mạnh không cảm thấy đau ốm và buồn phiền. Và trong cách sau cùng, là ánh sáng ban cho tâm trí, am hiểu Kinh Thánh, am hiểu ngôn ngữ của các sinh linh, thoát khỏi rối rắm và viển vông, am hiểu niềm vui của cuộc sống nội tâm, và sau cùng, sự gắn gũi bền vững với Thiên Chúa và với tình Ngài yêu thương chúng ta.

Sau khi trải qua năm tháng trong cuộc sống cô đơn cầu nguyện và vô vàn hạnh phúc ấy, con càng ngày càng quen với việc cầu nguyện ấy tới độ con tiếp tục nó trong mọi nơi mọi lúc. Cuối cùng con cảm thấy nó tự tiếp diễn với cung giọng của chính nó trong tâm trí con và trong những chốn sâu thẳm của tâm hồn con mà không cần con phải thúc giục chút nào. Không chỉ trong lúc con tỉnh thức mà còn cả trong khi con ngủ, vẫn tiếp diễn chỉ một điều ấy thôi. Không gì ngăn được nó, và nó không bao giờ ngừng lại dù chỉ trong một chốc lát cho dù con có đang làm công việc gì đi nữa. Linh hồn con luôn luôn dâng lời cảm tạ Thiên Chúa và con tim con se lại với nỗi hạnh phúc không ngừng.

Đã tới lúc đốn cây. Người trong làng kéo ra rừng từng đoàn và con phải rời nơi cư ngụ tĩnh mịch của mình. Con cảm ơn bác gác rừng, đọc mấy kinh, hôn lên khoanh đất mà Thiên Chúa đã rú lòng thương ban cho con, kẻ không xứng đáng với lòng thương xót của Ngài. Con khoác bọc sách lên vai và lên đường.

Trong một thời gian rất dài, con lang thang nhiều nơi trước khi đến Irkutsk. Lời cầu nguyện tự động trong tâm hồn con là lời dỗ dành an ủi con suốt cuộc hành trình. Bất cứ điều gì con gặp đều không thể làm ngừng nổi hân hoan trong lòng con, không thể gây trở ngại cho mọi sự, cũng như mọi sự không thể gây trở ngại cho bất cứ điều gì. Nếu con có làm công việc nào thì lời cầu nguyện Đức Giêsu tự nó tiếp tục trong trái tim con và công việc đó tiến hành nhanh hơn. Nếu con lắng nghe kỹ điều gì đó hoặc đọc sách thì lời cầu nguyện ấy không bao giờ ngừng; con lập tức nhận biết cả hai trong cùng một lúc, như thể con được làm thành hai con người hoặc như thể có hai linh hồn trong một thân xác độc nhất. Chúa ơi! Con người là cái bí nhiệm tới ngần nào! "Ôi lạy Chúa, các công trình của Ngài muôn hình muôn vẻ! Trong khôn ngoan Ngài tạo dựng mọi sự."

Trong khi con tiếp tục con đường mình đi thì xảy ra cho con đủ thứ và nhiều việc. Nếu từ lúc này con bắt đầu kể hết tất cả những cái đó thì nội trong hăm bốn giờ e rằng không thể nào xong. Tuy thế, thí dụ, vào một tối mùa đông, đang băng rừng nhắm tới một làng mà con đã trông thấy cách một dặm xa và dự định sẽ trú ngụ qua đêm ở làng đó, thì thỉnh linh trước mắt con xuất hiện một con chó sói to lớn và sắp nhảy chồm lên người con. Tay đang cầm tràng hạt bằng len của tôn sư mà con lúc nào cũng mang theo bên mình, con dùng nó quất con sói. Tràng hạt vượt khỏi tay con, quán vào cổ con vạt. Sói vọt bỏ chạy nhưng khi phóng qua bụi gai thì chân sau của sói mắc kẹt lại. Tràng hạt cũng bị móc vô một cành cây khô, và sói vùng vẫy nhưng không thoát ra được vì cổ nó bị tràng hạt siết chặt. Làm dấu thánh giá và lòng trông cậy, con bước tới gỡ sói ra vì con sợ nếu nó làm đứt tràng hạt

rồi mang mà chạy thì con sẽ mất luôn tràng hạt quý báu của mình. Và đúng như vậy, khi con chụp được tràng hạt thì sói tấp huyệt và phóng chạy mất tăm mất tiêu. Con cảm tạ Thiên Chúa, rồi với hình ảnh vị tôn sư đầy ơn sủng trong tâm trí, con đến được làng, bình an, lành mạnh, và tới quán trọ, xin ngủ qua đêm.

Con đi vô quán. Ở đó đã có hai người đàn ông: một người lớn tuổi còn người kia vạm vỡ, trạc trung niên. Cả hai ngồi uống trà bên chiếc bàn trong góc nhà. Mắt họ nhìn con trông có vẻ như họ không phải hạng người bình dân chất phác, và con hỏi người nhà quê đang đứng bên xe ngựa rằng họ là ai. Người nhà quê nói với con người lớn tuổi là ông giáo dạy tiểu học còn người kia là thư ký toà án quận, cả hai thuộc loại người ăn trên ngồi trước và anh đang đánh xe đưa họ tới chợ phiên cách đây chừng hai chục cây số. Ngồi được một lúc, con hỏi bà chủ quán mượn kim chỉ và đi tới chỗ có ánh sáng đèn cây, bắt đầu khâu lại tràng hạt.

Người thư ký thấy con ngồi khâu thì nói:

- Tôi nghĩ chắc là anh cầu nguyện gặt gao quá nên tràng hạt mới đứt ra như vậy, đúng không?

Con trả lời:

- Tôi không làm đứt, chó sói làm đó.

Nghe vậy, anh trêu chọc:

- Cái gì! Chó sói à! Bộ chó sói cũng biết đọc kinh lần hạt sao?

Con kể cho họ nghe chuyện vừa xảy ra như thế nào và đối với con tràng hạt này quý báu ra sao. Người thư ký lại cười và nói:

- Phép lạ thì lúc nào cũng xảy ra cho các người, những ông thánh giả mạo! Việc như vậy có gì mà linh với thiêng? Chuyện giản dị là anh vung cái gì đó lên và chó sói kinh hoàng, đông tuốt. Chó sói thì cũng như chó nhà, tự nhiên là chúng sợ bị người ta chọi, và chuyện chó bị mắc kẹt cành cây cũng là bình thường. Ba thứ chuyện như thế xảy ra đâu có hiếm. Phép lạ chỗ nào chó?

Nhưng người lớn tuổi kia trả lời anh:

- Thưa ông, ông đừng kết luận vội vàng như vậy. Ông không nắm được những khía cạnh sâu xa hơn của sự việc đó. Còn tôi, tôi thấy trong câu chuyện của người nhà quê này có sự huyền nhiệm của tự nhiên, cả về mặt cảm giác lẫn về mặt tâm linh.

Người thư ký hỏi lại:

- Nó như thế nào?

Ông giáo giải thích:

- Được, nó như thế này. Dù ông không có trình độ học vấn cực cao nhưng thế nào ông cũng đã có học câu chuyện thiêng liêng của Cựu Ước và Tân Ước mà người ta đúc kết thành các câu vấn đáp kinh nghĩa dạy trong nhà trường. Ông có nhớ là khi tổ phụ Adam còn trong trạng thái thánh thiện vô tội thì mọi loài vật đều vâng lời ông ấy. Chúng tới gần ông ấy trong kính sợ và ông ấy đặt tên cho từng loài. Vị lão trượng từng sở hữu tràng hạt này là một vị thánh. Thế thì thánh tính nghĩa là gì? Đối với người tội lỗi, thánh tính không có ý nghĩa nào khác hơn việc, bằng cố gắng và hãm mình, trở về trạng thái vô tội của con người nguyên thủy. Khi một linh hồn trở nên linh thiêng thì thể xác ấy cũng trở nên

thiêng liêng tinh khiết. Tròng chuối này đã từng luôn luôn nằm trong tay một nhân vật được thánh hoá và hiệu quả việc tiếp xúc với bàn tay của vị ấy, với hơi hám của vị ấy khiến nó được thấm nhiễm quyền năng thiêng liêng - sức mạnh của sự thơ ngây vô tội của con người nguyên thủy. Đó là huyền nhiệm của tự nhiên có tính cách tâm linh! Trong sự kế thừa di truyền từ xưa tới nay, mọi loài vật đều có kinh nghiệm về quyền năng ấy, và chúng ném trái nó qua khứu giác vì trong con vật mũi là giác quan chính. Đó là huyền nhiệm của tự nhiên có tính cách cảm giác!

Người thư ký đáp lại:

- Ông nghe lời người ta đồn đãi về quyền năng và minh triết, nhưng chúng ta hãy đơn cử những việc đơn giản hơn. Thí dụ, hãy rót rượu đầy ly và nốc một hơi cạn ly, nó sẽ cho ông có đủ quyền phép liền.

Anh vừa nói vừa bước tới tủ ly tách, còn ông giáo thì trả lời:

- Việc đó là của ông, còn chuyện học hành thì để cho chúng tôi.

Con ưa lối nói của ông giáo. Con tới sát bên ông và thưa rằng:

- Thưa bố, không biết con có thể kể cho bố nghe thêm chút nữa về tôn sư của con?

Và rồi con kể cho ông giáo nghe sự xuất hiện của tôn sư khi con đang ngủ, về lời chỉ bảo mà tôn sư đã ban cho con, về dầu than tôn sư đã vạch trong sách Philôkalia. Ông ân cần lắng nghe nhưng người thư ký đang nằm duỗi người trên băng ghế thì làm bầm rằng:

- Đúng là người đọc Kinh Thánh nhiều quá nên có vẻ đánh mất trí khôn rồi đó. Chuyện như vậy nghĩa lý gì chứ! Bộ người cho là có ông ba bị tới và đánh dấu vô sách nhà người ban đêm? Đơn giản là trong khi ngủ người làm rớt sách xuống đất và nó bị dính vết bò hóng vô chỗ đó. Đó, phép lạ của người là như vậy đó! Người đồ lừa đảo, ta từng gặp vô số đứa thuộc loại như người.

Làm bầm lời lẽ loại đó, người thư ký xoay mặt vô vách sửa soạn ngủ. Con hướng về ông giáo và nói:

- Nếu thầy muốn con sẽ cho thầy xem tận mắt cuốn sách đó. Để thầy thấy nó được thật sự đánh dấu chứ không phải là vết dơ bò hóng.

Con lấy cuốn Philôkalia ra khỏi ba lô, lật cho ông thấy. Con nói:

- Điều làm con sững sờ là tại sao thần khí không có hình hài thể xác lại có thể cầm cục than mà viết.

Ông nhìn vạch than và nói:

- Đây cũng là một huyền nhiệm có tính cách tâm linh. Ta sẽ cắt nghĩa cho anh. Lúc này hãy nhìn đây, khi thần khí xuất hiện trong hình thức vật lý để thành con người sống động thì chúng tự chuẩn bị cho chúng một thể xác mà người ta có thể cảm thấy được, lấy từ không khí và các chất liệu trong không gian, và sau đó chúng trả lại những thành tố mà chúng đã mượn. Cũng giống như khí quyền có tính đàn hồi là năng lực để co lại hoặc để trương ra, thì linh hồn cũng vậy, được mặc lấy bên trong nó, có thể cảm lấy bất cứ cái gì, và hoạt động, như viết. Nhưng sách của anh là sách gì vậy? Cho tôi coi một chút.

Ông bắt đầu nhìn sách và nó tự bật ra ngay chỗ các bài giảng của thánh Simêôn Nhà thần học mới. Ông kêu lên:

- A, đây chắc là một tác phẩm thần học. Trước đây tôi chưa từng thấy cuốn sách này.

Con thưa với ông:

- Gần như từ đầu đến cuối cuốn sách này ghi lại những chỉ dẫn về việc cầu nguyện tên Đức Giêsu Kitô bên trong tâm hồn. Việc đó được hai mươi lăm Giáo phụ thánh thiện trình bày đầy đủ chi tiết ở đây.

Ông trả lời:

- A, tôi có biết đôi chút về việc cầu nguyện trong lòng.

Con cúi đầu trước ông, mọi người sát đất, nài nỉ ông nói cho con nghe về việc cầu nguyện trong lòng. Ông nói:

- Được. Trong Tân Ước có nói rằng con người và mọi loài thụ tạo đều "là những sinh vật mong manh và bất toại" và khát khao, với khát vọng được dự phần vào công cuộc cứu rỗi con cái của Thiên Chúa. Khát khao bí nhiệm của tạo vật, nguyện vọng bẩm sinh của mọi linh hồn là hướng tới Thiên Chúa, và sự cầu nguyện trong lòng chính là cái đó. Vì vậy, cái đó bẩm sinh trong mỗi người chúng ta, không cần phải học nó!

Con thắc mắc:

- Nhưng thưa thầy, ta phải làm gì để thấy ra cái đó trong bản thân ta, để cảm giác nó trong trái tim ta, để thừa nhận nó bằng ý chí của ta, để cho ta nắm bắt nó, cảm giác được hạnh phúc và ánh sáng của nó, và như thế, để đạt được sự cứu rỗi?

Ông hỏi lại:

- Tôi không biết trong sách thần học này có nói gì tới vấn đề đó không?

Thêm lần nữa con đưa cuốn sách ra cho ông nhìn và trả lời:

- Vâng, thưa thầy, có. Ở đây có giải thích đầy đủ về vấn đề đó.

Ông giáo ghi lại tên sách rồi nói thế nào cũng gởi đặt mua ở Tobolsk và sẽ nghiên cứu nó. Sau đó chúng con mỗi người đi một ngả. Con cảm tạ Thiên Chúa vì cuộc trò chuyện với ông giáo và cầu xin Thiên Chúa an bài để người thư ký cũng sẽ đọc cuốn Philôkalia, dù chỉ một lần, và qua sách đó, cho anh ấy tìm thấy sự cứu rỗi.

Lần khác - vào mùa xuân - con đi ngang một làng và con ở lại đó với vị linh mục quản xứ. Ông là người đáng trọng, sống một mình và con ở với ông ba ngày. Ông quan sát con thật lâu, rồi nói với con rằng:

- Con hãy ở lại đây. Ta sẽ trả công cho con. Ta đang cần một người có tư cách và đáng tin cậy. Như con thấy đó, giáo dân và ta đang khởi công xây một nhà thờ bằng đá ở đây, gần nhà nguyện cũ bằng gỗ. Ta đang tìm người thật thà để trông coi thợ và ở lại nhà nguyện quản lý các đồ dâng cúng xây cất. Đó đúng là việc của con và hợp với lối sống của con. Con sẽ sống một mình trong nhà



nguyện, đọc kinh cầu nguyện. Dù gì đi nữa thì xin con vui lòng ở lại cho tới khi xong việc xây cất nhà thờ.

Trong một lúc lâu, con không nhận lời, nhưng cuối cùng đành chịu thua sự khẩn khoản của vị linh mục đạo hạnh ấy, và con ở lại cho tới mùa thu, lấy nhà nguyện làm nơi ăn ở. Ban đầu con thấy chỗ đó yên tĩnh dù đông người tới nhà nguyện, nhất là vào mấy ngày lễ trọng. Một số người tới đọc kinh cầu nguyện, một số tới vì buồn chán, và một số khác nữa tới vì có ý ăn cắp tiền trong đĩa lạc nguyện. Con đọc Kinh Thánh và sách Philôkalia mỗi tối. Thấy như vậy, vài người bắt đầu nói chuyện với con về việc đó hoặc yêu cầu con đọc lớn tiếng cho họ nghe với.

Sau một thời gian, con để ý thấy có một thôn nữ thường tới nhà nguyện, cầu nguyện rất lâu. Lắng nghe những tiếng cô thầm thì, con nhận thấy một số lời cầu nguyện của cô đối với con nghe rất lạ, còn những lời khác là lời trích từ các bài kinh thường lệ. Con hỏi cô rằng cô học những lời lạ ấy ở đâu. Cô kể với con rằng mẹ cô là người từng phụ việc cho nhà thờ nhưng cha cô thuộc về một giáo phái không có bậc giáo sĩ. Cảm thấy chạnh lòng, con khuyên cô nên đọc lời kinh đúng hình thức ấn định theo truyền thống hội thánh. Rồi con dạy cô cách diễn tả Kinh Lạy Cha và Kinh Kính Mừng, sau cùng, con khuyên cô nói lời cầu nguyện Đức Giêsu hết sức thường xuyên có thể được vì lời đó đem chúng ta tới gần Thiên Chúa hơn bất cứ lời cầu nguyện nào khác. Cô gái ghi nhận những điều con nói và bắt đầu thực hiện một cách hết sức đơn sơ mộc mạc. Và rồi xảy tới điều gì? Một thời gian ngắn sau đó, cô kể với con rằng cô quen với lời cầu nguyện Đức Giêsu quá tới độ cảm thấy lời ấy lúc nào cũng lồi cuốn cô, rằng cô nói lời đó hết sức có thể được của mình, rằng cô vui hưởng nó trong mọi lúc và rằng sau đó lòng cô tràn ngập hân hoan, lại muốn bắt đầu dùng lời đó nữa. Thấy như vậy con rất vui mừng và khuyên cô ngày càng tiếp tục việc cầu nguyện như vậy.

Mùa hè đang tới. Nhiều khách viếng nhà nguyện cũng đến gặp con, không chỉ để nghe con đọc sách mà còn để xin lời khuyên bảo, không phải chỉ về những rối rắm trần tục mà còn hỏi con về những đồ vật họ để lạc hoặc làm mất. Một số có vẻ coi con là người có tài lạ. Cô thôn nữ con nói tới ở trên, ngày nọ cũng tới gặp con với tâm trạng phiền muộn, lo lắng sâu xa, không biết mình nên làm như thế nào. Cha cô muốn cô kết hôn với một người chung giáo phái của ông, và họ sẽ làm lễ cưới không do giáo sĩ chủ lễ mà do một nông dân trong môn phái ấy. Cô gái gào lên với con:

- Hôn nhân như vậy thì làm sao đúng luật đạo được - có phải nó như thể là thông dâm không?

Cô quyết định bỏ nhà ra đi. Con khuyên cô:

- Nhưng cô đi đâu bây giờ? Chắc chắn người ta sẽ tìm ra cô. Họ sẽ lùng kiếm khắp nơi và cô không có thể nào qua mắt họ được. Cách tốt là cô sốt sắng cầu xin Thiên Chúa lay chuyển ý định của cha cô và canh giữ cho linh hồn cô khỏi tội lỗi và lạc đạo. Nếu cô dự tính cầu nguyện như vậy thì hợp lý hơn việc bỏ nhà mà đi.

Cứ thế, thời gian dần dần trôi qua. Tiếng ồn ào tấp nập bắt đầu vượt quá sức chịu đựng của con, cuối cùng, hết mùa hè, con quyết định rời nhà nguyện, tiếp tục cuộc hành hương của mình như trước đây. Con trình quyết định của mình với cha xứ:

- Thưa cha, cha đã biết dự tính của con. Con cần yên tĩnh để cầu nguyện mà ở đây thì phiền nhiễu quá. Xin cha ban phép lành cho cuộc hành trình đơn độc của con.

Nhưng cha xứ không muốn cho con đi và cố giữ con lại. Ông nói:

- Cái gì ở đây cản trở việc cầu nguyện của con? Việc trông coi của con thì đâu cần phải nói phô gì - chỉ quanh quẩn nơi nhà nguyện thôi. Hằng ngày con đã có bánh mì. Như vậy con cứ nói lời cầu nguyện suốt ngày suốt đêm nếu con muốn và cứ sống với Thiên Chúa. Ở đây con rất có ích, con đâu có phải can dự vào những chuyện phù phiếm ngớ ngẩn, con mang lợi ích lại cho nhà thờ. Trong mắt Thiên Chúa thì cái đó có giá trị hơn hết thảy những lời cầu nguyện mà con dâng lên. Tại sao con lúc nào cũng cứ muốn riêng lẻ? Cầu nguyện chung thì dễ chịu hơn. Thiên Chúa dựng nên con người không phải để mỗi người chỉ nghĩ tới riêng mình mà là để con người giúp đỡ nhau và mỗi người tuyền vào sức mạnh của mình, hướng dẫn nhau đi theo đường cứu rỗi. Hãy nghĩ tới chư thánh và các Giáo phụ! Các vị ấy tắt bật ngày đêm chăm lo cho nhu cầu của giáo hội, các vị thường đi rao giảng nơi này nơi nọ. Các vị không ngồi tĩnh tọa một mình và không giữ mình xa cách với người ta.

Con thưa lại:

- Thưa cha, Thiên Chúa ban cách riêng cho mỗi người một tặng phẩm, có rất nhiều nhà rao giảng nhưng cũng có rất nhiều người sống ẩn dật. Mỗi người làm điều mình có thể làm theo con đường mà người ấy thấy là của mình, với ý nghĩ rằng chính Thiên Chúa đích thân soi sáng cho mình con đường cứu rỗi của riêng mình. Thưa cha, làm sao cha bác bỏ được thực tế là có nhiều vị thánh từ bỏ vai trò giám mục, linh mục hoặc cai quản tu viện mà đi vào sa mạc để xa lánh sự ồn ào do việc sống chung đụng với người khác gây ra? Thí dụ, Thánh Isaac xứ Xyri bỏ đi khỏi đàn chiên mà ngài là giám mục, và đáng đáng tôn kính Athanaxiô núi Athos rời tu viện rộng lớn của ngài, chỉ vì đối với hai vị ấy, những chốn đó là nguồn cám dỗ, và chư vị ấy chân thành tin vào lời của Chúa chúng ta rằng: "Nếu được trọn cả thế gian mà mất linh hồn thì ích lợi gì?"

Cha xứ nói:

- A, nhưng họ là những vị thánh.

Con trình bày:

- Và thưa cha, nếu ngay các vị thánh mà cũng cất bước ra đi để canh giữ bản thân khỏi những nguy hiểm của việc chung đụng với người ta, thì con xin hỏi cha, một người tội lỗi yếu đuối có thể làm được điều gì khác hơn?

Như thế, cuối cùng con chào từ biệt vị linh mục tốt lành đó; về phần ông, ông tiễn con lên đường với lòng yêu thương.

Đi được khoảng mười cây số, con dừng lại nghỉ đêm ở một làng. Tại nhà trọ, con thấy có một người nhà quê đang bệnh nguy kịch không còn hi vọng cứu chữa. Con khuyên những người có mặt bên cạnh người bệnh chuẩn bị cho ông lãnh các phép bí tích lâm chung. Họ đồng ý và sáng ra, đi mời linh mục quản xứ. Con cũng ở lại đó vì con muốn thờ phượng và bái lạy lúc ban phát các ơn sủng thiêng liêng. Trong khi chờ linh mục tới, con ra phía đường làng, ngồi xuống một băng ghế kê mé trước một hiên nhà. Đột nhiên con kinh ngạc thấy từ sân sau nhà chạy ra cô thôn nữ thường tới nhà nguyện cầu nguyện. Con hỏi:

- Cái gì mang cô tới đây vậy?

Cô trả lời:

- Người ta đã ấn định ngày hứa hôn của tôi với người đàn ông mà tôi có kẻ cho anh nghe, vì thế tôi bỏ nhà ra đi.

Nói xong, cô quì xuống trước mặt con và tiếp tục:

- Xin thương xót tôi với: xin hãy mang tôi đi theo anh rồi đưa tôi vào một tu viện nào đó. Tôi không muốn lập gia đình, tôi muốn sống trong nhà tu và nói Lời Cầu Nguyện Đức Giêsu Kitô. Người ta sẽ nghe lời anh mà nhận cho tôi vào tu.

Nghe vậy, con kêu lên:

- Lạy Chúa! Tôi đem cô đi chỗ nào đây? Tôi không biết ở khu vực quanh đây có tu viện nào không. Hơn nữa, tôi không thể mang cô đi đây đi đó mà không có giấy thông hành. Một đảng, không phải nơi nào người ta cũng tiếp nhận cô, đảng khác, thời buổi này cô không thể nào trốn tránh mãi được. Người ta sẽ bắt được cô ngay, giải cô về nhà và trừng phạt cô như một người buôn hương bán phấn. Tốt hơn cô nên về nhà đọc kinh cầu nguyện. Còn nếu cô không muốn lập gia đình thì hãy giả bộ nói là mình mắc bệnh. Mẹ rất thánh Clêmantia đã làm như vậy và đáng chí thánh Marina cũng đã làm như vậy khi bà ẩn mình trong một nhà dòng nam. Có nhiều trường hợp nữa cũng giống như vậy. Người ta gọi đó là sự giả bộ để cứu vãn.

Chuyện xảy ra chỉ có vậy thôi, và trong khi cô thôn nữ và con đang ngồi nói chuyện thì thấy có một chiếc xe ngựa chở bốn người xuất hiện trên đường. Ngựa phi nước đại tiến thẳng tới chỗ chúng con. Họ túm lấy cô gái, đẩy cô lên xe ngồi và một người đánh xe chở cô gái đi. Ba người còn lại trối hai tay con, lôi con trở lại làng mà con vừa ở qua mùa hè. Họ trả lời những câu biện bạch của con bằng cách la lớn:

- Chúng ta sẽ dạy dỗ ông thánh nhỏ này về việc dụ dỗ con gái nhà người ta!

Tối đó, họ đem con vào sân trụ sở làng, cùm hai chân con, nhốt con trong nhà giam chờ sáng mai xử. Cha xứ nghe tin con ở trong tù thì tới gặp con. Ông mang cho con ít xúp, an ủi con rồi nói ông sẽ làm hết sức mình cho con. Và như một cha linh hướng, ông đưa ra lời bảo đảm rằng con không phải là loại người như họ nghĩ. Sau khi ngồi với con một lúc, ông ra về. Đến khuya thì có quan tòa tới. Ông ấy đang đi ngang làng để tới một nơi nào đó thì dừng lại ở nhà người đại diện để nghe báo cáo về những gì xảy ra. Nghe xong, ông liền ra lệnh hợp dân chúng lại, đem con vào ngôi nhà được dùng làm tòa án. Chúng con đi vào, đứng chờ. Quan tòa tới, vừa đi vừa quất nạt, rồi ngồi lên trên mặt một chiếc bàn, đầu vẫn đội mũ.

Ông nói sang sảng:

- Này, Ephiphan, cô gái đó, con gái nhà người đó, khi bỏ nhà ra đi có lấy theo cái gì trong nhà của người không?

Câu trả lời là:

- Bẩm Ngài, không lấy gì cả ạ.

Quan tòa hỏi tiếp:

- Vậy có ai thấy con gái người đang làm điều gì sai trái với tên gốc này không?

Người cha của cô gái thưa:

- Bẩm Ngài, không ạ.

Quan tòa phán:

- Vậy thì kết luận và phán quyết của ta về vấn đề này là: con gái người người tự xử lý; về phần gã khờ này thì ngày mai chúng ta sẽ cho nó một bài học, đuổi nó ra khỏi làng và cấm ngặt từ nay về sau không được ló mặt tới chỗ này nữa. Vậy đó, hết.

Nói xong, ông tuột xuống khỏi bàn, đi ngủ; còn con bị giải trở lại nhà giam. Sáng sớm ngày mai, hai viên cảnh sát nông thôn tới, dùng roi quất con và chở con ra khỏi làng.

Con vừa đi vừa cảm tạ Thiên Chúa rằng Ngài đã coi con là xứng đáng để được chịu đau khổ vì Thánh Danh Ngài. Điều ấy an ủi con và càng làm cho con thấy ấm lòng, làm bùng cháy sự cầu nguyện không ngừng trong tâm hồn. Chuyện xảy ra không làm con ngã lòng chút nào. Nó như thể xảy ra cho ai đó và con chỉ là người đứng ngoài quan sát nó. Con đủ sức mạnh để gánh chịu roi vọt. Lời cầu nguyện Đức Giêsu mang dịu ngọt lại cho trái tim con và có thể nói, làm con không biết tới điều gì khác nữa.

Ra khỏi làng được chừng hai cây số hoặc hơn, con thấy người mẹ của cô gái đi chợ về đang xách theo các thứ bà vừa mua. Gặp con, bà kể với con là con rể của bà sẽ hủy bỏ vụ kiện và bà nói rằng:

- Anh thấy đó, nó tức tối con gái tôi vì đã bỏ nó mà đi.

Nói xong bà cho con một ít bánh mì và bánh ngọt, và con tiếp tục lên đường.

Thời tiết đẹp đẽ, khô ráo, con không muốn ban đêm nghỉ lại tại một làng nào. Buổi tối, khi đi ngang rừng, con thấy hai đồng cỏ khô, con nằm trong đồng cỏ ấy ngủ qua đêm. Con thấy buồn ngủ và mơ thấy mình vừa đi bộ vừa đọc một chương của Thánh Antônô Cả trong sách Philôkalìa. Đột nhiên tôn sư xuất hiện can rằng:

- Đừng đọc chương đó, đừng đọc chương đó.

Rồi ông đưa tay chỉ mấy câu này trong chương ba mươi lăm của Thánh Gioan Karpathisky rằng: "Đôi khi kẻ làm thầy cam chịu sỉ nhục và chịu đựng đau đớn vì lợi ích cho các con cái tinh thần của mình." Và ông lại khiến con phải chú ý tới chương bốn mươi một rằng: "Những ai hiến mình hăng say cầu nguyện thì chính kẻ đó trở thành con mồi cho những thử thách kinh hoàng và dữ dội." Rồi ông nói:

Con hãy can đảm, chớ để mình ngã lòng. Hãy nhớ lời Thánh Tông Đồ: 'Vĩ đại thì ở trong lòng ta hơn là lớn lao ở ngoài thế giới'. Con sẽ thấy lúc này con đang ném trái cái chân lý rằng không thử thách nào vượt quá sức mạnh đề kháng của con người và rằng cùng với thử thách thì Thiên Chúa cũng đưa ra lối thoát. Lòng tin tưởng vào sự phù hộ thiêng liêng củng cố những người thánh thiện cầu nguyện và đưa họ tới sự sốt sắng và nhiệt thành lớn lao hơn. Họ không chỉ tận hiến đời mình để cầu nguyện không ngừng mà còn phát xuất từ tình yêu của con tim mình, họ bày tỏ cho người khác về sự cầu nguyện và dạy người khác mỗi khi có dịp thuận tiện. Thánh Grêgôriô thành Thêxalônica nói về điều đó như sau:

- Không chỉ chúng ta phải theo thánh ý Thiên Chúa để không ngừng cầu nguyện Danh Đức Giêsu Kitô mà chúng ta còn phải biểu lộ và dạy bảo việc đó cho người khác, cho hết thảy mọi người,

tu hành lẫn thế tục, thông thái lẫn chất phác, đàn ông, đàn bà và trẻ em; và truyền sự hào hứng cho hết thảy mọi người đó để họ sốt sáng cầu nguyện.

Cũng một đường lối như thế, Đức Callistô Têlicudê tôn kính nói rằng:

- Không những ta giữ lòng nghĩ tưởng tới Thiên Chúa (tức là cầu nguyện trong lòng), giữ những điều học hỏi được nhờ chiêm nghiệm và những cách thế nâng tâm hồn lên, một cách giản dị trong tâm hồn của chính mình, mà ta còn nên ghi chép, viết chúng thành bài văn để cùng nhau sử dụng với động lực đầy yêu thương. Và Kinh Thánh nói về mối liên hệ đó như sau: 'Người được anh em mình giúp đỡ thì như một thành trì bền vững và cao ngất' (Cách ngôn 18:19). Trong trường hợp đó, điều thiết yếu duy nhất và trên hết mọi sự, là tránh sự tự khen mình và phải canh giữ đừng để hạt giống thiêng liêng của lời giảng dạy bị gieo vào trong gió.

Con thức giấc, cảm thấy nổi hân hoan lớn lao trong tim mình cùng sức mạnh trong linh hồn mình, và con tiếp tục cất bước.

Sau sự việc kể trên một thời gian dài, lại xảy tới một sự việc khác mà nếu cha muốn nghe thì con sẽ kể.

Vào một ngày - chính xác là ngày 24 tháng Ba - con cảm thấy khao khát được rước lễ, phải cần kíp rước lễ vào hôm sau, nghĩa là vào ngày Lễ Truyền Tin Thánh Nữ. Con hỏi người ta rằng ở xa đây có nhà thờ nào không và họ cho biết là cách đây khoảng hơn ba mươi cây số có một nhà thờ. Vì thế con đi bộ hết thời gian còn lại của ngày ấy rồi suốt đêm để tới cho kịp giờ lễ sáng.

Thời tiết tệ hại - tuyết và mưa, lại có gió mạnh, trời rất lạnh. Trên đường đi có con suối nhỏ chắn ngang. Đúng lúc con đặt chân lên một tảng băng giữa suối thì tảng băng đó sụp làm con té xuống suối, nước ngập ngang thắt lưng. Người ướt sũng. Con dự lễ, đứng suốt từ đầu chí cuối thánh lễ mà trong đó, nhờ ơn Thiên Chúa, con chịu Mình Thánh Chúa.

Để được tĩnh tâm suốt ngày và không làm hư hao trạng thái hạnh phúc tinh thần của mình, con năn nỉ ông từ xin cho con được ở lại trong căn phòng nhỏ của ông cho tới sáng mai. Con không thể diễn tả hết nỗi hạnh phúc của con hôm đó, tim con chan chứa hân hoan. Trong gian phòng không lò sưởi đó, con nằm trên chiếc giường kê bằng tấm ván mà cảm thấy mình như thể được an nghỉ trong lòng ngực của tổ phụ Áp-ra-ham. Lời cầu nguyện rất sống động. Tình yêu Đức Giêsu và Mẹ Thiên Chúa dường như trào dâng trong tim con thành những đợt sóng ngọt ngào. Linh hồn con chìm đắm trong ủi an và khải hoàn.

Khi đêm xuống, con bị cơn đau phong thấp hành ghê gớm trong chân mình. Cơn đau khiến tâm trí con biết ra rằng hai chân mình đang ướt đầm. Con cố không để ý tới cơn đau và để hết lòng trí cầu nguyện nhiều hơn tới độ con không còn cảm thấy đau nữa. Tới sáng, khi con muốn đứng lên thì thấy mình không nhúc nhích nổi hai chân. Chúng hoàn toàn tê liệt và yếu như hai cọng dây thun. Ông từ lấy hết sức lôi con ra khỏi giường. Và cứ thế, con ngồi không động đậy suốt hai ngày. Tới ngày thứ ba, ông từ bắt đầu đuổi con ra khỏi phòng. Ông giải thích:

- Vì nếu anh mà chết trong phòng này thì thật rắc rối!

Cực kỳ khó khăn, con chống hai tay bò lét, lê người ra tới bậc thềm nhà thờ rồi nằm lại đó. Con nằm như vậy trong mấy ngày. Người ta đi ngang chẳng ai thèm ngó ngang gì tới con hoặc để



ý gì tới lời van nài của con. Cuối cùng, có một người dân làng tới bên con, ngồi xuống trò chuyện. Sau một lúc, ông hỏi:

- Nếu tôi chữa trị anh thì anh sẽ trả cho tôi cái gì? Tôi đã bị một lần đúng y như anh, nên tôi biết thuốc chữa nó.

Con trả lời:

- Tôi chẳng có gì để cho ông cả.

- Nhưng anh đựng gì trong ba lô vậy?

- Chỉ bánh mì khô và sách thôi.

- Được, nếu tôi chữa bệnh cho anh thì anh nghĩ sao về việc làm công cho tôi, chỉ trong một mùa hè thôi?

- Tôi không làm được công việc gì cả; ông thấy đây này, tôi chỉ dùng được có một tay, tay kia gần như hoàn toàn bị teo.

- Vậy thì anh làm được việc gì?

- Không được gì cả, ngoài việc tôi có thể đọc và viết.

- A! Viết! Được, vậy anh dạy cho con trai tôi viết. Nó biết đọc sơ sơ và tôi còn muốn nó viết được nữa. Có điều học phí to tiền quá - người ta đòi công dạy viết tới hai mươi rúp.

Con đồng ý việc đó. Với sự tiếp tay của ông từ, ông nông dân mang con đi, đặt con nằm trong nhà tắm cũ cuối sân đằng sau nhà ông.

Rồi ông sửa soạn chữa trị cho con. Sau đây là cách chữa của ông: ông đi lượm khắp các nền nhà, sân trước sân sau, hầm chứa phân, chùng gần một giỏ đủ các loại xương thối mục, xương loài vật, xương chim..., đủ thứ. Ông rửa xương thật sạch, lấy hòn đá đập vụn chúng ra, cho tất cả vào một bình đất lớn. Ông đập bình bằng cái nắp có khoét một lỗ và lật ngược bình úp lên trên một chiếc chocé rộng cũng bằng đất. Chocé này chôn lún xuống mặt đất. Ông bôi khắp quanh bình trên một lớp đất sét dày, chất củi chung quanh nó. Ông đốt lửa và canh cho lửa cháy suốt hơn hăm bốn giờ, trong khi giữ lửa, ông nói:

- Thế này thì chúng ta sẽ có được một ít cao lấy từ xương ra.

Hôm sau, khi ông lôi cái chocé dưới đất lên thì trong đó đã có một dung dịch, do những giọt của bình trên nhỏ qua lỗ thủng xuống chocé. Dung dịch này chừng nửa lít, như dầu, sền sệt, đỏ đỏ, đậm đà như mùi thịt sống. Phần xương còn lại ở bình trên thì từ màu đen và thối rữa chúng đã biến thành màu trắng, sạch và trong sáng như xà cừ.

Con dùng dung dịch đó thoa vào chân năm lần một ngày. Và trông kìa, coi kìa, hai mươi bốn giờ sau con thấy mình có thể nhúc nhích ngón chân cái. Qua hôm sau nữa, con có thể co chân lại duỗi chân ra. Tới ngày thứ năm con đứng lên được, và con chống gậy đi quanh sân. Tóm lại, chỉ nội trong một tuần lễ, chân con hoàn toàn mạnh trở lại như cũ. Con cảm tạ Thiên Chúa và trầm ngâm nghĩ ngợi về sức mạnh bí nhiệm mà Ngài ban cho các tạo vật của Ngài. Xương đã khô, thối rữa, gần như biến thành tro thành bụi, vậy mà vẫn giữ được sức sống như thế, giữ được màu sắc, mùi vị, sức mạnh tác động lên các chi thể đang sống động và có thể nói là đưa lại sự sống cho một hình hài đã chết tới một

nửa! Đây chính là bằng chứng cho sự sống lại của thể xác trong tương lai. Con ao ước biết mấy được bày tỏ điều này với bác gác rừng từng ở chung với con, về cái nhìn hoài nghi của bác vào sự sống lại của sinh linh!

Được chữa trị bằng cách đó, bệnh con ngày càng thuyên giảm. Con bắt đầu dạy cậu bé. Thay vì học theo sách tập viết thông thường thì cậu viết lời cầu nguyện Đức Giêsu. Con dạy cậu tập đồ câu đó, dạy cậu cách viết câu đó cho đẹp. Con chỉ dạy trong giờ nghỉ thôi vì suốt ngày cậu giúp việc cho người quản lý một cơ ngơi gần đó, và cậu chỉ có thể tới với con khi người quản lý đi ngủ, nghĩa là từ chập tối cho tới giờ làm lễ sáng hôm sau.

Cậu là một thiếu niên sáng dạ, chẳng bao lâu bắt đầu viết chữ đẹp. Ông chủ thấy cậu viết, hỏi ai dạy cậu. Cậu bé trả lời:

- Người hành hương một tay sống nơi nhà tắm cũ của cháu.

Ông quản lý, một người Ba lan, cảm thấy thú vị và đến gặp con làm quen. Thấy con đọc sách Philôkalia thì ông bắt đầu câu chuyện bằng việc hỏi con đang đọc cái gì. Con cho ông coi cuốn sách. Ông nói:

- A, đây là cuốn Philôkalia. Tôi đã từng thấy cuốn sách này trước đây tại nhà cha xứ Công giáo của tôi khi tôi sống ở Vilna. Thế nhưng người ta nói với tôi là nó chứa đựng những chuyện lật vật về những kế hoạch và thủ thuật dành cho người cầu nguyện do các tu sĩ Hi Lạp viết. Giống như những kẻ cuồng tín ở Ấn độ và ở Bôkhara Nga tĩnh tọa và tự làm cho mình lịm đi bằng cách ra sức đạt cho bằng được một loại cảm giác lơ mơ nào đó trong quả tim mình và trong sự mê muội của mình; rồi biến cảm giác tự thân ấy thành sự cầu nguyện và coi nó như một tặng phẩm của Thiên Chúa. Cái thiết yếu để làm trọn nghĩa vụ của ta đối với Thiên Chúa là chỉ việc cầu nguyện một cách giản dị, đứng lên và đọc Kinh Lạy Cha thôi, như Đức Kitô đã dạy cho chúng ta. Nếu làm theo sách này thì anh phải bỏ ra cả ngày cho cái việc chỉ liên tục lặp đi lặp lại một điệu giống nhau thôi. Có thể nói, việc đó làm anh phát điên phát khùng. Thêm nữa, nó chẳng tốt lành gì cho trái tim của anh.

Con trả lời:

- Thưa ông, ông đừng nghĩ theo lối đó về cuốn sách thiêng liêng này. Cuốn sách này không phải do các tu sĩ Hi Lạp viết ra mà là do bởi những người thánh thiện, cao cả thời xưa, những vị mà giáo hội Công giáo của ông cũng vinh danh họ, như các thánh Antôn Cả, Macariô Cả, Máccô Nhà lỵ sĩ tinh thần, Gioan Kim khẩu và các vị khác nữa. Chính phát xuất từ các vị đó mà các tu sĩ ở Ấn và Bôkhara thừa kế "tâm pháp" cầu nguyện trong lòng. Có điều, như tôn sư của tôi đã giải thích, bằng cách làm như ông vừa nói nên các tu sĩ ấy đã hoàn toàn làm hỏng và xuyên tạc phương thế đó. Trong sách Philôkalia này, tất cả những lời giảng về việc thực hành cầu nguyện trong tâm hồn đều rút ra từ Lời Thiên Chúa, từ Kinh Thánh, trong đó chính Đức Giêsu Kitô đã chỉ thị cho chúng ta đọc Kinh Lạy Cha và đồng thời cũng dạy bảo chúng ta cầu nguyện không ngừng trong con tim mình. Vì Ngài đã phán rằng: "Người hãy yêu mến Thiên Chúa người với hết cả tâm hồn và hết cả tâm trí của người"; "Hãy tỉnh thức và cầu nguyện"; "Hãy ở trong Ta và Ta ở trong các người". Và dẫn chứng lời của Vua Đavít rất thánh trong Thánh Vịnh rằng: "Ôi hãy ném và hãy nhìn Thiên Chúa từ bi biết bao". Các Giáo phụ giải thích câu thánh vịnh đó như thế này: người Kitô hữu phải dùng hết mọi cách thế có thể được để tìm kiếm và nhận biết nỗi hân hoan trong việc cầu nguyện, và không ngừng tìm kiếm ơn sủng trong việc cầu nguyện, và chớ lấy làm mãn nguyện với việc chỉ đơn giản đọc Kinh Lạy Cha mỗi ngày một lần.

Con nói tiếp:

- Xin phép ông cho tôi đọc đoạn các vị thánh ấy đã quở trách như thế nào những kẻ không gắng sức để với tới trạng thái hân hoan của việc cầu nguyện bằng tâm hồn. Các vị viết rằng những kẻ làm như vậy là sai lầm vì ba lý do: thứ nhất vì họ tỏ ra mình đang chống lại Kinh Thánh, cuốn sách được thần hứng bởi Thiên Chúa; thứ hai, vì họ không đặt định đằng trước mình một trạng thái hoàn hảo cao hơn và sâu xa hơn của linh hồn để mình với tới. Họ chỉ bằng lòng với những đức tính bên ngoài nên họ không thể đối khát chân lý, và do đó, họ dễ vượt mất trạng thái ơn sủng và hân hoan trong Chúa. Thứ ba, vì họ để tâm trí dừng lại ở bên trong mình và ở trên những nét na bên ngoài của mình nên họ thường xuyên sa chước cám dỗ, kiêu ngạo, và vì thế, ngã gục.

Người quản lý nói:

- Những gì anh đọc trong sách ấy thì rất tinh tế, nhưng tôi nghĩ thật ra cái đó cũng rất khó khăn cho người giáo dân bình thường như chúng ta.

Con thưa lại:

- Vậy tôi sẽ đọc ông nghe vài điều giản dị hơn về việc làm thế nào người thiện chí có thể học cách cầu nguyện không ngừng dù họ đang sống giữa nơi thế gian này.

Con tìm bài giảng về George Người thanh niên của Simêôn Nhà thần học mới trong sách Philôkalia và đọc cho ông nghe.

Nghe xong, ông thích thú và nói:

- Anh cho tôi cuốn sách đó để lúc nào rảnh rồi tôi xem, và thỉnh thoảng tôi đọc nó.

Con trả lời:

- Tôi rất hân hạnh để ông mượn cuốn sách này trong vòng hai mươi bốn giờ, nhưng không thể lâu hơn vì tôi đọc nó hàng ngày, tôi không thể sống mà không có nó.

- Vậy anh hãy chép lại cho tôi những điều anh vừa đọc. Tôi sẽ trả công cho anh vì việc đó quý rầy anh.

Con nói:

- Tôi không muốn lấy công. Tôi sẽ chép lại cho ông vì đức bác ái và trong niềm hy vọng rằng Thiên Chúa sẽ ban cho ông sự khát khao cầu nguyện.

Vui mừng hết sức, con lập tức sao lại cho ông bài giảng con vừa đọc. Ông đọc cho bà vợ nghe, cả hai đều sung sướng. Chuyện đó đưa tới việc thỉnh thoảng ông mời con tới nhà ông. Con ra đi mang theo cuốn Philôkalia, đọc lên cho họ trong khi họ ngồi uống trà, lắng nghe.

Có lần họ mời con ở lại ăn tối. Bà vợ người quản lý là một phu nhân già, dễ mến. Đang ngồi chung bàn với chúng con ăn cá chiên thì chẳng may bà bị mắc xương. Chúng con không biết làm thế nào cho bà hết khó chịu và làm sao lấy xương ra. Bà đau đớn trong cổ họng quá sức tới độ vài giờ sau bà phải đi nằm. Cách đó ba mươi cây số có một bác sĩ. Người ta đi mời ông, và lúc ấy trời đã khuya, con phải về nhà, lòng cảm thấy thương bà quá.

Đêm đó, trong khi con đang lơ mơ ngủ thì nghe giọng nói của tôn sư. Con không thấy mặt ông nhưng nghe tiếng ông nói với con rằng:

- Người sống bên con đã chữa bệnh cho con, thế thì tại sao con chẳng giúp đỡ gì cho vợ người quản lý? Thiên Chúa đã ra lệnh cho chúng ta phải giúp đỡ người bên cạnh.

Con đáp lại:

- Giúp được bà ấy thì con rất vui, nhưng thưa cha, bằng cách nào đây? Con chẳng biết làm thế nào cả.

- Được, đây là điều con phải làm: Từ thuở còn rất nhỏ, bà ấy đã không thích dầu ăn. Bà ấy không chỉ chẳng ngửi được dầu mà còn hễ có mùi dầu là bà phát bệnh. Vậy con hãy cho bà uống một muỗng dầu. Nó sẽ làm bà ói, sẽ văng xương ra và sẽ làm dịu chỗ xương làm đau trong cổ họng, rồi bà ấy sẽ mạnh khoẻ trở lại.

- Làm sao con đưa được dầu cho bà ấy uống nếu bà không muốn? Bà ấy không chịu uống nó đâu.

- Con bảo người quản lý giữ đầu bà ấy, rồi thỉnh linh con rót vô miệng bà, cho dù phải dùng tới sức mạnh đi nữa.

Con chỗi dậy, đi một mạch tới kể cho người quản lý hết mọi chi tiết. Ông nói:

- Lúc này thì dầu chẳng lợi ích gì đâu. Bà ấy đang khản cổ và mê sảng, sung khắp cổ họng.

- Bằng mọi giá chúng ta phải cố thử; dù chẳng giúp được gì thì ít ra dầu cũng vô hại, như một loại thuốc thôi.

Ông rót ít dầu vô chiếc ly thường dùng để uống rượu, và bằng mọi cách, chúng con làm cho bà nuốt dầu. Lập tức bà đau dữ dội, liền mửa cái xương ra và một ít máu. Bà bắt đầu cảm thấy dễ chịu hơn, rồi lịm vào giấc ngủ say.

Sáng hôm sau con đến thăm bà, thấy bà ngồi yên tĩnh uống trà. Cả bà lẫn chồng đều hết sức thắc mắc về cách con vừa chữa trị cho bà, và họ còn ngạc nhiên hơn nữa, là việc trong giấc mơ con được bảo cho biết bà không thích dầu ăn. Chuyện đó ngoài họ ra thì không ai biết. Ngay lúc đó, ông bác sĩ đến. Người quản lý kể cho ông ấy những gì xảy ra cho vợ mình, và tới lượt con kể về cách mà người dân làng đã chữa chân cho con. Ông bác sĩ lắng nghe mọi chuyện rồi nói:

- Cả trường hợp trước cũng như trường hợp sau hoàn toàn chẳng có gì đáng kinh ngạc - đó chỉ là sức mạnh của tự nhiên hoạt động trong cả hai. Tuy vậy, tôi sẽ ghi lại chuyện này.

Nói xong ông rút viết chì ra, ghi vô sổ tay.

Sau đó, câu chuyện này được nhanh chóng lan truyền khắp làng xóm, rằng con là một ngôn sứ, một thầy thuốc và là một người có tài lạ. Rồi bắt đầu khách từ khắp nơi tới thăm viếng liên tiếp không ngừng, đem theo những rối rắm và những biến cố cuộc đời họ và yêu cầu con để mắt tới. Họ mang quà tới tặng con, đối xử cung kính với con và tìm kiếm nơi con lời an ủi. Con chịu đựng chuyện đó suốt một tuần lễ, và rồi sợ rằng mình sẽ sa ngã trong sự xao lãng dương dương tự đắc và tai hại cho mình, con bí mật bỏ đi vào ban đêm.

Vậy thêm lần nữa con cất bước trên con đường cô đơn của mình, lòng cảm thấy vô cùng nhẹ nhàng như thể vừa trút khỏi vai một gánh rất nặng nề. Lời cầu nguyện lại càng an ủi con hơn, tới độ đôi khi tim con sủi bọt với tình yêu thương vô biên Đức Giêsu Kitô, và từ trạng thái khoái cảm đó, dường như nguồn suối ủi an tuôn chảy khắp châu thân con. Sự tưởng nhớ Đức Giêsu Kitô hằn sâu trong tâm trí con khiến con nghiền đi ngẫm lại những câu chuyện trong sách Tin Mừng tới mức dường như con thấy các biến cố xa xưa ấy đang diễn ra ngay trước mắt mình. Con cảm động tới nỗi trào nước mắt hân hoan, và đôi khi trong con tim mình cảm thấy khoan khoái tới độ con bối rối không biết làm sao kể lại được.

Đôi khi thực tế xảy ra là trong ba ngày liên tiếp con không gặp được nơi nào có người ở, và trong trạng thái tâm hồn hướng lên cao, con cảm thấy như thể trên địa cầu này chỉ có một mình con, kẻ tội lỗi tởm trước Thiên Chúa đầy lòng từ bi và yêu thương loài người. Cảm giác sống cô đơn đó là niềm an ủi con và làm cho con cảm thấy thêm sung sướng trong khi cầu nguyện riêng, hơn rất nhiều những khi con hoà trộn chung với đám đông người ta.

Cuối cùng, con tới Irkutsk. Sau khi cầu nguyện trước các thánh tích của Thánh Innôcentê, con bắt đầu tự hỏi rằng mình đi đâu bây giờ. Con không muốn ở lại đây lâu vì đây là thành phố đông đúc quá. Con đang đi dọc theo đường phố miền man nhĩ ngoại thì bất ngờ gặp một thương gia người ở đây. Ông chặn con lại và hỏi:

- Anh có phải là người hành hương không? Sao anh không theo tôi về nhà tôi?

Con bằng lòng và chúng con cùng đi. Ông đem con vô ngôi nhà nhiều đồ đạc và giàu có của ông, rồi hỏi về bản thân con. Con kể ông nghe từ đầu tới cuối cuộc hành trình của mình. Nghe xong, ông nói:

- Anh phải tiếp tục hành hương tới Giêrusalem - ở đó có những đền thánh mà ta không thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào khác có cái giống như thế!

Con trả lời:

- Được như vậy thì không còn gì vui sướng hơn, nhưng tôi không có tiền. Tôi có thể đi bộ theo đất liền cho tới khi gặp biển, nhưng tôi không cách gì trả nổi chuyến vượt biển, vì nó tốn quá nhiều tiền.

Người thương gia nói:

- Anh có muốn tôi tìm tiền cho anh không? Năm ngoái, tôi đã gửi đi một người ở chung thành phố này, một ông lão.

Con sắp mình xuống chân ông, và ông tiếp tục nói:

- Anh hãy nghe đây. Tôi sẽ giao anh một lá thư gửi con trai tôi ở Odessa. Nó sinh sống ở đó và làm ăn giao dịch với Conxstantinôp. Nó sẽ vui mừng giúp anh quá giang trên một trong các con tàu đi Conxstantinôp, rồi bảo đại lý của nó ở đó ghi tên anh đi Giêrusalem trên một con tàu khác, và nó chịu trả tiền chuyến đi đó. Đi theo cách như vậy thì không tốn nhiều tiền lắm.

Nghe như vậy, con vui mừng choáng váng và cảm ơn vị ân nhân của mình vì lòng ưu ái của ông ấy. Còn hơn thế nữa, con cảm ơn Thiên Chúa đã tỏ cho con tình cha con của Ngài và sự chăm sóc



của Ngài dành cho con, kẻ tội lỗi tá tội, kẻ chẳng làm được điều gì tốt cho bản thân và cho bất cứ người nào khác, và trong lười nhác, ăn bánh mì của người khác.

Con ở lại ba ngày với người thương gia tử tế đó. Như đã hứa, ông đưa lá thư gửi gắm con cho con trai ông, và lúc này con đang trên đường đi Odessa dự tính đi tiếp cho đến khi con tới được Giêrusalem. Nhưng con không biết Chúa có để cho con tới được thánh mộ truyền sức sống chí tôn chí kính của Ngài hay không.



## CHƯƠNG BA

Vào hôm trước ngày rời Irkutsk, tôi đến gặp cha linh hướng của mình, người mà tôi thường xuyên đàm đạo. Tôi thưa với ông:

- Thưa cha, con thật sự lên đường đi Giêrusalem đây. Con tới chào từ biệt và cảm ơn tình yêu của cha đã vì Đức Kitô mà dành cho con, một kẻ hành hương bất xứng.

Ông đáp lại:

- Nguyện xin Thiên Chúa ban phước lành cho chuyến đi của con. Nhưng tại sao con chưa bao giờ kể cho ta nghe về con, rằng con là ai, con từ đâu tới đây? Ta đã nghe nhiều điều về các chuyến đi của con, và ta sẽ vô cùng thích thú khi được biết ít nhiều về sự chào đời và cuộc sống của con trước ngày con trở thành người hành hương.

Tôi trả lời:

- Vậy thì thưa cha, thật hân hạnh cho con. Con sẽ kể hết mọi sự cha nghe. Chuyện không dài lắm, nó như thế này:

Con sinh ra tại làng quê trong một tỉnh vùng Orel. Sau khi cha mẹ con qua đời, chỉ còn lại hai anh em: anh con và con. Lúc ấy anh con mười tuổi và con lên hai. Ông nội con, một người đáng trọng và có đời sống khá thoải mái, nuôi dưỡng hai anh em con. Ông nội con làm chủ một quán trọ sát bên đường cái, và vì tâm hồn ông trọn lành nên quán trọ có nhiều lữ khách. Anh của con là một thiếu niên bốc đồng, suốt ngày rong chơi khắp làng. Còn phần con, con muốn rằng cách tốt là ở bên ông nội của mình.

Vào các ngày Chúa Nhật và ngày lễ trọng, hai ông cháu chúng con cùng nhau đi nhà thờ. Ở nhà, ông nội của con thường đọc Kinh Thánh, chính cuốn Kinh Thánh này, cuốn hiện nay thuộc về con đây. Anh của con lớn lên thì đâm ra rượu chè. Có lần khi con lên bảy, hai anh em nằm trên một lò sấy, anh ấy xô con rất mạnh tới độ con té xuống đất và bị thương nơi cánh tay trái. Kể từ ngày đó con không sử dụng được nó nữa, khắp cánh tay bại xuống dần. Ông nội của con thấy là con không còn có thể hợp với việc canh tác đất đai nên dạy con đọc. Vì không có sách đánh vần nên ông dạy con đánh vần bằng cuốn Kinh Thánh. Ông chỉ các chữ cái và tập cho con dò chữ, học cách nhìn chúng mà nhận

mặt chữ. Tự con thì không cách gì nhận ra được nên bằng cách này hoặc cách khác, con lặp đi lặp lại hoài theo ông nội. Về sau, khi mắt nhìn của ông yếu dần, ông thường bảo con đọc lớn Kinh Thánh để ông vừa nghe vừa sửa chữa những chỗ sai cho con. Có một tu sĩ thường hay tới trọ tại quán của ông nội con. Ông ấy viết chữ đẹp lắm, con thích nhìn ông ấy viết. Con bắt chước chữ viết của ông ấy, và ông ấy bắt đầu dạy con tập viết. Ông ấy cho con giấy mực, dạy con làm bút bằng lông ngỗng, và nhờ vậy, con cũng được học viết. Ông nội của con rất bằng lòng và càng thêm ân cần đối với con. Ông nội của con nói:

- Thiên Chúa đã ban cho cháu tặng phẩm học hành. Nó sẽ làm cháu nên người. Cháu hãy dâng lời cảm tạ Thiên Chúa và hãy thường xuyên cầu nguyện.

Ông nội của con và con thường tham dự tất cả các buổi phụng vụ tại nhà thờ; và tại nhà mình, chúng con thường đọc kinh. Phần của con là ngày nào cũng phải đọc Thánh Vịnh số năm mươi mốt, và trong khi con đọc thì ông nội bà nội của con sắp mình xuống đất hoặc quỳ gối.

Năm con được mười bảy tuổi, bà nội con qua đời. Rồi ông nội nói với con:

- Ngôi nhà này của chúng ta không còn nữa chủ nhân, và như vậy không tốt. Anh của cháu là một tên vô tích sự. Ta sẽ kiếm cho cháu một người vợ; cháu phải lập gia đình.

Con không chịu ý kiến đó, nói rằng con là kẻ tàn tật, nhưng ông không nhượng bộ. Ông tìm được một thiếu nữ có phẩm hạnh và có lương tri, tuổi chừng hai mươi, rồi con cưới cô ấy.

Một năm sau, ông nội con ngã bệnh rất nặng. Biết rằng cái chết đã gần kề, ông cho gọi con tới, nói lời vĩnh biệt con, và trối trăng rằng:

- Ta để lại cho cháu ngôi nhà này và tất cả những gì ta có. Cháu hãy nghe theo tiếng nói của lương tâm mình, đừng lừa dối ai; và trên hết, cháu hãy cầu nguyện Thiên Chúa vì mọi sự từ Ngài mà có. Cháu hãy tin duy nhất vào một mình Ngài thôi. Cháu hãy thường xuyên đi nhà thờ, đọc cuốn Kinh Thánh của cháu, và hãy nhớ đến ta cùng bà nội của cháu trong lời cầu nguyện. Đây là số tiền của ta, ta cho cháu, một ngàn đồng rúp. Cháu hãy cai quản nó. Đừng tiêu xài phung phí, mà cũng đừng keo kiệt. Cháu hãy đem một ít cho người nghèo và cho giáo hội của Thiên Chúa.

Nói xong, ông nội của con qua đời và con chôn cất ông.

Anh của con sinh lòng ganh tị vì tất cả tài sản được để lại cho con. Lòng giận của anh ấy càng ngày càng tăng, và kẻ thù xúi giục anh tới mức làm cho anh có luôn cả cái việc sắp đặt kế hoạch giết con. Cuối cùng, vào một đêm khi vợ chồng con đang ngủ và trong nhà không có người khách trọ nào thì anh thực hiện kế hoạch. Anh phá cửa xông vô buồng cất tiền, lấy hết tiền trong rương, rồi đốt luôn buồng đó. Tới khi chúng con biết ra thì lửa đã cháy lan khắp toà nhà. Chúng con chỉ kịp nhảy qua cửa sổ, mình còn mặc quần áo ngủ. Cuốn Kinh Thánh nằm dưới gối nên chúng con chụp lấy, mang theo mình. Nhìn ngôi nhà bốc cháy, chúng con bảo nhau rằng:

- Tạ ơn Thiên Chúa đã cứu được cuốn Kinh Thánh, và ít ra đó là niềm ủi an trong cơn sầu khổ này.

Như vậy, tất cả những gì chúng con có đều bị cháy ra tro, và anh của con bỏ đi không để lại dấu vết. Về sau, con nghe nói rằng có lần uống rượu vào, anh khoe việc anh lấy tiền và đốt nhà.

Chúng con chỉ còn lại trần trụi và đồ nát, giống hệt người hành khất. Có hết sức mình, chúng con mượn được ít tiền, dựng một túp lều nhỏ và sinh sống như người nhà quê không có chút đất đai nào. Vợ con vốn khéo tay. Cô ấy đan, xe chỉ và may. Người ta giao công việc cho cô ấy làm. Suốt ngày suốt đêm vợ con làm việc và chăm sóc con. Với cánh tay vô dụng của mình, con còn không thể làm nổi giày bằng vỏ cây. Vợ con đan và xe chỉ, con ngồi bên cạnh và đọc Kinh Thánh. Cô ấy lắng nghe, thỉnh thoảng bắt đầu khóc. Khi con hỏi vợ con rằng:

- Có chuyện gì mà em khóc? Ít ra là chúng ta còn sống, mình hãy cảm tạ Thiên Chúa!

Vợ con trả lời là:

- Em khóc vì quá xúc động về những lời lẽ tuyệt đẹp trong Kinh Thánh.

Nhớ lại lời ông nội của con đã truyền cho chúng con, chúng con thường ăn chay. Mỗi sáng sớm, chúng con đọc Kinh Truyền Tin Thánh Nữ Maria và đêm về, mỗi người chúng con sắp mình một ngàn lần để tránh sa chước cám dỗ. Chúng con sống khá yên ổn suốt hai năm. Nhưng điều rất kinh ngạc là - dù không biết dâng lên bằng trái tim mình việc cầu nguyện trong lòng, và quả thật chưa bao giờ nghe nói tới việc đó - chúng con chỉ biết cầu nguyện bằng miệng bằng lưỡi của mình và sắp mình mà không nghĩ ngợi gì, giống như người làm xiếc nhào lộn; tuy vậy, bất chấp những cái đó, chúng con vẫn có lòng ước muốn cầu nguyện. Những lời kinh tuy dài và khi đọc lên chúng con chẳng hiểu gì cả nhưng chúng con cảm thấy hình như không có chút mệt mỏi nào. Điều đó rõ ràng là có thật, như một ông giáo từng có lần dạy con rằng việc cầu nguyện nằm sâu kín bên trong trái tim con người một cách bí nhiệm. Con người tự nó cũng không nhận ra điều đó, nhưng chính hoạt động bí nhiệm bên trong linh hồn của nó thúc giục nó cầu nguyện, tùy theo tầm mức hiểu biết và sức mạnh của mỗi người.

Sau hai năm sống cuộc sống được dẫn dắt như vậy, vợ con thành linh ngã bệnh sốt cao. Cô ấy chịu Minh Thánh Chúa và tới ngày bệnh thứ chín thì qua đời.

Con lúc này hoàn toàn bị bỏ lại một mình trên cõi đời. Con không thể làm được loại lao động nào cả, vậy mà vẫn phải sống, phải đi ăn mày, sống một cuộc sống ngược lại lương tâm mình. Bên cạnh đó, con cảm thấy đau khổ vô cùng vì mất đi người vợ, tới độ con chẳng tha thiết gì tới bản thân mình nữa. Hễ tình cờ đi vô túp lều nhỏ của hai đứa, mắt chợt nhìn thấy quần áo của vợ con hoặc khăn quàng của cô ấy là con bật khóc, đôi khi ngã đất xuống bất tỉnh.

Cảm thấy sống trong nhà mình thì không còn chịu đựng nổi đau thương, con bán túp lều được hai mươi đồng và đem quần áo của vợ chồng con cho người nghèo. Vì cánh tay bị tật, con được cấp giấy thông hành miễn mọi nhiệm vụ sưu dịch. Cầm cuốn Kinh thánh, con lên đường, không băn khoăn cũng chẳng nghĩ ngợi là mình sẽ đi đâu.

Nhưng sau một lúc, con bắt đầu suy nghĩ mình sẽ đi nơi nào đây, và tự nhủ với mình rằng:

- Trước hết, mình hãy đi Kiev. Mình sẽ kính viếng đền thánh của những vị đã làm vui lòng Thiên Chúa và cầu xin chur vị cầu bầu cho mình trong cơn khủng hoảng này.

Ngay khi quyết định như vậy, con bắt đầu cảm thấy khá hơn, và với niềm an ủi lớn lao, con lên đường đi Kiev.

Từ ngày đó, trong suốt mười ba năm nay, con đi lang thang nơi này nơi nọ. Con đã đi qua nhiều nhà thờ và nhiều tu viện, nhưng thời gian này, con càng ngày càng lang thang xa hơn qua nhiều sườn đồi và nhiều cánh đồng. Con không biết liệu Thiên Chúa có đoái thương để cho con đi tới

Giêrusalem hay không. Nếu đó là thánh ý Ngài, thì khi thời điểm đến, nắm xương tội lỗi của con có thể được nghỉ an nơi thành thánh đó.

- Và hiện nay con bao nhiêu tuổi rồi?

- Thừa cha, con ba mươi ba.

- A, người anh em yêu quý, con đã với tới tuổi của Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta.



## CHƯƠNG BỐN

"Nhưng tốt đẹp biết bao khi tôi giữ mình bền vững ở bên Thiên Chúa và đặt lòng tin cậy vào Thiên Chúa, Chúa chúng ta."

Dân Nga có một câu cách ngôn rất đúng: "Người tính Chúa định", tôi nói như vậy khi trở lại gặp cha linh hướng.

- Thừa cha, con đã tin chắc chắn rằng lúc này mình đang trên đường đi Giêrusalem. Nhưng cha coi, mọi việc đã đổi khác biết bao. Đã xảy ra chuyện con không ngờ tới chút nào và giữ con ở lại vị trí cũ. Con phải kể cha nghe chuyện đó và đồng thời xin cha cho con lời khuyên về quyết định của con.

Chuyện xảy ra như thế này.

Con đã chào từ giã mọi người, với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, con cũng đã cất bước lên đường. Con ra tới vùng ven thành phố thì gặp một người quen đứng ở trước cổng ngôi nhà chót hết. Anh ấy từng là người hành hương như con nhưng từ ba năm nay con không gặp lại anh. Chúng con chào nhau, anh hỏi con đi đâu. Con trả lời rằng:

- Theo thánh ý Thiên Chúa, tôi muốn đi Giêrusalem.

Nghe vậy, anh ấy nói:

- Tạ ơn Thiên Chúa! Có một người bạn đường dễ thương cho anh đây.

Con nói:

- Xin Thiên Chúa ở cùng anh và ở cùng người đó, nhưng chắc anh cũng biết tôi không bao giờ đi chung với ai. Lúc nào tôi cũng lang thang một mình.

- Tôi biết, nhưng anh nghe đây. Tôi cảm thấy chắc chắn rằng đây là người cùng loại với anh và hai người sẽ hợp nhau từ đầu tới chân. Chuyện như thế này, ông chủ nhà mà tôi đang giúp việc đây có ông bố đang ngất ngư với lời thề đi Giêrusalem, và hai vị sẽ mau thân nhau lắm. Cụ là một ông lão đạo hạnh, dân thành phố này, thêm nữa, cụ điếc một trăm phần trăm. Dù anh có hét có la lớn tới mấy đi nữa cụ cũng không nghe ra một tiếng. Muốn hỏi cụ điều gì thì anh phải viết ra giấy cho cụ trả lời. Anh thấy đó, cụ sẽ chẳng làm phiền gì anh khi đi đường; ngay cả khi ở trong nhà này, cụ cũng im

lặng hết ngày này qua ngày khác. Còn mặt khác nữa, trên đường đi anh sẽ giúp đỡ cụ rất nhiều. Con trai của cụ cho cụ một con ngựa với một chiếc xe, cụ sẽ đánh xe tới Odessa rồi bán cả xe lẫn ngựa ở đó. Cụ chỉ muốn đi bộ nhưng đi xe ngựa thì cũng tốt vì cụ có hành lý và muốn mang ít của lễ tới dâng nơi mộ Chúa. Và dĩ nhiên là anh có thể cho ba lô của anh lên xe của cụ.

Anh thuyết phục con:

- Vậy anh nghĩ dùm tôi coi, làm sao chúng tôi có thể yên tâm tiễn một ông cụ như thế lên đường chỉ với con ngựa đi theo thôi rồi để một mình cụ xoay sở suốt cả chuyến đi dài dằng dặc như vậy? Người ta đã cất công tìm xem có ai chịu đi theo chăm sóc cụ không nhưng ai cũng đòi tiền công cao quá; hơn nữa, thật liều mạng nếu gởi gắm cụ cho người không quen biết vì cụ có mang theo tiền bạc với đồ đạc. Đồng ý nghe, người anh em, thật là ổn thỏa. Vậy đó, vì vinh quang của Thiên Chúa và tình yêu người bên cạnh, anh quyết định đi. Tôi đứng ra bảo đảm anh với người nhà của ông chủ thì không ai mà không thích; họ đều là người tử tế và quý mến tôi lắm. Tôi làm việc cho họ được hai năm rồi.

Từ đầu tới cuối cuộc nói chuyện diễn ra trước công, sau đó anh đưa con vô nhà. Ông chủ có mặt ở đó và con thấy ai nấy trong nhà đều đáng trọng và nhã nhặn nên con đồng ý với lối sắp xếp của họ. Như vậy đó, lúc này chúng con đang sửa soạn để sau lễ Giáng sinh hai ngày, chúng con sẽ cùng nhau dự thánh lễ xuất hành và lên đường với phúc lành của Thiên Chúa. Chuyến đi để đời này thật là lạ lùng! Đúng là lúc nào nơi nào thì Thiên Chúa và Thánh ý Quan phòng của Ngài cũng hướng dẫn mọi hành động và chế ngự mọi dự tính của chúng ta, như có lời đã nói rằng: "Chính Thiên Chúa hoạt động trong người, cả trong ý người muốn lẫn trong việc người làm."

Nghe xong chuyện, cha linh hướng nói:

- Người anh em thân mến, ta vui hết sức vì Thiên Chúa đã truyền lệnh đó khiến ta được gặp lại con, hoàn toàn bất ngờ và gặp liền tức khắc. Lúc này vì con rộng rãi thì giờ, ta muốn giữ lại con thêm ít lâu trong tình yêu thương trọn vẹn, và xin con hãy kể thêm cho ta nghe những kinh nghiệm mà con đã gặp trên đường hành hương vạn dặm, để lấy đó làm bài học. Ta đã lắng nghe với niềm vui sướng và quan tâm sâu xa tới những gì con kể cho ta trước đây.

Tôi đáp lại:

- Con xin sẵn sàng và sung sướng vâng theo ý cha.

Và bắt đầu kể như sau:

Đã xảy tới cho con nhiều điều lớn lao, một số thì tốt, một số thì xấu. Nếu con kể hết tất cả ra thì mất nhiều ngày giờ quá, hơn nữa con quên cũng đã nhiều. Vì con chỉ nhớ đặc biệt tới những điều có tính cách dạy bảo và thúc giục linh hồn u tối của con cầu nguyện. Ngoài những điều đó ra thì ít khi con nhớ; hoặc đúng hơn, con muốn quên quá khứ, như thánh Phaolô đã truyền lệnh lúc ngài nói rằng:

-Trong khi quên những gì phía sau và trong khi thẳng tiến tới những gì phía trước, tôi vội vã hướng đến mục tiêu phần thưởng của lời gọi cao cả.

Tôn sư quá cố, mà con nhớ tường với lòng biết ơn, cũng thường nói với con rằng những sức mạnh chống lại sự cầu nguyện trong lòng thường tấn công chúng ta từ cả hai bên: từ bên tay trái và từ bên tay phải. Nói cách khác, nếu kẻ thù không lung lạc được chúng ta với những ý nghĩ viển vông hoặc những ý tưởng tội lỗi của chính ta để chúng ta khỏi cầu nguyện, thì lúc ấy, chúng sẽ lại mang trở



vào tâm trí chúng ta những gì tốt lành mà chúng ta đã được dạy bảo và làm tràn ngập lòng chúng ta với những ý tưởng tuyệt đẹp, để bằng cách này hoặc bằng cách khác, chúng có thể cảm dỗ cho chúng ta đừng cầu nguyện, vì cầu nguyện là việc chúng không chịu đựng nổi. Cái đó gọi là, "tên trộm từ bên tay phải", và trong cảm dỗ đó, linh hồn đặt qua một bên việc chuyện trò với Thiên Chúa mà thích chuyện trò với bản ngã và với những gì nhân tạo.

Vì vậy, tôn sư đã dạy con rằng:

- Trong lúc cầu nguyện đừng để cho len vào tâm trí mình những ý tưởng tâm linh cao vời nhất; và nếu có ngày nào mà từ sáng tới tối, con thấy mình bỏ ra số thì giờ cho việc cải thiện tư tưởng và đàm đạo nhiều hơn số thì giờ bỏ ra cho việc thật sự cầu nguyện thầm kín trong lòng, thì lúc đó con phải nghĩ rằng đó là một ngày lãng phí, không cân đối hoặc đó là dấu hiệu của sự tham lam tinh thần.

Ông còn nói rằng:

- Trong trường hợp những người mới bắt đầu tập luyện cầu nguyện thì điều ông vừa nói là hoàn toàn đúng, vì họ là những người cần số thì giờ để cầu nguyện nhiều hơn số thì giờ dành cho những mặt khác của cuộc sống mộ đạo.

Nhưng người ta không thể nào quên hết mọi sự. Một vấn đề có thể tự chúng ghi khắc trong tâm trí ta sâu tới độ cho dù trong một thời gian rất dài ta không nghĩ tới chúng nhưng vào một lúc nào đó, ta vẫn nhớ lại chúng một cách rất rõ ràng. Một trường hợp điển hình là việc con được Thiên Chúa xem là đáng để cho ở lại vài ngày với một gia đình đạo đức theo cách sau đây:

Vào những ngày lang thang trong tỉnh bang Tobolsk, tình cờ con đi ngang một thị trấn vùng quê. Bánh mì khô mang theo sắp hết nên con tới một nhà trong thị trấn xin thêm một ít. Chủ nhà nói:

- Tạ ơn Thiên Chúa, anh tới thật đúng lúc - vợ tôi vừa lấy bánh ra khỏi lò, có ổ nóng cho anh đây. Xin anh nhớ tới chúng tôi trong lời cầu nguyện của anh.

Con cảm ơn người chồng, dứt bánh mì vô ba lô thì người vợ ngắm nghía con rồi nói:

- Ba lô của anh rách quá, nát hết rồi. Tôi cho anh cái khác thay vào.

Và bà cho con một cái ba lô tốt, thật chắc. Con hết sức cảm ơn họ và tiếp tục đi.

Trên đường rời thị trấn, con vô một cửa tiệm nhỏ xin ít muối. Người bán hàng cho con một túi nhỏ đầy muối. Con vui mừng phấn khởi, cảm tạ Thiên Chúa đã dẫn dắt con, một kẻ bất xứng, được gặp những người quá tử tế như vậy. Con nói với mình rằng:

- Lúc này, mình không phải lo lắng về thực phẩm, mình sẽ no đủ và mãn nguyện suốt tuần lễ. Ôi, linh hồn ta ơi, hãy tạ ơn Thiên Chúa!

Cách thị trấn khoảng năm cây số, con đường con đi chạy qua một làng nghèo có ngôi nhà thờ nhỏ bằng gỗ, mặt ngoài sơn và trang trí rất đẹp. Khi đi ngang nhà thờ, con cảm thấy ao ước được tôn vinh nhà của Thiên Chúa và con bước qua vòm cổng, vào cầu nguyện một lúc.

Trên bãi cỏ bên cạnh nhà thờ có hai trẻ nhỏ đang đùa giỡn, chừng năm sáu tuổi. Con nghĩ chắc chúng là con của linh mục quản xứ vì chúng mặc quần áo rất dễ thương. Đọc kinh xong, con tiếp tục lên đường. Mới đi cách nhà thờ chừng chục bước con nghe sau lưng có tiếng kêu:

- Ông ăn mỳ nhỏ ơi! Ông ăn mỳ nhỏ ơi! Đứng lại!

Hai trẻ nhỏ một trai một gái mà con thấy lúc này, đang cất tiếng gọi và chạy theo con. Con đứng lại, chúng chạy tới nắm tay con và nói:

- Tới gặp má, má thích người ăn mỳ lắm.

Con nói với chúng rằng:

- Tôi không phải ăn mỳ. Tôi chỉ là người qua đường.

- Vậy tại sao ông đeo cái bị?

- Để đựng bánh mì ăn dọc đường.

- Dù sao ông cũng phải tới. Má sẽ cho ông ít tiền đi đường.

Con hỏi:

- Mà má các cháu ở đâu?

- Ngay sau nhà thờ, phía sau lùm cây kia kia.

Chúng dẫn con vào một khu vườn tuyệt đẹp, giữa vườn có một ngôi nhà gỗ lớn. Chúng con vô bên trong, nhà sạch sẽ và hết sức trang nhã! Bà chủ nhà vội vàng bước ra đón chúng con và reo lên rằng:

- Xin chào, xin chào! Thiên Chúa gửi anh tới cho chúng tôi; và anh đến đây như thế nào? Mời ngồi, mời ngồi.

Bà vừa nói vừa đưa tay tháo ba lô của con, đặt lên trên bàn, và ấn người con ngồi xuống một chiếc ghế bọc đệm rất êm:

- Anh chẳng muốn ăn gì sao? Uống tách trà nhé? Anh không cần gì sao?

Con trả lời:

- Tôi hết sức biết ơn bà, nhưng tôi có đầy một bọc bánh mì rồi. Thưa thật với bà, tôi có đem theo trà nhưng người nhà quê chúng tôi ít khi dùng tới. Đối với tôi, sự chào đón vồn vã và đầy yêu thương của bà còn gấp mấy lần bà mời mọc tôi. Tôi sẽ cầu nguyện xin Thiên Chúa ban ơn thêm cho bà vì đã bày tỏ lòng ưu ái như thế đối với người lạ theo tinh thần Phúc âm.

Trong khi con đang nói như vậy thì có một cảm xúc mạnh mẽ lan tỏa khắp mình mẩy con, thúc giục con thêm lần nữa rút lui vào bên trong con người mình. Lời cầu nguyện Đức Giêsu trào lên trong tim con, con cần yên tĩnh và im lặng để ngọn lửa cầu nguyện đang bốc lên đó có chỗ thăng thang hoạt động, cũng như để không cho người khác nhận ra những dấu hiệu bên ngoài đang xuất hiện cùng với nó, thí dụ như những giọt nước mắt, những tiếng thở dài, những rung động bất thường trên mặt con, trên môi con. Vì vậy, con đứng lên và nói rằng:

- Xin bà tha thứ cho, tôi phải đi ngay. Xin Chúa Giêsu ở cùng bà và ở cùng những đứa con yêu quý của bà.

Bà lật đật cản lại:

- Ô, không! Thiên Chúa cấm anh đi ngay như thế này. Tôi không để anh đi đâu. Chồng tôi làm quan tòa ở thị trấn sẽ về nhà tối nay, và gặp được anh thì ông ấy mừng biết mấy! Ông ấy kính trọng mỗi người hành hương như một sứ giả của Thiên Chúa. Anh đi ngay thì sẽ làm cho ông ấy khổ tâm vì không gặp được anh. Còn nữa, mai là ngày Chúa nhật, trong thánh lễ anh sẽ cùng chúng tôi cầu nguyện, và tại bàn ăn tối nay, anh sẽ cùng ăn chung với chúng tôi những gì mà Thiên Chúa đã gửi cho. Vào các ngày lễ trọng, chúng tôi lúc nào cũng có ba chục người khách, tất cả đều là anh chị em nghèo khó trong Đức Giêsu Kitô. Đã tới đây sao anh không nói gì hết về mình, anh từ đâu tới, và rồi anh đi đâu? Nói chuyện cho tôi nghe với. Tôi thích nghe người mộ đạo nói chuyện về tâm linh. Nay các con! Dem ba lô của người hành hương này vô phòng nguyện, ông ấy sẽ nghỉ đêm tại đó.

Nghe những lời bà ấy nói con sững sờ tự hỏi không biết mình đang nói chuyện với một con người hay với một loại ma quái nào đây.

Và như thế con ở lại, chờ chồng bà. Con kể vắn tắt cho bà nghe các chuyến đi của con và nói con đang trên đường đi Irkutsk.

Nghe như vậy, bà bảo con:

- Vậy là anh phải đi ngang Tobolsk. Mẹ ruột tôi hiện là đan sĩ khổ tu trong một đan viện ở đó; bà theo chế độ nghiêm ngặt nhất của tu viện. Chúng tôi sẽ đưa anh một bức thư và gặp anh thì mẹ tôi mừng lắm. Rất nhiều người tới hỏi ý kiến bà về những vấn đề tâm linh. Với lại anh có thể mang cho mẹ tôi cuốn sách của Thánh Gioan Cái thang mà chúng tôi mới đặt mua ở Mátcova theo yêu cầu của bà. Mọi việc thiết là ăn khớp hết sức!

Lát sau tới giờ ăn tối, chúng con ngồi vào bàn. Có bốn phụ nữ khác đến và bắt đầu bữa ăn với chúng con. Ăn xong món thứ nhất, một bà đứng lên, cúi đầu trước tượng thánh rồi nghiêng mình về phía chúng con. Rồi bà đi lấy thức ăn, dọn món thứ hai ra và ngồi xuống. Xong món đó, một phụ nữ khác cũng làm giống y như thế và đi lấy món thứ ba. Thấy vậy con nói với bà chủ nhà:

- Tôi xin đánh bạo hỏi không biết các bà này có phải là thân nhân của bà không?

- Phải, họ quả thật là chị em với tôi; đây là bà bếp của tôi; kia là vợ người đánh xe; và bà này giữ chìa khóa cho tôi, và bà này nữa là người hầu của tôi. Họ đều đã lập gia đình. Trong nhà này không có thiếu nữ độc thân nào cả.

Càng nghe càng thấy mọi sự ở đây con càng kinh ngạc, và con cảm tạ Thiên Chúa đã cho con gặp được những người mộ đạo này. Con cảm thấy trong tim mình đang khuấy động lời cầu nguyện vì thế con muốn được ở một mình càng sớm càng tốt để việc cầu nguyện không bị ngăn trở. Ngay khi tất cả đứng lên rời bàn ăn, con nói với bà chủ nhà rằng:

- Chắc sau bữa ăn bà phải nghỉ ngơi đôi chút, tôi cũng thường tản bộ, tôi sẽ đi dạo trong vườn.

Bà trả lời:

- Không, tôi không nghỉ ngơi. Tôi đi vô vườn với anh, rồi anh sẽ kể cho tôi nghe năm ba điều để tôi được học hỏi. Lũ trẻ không để anh yên đâu nếu anh đi một mình. Thấy anh là chúng chạy lại ngay và không rời anh ra một phút. Chúng rất quý mến người hành khất, người hành hương và các anh em trong Đức Kitô.

Thế là con phải đi với bà thôi. Để khỏi phải nói một mình, vừa bước vào vườn, con liền rạp đầu sát đất trước mặt bà và nói:

- Xin bà vui lòng cho tôi biết bà sống mộ đạo như thế này đã bao lâu rồi và làm thế nào mà bà sống được mãi như thế này?

Bà trả lời:

Nếu anh muốn nghe thì tôi sẽ kể hết đầu đuôi câu chuyện. Anh biết không, mẹ tôi là cháu gọi bằng cô của Thánh Dôasáp mà di hài an nghỉ tại Byelgorod. Chúng tôi có một ngôi nhà rộng ở thành phố và cho thuê một phần ngôi nhà ấy. Khách thuê nhà là một người quý tộc nhưng không được may mắn. Sau một thời gian, ông ấy qua đời, để lại bà vợ đang mang thai, và rồi khi sinh nở, bà ấy cũng qua đời. Trẻ sơ sinh đó thành mồ côi khốn khổ, được mẹ tôi thương xót nhận làm con nuôi. Sau đó một năm, tôi chào đời. Hai đứa chúng tôi lớn lên bên nhau, cùng nhau học hành, chung thầy chung lớp, và chúng tôi đối xử với nhau như anh em ruột thịt. Ít lâu sau cha tôi qua đời, mẹ tôi từ bỏ cuộc sống thành thị, cùng với chúng tôi dời tới sống ở cơ ngơi nhà đất mà bà thừa kế tại vùng này.

Khi chúng tôi trưởng thành, bà cho tôi kết hôn với người anh nuôi ấy, giao lại cơ ngơi này cho chúng tôi rồi bà đi tu, vào ở trong đan viện mà bà đã có một căn buồng làm sẵn cho mình. Bà ban cho chúng tôi ơn phúc của một người mẹ, và thể theo ước nguyện sau cùng cũng như có ghi rõ trong chúc thư, bà thúc giục chúng tôi sống làm người Kitô hữu tốt lành, tha thiết đọc kinh, và trên tất cả, thực hiện giới răn vĩ đại nhất của Thiên Chúa là yêu thương người bên cạnh một cách mộc mạc và khiêm tốn trong Đức Kitô, cho ăn uống và bảo dưỡng những anh em nghèo, nuôi dạy con cái trong sự kính sợ Thiên Chúa và đối xử với các nông nô như những người anh em của mình.

Và chúng tôi sống theo cách như vậy suốt mười năm nay, cố gắng hết sức mình để thực hiện ý nguyện sau cùng của mẹ chúng tôi. Chúng tôi có một nhà khách dành cho người hành khất, lúc này ở đó đang sống hơn mười người tàn tật và đau ốm. Nếu anh quan tâm thì ngày mai chúng ta qua thăm họ.

Khi bà chấm dứt câu chuyện, con hỏi bà đang để ở đâu cuốn sách của Thánh Gioan Cái thang mà bà muốn gửi cho mẹ mình. Bà trả lời:

- Vào nhà đi, tôi sẽ tìm cuốn sách đó cho anh.

Chúng con vừa mới ngồi xuống, bắt đầu đọc cuốn đó thì chồng bà đi vào, thấy con ông niềm nở chào. Chúng con hôn nhau như hai người bạn trong Đức Kitô, rồi ông vừa đem con vô phòng đọc sách của ông vừa nói:

- Người anh em thân mến, đi, chúng ta vô phòng làm việc của tôi, và anh sẽ chúc lành cho căn phòng nhỏ đó. Chắc chắn là bà ấy - ông đưa tay chỉ bà chủ nhà - đang quấy rầy anh. Hễ vừa mới lọt vô mắt mình một người hành hương nào, dù nam hay nữ, hay một người bệnh nào là bà ấy hết sức vui mừng tới độ quần quít lấy họ, ngày cũng như đêm. Bà ấy sống như vậy hết năm này qua năm khác.

Chúng con đi vào phòng sách của ông. Ở đây có rất nhiều sách, nhiều tượng ảnh tuyệt đẹp và cây thánh giá truyền sức sống với khuôn mặt to như người thật. Đặt kế bên thánh giá là một cuốn Tin Mừng! Con vội thốt lời cầu nguyện. Con nói:

- Ông đang trong vườn địa đàng của Thiên Chúa ở ngay đây. Đây là chính Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta và Mẹ Chí Thánh của Ngài, và các thánh đây ơn phước!

Con tiếp tục vừa chỉ tay vào các cuốn sách vừa nói:

- Và đó là những lời dạy dỗ của chư vị, những lời thiêng liêng, sống động, bất diệt. Tôi chắc là ông thường xuyên vui sướng chuyện trò một cách siêu phàm với ngân ấy sách.

Ông trả lời:

- Vâng, thú thật tôi là người thích đọc sách.

- Ông đang có loại sách nào tại đây vậy?

Ông trả lời rằng:

- Tôi có rất nhiều sách tôn giáo. Đây, anh thấy cuốn Hạnh Các Thánh để đọc quanh năm, và đó, các tác phẩm của thánh Gioan Kim khẩu, thánh Basiliô Cả.

- Ông không có cuốn nào nói về cầu nguyện sao?

- Có, tôi rất thích đọc sách nói về cầu nguyện. Ở đây có một cuốn mới nhất về chủ đề đó, tác phẩm của một linh mục ở Peter-sburg.

Ông lấy cuốn sách có nhan đề Sự Cầu Nguyện Của Chúa và chúng con bắt đầu đọc với niềm vui sướng sâu xa. Lát sau, bà chủ nhà mang trà đến, có hai đứa con của bà đi theo. Chúng kéo lê theo một hộp lớn bằng bạc đầy ắp loại bánh bít-qui và bánh ngọt mà trước đây con chưa bao giờ được nếm trong đời. Ông chủ nhà lấy cuốn sách khỏi tay con, đưa cho vợ mình và nói:

- Lúc này chúng ta sẽ yêu cầu bà ấy đọc; bà ấy đọc hay lắm, trong khi đó mình uống trà cho có thêm sức khỏe.

Như thế, bà chủ bắt đầu đọc và chúng con lắng nghe. Trong khi lắng nghe, con cảm thấy lời cầu nguyện Đức Giêsu thao tác trong trái tim mình. Càng kéo dài việc đọc sách thì lời cầu nguyện ấy càng sôi sục và lòng con càng thêm hân hoan. Đột nhiên con thấy trước mắt mình loé sáng lên như thể trong không khí có cái gì đó giống khuôn mặt vị tôn sư quá cố của con. Con giật mình, và để che giấu sự việc đó con nói:

- Xin tha lỗi cho tôi, chắc là tôi vừa ngủ gục một chút.

Kế đó, con cảm thấy như thể linh hồn của tôn sư tìm cách nhập vào linh hồn con và soi sáng linh hồn con. Con cảm thấy trong tâm trí mình có một loại ánh sáng, và một số ý tưởng về cầu nguyện đến với con. Con vội vàng làm dấu thánh giá, cố ý để các ý tưởng đó qua một bên. Khi bà chủ nhà đọc xong phần cuối cuốn sách và chồng bà hỏi rằng không biết con có thích cuốn sách đó hay không để chúng ta lại tiếp tục thảo luận. Con trả lời:

- Tôi thích lắm. "Kinh Lạy Cha" là những lời cao nhã nhất và kỳ diệu nhất trong tất cả những lời cầu nguyện thành văn mà Kitô hữu chúng ta có, vì chính Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta đích thân ban cho chúng ta. Và những giải thích mà chúng ta vừa đọc về kinh đó thì cũng rất hay, chỉ có kinh đó ứng xử toàn diện với phần lớn mặt sống động của cuộc sống Kitô hữu, và qua việc đọc các Giáo phụ thánh thiện, tôi tình cờ bắt gặp những giải thích có tính cách huyền nhiệm và lý đoán hơn về cầu nguyện.

- Anh đọc điều đó trong cuốn nào của các Giáo phụ vậy?



- Từ Maximô Người tuyên tín và Phêrô Đamascênê trong cuốn Philôkalia.
- Anh còn nhớ những lời đó không? Xin kể cho chúng tôi nghe với.
- Vâng, tôi có nhớ:

Lời đầu tiên của "Kinh Lạy Cha" là: 'Lạy Cha chúng con ở trên trời', mà cuốn sách chúng ta vừa đọc cắt nghĩa rằng đó là lời kêu gọi chúng ta hãy yêu thương người bên cạnh mình vì tất cả chúng ta đều là con của một Cha duy nhất, cắt nghĩa như thế rất đúng. Nhưng trong sách Philôkalia của các Giáo phụ thì có lời giải thích xa hơn và có tính cách tâm linh sâu sắc hơn. Các vị nói rằng khi sử dụng câu kinh đó chúng ta nên nâng tâm trí mình lên hướng tới thiên đàng, tới người Cha trên trời, và lúc nào cũng hãy nhớ rằng chúng ta đang ở trong hình bóng của Thiên Chúa.

Câu: 'Nguyện danh Cha cả sáng', được giải thích trong sách của ông là, vì trân trọng, chúng ta chỉ được phép thốt lên Danh Thiên Chúa với lòng tôn kính, không được dùng Danh Thiên Chúa trong khi thề dối; tóm lại, Thánh Danh Thiên Chúa được thốt lên một cách thiêng liêng chứ không được kêu tên ấy một cách khinh suất. Nhưng các nhà văn huyền nhiệm - tức là các Giáo phụ - thấy ở trong câu đó lời kêu gọi rõ rệt về sự cầu nguyện bên trong tâm hồn, nghĩa là Danh Cực Thánh của Thiên Chúa có thể được ghi hẳn rõ nét bên trong trái tim và được gọi lên bằng sự cầu nguyện tự động và gọi lên với tất cả cảm xúc của tâm hồn chúng ta và tất cả sức mạnh của linh hồn ta. Câu: 'Nước Cha trị đến', được chú vị giải thích là xin cho hoà bình và an tĩnh nội tâm và hân hoan tinh thần đến với con tim của chúng ta. Trở lại cuốn sách của ông, câu: 'Xin Cha cho chúng con lương thực hằng ngày', được hiểu như xin cái chúng ta cần cho cuộc sống thể xác của mình, chỉ cái đó mà thôi, không hơn những gì cần cho bản thân ta và cần cho sự giúp đỡ người bên cạnh chúng ta. Ngược lại, Maximô Người tuyên tín hiểu các chữ 'lương thực hằng ngày' là sự nuôi dưỡng linh hồn với thực phẩm thiên đàng, nghĩa là, với Lời Thiên Chúa và sự hiệp nhất linh hồn với Thiên Chúa qua sự chú tâm vào Ngài bằng ý nghĩ và lời cầu nguyện không ngừng trong trái tim ta."

Tới đây, ông chủ nhà kêu lên:

- A! Đối với người giáo dân chúng ta thì việc đạt được sự cầu nguyện trong lòng là điều cực kỳ lớn lao và gần như không thể được. Nếu chúng ta giữ được việc đọc những lời kinh bình thường mà không cảm thấy uể oải thì cũng đã là may mắn lắm rồi.

Con nói:

- Ông đừng nhìn theo cách đó. Nếu việc cầu nguyện ấy có hay không cũng được và khó khăn quá sức, hoàn toàn không thể thực hiện được thì Thiên Chúa đã không truyền mệnh lệnh cho tất cả chúng ta thi hành nó. Sức mạnh của Ngài là trong tình trạng yếu kém của con người mà Ngài làm mọi sự ra hoàn hảo. Các Giáo phụ, những người phát biểu rút tĩa từ kinh nghiệm của mình, đưa ra cho chúng ta những cách thức để chúng ta khắc phục và đạt tới sự cầu nguyện của tâm hồn mình một cách dễ dàng hơn. Dĩ nhiên, đối với người ẩn tu thì chú vị đưa ra cho những cách thức đặc biệt và cao hơn, nhưng đối với người giáo dân đang sống nơi thế tục như chúng ta thì những bài viết của chú vị đưa ra cho chúng ta thấy những cách thức thực hành dẫn tới sự cầu nguyện trong lòng.

Nghe như thế, ông chủ nhà nói:

- Trong những cuốn sách tôi đọc, chưa bao giờ tôi tình cờ gặp được bài nào thuộc loại như vậy.

- Nếu ông bà trân trọng lắng nghe thì tôi có thể đọc cho ông bà một đoạn trích từ cuốn Philôkalìa.

Con dò ý và cầm cuốn sách của mình lên. Con lật tới bài của Phêrô Đamascênê, phần ba, trang 48 và đọc như sau:

- Ta phải học gọi Danh Thiên Chúa, còn hơn cả việc thờ - mọi lúc, mọi nơi, trong mọi loại công việc ta làm. Thánh Tông đồ nói rằng: 'Cầu nguyện không ngừng.' Nghĩa là, ngài dạy loài người phải nhớ đến Thiên Chúa trong mọi lúc, ở mọi nơi và trong mọi hoàn cảnh. Nếu bạn đang làm một điều gì đó, bạn cần phải nhớ đến Đấng tạo hoá của vạn vật. Nếu bạn thấy ánh sáng thì hãy nhớ đến Đấng ban phát nó. Nếu bạn thấy bầu trời, quả đất và biển cả với tất cả những gì có ở trong chúng thì bạn hãy kinh ngạc và ca ngợi Đấng làm ra chúng. Nếu bạn đang mặc quần áo thì bạn hãy nhớ tới Đấng sở hữu tặng phẩm đó và cảm tạ Ngài, Đấng cung cấp y phục cho bạn. Tóm lại, hãy để cho mỗi hành động là một nguyên cớ làm bạn nhớ đến và ca tụng Thiên Chúa của bạn, và bạn sẽ cầu nguyện không ngừng, linh hồn bạn luôn luôn hân hoan.

Đọc xong, con trình bày ý mình rằng:

- Đó, ông bà thấy, cách thức cầu nguyện không ngừng này thì dễ dàng, giản dị và ai cũng đạt tới được, hễ người đó vẫn còn ít nhiều là con người.

Họ vui sướng cực độ về cách thức đó. Ông chủ nhà ôm choàng lấy con, cảm ơn con không biết bao nhiêu lần. Rồi ông nhìn cuốn Philôkalìa của con và nói:

- Tôi nhất quyết phải mua cho mình một cuốn. Tôi sẽ lập tức gửi mua nó ở Petersburg; nhưng trong tạm thời và để nhớ mãi cơ hội này, tôi sẽ chép lại đoạn anh vừa đọc - anh đọc lên cho tôi chép đi.

Ngay lúc ấy và tại chỗ, ông chép lại, chữ ông tuyệt đẹp. Kế đó ông la lên:

- Lạ thật! Tôi cũng có tượng của Thánh Đamascênê! (Con nghĩ đó có lẽ là thánh Gioan Đamascênê).

Ông lấy một cái khung, lồng tờ giấy mới chép vô kiếng và treo ngay phía dưới tượng ấy, rồi ông nói:

- Đó, lời hằng sống của vị thánh ở dưới ảnh tượng của ngài sẽ thường xuyên nhắc nhở tôi thực hành trọn vẹn lời khuyên của ngài.

Sau đó chúng con đi ăn khuya. Cũng giống như bữa ăn tối vừa rồi, cả nhà nam lẫn nữ, cùng ngồi vào bàn với chúng con. Bữa ăn yên lặng và an tĩnh trong tôn kính biết bao! Cuối bữa ăn, hết thảy chúng con, kể cả trẻ con, cùng cầu nguyện lâu. Con được yêu cầu đọc bài kinh tạ ơn Đức Giêsu. Sau đó, những người giúp việc và trẻ con đi ngủ, chỉ còn ông bà chủ và con ngồi lại trong phòng. Rồi bà chủ mang cho con một chiếc áo sơ-mi trắng và một đôi vớ. Con cúi đầu xuống sát bàn chân bà và nói:

- Thưa người mẹ trẻ, tôi không nhận đôi vớ. Tôi không bao giờ mang vớ. Suốt đời tôi quen quần xà cạp rồi.

Bà vội vàng đi ra và mang trở vào chiếc áo đầm cũ bằng vải màu vàng nhạt, cắt nó thành hai cái xà cạp, trong lúc đó chồng bà vừa đem cho con đôi bốt rộng mà ông thường mang trong ngoài đôi giày vừa nói:

- Nhìn kia, giày của ông bạn nghèo này gần như nát hết rồi.

Rồi ông bảo con sang phòng trống bên cạnh để thay áo. Con nghe lời, khi con quay lại, họ bắt con ngồi lên ghế để họ xỏ đôi giày mới vô chân con. Ông quần xà cạp quanh chân con rồi bà trông đôi bốt vào. Đầu tiên con không cho họ làm nhưng họ ra lệnh con ngồi yên và nói:

- Anh hãy ngồi yên, đừng nói năng gì cả; Đức Kitô mà còn rửa chân cho các môn đệ của ngài.

Con chỉ còn có cách là vâng lời, rồi con bắt đầu khóc, và họ cũng khóc. Sau đó, bà chủ đi ngủ chung với trẻ con, chồng bà và con tới nhà mát ở trong vườn.

Chúng con nằm không ngủ, trò chuyện rất lâu. Ông bắt đầu câu chuyện như thế này:

- Lúc này thì nhân danh Chúa và với lương tâm mình, xin anh nói thật cho tôi biết anh là ai? Anh phải là người sinh nơi cao sang và chỉ giả dạng làm kẻ bình dân chất phác thôi. Anh đọc giỏi viết thạo, ăn nói chính xác, có thể thảo luận các vấn đề và những vấn đề đó thì không hợp với những kẻ được nuôi dưỡng ở chốn quê mùa.

Con trả lời:

Khi tôi kể với ông và bà nghe về gốc gác của mình là bằng con tim chân thành của tôi, tôi nói sự thật với cả ông lẫn bà và tôi không bao giờ có ý nghĩ lừa dối ông. Tại sao tôi lại phải lừa dối chứ? Vì những điều tôi nói ra không phải là của chính tôi mà là những gì tôi đã nghe từ tôn sư quá cố, người tràn đầy sự khôn ngoan thiêng liêng, hoặc là những gì tôi thu lượm được từ các bài viết cần trọng của các Giáo phụ thánh thiện. Có điều trí óc u tối của tôi được soi sáng nhờ sự cầu nguyện bên trong hơn là nhờ những cái khác; tôi không tự mình đạt tới được như vậy, mà chính là tôi được ban cho nhờ ơn sủng vô biên của Thiên Chúa và lời giảng dạy của tôn sư. Và việc đó thì ai cũng làm được. Không hao tốn gì cả ngoài cố gắng trong yên lặng, lắng mình xuống vào những chốn sâu thẳm của tâm hồn và gọi lui gọi tới không ngừng Danh cả sáng Đức Giêsu.

Ai làm như thế cũng sẽ lập tức cảm thấy có ánh sáng trong lòng mình. Với người đó mọi sự trở nên dễ hiểu và người đó còn thấy được trong ánh sáng ấy vài bí nhiệm của nước Thiên Chúa. Và trong bí nhiệm mà người đó đang thấu hiểu thì có sự sâu sắc và ánh sáng ở đó, tới độ người ấy có sức mạnh để thăm dò những chốn sâu thẳm của bản thân, để nhìn bản thân từ bên trong mình, để thấy sung sướng trong sự tự biết mình, để thương xót mình và để trào nước mắt vui mừng trên những thất bại và những ý nguyện bị tan vỡ của mình!

Việc tỏ ra có lương tri ngay lành trong ứng xử với mọi sự và việc chuyện trò với người khác đều không phải là chuyện khó khăn; chuyện đó nằm trong khả năng ai cũng làm được vì tâm trí và tâm hồn ta đã ở đó, trước khi ta có sự học hành và trí khôn loài người. Nếu tâm trí đã ở đó thì ông có thể sắp xếp cho nó hoạt động để nắm được cả khoa học lẫn kinh nghiệm. Còn nếu tâm trí không ở đó thì lúc ấy, không lời giảng nào, cho dù thông thái cách mấy đi nữa, cũng như không sự huấn luyện nào, mang lại chút lợi ích gì.

Khủng hoảng là vì chúng ta sống quá xa cách bản thân mình và chúng ta có quá ít ý muốn tới gần bản thân mình. Quả thật, chúng ta lúc nào cũng bỏ chạy, tránh né việc mặt đối mặt với bản ngã đích thật của mình, và chúng ta dối trá sự thật đó lấy những điều vật vãnh. Chúng ta nghĩ rằng: 'Tôi rất vui mừng quan tâm tới những gì có tính cách tâm linh và tới việc cầu nguyện, nhưng tôi không có thì giờ; những bận rộn và lo toan trong cuộc sống không cho tôi cơ hội làm chuyện đó.' Tuy thế cái

thật sự quan trọng và thiết yếu là gì: đó là sự cứu rỗi và sự sống bất diệt của linh hồn, hay phải chăng đó là cuộc sống phù du của thể xác mà chúng ta đang bỏ ra quá nhiều công sức cho nó? Đó là cái tôi muốn nói và đó là cái đưa tới lương tri hoặc tới mê muội trong con người ta.

Nghe tôi nói xong, ông chủ nhà cắt nghĩa rằng:

- Người anh em thân mến, xin bỏ qua cho tôi, tôi thắc mắc như vừa rồi không phải vì hoàn toàn tò mò mà vì tình anh em và thiện cảm Kitô giáo; và hơn nữa, vì khoảng hai năm trước đây, tôi tình cờ gặp một trường hợp nó gọi ra câu hỏi tôi vừa đặt cho anh. Chuyện như thế này:

Có một người hành khất tới nhà tôi với giấy thông hành miễn sưu dịch. Ông ấy già yếu, nghèo quá tới độ gần như trần truồng, đi chân đất. Ông rất ít nói, và với những biểu lộ như thế thì người ta chỉ giản dị coi ông là người sống ở chốn quê mùa. Chúng tôi đưa ông vô nhà khách nhưng khoảng năm ngày sau, ông ngã bệnh trầm trọng, vì thế chúng tôi dời ông qua nhà mát này để giữ cho ông được yên tĩnh; vợ tôi với tôi chăm sóc ông và lo thuốc thang cho ông. Nhưng sau một thời gian thì rõ ràng là ông sắp qua đời.

Chúng tôi chuẩn bị mọi sự, mời cha xứ tới cho xưng tội, rước lễ và xức dầu. Hôm trước ngày chết, ông ngồi dậy, xin tôi một tờ giấy, cây viết và nài nỉ tôi đóng cửa lại, đừng cho ai vào trong khi ông viết bản di chúc mà ông ước muốn sau khi ông chết, gửi nó cho con trai ông theo một địa chỉ ở Petersburg.

Nhìn ông viết tôi sửng sốt vì chữ của ông quá đẹp, viết rất thông thái, bài văn lại rất tuyệt vời, dùng chữ chính xác từ đầu tới cuối và biểu lộ một sự tinh tế, cao nhã cực kỳ. Thật thế, tôi có một bản sao đây và ngày mai tôi sẽ đưa anh đọc bản di chúc của ông ấy. Tất cả những điều đó làm tôi kinh ngạc và nổi óc tò mò tới độ hỏi ông ấy về gốc gác và cuộc đời của ông.

Sau khi yêu cầu tôi trang trọng thề sẽ không tiết lộ với ai cho tới lúc ông đã qua đời, ông kể với tôi - để vinh danh Thiên Chúa - câu chuyện đời ông. Ông bắt đầu:

Tôi là Hoàng thân. Tôi rất giàu và đã trải qua một cuộc sống cực kỳ xa hoa phóng đãng. Sau ngày vợ chết, tôi sống với con trai; nó hiện đang vui sướng sống đời quân ngũ, làm đại úy vệ binh. Vào một ngày nọ, khi đã sửa soạn xong để tới dự dạ hội tại nhà một nhân vật quan trọng thì tôi bỗng nổi cơn thịnh nộ với người hầu phòng. Không kiềm chế được cơn giận, tôi phang vào đầu anh ta một cú rất mạnh, ra lệnh đuổi anh ta về làng. Việc đó xảy ra buổi tối. Sáng hôm sau người hầu phòng chết vì hậu quả của cú đánh ấy. Đối với tôi lúc bấy giờ, việc đó không ảnh hưởng quan trọng gì mấy. Tôi chỉ thấy tiếc là mình đã hành động bất cần, và liền đó, tôi quên hết mọi sự.

Thế nhưng, sáu tuần lễ sau, tôi bắt đầu thấy hình ảnh người hầu phòng đã chết ấy. Đêm nào cũng vậy, hễ chợp mắt là tôi mơ thấy anh ta quấy rối tôi. Anh ta tới bên tôi, không ngừng lặp đi lặp lại rằng: "Tên tàn nhẫn kia! Mi là quân giết người!" Một thời gian sau, tôi còn thấy anh ta cả khi tôi thức dậy, lúc đã tỉnh ngủ hẳn. Sự xuất hiện của anh ta ngày càng thường xuyên hơn, theo từng chập, và gần như làm cho tôi bị kích động, rối rắm không ngừng. Sau cùng, tôi thấy anh ta không xuất hiện một mình nữa mà còn chung với những người đã chết khác, những người mà tôi đã cư xử tệ bạc, những phụ nữ mà tôi đã dụ dỗ. Tất cả bọn họ lúc nào cũng có mặt bên tôi, làm tôi bất an, tới độ không ăn được, không ngủ được và không làm được việc gì cả.

Càng ngày sức khoẻ của tôi càng sa sút, tôi chỉ còn xương bọc da. Nỗ lực của các bác sĩ giỏi đều không đem lại chút hiệu quả nào. Tôi ra nước ngoài để chạy chữa nhưng sau khi thử thuốc thang

được sáu tháng, tôi cảm thấy chẳng ích lợi gì, và tôi biết chắc một điều là những hình ảnh hiện ra đó hành hạ tôi càng lúc càng tàn tệ hơn. Người ta đem tôi về nhà, chín phần chết một phần sống. Tôi trải qua tình trạng kinh hoàng cùng cực và tra tấn tột độ của hỏa ngục. Lúc ấy, tôi thấy rõ ràng rằng hỏa ngục là có thật và tôi hiểu ra hỏa ngục nghĩa là gì!

Trong tình trạng tan nát như thế, tôi nhận ra hành động sai trái của mình. Tôi ăn năn và thú tội. Tôi trả tự do cho hết thầy các nông nô, và tôi thề rằng suốt những ngày tháng còn lại của đời mình, tôi sẽ tự hành hạ mình bằng một cuộc sống hết sức vất vả và tự mình đóng vai một kẻ ăn mày. Vì mọi tội lỗi của mình, tôi muốn mình trở thành người đầy tớ hèn mọn nhất, phục vụ những kẻ có địa vị thấp kém nhất trong cuộc đời này.

Không bao lâu sau khi tôi dứt khoát đưa ra quyết định đó thì chấm dứt hẳn những hình ảnh bán loạn mà tôi đã thấy. Tôi cảm thấy lòng mình hết sức an ủi và yên ổn, phát xuất từ trạng thái sống bình an với Thiên Chúa, tới độ không thể nào diễn tả nổi. Cũng như trước đây ở trong hỏa ngục, nay tôi nếm trải thiên đàng và còn học biết được thiên đàng nghĩa là gì cũng như cách thức mà nước Trời phô bày trong lòng của chúng ta. Chẳng mấy chốc tôi phục hồi hoàn toàn sức khỏe rồi xúc tiến dự tính của mình, kín đáo rời quê nhà, mang theo mình giấy thông hành miễn dịch.

Suốt mười lăm năm nay tôi lang thang khắp Tây bá lợi á. Đôi khi che dấu tung tích, làm thuê làm mướn cho nhà nông những việc mình có thể làm nổi. Đôi khi kiếm sống bằng cách ăn mày, nhân danh Đức Kitô. Chao ôi, trong tình trạng sống hoàn toàn thiếu thốn như thế, tôi được hưởng ân sủng, hạnh phúc và bình an tâm trí biết bao! Chỉ có người được đem từ hỏa ngục tới thiên đàng nhờ hồng ân của Đấng Trung gian Vĩ đại mới có thể cảm thấy chan chứa điều như thế.

Tới lúc sắp kết thúc câu chuyện, ông ấy đưa tôi tờ di chúc gởi cho con trai. Hôm sau thì ông qua đời. Tôi có bản sao tờ di chúc ấy trong chiếc túi da để bên cạnh cuốn Kinh Thánh của mình. Nếu anh muốn đọc tôi lấy ra cho anh ngay... Đây, nó đây.

Con mở tờ di chúc và đọc thấy như sau:

Nhân danh Thiên Chúa Ba Ngôi, Ngôi Cha và Ngôi Con và Ngôi Thánh Thần.

Con thương yêu của Cha,

Từ lúc con gặp cha lần cuối tới nay đã mười lăm năm. Dù con không có tin tức gì về cha nhưng người cha ấy vẫn có cách hay biết về con và giữ trong lòng mình tình yêu của một người cha dành cho con trai mình. Tình yêu đó thôi thúc người cha ấy từ trên giường lâm chung gởi cho con những dòng chữ này. Cầu mong chúng là bài học trọn đời cho con!

Con đã biết cha đau khổ ngần nào vì sự cầu thả và khinh mạn của mình nhưng con không biết là cha đã được ban ơn phước ngần nào khi làm người hành hương vô danh và được chan chứa niềm vui trong hoa quả của sự thống hối.

Cha từ trần bình an trong ngôi nhà của người đối xử nhân lành với cha, và cũng là với con; vì lòng bác ái rưới trên người cha hẳn chạm đến trái tim đầy xúc cảm của một đứa con biết ơn. Bằng bất cứ cách thức nào có thể được, con hãy biểu lộ với người ấy lòng biết ơn của cha.

Với ân phúc phụ tử dành cho con, cha khẩn nài con hãy nhớ đến Thiên Chúa và canh giữ lương tâm mình. Con hãy cẩn trọng, ân cần và quan tâm tới người khác; con hãy đối xử nhân từ và hoà nhã hết sức có thể được với người thấp kém hơn mình; con đừng khinh miệt kẻ hành khát, người hành



hương, và con hãy luôn luôn ghi nhớ rằng chỉ trong tình trạng hành khát và hành hương mà người cha của con, người đang lâm chung này, tìm thấy sự yên ổn và bình an cho linh hồn dần vật của mình. Cha nguyện cầu phúc lành của Thiên Chúa chan hòa trên con, và cha tĩnh lặng khép đôi mắt mình trong niềm hy vọng vào đời sống hằng cửu, qua ân huệ của Đấng Trung gian Vĩ đại cho loài người, Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta.

Cha của con, X-----

Cứ như thế, ông chủ nhà và con nằm trò chuyện với nhau. Tới lượt con đặt cho ông ấy câu hỏi rằng:

- Tôi không biết ông có bức bối hoặc chán nản về nhà khách của mình không? Trong anh em hành hương không tránh khỏi có nhiều người chọn lối sống đó chẳng qua chỉ vì không có việc gì làm hoặc vì phát xuất hoàn toàn từ sự lười biếng, và đôi khi trên đường đi có trộm cắp đôi chút. Tôi đã từng chứng kiến chuyện như vậy.

Ông chủ nhà trả lời và kể:

Xin trả lời với anh rằng: Những vụ loại đó xảy ra không nhiều. Hầu hết người hành hương ghé nhà tôi đều chân thật. Nếu có khách nào thuộc loại đó thì chúng tôi ra sức chào đón họ thân ái hơn và rán hết sức mình để họ ở lại với chúng tôi. Rồi họ chung đụng với những người hành khát ngay lành và những anh em đạo hạnh trong Đức Kitô, và thông thường, họ dần dần sửa tính đố kị và rời nhà khách như một người anh em khiêm tốn và thân thiện. Cách đây không lâu có một vụ loại đó. Có một anh thuộc tầng lớp tương đối khá giả ở đây, trong thị trấn này, và trở thành kẻ hoàn toàn hư hỏng tới độ bị mọi người lấy gậy đuổi ra khỏi cửa và chẳng cho tí vụn bánh mì nào. Anh say sưa rượu chè, du côn gây lộn và tệ hơn nữa là anh ăn cắp. Anh là thứ người như vậy cho tới ngày anh tìm tới chúng tôi. Đói xanh mặt, xin chút bánh mì và rượu nho; anh rất thèm khát món thứ hai. Chúng tôi ân cần tiếp đón anh và nói:

- Anh cứ ở lại với chúng tôi. Anh muốn bao nhiêu rượu thì sẽ có cho anh uống bấy nhiêu nhưng chỉ với một điều kiện: hễ khi nào rượu vào rồi thì anh đi thẳng vô đây, nằm xuống mà ngủ. Nếu anh gây chút rắc rối hoặc chút lộn xộn nào thì chúng tôi không những chỉ mời anh đi, không bao giờ tiếp đón anh nữa, mà còn báo cáo sự việc với cảnh sát để họ đưa anh vô trại trừng giới như một tên khả nghi du đảng.

Anh đồng ý điều kiện đó và ở lại với chúng tôi. Suốt một tuần lễ hoặc hơn, anh nhất quyết uống thật nhiều rượu, uống cho đã. Nhưng vì lời anh đã hứa và bản thân anh bị ràng buộc vào rượu, anh sợ bị chúng tôi lấy rượu lại, nên sau khi rượu vào, anh nằm xuống ngủ hoặc lê người ra vườn rau, nằm tương đối yên lặng. Khi anh tỉnh rượu, anh em trong nhà khách trò chuyện với anh, thuyết phục anh và khuyên anh học cách kiềm chế bản thân, bắt đầu từng chút một. Như thế, dần dà anh bắt đầu uống ít lại, và rồi chừng ba tháng sau, anh trở thành người hoàn toàn điều độ. Hiện nay anh đang có việc làm ở đâu đó, không còn sống một cuộc đời vô ích và tùy thuộc vào lòng thương xót của người khác. Mới hôm kia, anh tới đây cảm ơn chúng tôi.

Con nghĩ thầm: Thật khôn ngoan biết mấy! Sự hướng dẫn của tình yêu thương khiến người ta nên trọn lành. Và con nói thành tiếng:

- Tạ ơn Thiên Chúa, đáng đã phô bày ơn sủng của Ngài trong ngôi nhà ông đang chăm sóc.

Sau khi trò chuyện, chúng con đi ngủ được chừng trên dưới một giờ thì nghe tiếng chuông sáng. Chúng con sửa soạn đi nhà thờ. Vừa bước vào, lập tức chúng con thấy bà chủ nhà với hai đứa trẻ đã ở đó từ lúc nào. Tất cả chúng con đều có mặt trong giờ kinh nguyện ban mai và liền sau đó là Thánh Lễ thiêng liêng. Ông chủ nhà với cậu con trai và con ở ngay trước cung thánh trong khi bà chủ nhà và cô con gái thì đứng bên cửa sổ gần cung thánh, nơi họ có thể nhìn rõ việc tiến dâng hy lễ thiêng liêng. Trong khi quỳ gối họ đọc kinh hết sức say sưa tới độ trào nước mắt vui mừng! Và thấy ánh sáng chan hoà trên khuôn mặt của họ, con khóc nức nở.

Sau khi lễ xong, một đoàn chiên hiền lành gồm linh mục quản xứ và các người giúp việc, những người hành khất cùng kéo tới phòng ăn của ông bà chủ nhà. Ở đó có chừng trên dưới bốn chục người hành khất, tật nguyền, đau ốm và các trẻ em. Tất cả cùng ngồi xuống chung bàn, không khí vô cùng tĩnh lặng và bình an. Con lấy hết can đảm, nói nhỏ với ông chủ nhà rằng:

- Ở đan viện, trong bữa ăn người ta đọc hạnh các thánh. Ông có thể làm như vậy ở đây. Ông có nhiều sách lắm.

Ông hưởng ứng ngay:

- Chúng ta làm liền việc đó ở đây.

Rồi ông quay qua vợ mình:

- Maria, việc này thật là mở mang trí óc cho mình. Anh khởi sự đọc vào đầu bữa ăn, tiếp đó là em, và rồi tới 'cha xứ khiêm tốn' và sau đó tới lần lượt những anh em biết đọc khác.

Cha xứ bắt đầu vừa ăn vừa nói chuyện:

- Tôi thích nghe lắm nhưng còn việc đọc sách - thì xin phép được bỏ qua cho tôi. Quý vị không tưởng tượng nổi khi về lại nhà mình tôi sống hoạt động quay cuồng như thế nào, đủ thứ lo toan, đủ loại công việc. Bắt tay vô làm hết việc này tới việc khác, cái thì với lũ trẻ con đông lúc nhúc, cái thì với việc mặc cả mua bán súc vật, lại còn suốt ngày đầy ứ công chuyện phải làm. Lâu lắm rồi tôi quên luôn cả những gì đã học ở chủng viện.

Nghe cha sờ nói như vậy con rùng mình nhưng bà chủ nhà đang ngồi bên cạnh nắm lấy tay con và bảo:

- Cha xứ nói như vậy vì ông ấy quá khiêm tốn, lúc nào cũng hạ mình, nhưng thật ra ông ấy là người sống rất ân cần và thánh thiện. Ông goá vợ đã hai mươi năm, nuôi nấng con cháu cả nhà. Với lại ông làm lễ rất thường xuyên.

Theo cùng với những lời của bà chủ nhà là xuất hiện trong tâm trí con lời nói sau đây của Nicêtas Stêthatôt trong cuốn Philôkalia rằng: "Bản tính của mọi sự bên ngoài ta được phán xét theo thiên hướng bên trong của linh hồn ta, nghĩa là, ý tưởng mà ta có về người bên cạnh ta thì phát xuất từ những gì đang là bản thân ta". Và ông nói tiếp rằng: "Người nào đạt tới sự cầu nguyện và tình yêu chân chính thì không có cảm giác khác biệt với mọi sự: người ấy không phân biệt người công chính với người tội lỗi mà yêu thương đồng đều cả hai và chẳng phán xét ai cả, như Thiên Chúa khiến cho mặt trời của Ngài chiếu sáng và mưa của Ngài rơi trên cả người công chính lẫn người không công chính."

Chúng con lại yên lặng. Ngồi đối mặt con là một người hành khất hoàn toàn mù đang ở tại nhà khách. Ông chủ nhà nhìn anh ấy, xẻ cá cho anh, đưa cho anh muỗng và múc xúp cho anh.

Con quan sát chăm chú, thấy anh hành khất ấy lúc nào miệng cũng há, lưỡi lúc nào cũng động đậy, như thể như đang run rẩy. Con nghĩ chắc chắn anh đang cầu nguyện. Và con tiếp tục quan sát.

Ngay lúc ấy, ở cuối bàn có một bà lão lên con đau. Con đau chớp nhoáng và bà bắt đầu rên rỉ. Ông bà chủ nhà dìu bà lão vô giường của họ, đặt bà lão nằm xuống, rồi bà chủ nhà đứng một bên săn sóc. Trong khi đó ông chồng ra lệnh lấy xe ngựa và lên xe phóng vào thị trấn mời bác sĩ. Cha xứ đi lấy Minh Thánh Chúa. Chúng con ai nấy đi mỗi người mỗi ngả.

Con cảm thấy như thể đói khát lời cầu nguyện và đang có nhu cầu cần kíp tuôn linh hồn mình ra trong lời cầu nguyện. Suốt bốn mươi tám giờ qua con không được ở chỗ yên tĩnh cũng như không được ở một mình. Con cảm thấy hình như có một loại máu nào đó đang rần rật trong tim mình để bùng vỡ và tuôn tràn khắp chân tay. Việc ém nó lại làm cho con dù có cảm giác an ủi, vẫn thấy nhưc buốt trong trái tim, một cơn đau cần làm cho dịu lại và làm cho mãn nguyện trong sự thình lạng cầu nguyện. Và lúc này, con hiểu ra tại sao những người thật sự thực hành việc cầu nguyện tự động trong lòng thường tránh chuyện hợp quần với loài người và ẩn dật tại những nơi không ai biết. Con còn hiểu thêm ra là tại sao đức Isikhi tôn kính lại cho rằng nếu để cho xảy ra quá nhiều việc thảo luận dù hữu ích nhất và tâm linh nhất thì đó cũng chỉ là việc nói chuyện huyền thuyên vu vơ, đúng như Êphrem xứ Xyri đã nói rằng: "Nói giỏi là bạc nhưng im lặng là vàng ròng."

Trong khi suy nghĩ tỉ mỉ về tất cả việc đó, con đi một mình tới nhà khách nơi mọi người đang nghỉ ngơi sau bữa ăn. Con lên rằm thượng. Tại đó con được yên tĩnh nghỉ ngơi và cầu nguyện.

Khi những người hành khất tập trung lại, con tìm gặp người mù và đưa anh ra vườn rau. Chỉ có chúng con ngồi ở đó thôi và bắt đầu trò chuyện. Con nói với anh:

- Xin anh vui lòng nói cho tôi biết, phải chăng vì lợi ích của tâm hồn mình mà anh đang nói lên lời cầu nguyện Đức Giêsu?

Anh trả lời:

- Tôi nói không ngừng lời cầu nguyện ấy từ lâu lắm rồi.

- Nhưng anh có được loại cảm giác nào phát xuất từ lời cầu nguyện ấy vậy?

- Tôi chỉ có một cảm giác thôi, là suốt ngày suốt đêm tôi không thể sống mà không có lời cầu nguyện ấy.

- Thiên Chúa đã biểu lộ sự cầu nguyện đó cho anh bằng cách nào? Người anh em thân mến ơi, hãy nói cho tôi nghe chuyện đó với, hãy kể cho tôi nghe hết mọi sự.

Anh bắt đầu kể:

Được, nó như thế này. Tôi là dân vùng này. Trước đây tôi kiếm sống bằng nghề may vá. Tôi đi khắp tỉnh này tỉnh nọ, làng này làng kia, may quần áo cho dân quê. Tỉnh cờ tôi ở lại khá lâu tại làng quê trong nhà một người dân dã, nơi tôi may quần áo cho cả nhà. Vào một ngày thiêng liêng nọ, tôi thấy có một cuốn sách đặt bên cạnh các ảnh tượng. Tôi hỏi trong nhà này ai là người biết đọc. Người ta trả lời rằng:

- Không có ai cả. Máy cuốn sách đó là do chú của chúng tôi để lại, ông ấy biết đọc biết viết.

Tôi cầm cuốn sách đó lên, mở nó ra một cách tình cờ và đọc. Theo như tôi nhớ thì lúc đó tôi đọc đúng những hàng chữ như sau: 'Cầu nguyện không ngừng là luôn luôn gọi tên Thiên Chúa, dù trong khi ta đang trò chuyện hoặc đang ngồi xuống hoặc đang đi hoặc đang làm điều gì đó hoặc đang ăn, hoặc có thể đang làm bất cứ công việc gì, ở mọi nơi, trong mọi lúc, ta phải gọi tên Thiên Chúa.'

'Đọc những lời đó tôi giật mình nghĩ rằng đối với tôi thì việc này giản dị quá. Tôi bắt đầu thâm thì nói lời cầu nguyện Đức Giêsu trong khi tôi may vá; và tôi thích lời đó. Người sống chung nhà để ý tới tình trạng đó và bắt đầu chọc ghẹo tôi. Họ hỏi:

- Anh là phù thủy hay là cái gì vậy? Tại sao lúc nào cũng thấy anh làm bầm?

Hoặc:

- Anh đang thì thầm đọc thần chú về cái gì thế?

Vậy, để che giấu việc tôi đang làm, tôi bỏ không mấp má môi nữa, chỉ tiếp tục nói lời cầu nguyện ấy bằng lưỡi. Cuối cùng tôi quen với lời cầu nguyện ấy tới độ lưỡi của mình tự động tiếp tục thốt nó suốt ngày suốt đêm và tôi vui thích nó. Tôi đi khắp nơi như thế trong một thời gian dài, rồi đột nhiên tôi bị mù hẳn. Hầu như người trong gia tộc tôi ai cũng bị bệnh tăng áp nhãn. Vì thế tôi nghèo xơ nghèo xác, người ta sắp đưa tôi vô viện tế bần ở Tobolsk, thủ phủ tỉnh này. Lúc này tôi sửa soạn đi tới đó. Ông bà chủ quý tộc này giữ tôi lại đây vì họ muốn gửi tôi theo xe đi tới tận Tobolsk.

Nghe xong câu chuyện, con hỏi anh mù:

- Cuốn sách anh đọc đó có tên là gì? Có phải người ta gọi cuốn đó là Philôkalia không?

- Thú thật tôi không biết. Tôi còn không ngó tới cả cái trang có tên sách.

Con lấy cuốn Philôkalia của mình lật ra phân thứ tư đọc đúng những lời của Thượng phụ Callistôt mà người bạn mù vừa đọc thuộc lòng và đọc cho anh nghe. Người mù la lên:

- Lạ thật, đúng chính những lời đó! Thiệt là hay ho! Đọc tiếp đi người anh em.

Khi con đọc đến những chữ: "Ta phải cầu nguyện bằng con tim mình," thì anh ấy bắt đầu hỏi con tới tấp:

- Câu đó nghĩa là gì, cái đó nghĩa là gì, làm bằng cách nào vậy?

Con nói với anh ấy rằng trong cuốn sách này, cuốn Philôkalia này, có đầy đủ những lời giảng dạy về việc cầu nguyện bằng con tim mình. Anh ấy nài nỉ con đọc tất cả những lời ấy cho anh ấy nghe. Con nói:

- Đó là việc chúng ta sẽ làm. Khi nào anh lên đường đi Tobolsk?

Anh trả lời:

- Đi ngay.

- Thế thì thật tốt, ngày mai tôi cũng lên đường. Chúng ta sẽ đi chung với nhau, rồi tôi sẽ đọc cho anh nghe tất cả những lời đó, tất cả những gì nói về việc cầu nguyện bằng con tim và tôi sẽ trình bày với anh cách tìm con tim của anh ở chỗ nào và làm thế nào nhập vào con tim mình.

Anh vội hỏi:

- Nhưng còn về chuyến xe thì sao?

- Chuyện xe cộ thì đâu có gì quan trọng! Chúng ta đã biết Tobolsk cách đây bao xa, chỉ một trăm sáu mươi cây số thôi. Chúng ta tới đó quá dễ, và anh hãy suy nghĩ, cùng đi bộ với nhau thì hay ho biết mấy, chỉ hai chúng ta thôi, vừa đi vừa trò chuyện và đọc về việc cầu nguyện bằng con tim.

Vậy là thỏa thuận xong.

Buổi tối, ông chủ nhà đích thân tới mời chúng con đi ăn tối. Sau bữa ăn con nói với ông rằng người mù và con sẽ lên đường với nhau và rằng chúng con không cần tới xe cộ, để có thể thuận tiện cùng đọc cuốn Philôkalia hơn. Nghe như vậy, ông nói:

- Tôi cũng thích cuốn Philôkalia hết sức. Tôi đã viết thư và lấy sẵn tiền gửi đi Petersburg khi tới tòa ngày mai để mình có được một cuốn người ta gửi cho qua ngả bưu điện.

Như vậy, qua sáng ngày mai, chúng con lên đường sau khi nồng nhiệt cảm tạ ông bà chủ vì lòng yêu thương và sự ân cần sâu xa của họ. Cả hai cùng đi với chúng con ra khỏi nhà tới gần một cây số. Và rồi chúng tôi nói lời chào từ biệt nhau.

Người mù và con, chúng con tiếp tục đi từng quãng ngắn một, mỗi ngày chừng mười tới mười lăm cây số. Trong những lúc nghỉ ngơi, chúng con ngồi xuống chỗ vắng vẻ, đọc cuốn Philôkalia. Con đọc cho anh ấy nghe từ đầu tới cuối phần nói về việc cầu nguyện bằng con tim, theo thứ tự mà tôn sư quá cố đã chỉ cho con, nghĩa là, bắt đầu với những bài viết của Nicêphorê Nhà ẩn tu, Grêgôriô Núi Xinaï và vân vân. Anh lắng nghe tất cả những lời ấy một cách hết sức háo hức và tỉ mỉ, và những lời ấy mang lại cho anh hạnh phúc vô ngần! Rồi anh khởi sự đặt cho con nhiều câu hỏi về cầu nguyện tới độ trí khôn con không thể nào trả lời nổi.

Khi chúng con đọc trong cuốn Philôkalia những gì mình cần, anh khẩn khoản nài nỉ con trình bày cho anh thấy cách cụ thể mà tâm trí tìm thấy con tim, làm thế nào mang danh cực thánh của Đức Giêsu Kitô vào trong con tim và làm thế nào tìm thấy nổi hân hoan của việc cầu nguyện trong lòng bằng trái tim mình. Con nói hết cho anh ấy nghe về việc đó như sau:

- Lúc này là một người mù anh không thể thấy gì. Tuy nhiên thực tế anh có thể tưởng tượng bằng tâm trí của anh và tự mình hình dung những gì mình đã thấy trong quá khứ, thí dụ một người nào đó, một vật nào đó hoặc một trong hai chân hai tay của anh. Chẳng hạn, anh có thể hình dung được bàn tay hay bàn chân của anh một cách hết sức rõ ràng như thể anh đang nhìn thấy nó không? Anh có thể hướng mắt anh tới nó, chú mục vào nó tuy rằng mắt anh đang mù không?

Anh trả lời:

- Được, tôi làm được việc đó.

Con liền giải thích với anh như sau:

Như vậy theo cách y như tôi vừa nói, anh hãy tự hình dung cho anh thấy trái tim của anh, bằng mắt anh nhìn vào nó như thể anh đang ngó nó xuyên qua lồng ngực anh, hình dung nó hết sức rõ ràng nhất có thể được. Và bằng tai mình, anh lắng nghe tỉ mỉ tiếng đập của nó, từng nhịp từng nhịp.



Một khi đã nhập vào cách lắng nghe đó rồi thì chúng ta hãy bắt đầu lặp những tiếng của câu cầu nguyện ấy ăn khớp với nhịp đập của trái tim. Từ tiếng này sang tiếng khác, mắt luôn luôn ngó trái tim mình. Như vậy, với tiếng tim đập thứ nhất, anh hãy nói hoặc nghĩ: 'Chúa', với tiếng đập thứ hai: 'Giêsu', với tiếng đập thứ ba: 'Kitô', với tiếng đập thứ tư: 'xin thương', và với tiếng đập thứ năm 'xót con'. Và anh hãy lặp đi lặp lại như vậy.

Việc đó sẽ trở nên dễ dàng cho anh hơn vì anh đã biết sẵn căn bản và phần đầu tiên của sự cầu nguyện bằng tâm hồn. Sau đó, khi anh quen dần với những gì mà tôi vừa nói thì anh phải khởi sự đem trọn vẹn câu cầu nguyện Đức Giêsu ấy vào và ra trái tim của anh, ăn khớp với việc hô hấp của anh, như các Giáo phụ thánh thiện đã dạy. Vậy, khi hít hơi thở vào anh hãy nói hoặc hãy tưởng tượng mình đang nói: 'Chúa Giêsu Kitô', và khi anh thở hơi ra thì: 'xin thương xót con'.

Anh hãy làm như vậy thường xuyên hết sức có thể được của mình. Trong một khoảng thời gian ngắn, anh sẽ cảm thấy trong trái tim mình nhói nhói đau nhưng không khó chịu, và tiếp đó là nồng ấm. Tuy thế, với sự giúp đỡ của Thiên Chúa, anh sẽ có nỗi hân hoan của việc cầu nguyện tự động trong lòng bằng con tim mình. Nhưng lúc ấy dù anh có làm việc gì đi nữa thì cũng phải canh chừng mình chống lại sự tưởng tượng hoặc bất cứ loại ảo giác nào. Dù thế nào đi nữa anh cũng đừng chấp nhận chúng chút nào, vì các Giáo phụ đã hết sức nhấn mạnh rằng phải giữ việc cầu nguyện trong lòng khỏi các ảo giác, e ngại rằng ta sa chước cám dỗ.

Người mù lắng nghe kỹ tất cả những lời ấy và bắt đầu hăng hái hết lòng thực hiện những gì con trình bày với anh. Anh trải qua một thời gian dài với nó, đặc biệt vào lúc ban đêm tại những chỗ chúng con dừng chân. Trong khoảng thời gian năm ngày, anh bắt đầu cảm thấy ấm áp cực kỳ cùng với nỗi hạnh phúc không nói nên lời của con tim mình và niềm ao ước một cách sâu xa tận hiến không ngừng bản thân cho lời cầu nguyện ấy, một lời cầu nguyện đã và đang làm dấy lên trong anh tình yêu thương Đức Giêsu Kitô.

Thỉnh thoảng anh thấy ánh sáng dù anh không phân biệt được các vật trong đó. Thỉnh thoảng, khi anh mở lối vào con tim mình, thì đối với anh hình như có một ngọn lửa, giống như ngọn lửa của một cây nến đang cháy, bùng sáng mạnh mẽ và sung sướng trong con tim anh và chiếu ra ngoài qua cửa huyệt anh làm bản thân anh tràn ngập và bồng bềnh trong ánh sáng; và trong ánh sáng của ngọn lửa ấy, anh có thể thấy cả những vật ở một nơi xa xôi nào đó.

Quả thật có lần đã xảy ra việc như vậy. Lúc ấy chúng con băng ngang một khu rừng, anh đang im lặng, buông bỏ mọi sự cho lời cầu nguyện. Đột nhiên anh nói với con:

- Tội nghiệp chưa! Nhà thờ đang bị cháy kia! Đó, tháp chuông sụp xuống rồi!

Con gạt ngang:

- Anh hãy ngưng cái việc mơ màng hão huyền ấy, nó là sự cám dỗ anh. Anh phải lập tức đặt tất cả những tưởng tượng đó qua một bên. Làm sao mà anh có thể thấy được cái đang xảy ra ở thị trấn? Mình còn cách chỗ đó tới mười mười hai cây số!

Anh nghe lời con và trong im lặng, tiếp tục với lời cầu nguyện. Lúc trời chạng vạng, chúng con tới thị trấn, và tại đó, thực tế con thấy có mấy ngôi nhà bị cháy và một tháp chuông bị đổ. Tháp chuông đó được dựng lên bằng các phiến gỗ, người ta bu đông chung quanh, thắc mắc không hiểu tại sao tháp chuông sụp xuống tan nát mà không văng trúng ai cả. Khi con tìm hiểu rõ ràng thì sự việc bất

hạnh ấy xảy ra đúng vào lúc người mù nói với con về nó. Và người mù lại bắt đầu nói với con về vấn đề ấy. Anh nói:

- Anh bảo tôi rằng thị kiến đó của tôi là hảo huyền, nhưng anh thấy tại đây quả thật đã xảy ra những việc đúng y như tôi thấy chúng. Làm sao tôi có thể không cảm tạ và yêu thương Chúa Giêsu Kitô, Đấng phô bày ơn sủng của Ngài cho cả những người tội lỗi, người mù và người rồ dại! Và tôi cũng cảm ơn anh vì anh đã dạy tôi về công việc của con tim.

Con nói:

Chúng ta hãy yêu thương Đức Giêsu Kitô và hãy cảm tạ Ngài hết ý nguyện của mình. Nhưng anh hãy coi chừng việc lấy các thị kiến của anh làm những mạc khải trực tiếp của ơn sủng. Vì các cái như thế có thể xảy ra một cách hoàn toàn tự nhiên trong trật tự của vạn vật. Linh hồn con người vốn không bị trói buộc bởi nơi chốn và sự vật cố định nào. Nó còn có thể thấy cả trong bóng tối và những gì xảy ra ở nơi xa xôi cũng như những gì gần trong tầm tay. Chỉ có điều là chúng ta không đưa ra sức mạnh và mức độ của mình cho quyền năng tâm linh ấy. Chúng ta nghiền nát nó dưới cái ách của thể xác nặng nề của mình hoặc làm cho nó rối rắm với những ý nghĩ và các ý tưởng bất chợt của mình. Nhưng khi chúng ta tập trung vào bên trong bản thân, khi chúng ta rút lui khỏi mọi sự chung quanh mình và trở nên tinh tế hơn, thuần khiết hơn trong tâm hồn mình, thì lúc đó, linh hồn lại trở vào chính nó và thao tác tới mức độ mạnh mẽ trọn vẹn nhất. Như thế, việc vừa xảy ra đó cũng là khá tự nhiên.

Tôi từng nghe tôn sư quá cố của tôi nói rằng có những kẻ - giả dụ ngay cả người không hiến mình cho việc cầu nguyện nhưng lại là loại người có năng lực ấy, hoặc sờ đắc được nó qua bệnh tật - thấy được cả ánh sáng trong căn phòng bóng tối đen đặc như thể nó tuôn ra từ các đồ vật trong bóng tối và thấy mọi sự từ bóng tối. Có những kẻ thấy người giống y hệt mình và thấy mình nhập vào ý nghĩ của người khác.

Nhưng trong trường hợp cầu nguyện của tâm hồn mình, cái phát xuất trực tiếp từ ơn sủng của Thiên Chúa thì chứa chan dịu ngọt và hân hoan tới độ không miệng lưỡi nào có thể kể nổi về nó và bất cứ cái gì có tính cách vật chất cũng không thể so sánh nổi với nó - nó vượt ra ngoài mọi sự so sánh. Mọi cảm xúc đều dựa trên căn bản so sánh với sự hiểu biết dịu ngọt ấy về ơn sủng trong tâm hồn.

Người bạn mù của con háo hức lắng nghe những lời đó và càng lúc càng khiêm tốn hơn. Việc cầu nguyện mỗi lúc một lớn mạnh thêm trong trái tim anh và làm anh hân hoan không lời nào diễn tả nổi. Với tất cả linh hồn con, con mừng rỡ về chuyện đó và từ trái tim con, con cảm tạ Thiên Chúa rằng Ngài đã cho con được ơn phước gặp một tôi tớ của Ngài.

Sau cùng, chúng con tới Tobolsk. Con đưa anh ấy vào viện tế bần. Để anh ở lại đó với lời già biệt đầy yêu thương, con tiếp tục con đường của mình.

Con lại thông dong bước đi trong chừng một tháng với cảm giác sâu xa về lối sống mà những cuộc đời đức hạnh vừa dạy bảo và vừa khích lệ chúng ta noi theo. Con đọc được vô số điều trong cuốn Philokalia, mà nội dung của chúng bảo đảm tất cả những gì con đã nói với người bạn mù về cầu nguyện. gương của người mù ấy làm rực cháy trong con sự nhiệt huyết, biết ơn và yêu thương Thiên Chúa. Lời cầu nguyện trong trái tim mình cho con sự an ủi tốt độ tới nỗi con cảm thấy trên thế gian

này chẳng có người nào hạnh phúc hơn mình, và con hoài nghi rằng không biết ở nước thiên đàng có sự hạnh phúc trọn vẹn và lớn lao hơn thế này không.

Con không chỉ cảm thấy điều ấy trong tâm hồn mình mà còn cảm thấy đối với con, dường như toàn bộ thế giới bên ngoài cũng chất ngất hấp dẫn và hoan lạc. Vạn vật lôi cuốn con tới yêu thương và cảm tạ Thiên Chúa: con người, cỏ cây, hoa lá và loài vật. Con thấy chúng hết thảy đều là họ hàng thân thích của con. Con tìm thấy trên mỗi thứ đó đều có sự huyền nhiệm của tên Đức Giêsu.

Đôi khi con cảm thấy rất đổi nhẹ nhàng như thể mình không có thể xác và mình đang bồng bềnh hạnh phúc trong không trung chứ không phải là đang đi bộ. Đôi khi, trong lúc rút vào bản thân, con thấy rõ ràng lục phủ ngũ tạng bên trong mình và lòng tràn đầy kinh ngạc về sự khôn ngoan mà với nó thân xác của con người đã được tạo ra. Đôi khi con cảm thấy quá đổi hân hoan như thể mình làm hoàng đế nước Nga. Và suốt tất cả những lúc hạnh phúc đó, con ao ước Thiên Chúa để cho cái chết xảy ra ngay tức khắc với con và để cho con, trong sự cảm tạ, được tuôn trào con tim con dưới chân Ngài trong một thế giới đầy thần khí.

Hình như bằng cách này hoặc cách khác, cách nào con cũng vẫn có được niềm hân hoan lớn lao trong các cảm xúc này, hoặc có thể nó chỉ được để cho xảy ra do thánh ý của Thiên Chúa, nhưng đôi khi con cảm thấy trong trái tim mình có cái gì đó đang run rẩy và sợ hãi. Con tự hỏi không biết đây có phải là một bất hạnh hoặc một rắc rối mới nào đó sắp xảy tới cho con không, như chuyện đã xảy ra sau khi con gặp lại cô thôn nữ mà trước đó tại nhà nguyện con đã dạy cô ấy về việc cầu nguyện Đức Giêsu?

Những ý nghĩ đó như mây mờ phủ trên con và con nhớ lại lời đáng đáng tôn kính Gioan Karpathisky đã nói: "Người làm thầy sẽ thường chịu sỉ nhục, chịu tai họa và thử thách vì lợi ích của những kẻ qua người thầy đó mà thu được lợi lộc tinh thần." Con chiến đấu chống những ý nghĩ u ám đó và cầu nguyện với lòng hăng say hơn bao giờ hết. Lời cầu nguyện xua sạch các ý nghĩ đó và làm tâm hồn con bình tĩnh trở lại. Con nói: 'Con xin vâng theo thánh ý Thiên Chúa, con sẵn sàng chịu bất cứ điều gì Đức Giêsu Kitô gởi tới cho con vì sự tinh quái bại hoại và tính kiêu ngạo của con.' Và những kẻ mà mới đây con phô bày bí quyết việc đi vào con tim thì trước khi gặp gỡ con họ đã có sự cầu nguyện trong lòng và họ đã được chuẩn bị sẵn bởi lời dạy trực tiếp và thầm kín của Thiên Chúa.

Những ý nghĩ đó làm lòng con lắng xuống. Con lại tiếp tục cất bước với tâm hồn chan chứa ỉn an, tiếp tục lời cầu nguyện và còn cảm thấy hạnh phúc hơn cả trước đây.

Trời mưa suốt mấy ngày. Con đường lầy lội tới độ khó khăn lắm con mới rút được chân ra khỏi sinh lầy. Con đang đi ngang một đồng cỏ, suốt quãng đường khoảng trên dưới mười sáu cây số, con không tìm được chỗ trú ẩn nào. Cuối cùng, lúc đêm vừa xuống, con bắt gặp một ngôi nhà đứng trơ trọi bên đường. Mừng rỡ khi thấy nó, con nghĩ mình nên vào nơi đây xin chỗ nghỉ ngơi qua đêm và chờ xem Thiên Chúa gởi cái gì đến cho mình; biết đâu thời tiết sẽ khá hơn. Khi tới gần, con thấy một ông lão mặc áo khoác nhà binh đang ngà ngà say ngồi trên ngạch cửa. Con chào ông ấy và nói:

- Thưa ông, không biết ở đây ai là người cháu có thể xin phép ở lại qua đêm?

Ông lão la lên:

- Ta đây chớ ai. Ngoài ta ra thì còn ai có thể cho phép nhà người? Ta là chủ ở đây. Đây là trạm bưu chính và ta trông coi trạm này.

- Vâng thưa ông, xin ông cho phép cháu được nghỉ lại một đêm ở nhà ông.

- Nhà người có giấy thông hành không? Đưa ta coi giấy tờ hợp pháp của nhà người.

Con đưa ông lão giấy thông hành. Cầm nó trong tay mình rồi ông còn hỏi nữa:

- Giấy thông hành của nhà người đâu?

Con trả lời:

- Ông đang cầm nó đó.

Lúc ấy ông nói:

- Được rồi, vô nhà đi.

Ông mang kính đeo mắt vào, đọc giấy thông hành rồi nói:

- Xong. Mọi sự đúng luật. Nhà người hãy ở lại qua đêm. Ta thật sự là một đồng bào tốt. Làm một ly nhé.

Con trả lời:

- Cháu không uống rượu, và chẳng bao giờ uống rượu.

- Được, tùy người, ta cóc cần. Dù sao cũng phải dùng tí xúp.

Họ ngồi vào bàn ăn, ông lão và người đầu bếp, một phụ nữ trẻ cũng đang nhậu thoải mái và yêu cầu con cùng ngồi xuống với họ. Suốt bữa ăn, cả hai cãi lộn, mắng chửi nhau xối xả, và sau cùng dờ dẫm dờ đá ra. Ông lão bỏ đi vô hành lang tới giường ngủ nơi một căn buồng làm bằng gỗ trong khi chị đầu bếp bắt đầu dọn dẹp, rửa muống đĩa, vừa làm vừa lau bầu nguyên rửa ông chủ mình. Con kiểm chỗ ngồi, nghĩ chắc là phải một chốc nữa chị ấy mới dọn người lại. Rồi con hỏi chị con có thể ngủ ở chỗ nào vì sau chặng đường vừa rồi con rất mệt. Chị trả lời:

- Tôi sẽ sửa soạn giường cho anh.

Rồi chị kê thêm một băng ghế sát với chiếc băng ghế đã đặt phía dưới cửa sổ nhìn ra đường, trải lên chúng chiếc mền ni và đưa con một chiếc gối. Con nằm xuống, nhắm mắt như thể đang ngủ. Tuy vậy, chị đầu bếp lảng xăng ra vào một lúc lâu, sau cùng chị dọn dẹp, thổi tắt lửa và đi về phía con.

Thình lình, toàn bộ cửa sổ - vốn nằm trong một góc ở mặt tiền ngôi nhà - khung cửa, kính, các thanh gỗ văng tứ tung thành từng mảnh, đổ ập xuống cùng với một tiếng đùng chạm thật ghê rợn. Toàn bộ ngôi nhà rung động. Từ bên ngoài cửa sổ vang lên tiếng rên rỉ đau đớn và những tiếng la, những tiếng động huỳnh huých như tiếng vật lộn. Người đàn bà khiếp đảm vọt lùi trở lại giữa nhà, sụm xuống nằm một đồng trên sàn nhà. Con nhảy dựng mắt hôn mắt vĩa, nghĩ là mặt đất đang toác ra dưới chân mình.

Kế đó con thấy có hai người đánh xe đang khiêng vô nhà một người đàn ông mình mẩy đầy máu me tới độ không thấy rõ mặt, và cái đó lại càng làm con thêm khiếp đảm. Người đàn ông đó là sứ giả của nhà vua đang phóng xe phi nước đại tới đây để thay ngựa. Người đánh xe queo lệch đường

vào công nên càng xe đâm thẳng vô cửa sổ và vì trước nhà có đường mương nên xe lật nhào, ném sứ giả của đức vua văng ra ngoài, người ông va trúng chiếc cột sắc cạnh nên bị bẻ đầu rất nặng.

Ông đòi ít nước và rượu để rửa vết thương. Rồi ông uống một ly và thét lớn:

-Ngựa đâu!

Con tới bên ông và nói:

- Thưa ngài, có ngay, nhưng liệu với vết thương như thế này ngài có thể đi thêm được tí nào không ạ?

Ông trả lời:

- Sứ giả của đức vua thì đâu có thì giờ đau với ốm.

Nói xong, ông vọt lên ngựa phóng đi. Hai phu xe kéo người đàn bà đang bất tỉnh tới góc nhà gần lò sưởi, lấy tấm thảm đắp cho chị và nói:

- Chị ta khiếp hãi quá. Rồi sẽ tỉnh lại yên ổn thôi.

Ông lão trưởng trạm uống thêm một ly nữa rồi trở vô giường để con lại một mình. Chẳng bao lâu người đàn bà đứng lên, bắt đầu đi lui đi tới trong phòng từ góc này sang góc khác, đờ đẫn mất hồn. Cuối cùng, chị đi ra khỏi nhà. Con cảm thấy như thể con chấn động vừa qua đã rút hết tất cả sức lực của mình, sau khi đọc kinh, con lịm người ngủ được một lúc trước khi trời rạng sáng.

Tới sáng con từ giã ông lão và lại lên đường. Trong khi cất bước con dâng lời cầu nguyện với đức tin, lòng trông cậy và cảm tạ lên Đức Chúa Cha về tất cả ơn phước, ủi an và đã cứu con khi con lâm con cực kỳ nguy hiểm vừa rồi.

Sau ngày xảy ra chuyện đó chừng sáu năm, con đi ngang một tu viện, vào nhà thờ để cầu nguyện. Sau thánh lễ, bà tu viện trưởng ân cần chào con và mời vào gian buồng của bà để cùng dùng trà. Thình lình có khách đột xuất tới thăm, bà phải đi gặp họ và để con lại với vài nữ tu phục dịch trong gian buồng của bà. Một trong các nữ tu đó đang rót trà, và rõ ràng là một linh hồn khiêm nhượng tới độ làm con tò mò hỏi không biết đi ở trong tu viện này lâu chưa.

Dì trả lời:

- Được năm năm rồi. Khi người ta đem tôi tới đây thì tôi đang mất trí, và chính tại đây Thiên Chúa thương xót tôi. Mẹ bề trên giữ tôi lại trong buồng của mẹ để phục dịch mẹ và được mẹ hướng dẫn tu tập.

Con hỏi:

- Làm sao mà dì bị mất trí?'

Dì trả lời:

- Thật kinh khiếp. Lúc ấy tôi làm việc tại một trạm bưu chính. Khuya đêm đó có mấy con ngựa lao thẳng vô cửa sổ. Tôi hoảng sợ tới độ mất trí. Suốt một năm trường, bà con họ hàng mang tôi tới đền thánh này qua đền thánh khác nhưng chỉ ở tại đây tôi mới được chữa lành.



Nghe việc đó, con hân hoan tinh thần và tán tụng Thiên Chúa, Đấng vô cùng khôn ngoan sắp xếp mọi sự cho cái tốt lành nhất.

Kể tới đây, tôi thưa với cha linh hướng:

- Con đã có nhiều nếm trải lớn lao khác, nhưng e phải mất hết ba ngày ba đêm mới kể hết được cho cha nghe. Vẫn còn thêm chuyện khác nữa con xin kể tiếp.

Vào một ngày hè quang đãng, con để ý bên đường có một nghĩa trang và một địa điểm mà người ta gọi là khu hành lễ, nghĩa là một nhà thờ với mấy ngôi nhà dành cho vị giáo sĩ trong xứ. Theo tiếng chuông ngân báo hiệu thánh lễ con rẽ đường đi về khu đó. Dân chúng sống quanh nghĩa trang cũng đang theo lối đó đi vào, và trước khi vô tới nhà thờ, một số người ngồi nán lại trên bãi cỏ. Thấy con lật đật đi vào, họ nói với con:

- Đừng gấp, chờ cho tới lúc bắt đầu thánh lễ thì anh còn vô số thì giờ. Ở đây, thánh lễ diễn ra rất lâu lắc: cha xứ của chúng tôi sức khỏe kém và dâng lễ chậm chạp lắm.

Thật vậy, thánh lễ kéo dài rất lâu. Linh mục là một thanh niên nhưng quá xanh xao gầy ốm. Ông dâng lễ quả thật rất chậm nhưng với lòng sốt sắng sâu xa, và cuối buổi phụng vụ, ông giảng một bài đầy xúc động, giản dị và tuyệt vời về cách tăng tiến trong tình yêu thương Thiên Chúa. Lễ xong, linh mục mời con vô nhà ông, ở lại dùng bữa tối.

Trong bữa ăn con nói:

- Thưa cha, cha cử hành thánh lễ cách tôn kính và chậm rãi biết bao!

Ông trả lời:

- Vâng, nhưng bốn đạo của tôi không thích như vậy, họ than phiền. Tuy thế, không việc gì phải gấp gáp. Tôi thích chiêm nghiệm từng lời cầu nguyện và tận hưởng nó trước khi đọc lên thành tiếng. Không có nhận thức sâu sắc và cảm xúc nội tâm thì mỗi lời nói ra chẳng mang lại lợi ích gì cho cả tôi lẫn người khác. Mọi sự tập trung vào đời sống nội tâm và vào sự cầu nguyện chăm chú! Thế nhưng có quá ít người quan tâm đến đời sống nội tâm.

Cha xứ tiếp tục:

- Ấy bởi vì họ không cảm thấy niềm khao khát nuôi dưỡng và bảo vệ ánh sáng tâm linh trong lòng mình.

Con hỏi:

- Và điều đó có vẻ rất khó, thưa cha, làm cách nào ta đạt tới nó?

- Tôi xin trả lời là: Chẳng có gì khó cả. Để thành tựu sự giác ngộ tâm linh và trở thành người có đời sống nội tâm tập trung, bạn nên đọc một số bài này bài nọ trong Sách Thánh, và trong một khoảng thời gian hết sức lâu có thể được, chỉ tập trung vào đó toàn bộ sức mạnh chú ý và chiêm nghiệm của bạn. Lúc ấy, sự sáng của hiểu biết sẽ phô bày cho bạn. Về cầu nguyện, bạn phải xúc tiến theo cách thức giống y như thế. Nếu bạn muốn nó thuần khiết, chính đáng và thú vị, bạn phải chọn một số câu cầu nguyện ngắn, gồm ít tiếng thôi nhưng là những tiếng đầy sức mạnh, và thường xuyên lặp đi lặp lại trong một thời gian dài. Lúc đó bạn sẽ cảm thấy vui sướng trong việc cầu nguyện.

Lời giảng của vị linh mục ấy làm con vô cùng sung sướng. Nó giản dị biết mấy và thực tế biết mấy nhưng đồng thời sâu sắc ngàn nào và khôn ngoan ngàn nào. Bằng ý nghĩ mình, con cảm tạ Thiên Chúa vì đã cho con được gặp một giáo sĩ chân chính trong nhà thờ của Ngài.

Khi xong bữa ăn, ông nói với con:

- Sau bữa ăn, trong khi tôi đọc Kinh Thánh và soạn bài giảng cho ngày mai thì anh cứ đi ngủ.

Như thế, con đi vô nhà bếp. Ở đó không có ai ngoài một bà lão ngồi thu mình trong góc nhà đang ho. Con ngồi dưới khung cửa sổ nhỏ, rút cuốn Philôkalia ra khỏi ba lô và bắt đầu âm thầm đọc cho mình nghe. Sau một lúc, con nghe bà lão ngồi trong góc đó đang thì thầm không ngừng lời cầu nguyện Đức Giêsu. Con thật quá đỗi mừng rỡ khi nghe tên cực thánh của Chúa được thốt lên không ngừng, và con nói với bà lão:

- Thưa mẹ, thật hết sức tốt lành khi mẹ luôn luôn nói lời cầu nguyện ấy. Đó là hành động có tính cách Kitô nhất và bổ ích nhất.

Bà đáp lại:

- Vâng. Câu "Xin Chúa thương xót con" là cái duy nhất tôi nương tựa trong tuổi già của mình.

- Mẹ có thói quen cầu nguyện như vậy bao lâu rồi, thưa mẹ?

- Từ lúc còn rất trẻ, và tôi không thể sống mà không có nó vì lời cầu nguyện Đức Giêsu cứu tôi khỏi bị quấy phá và chết chóc.

Con rút cuốn Philôkalia vô lại ba lô, lấy một chiếc ghế tới ngồi gần bà lão hơn, và bà bắt đầu câu chuyện của mình:

- Ngày trước, tôi là một thiếu nữ trẻ tuổi xinh đẹp. Cha mẹ tôi sắp đặt việc cưới hỏi cho tôi, và ngay trước hôn lễ, chú rể đến gặp chúng tôi. Đang bước lên tầng cấp, còn khoảng chục bậc nữa thì thành linh anh ấy té ngựa, chết không kịp ngáp. Sự việc đó làm tôi khiếp đảm tới độ sau đó nhất định không chịu lấy ai hết. Tôi quyết định sống đời độc thân. Tuy nhiên tôi sợ khi mình còn quá trẻ mà phải đi đây đi đó, thì kẻ xấu có thể quấy phá mình. Nhưng một bà cụ hành hương quen biết dạy tôi rằng hãy cứ luôn luôn nói không ngừng lời cầu nguyện Đức Giêsu bất cứ nơi nào trên đường đi, và bà còn cam đoan với tôi rằng nếu tôi làm như vậy thì dù có đi đâu chẳng nữa cũng không bao giờ xảy ra bất cứ loại xui rủi nào. Sự thật đã chứng minh cho tôi thấy vì tôi đi bộ tới tận những đền thánh xa xôi nhất mà không bao giờ xảy ra tai họa gì. Tiền đi đường thì đã có cha mẹ tôi cho. Khi về già tôi mất sức khỏe, và lúc này cha xứ đây, do lòng ưu ái tự trái tim ngài, cho tôi nơi ăn chỗ ở.

Nghe chuyện ấy con hết sức vui mừng, không biết làm thế nào cảm ơn Thiên Chúa về ngày hôm nay, ngày con được chỉ dạy quá nhiều về gương mẫu của cuộc sống tinh thần. Thế rồi, sau khi yêu cầu vị linh mục nhân từ và sốt sắng ấy ban phép lành, con lại ra đi trên đường của mình, chân bước hân hoan.

Thêm nữa, cách đây không lâu, trên đường tới đây, khi đi ngang tỉnh Kazan, con có dịp học biết như thế nào mà sức mạnh của lời cầu nguyện gọi tên Đức Giêsu Kitô phô bày một cách rõ ràng và mạnh mẽ dù người nói ra lời đó không có chủ tâm làm như vậy, và cách nói lời cầu nguyện đó thường xuyên và lâu dài là cách vừa chắc chắn vừa nhanh chóng gặt hái được những hoa quả ơn sủng của nó.

Chuyện xảy ra khi con có ý định xin ở lại qua đêm tại một làng của người Tartar. Vừa tới làng, con thấy bên ngoài cửa sổ một túp lều có một chiếc xe ngựa kiểu Nga và người đánh xe. Lũ ngựa đang được cho ăn gần đó. Thấy những cái ấy, con rất vui mừng và quyết định xin trú ngụ một đêm ngay nơi đó, thầm nghĩ trong bụng rằng ít nhất là mình được trải qua một đêm với người Kitô hữu đồng đạo - người Tartar theo Hồi giáo. Khi tới gần họ, con hỏi người đánh xe là họ đang trên đường đi đâu. Anh trả lời rằng ông chủ của mình đang đi từ Kazan tới Crimea. Trong khi con trò chuyện với người đánh xe thì ông chủ của anh từ bên trong vách màn xe nhìn ra và thấy con. Lúc đó ông ấy nói:

- Tôi cũng nghỉ đêm tại đây nhưng không vào trong lều, nhà cửa người Tatar rất bất tiện. Tôi quyết định ở qua đêm trong xe ngựa.

Nói xong, ông bước ra. Tối đó đẹp trời nên hai chúng con vừa đi dạo vừa chuyện vãn ít lâu. Ông đặt ra cho con rất nhiều câu hỏi và còn nói về bản thân ông nữa. Và đây là những gì ông ấy kể với con:

Tôi là một thuyền trưởng hải quân cho tới năm sáu mươi lăm tuổi, nhưng lúc cao niên, tôi đâm ra mắc bệnh máu đông cục - một chứng bệnh nan y. Vì vậy tôi hồi hưu và sống gần như đau ốm triền miên tại trang trại của vợ tôi ở Crimea. Bà ấy là một phụ nữ bốc đồng, tính khí xốc nổi và rất mê chơi bài. Bà thấy chán ngán khi phải sống với một người đàn ông bệnh tật nên bỏ đi, tới ở với con gái của tôi tại Kazan, nơi nó tình cờ gặp và kết hôn với một công chức tại đó. Vợ tôi lấy hết những gì bà có thể chiếm và còn mang theo bà tất cả tôi tở trong nhà, chỉ để lại cho tôi một cậu bé tám tuổi, con đỡ đầu của tôi.

Tôi sống một mình được chừng ba năm. Cậu bé phục vụ tôi là một đứa nhỏ lanh lợi, có khả năng làm hết thảy mọi việc trong nhà. Nó dọn phòng cho tôi, nhóm bếp, nấu cháo, chuẩn bị sẵn sàng lò ấp bằng than. Nhưng đồng thời, nó tinh quái lạ lùng và trí óc luôn luôn động đậy. Nó xông xáo không ngừng, đập rầm rầm, la hét và đùa nghịch ào ào, đủ thứ trò, và vì thế nó quày rầy tôi vô số kể. Còn tôi thì bệnh tật và buồn chán, lúc nào cũng thích đọc sách về tâm linh. Tôi có một cuốn sách tuyệt vời của Grêgôriô Palamas về lời cầu nguyện Đức Giêsu. Tôi đọc cuốn đó gần như liên tục và trong một chừng mực nào đó, tôi thường thốt lên lời cầu nguyện ấy. Nhưng cậu bé gây trở ngại cho tôi và không lời hăm he hoặc hình phạt nào ngăn nổi nó khỏi khoái trá những trò đùa nghịch ngợm. Cuối cùng, tôi tìm ra cách sau đây.

Tôi bắt nó ngồi với tôi chung một băng ghế trong phòng tôi và ra lệnh cho nó nói không ngừng lời cầu nguyện Đức Giêsu. Ban đầu nó ghét cay ghét đắng việc đó, cố sức tránh né bằng đủ mọi cách và thường ngậm miệng nín thính. Để bắt nó phải thi hành mệnh lệnh, tôi giữ bên mình một cây roi. Khi nó nói lời cầu nguyện ấy thì tôi yên tĩnh đọc sách hoặc lắng nghe coi nó nói lời ấy ra sao. Nhưng hễ nó dừng lại lâu một chút là tôi giơ roi lên. Lúc đó nó cảm thấy sợ và lại nói lời cầu nguyện. Tôi thấy tình trạng rất yên ổn và trong ngôi nhà tràn đầy an tĩnh.

Sau một thời gian, tôi để ý là lúc này không cần tới roi nữa, cậu bé bắt đầu thực hành mệnh lệnh của tôi một cách hoàn toàn tự nguyện và sốt sắng. Còn nữa, tôi quan sát thấy tính nết tinh quái của nó hoàn toàn thay đổi: nó thành người trầm lặng, ít nói và làm công việc nhà tốt hơn trước. Thấy vậy, tôi vui mừng và bắt đầu để cho nó tự do hơn. Và anh có biết kết quả ra sao không? Vâng, sau cùng nó quen với lời cầu nguyện ấy quá đổi tới độ gần như nó nói lời cầu nguyện ấy trong mọi lúc dù nó đang làm việc gì đi nữa, và hoàn toàn không bị tôi cưỡng bách. Khi tôi thắc mắc về việc đó, nó trả

lời rằng nó cảm thấy có niềm khao khát không cần lại được là luôn luôn nói lời cầu nguyện đó. Tôi hỏi nó:

- Và trong khi cầu nguyện như thế, cảm giác của con ra sao?

Nó trả lời:

- Không gì cả, con chỉ cảm thấy nói lời đó thì thật dễ thương.
- Con có ý nói gì - dễ thương ư?
- Con không biết diễn tả như thế nào cho đúng.
- Có phải con có ý nói lời ấy làm con cảm thấy vui sướng.
- Dạ, vui sướng.

Lúc bùng nổ Chiến tranh Crimea thì nó được mười hai tuổi và tôi mang nó đi theo, tới sống với con gái mình ở Kazan. Tại đó nó ở trong nhà bếp với những người giúp việc khác. Nó hết sức buồn chán về việc đó. Nó đến gặp tôi than phiền rằng những người khác thường đùa giỡn và trêu chọc nhau làm nó cảm thấy bức bối. Họ còn chế nhạo nó, ngăn không để cho nó nói lời cầu nguyện ấy. Cuối cùng, sau ba tháng, nó tới gặp tôi và nói:

- Con về nhà. Con bệnh chịu không nổi nơi này và tất cả những thứ ồn ào này.

Tôi bảo nó:

- Đường xá xa xôi như vậy và trời lại đang mùa đông làm sao con đi một mình được? Con nên chịu khó chờ. Khi nào ta đi ta sẽ mang con đi theo.

Hôm sau cậu bé biến mất. Chúng tôi gửi thư tìm nó khắp nơi nhưng chẳng thấy nó đâu. Cuối cùng tôi nhận được một lá thư từ Crimea của người đang ở trong trang trại của chúng tôi. Thư nói rằng người ta tìm thấy cậu bé chết trong ngôi nhà trống của tôi vào ngày 4 tháng Tư, ngày Thứ Hai Lễ Phục Sinh. Nó nằm bình an trên nền nhà trong phòng tôi, tay chắp trước ngực và trong chiếc áo choàng mỏng mà nó luôn luôn mang trên người khi vào ra ngôi nhà của tôi, cũng là chiếc áo choàng nó mặc lúc bỏ đi. Và vì vậy, người ta đã an táng nó trong vườn nhà tôi.

Khi nghe tin đó tôi vô cùng sửng sốt. Làm thế nào cậu bé ấy tới được trang trại trong một thời gian lẹ làng như vậy? Nó bắt đầu bỏ đi ngày 26 tháng Hai và người ta tìm thấy nó ngày 4 tháng Tư! Dù có sự giúp đỡ của Thiên Chúa đi nữa thì cũng không ai muốn cho ngựa chạy suốt ba ngàn hai trăm cây số trong vòng một tháng! Lạ thật, gần như mỗi ngày đi hơn một trăm mười cây số! Và trên người chỉ mặc quần áo mỏng, không giấy thông hành, trong túi không có một xu để mua bán đổi chác! Dù giả dụ có thể có ai đó giúp cho quá giang thì chính việc đó cũng hẳn là dấu hiệu Thiên Chúa quan phòng và chăm sóc nó một cách đặc biệt."

Nói tới đây, nhà quý tộc kết luận:

- Anh coi, cậu bé thơ dại của tôi đã hưởng hoa quả của cầu nguyện, và một ông lão như tôi đây, không biết tới bao giờ mới được như nó.

Liền đó con nói với ông:

- Thưa ông, cuốn sách của Grêgôriô Palamas mà ông nói ông thích đọc đó quả là một cuốn sách tuyệt vời. Tôi có biết nó. Nhưng thật ra nó ứng xử với lời cầu nguyện Đức Giêsu bằng miệng lưỡi, nói lên thành tiếng. Ông nên đọc cuốn sách có tên là Philôkalia. Trong cuốn ấy, ông sẽ tìm thấy việc học hỏi đầy đủ và toàn bộ về cách với tới sự cầu nguyện Đức Giêsu có tính cách tâm linh, trong tâm trí, cả trong tâm hồn và nếm được hoa trái dịu ngọt của nó.

Con vừa nói vừa đưa cho ông ấy xem cuốn Philôkalia của con. Con thấy là ông vui sướng nhận lời khuyên của con và ông hứa sẽ kiếm cho mình một cuốn. Và bằng tâm trí mình, con chăm chú vào những cách thức kỳ diệu mà quyền năng của Thiên Chúa phô bày trong việc cầu nguyện này. Câu chuyện con vừa nghe vừa có tính cách khôn ngoan và vừa có tính cách dạy bảo biết mấy! Cây roi dạy cho cậu bé sự cầu nguyện, và còn thêm gì nữa, như một phương thế an ủi và trở thành có lợi cho cậu bé.

Phải chăng cũng bằng một cách như thế, những sâu khổ và những gian nan mà chúng ta gặp trên con đường cầu nguyện cũng là cây roi trong bàn tay của Thiên Chúa? Như vậy, tại sao chúng ta lại run rẩy và rối rắm khi mà Cha trên trời của chúng ta với tình yêu thương chan chứa và vô biên của Ngài, đã cho chúng ta gặp những gian nan sâu khổ, và khi mà những cây roi đời dạy chúng ta hăng say hơn trong việc học tập cầu nguyện và dẫn đưa chúng ta tới sự an ủi không lời lẽ nào diễn tả nổi?

Khi sắp chầm dứt những gì mà mình phải kể, tôi thưa với cha linh hướng:

- Nhân danh Thiên Chúa, xin cha tha lỗi cho con. Con đã nói huyên thuyên quá nhiều. Và ngay cả việc đàm đạo tâm linh mà nếu kéo dài quá lâu thì cũng bị các Giáo phụ thánh thiện gọi là bép xép. Đã tới lúc con đi tìm người bạn đồng hành để đi Giêrusalem. Xin cha cầu nguyện cho con, một người tội lỗi khôn khổ, để lòng thương xót bao la của Thiên Chúa xuống ơn lành cho chuyến đi của con.

Cha trả lời:

- Với trọn cả con tim mình, ta ao ước cho con được như thế, hỡi người anh em yêu quý trong Chúa. Nguyện xin ơn sủng tràn đầy yêu thương của Thiên Chúa toả ánh sáng trên đường con đi, và cùng đi với con như thiên sứ Raphaen đã cùng đi với Tôbia!



## CHƯƠNG NĂM

Cha linh hướng: Kể từ lúc tôi gặp người hành hương ấy tới nay đã một năm. Lòng đang có ý trông ngóng người anh em tận hiến ấy thì sau cùng, có tiếng gõ cửa nhẹ và có lời báo rằng anh ấy đã tới. Tôi mừng rỡ:

- Vào đi, người anh em thân mến. Chúng ta hãy cùng nhau cảm tạ Thiên Chúa đã ban phúc lành cho chuyến đi của con và mang con về lại nơi này.



Người hành hương: Xin hãy chúc tụng và cảm tạ sự giúp đỡ của Đức Chúa Cha trên trời vì lòng hào phóng của Ngài trong mọi sự khiến cho hình như đối với Ngài, mọi an bài của Ngài đều tốt lành và luôn luôn tốt lành cho người hành hương chúng con và cho những ai xa lạ trên đất khách. Đây, con đây, một người tội lỗi, kẻ đã già từ cha một năm trước đây, và nhờ lòng thương của Thiên Chúa nay thêm lần nữa được gặp cha và được nghe tiếng cha vui mừng chào đón.

Và chắc là cha đang chờ nghe con kể hết mọi chuyện về thành thánh của Thiên Chúa, nơi linh hồn con khát khao đi tới, và cũng là nơi con đã trang trọng chuẩn bị cho mình một chuyến hành hương. Nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng thực hiện được điều mình mong muốn, và đó cũng là trường hợp của con. Và không kinh ngạc là tại sao con, một người tội lỗi tá tội, mà lại dám cho rằng mình xứng đáng được đặt chân lên miền đất thánh mà trên đó đã in những bước chân thiêng liêng của Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta?

Thưa cha, cha có còn nhớ năm ngoái, con đã rời nơi này với một ông lão điếc làm bạn đồng hành, và con có mang theo lá thư của một thương gia ở Irkutsk gửi cho con trai ông ấy ở Odessa yêu cầu anh lo liệu cho con đi Giêrusalem. Đúng vậy, chỉ sau ít lâu, chúng con an toàn tới Odessa. Ông lão bạn đồng hành của con lập tức mua vé tàu đi Conxtantinôp và lên đường ngay. Riêng con bắt đầu đi tìm anh con trai của người thương gia theo địa chỉ ghi trên thư.

Chẳng mấy chốc, con tìm được anh ấy, nhưng thật hết sức sững sờ và đau đớn, con nghe rằng vị ân nhân của mình không còn trên đời nữa. Sau một cơn bệnh nguy kịch, anh lìa đời và được an táng ba tuần lễ trước. Điều đó làm con thất vọng. Tuy vậy, con tin vào quyền năng của Thiên Chúa. Toàn gia đình anh đang chịu tang khó. Người quả phụ cô cút và ba đứa con thơ đại đau đớn cùng cực, lúc nào cũng khóc, khóc suốt ngày, và ngã quỵ trong khốn khổ. Nỗi đau đớn của bà ấy vô cùng thảm thiết, tới độ dường như bà không thể sống thêm được chút nào nữa. Trong tình trạng như vậy, bà vẫn ân cần tiếp đãi con, nhưng với hoàn cảnh làm ăn hiện tại, bà không thể gửi con đi Giêrusalem được. Tuy vậy bà vẫn yêu cầu con ở lại trong nhà khoảng hai tuần chờ cho tới khi nhạc phụ của bà đến Odessa như đã hứa, để thu xếp việc kinh doanh của tang gia đang bối rối này.

Vậy con ở lại. Một tuần trôi qua. Một tháng. Rồi thêm một tháng nữa. Nhưng thay vì đến, người thương gia viết thư nói rằng công chuyện làm ăn của ông không cho phép ông lên đường. Ông khuyên con dẫu trả hết tiền lương cho những người phụ giúp rồi cho họ thôi việc và cả nhà lập tức cùng nhau dọn về sống chung với ông tại Irkutsk. Như thế, mọi sự bắt đầu xáo trộn và hỗn hạo. Thấy người ta không thể để ý tới mình nữa, con cảm ơn lòng hiếu khách của họ và chào từ giã. Thêm lần nữa, con lại lên đường lang thang khắp nước Nga.

Con ngẫm nghĩ mãi rằng mình đi đâu bây giờ? Cuối cùng con quyết định, trước hết mình hãy đi Kiev, nơi mình đã xa cách từ nhiều năm qua. Vậy con lên đường. Ban đầu con không khỏi phiền muộn vì không thể thực hiện được ý nguyện đi Giêrusalem, nhưng suy nghĩ lại, con thấy rằng không có gì xảy ra mà ngoài sự quan phòng của Thiên Chúa. Lòng con lắng xuống với niềm hy vọng rằng Thiên Chúa, đáng yêu thương loài người, chắc chắn đánh giá ý nguyện đi Giêrusalem của con thay cho hành động của con, và Ngài không để cho chuyến đi đó bị gãy đổ mà không có sự soi sáng và giá trị tâm linh nào. Và trên thực tế, nó đã hoàn toàn đúng y như vậy; để cho con có cơ hội được gặp những người phô bày cho con thấy nhiều điều mà con không biết, và để cho sự cứu rỗi chiếu sáng linh hồn u

tối của con. Và nếu không có nhu cầu đẩy con vào cuộc lang thang này thì con đã không gặp được những ân nhân tinh thần sau đây của con.

Cứ như vậy, ban ngày con đi với lời cầu nguyện Đức Giêsu, buổi tối, dùng chân khi đêm xuống, con đọc cuốn Philôkalia để củng cố và khích lệ linh hồn mình trong cuộc chiến đấu chống lại những kẻ thù vô hình của công cuộc cứu rỗi.

Đi khỏi Odessa khoảng hơn bảy mươi cây số, con gặp một chuyện rất đáng kinh ngạc. Có một đoàn dài chừng ba mươi xe ngựa chất đầy hàng hóa, và con theo kịp chúng. Xa phu chiếc thứ nhất dẫn đầu đoàn xe là một thanh niên. Anh đi bộ bên con ngựa của mình. Những xa phu khác cũng đi bộ theo sau anh, thành từng nhóm rải rác. Con đường dẫn ngang một cái ao có suối nước chảy qua. Theo dòng suối, những tảng băng mùa xuân đang tan xô đẩy nhau trôi, va đập vào nhau thành tiếng âm âm khùng khiếp. Đột nhiên, người thanh niên đầu đoàn dừng ngựa làm đoàn xe nối dài phía sau cũng đứng sững lại. Các xa phu khác chạy lên, thấy anh đang cởi quần áo. Họ hỏi anh tại sao làm như vậy. Anh trả lời rằng anh thèm tắm ao. Vài xa phu kinh ngạc và bắt đầu chế nhạo anh. Có người rầy la anh, gọi anh là khùng. Người lớn tuổi nhất trong đám và là anh ruột của anh, cố ngăn cản anh, đưa tay đẩy anh lên đằng trước, thúc anh tiếp tục đi. Anh cự lại, nói là phải để cho mình ít nhất cũng thực hiện cái ước muốn mà mình đã nói ra. Vài xa phu trẻ bắt đầu múc nước ao xối lên mình ngựa. Một kẻ nghịch ngợm dội nước lên người anh, dội lên đầu và tạt từ sau lưng. Vừa tạt vừa nói:

- Đây, nước đây. Tụi tôi tắm cho anh đây.

Khi nước vừa chạm vô người, anh la lớn:

- A, đã quá, đã quá.

Và ngòi bệt xuống đất. Họ tiếp tục dội nước lên người anh. Chẳng được bao lâu, anh nằm xuống, im lìm rồi chết.

Ai nấy đều hết sức kinh hoàng, không nghĩ ra được tại sao lại xảy tới chuyện như vậy. Những người lớn tuổi bối rối hết sức, nói rằng phải báo cáo với nhà chức trách, trong khi những người còn lại thì kết luận rằng chính số phận của anh khiến anh phải chết kiểu đó.

Con ở lại với họ trong vòng một giờ, rồi tiếp tục lên đường. Đi được chừng hơn năm cây số, con thấy kế bên triền dốc có một làng. Vào làng, con gặp cha xứ già đang đi trên đường làng. Con nghĩ mình nên kể cho ông ấy nghe chuyện vừa chứng kiến và tìm hiểu xem ông nghĩ ra sao về chuyện đó. Cha xứ đưa con vô nhà. Con kể mọi sự với ông, rồi xin ông giải thích cho con hiểu lý do nào xảy ra như vậy. Cha xứ trả lời:

Người anh em thân mến ạ, ta chỉ có thể nói với con như thế này, còn ngoài ra ta không biết gì hơn, rằng trong thiên nhiên có nhiều điều kỳ diệu mà tâm trí chúng ta không thể hiểu thấu. Ta nghĩ rằng chuyện đó cũng được do Thiên Chúa an bài để tỏ ra cho loài người thấy qui luật và sự quan phòng của Ngài trong thiên nhiên một cách rõ ràng hơn, qua những trường hợp nhất định thuộc về những thay đổi có tính cách phi tự nhiên và trực tiếp của qui luật thiên nhiên. Chính ta cũng từng chứng kiến một trường hợp giống như vậy.

Gần làng ta đây có một hẻm núi vách đá dựng đứng, bề ngang không rộng lắm, nhưng bề sâu rất sâu, tới vài ba chục thước. Nhìn xuống đáy vực của nó thấy âm u thật dễ sợ. Ngang vực, người ta bắc cầu treo. Trong họ đạo của ta có một anh nông dân, đã có gia đình, sống rất tư cách, bỗng dưng bị

ám ảnh bởi một nỗi thèm khát vô cớ và không cưỡng lại được là muốn đứng trên cầu treo mà gieo mình xuống hẻm núi sâu ấy. Suốt một tuần lễ, anh chống cự lại ý nghĩ và sự thôi thúc đó. Sau cùng, tới một buổi sáng, anh không thể kềm nổi mình nữa. Anh thức dậy thật sớm, chạy ra khỏi nhà rồi lao mình xuống vực sâu. Liên khi đó, người ta nghe tiếng anh kêu la, cả hai chân bị gãy. Phải khó khăn lắm người ta mới kéo được anh ra khỏi hốc đá. Khi có người hỏi tại sao anh làm như vậy thì anh trả lời rằng dù lúc này thể xác còn đau đớn ghê gớm nhưng anh cảm thấy tinh thần thư thái vì đã thực hiện được nỗi ước muốn không cưỡng lại được đó. Anh đã bòn chòn suốt một tuần lễ vì thèm được làm như vậy và anh sẵn sàng liều tính mạng để thỏa mãn nó.

Anh ở hết một năm trong nhà thương mới lại người. Ta thường đến thăm anh và gặp các bác sĩ đang điều trị cho anh. Cũng như con, ta muốn họ nói cho ta biết lý do tại sao anh ta làm như vậy. Các bác sĩ chỉ giải đáp cho ta có một tiếng thôi, là 'điên cuồng'. Khi ta yêu cầu họ giải thích về mặt khoa học rằng đó là cái gì và cái gì tác động lên trên nó để tấn công con người, thì họ không cho ta biết thêm gì nữa. Họ chỉ nói rằng đó là một trong những bí mật của thiên nhiên, không vén lộ ra cho khoa học. Về phần ta, ta nhận xét rằng nếu như trong sự bí nhiệm của thiên nhiên ấy mà con người hướng tới Thiên Chúa bằng lời cầu nguyện và cũng nói cho người ngay lành biết về sự cầu nguyện thì lúc đó sự 'điên cuồng' không cưỡng nổi kia sẽ không đạt được mục đích của nó.

Quả thật, có nhiều cái chúng ta gặp trong cuộc sống con người mà chúng ta không thể nào hiểu rõ ràng.

Trong khi cha sở và con chuyện vãn thì trời tối dần. Con nghỉ qua đêm ở đó. Sáng hôm sau, ông xã trưởng cử thư ký tới xin cha sở cho phép an táng người thanh niên đã chết ấy trong nghĩa địa, và nói rằng sau khi giải nghiệm, bác sĩ không tìm thấy dấu hiệu điên khùng nào và cho rằng lý do chết là vì chấn động tim mạch.

Cha sở nói với con:

- Con coi đó, y khoa không thể đưa ra lý do chính xác về sự thôi thúc không cưỡng nổi của anh ta đối với nước.

Con cũng chào từ giã cha xứ, tiếp tục con đường của mình. Sau vài ngày đi đường và cảm thấy hơi mệt mỏi, con tới một thị trấn thương mại khá sầm uất tên là Byelaya Tserkov. Khi trời chạng vạng, con bắt đầu nhìn quanh tìm chỗ trọ qua đêm. Trong chợ, tình cờ con thấy một người trông có vẻ là khách hành hương. Anh đang hỏi dò các sạp hàng địa chỉ của một người nào đó sinh sống ở đây. Khi thấy con, anh đi tới phía con và nói:

- Trông anh như thể cũng là người hành hương; vậy chúng mình đi chung tìm một người tên Evreinov sống ở thị trấn này. Ông ấy là một Kitô hữu tốt lành, chủ một quán trọ sang trọng và thường vui vẻ tiếp đón người hành hương. Anh coi này, tôi có mấy chữ viết về ông ấy đây.

Con vui mừng đồng ý. Và rồi chẳng bao lâu, chúng con tìm được nhà ông. Dù chủ nhân không có nhà nhưng vợ ông, một bà lão dễ thương, đón tiếp chúng con rất ân cần và cho chúng con ở lại nơi gác xép nhỏ, riêng biệt và khuất trên rằm thượng. Chúng con ngồi xuống nghỉ ngơi một lúc.

Sau đó, ông chủ về tới, mời chúng con cùng dùng bữa với họ. Trong khi ăn tối, chúng con trò chuyện - rằng mình là ai, mình từ đâu đến - và rồi bằng cách này cách nọ, cuộc đàm đạo đưa đẩy tới câu hỏi tại sao ông chủ nhà lại có tên là Evreinov. Ông sẵn sàng trả lời và bắt đầu câu chuyện như sau.

Tôi sẽ kể cho các anh nghe chuyện không đáng để ý đó. Các anh thấy, nó như thế này:

Cha tôi là người Do thái. Ông sinh ở Shklov. Ông ghét người Kitô giáo. Ngay từ lúc nhỏ, ông đã dọn mình để làm thầy cả Do thái giáo và chịu khó sưu tập các đề tài tán gẫu có ý nghĩa bài xích Kitô giáo. Tới một ngày nọ, ông tình cờ đi ngang một nghĩa trang Kitô giáo. Ông thấy ở đó có một sọ người, chắc là vừa bị đào lên từ một ngôi mộ bị người ta quấy phá nào đó. Sọ còn đủ hai hàm răng, từ trong đầu lâu nhe ra như hăm he người ta. Nổi xung, ông trêu chọc chiếc sọ. Ông nhỏ nước bọt lên trên nó, hành hạ nó, dùng chân hất đi hất lại. Chưa hả dạ, ông lượm nó lên, đặt trên đầu một chiếc cột - theo kiểu người ta thường gài xương thú vật lên đó để xua đuổi lũ chim hâu ăn. Sau khi đùa giỡn thỏa thích kiểu đó, ông về nhà. Đêm đó ông đang ngủ thật say thì bỗng có một người không quen hiện ra với ông, mắng nhiếc ông dữ dội rằng:

- Tại sao người dám sỉ nhục nắm xương tàn còn sót lại của ta? Ta là một Kitô hữu - còn người, người là kẻ nghịch của Đức Kitô.

Từ đó, đêm nào cũng lặp đi lặp lại vài lần sự hiện hình đó và cha tôi không ngủ nghỉ gì được nữa. Rồi luôn cả ban ngày, hình ảnh đó cũng vụt hiện ra trước mắt ông và ông còn nghe giọng nói khiển trách đó vang lên lạnh lạnh. Thời gian càng trôi qua thì sự hiện hình đó càng thường xuyên hơn. Sau cùng, ông bắt đầu cảm thấy lo lắng, hoảng sợ, sức khỏe sa sút. Ông tới gặp vị thầy cả Do thái của mình, xin vị ấy đọc kinh và trục quỷ. Nhưng sự hiện hình ấy chẳng những không chấm dứt mà còn xuất hiện đều đặn hơn, hăm dọa ông hơn.

Người ta bắt đầu nghe biết tới tình trạng của ông. Trong số những người bạn làm ăn với ông có một Kitô hữu. Người ấy mở lời khuyên ông chấp nhận Kitô giáo và tận tình thuyết phục ông rằng đó là cách độc nhất giúp ông loại bỏ được sự hiện hình quấy phá ấy. Nhưng cha tôi là người Do thái, ông không thích cách giải quyết đó. Ông trả lời:

- Tôi sẽ sung sướng làm theo ý muốn của anh nếu tôi được thoát khỏi sự hiện hình hành hạ và hết chịu nỗi này.

Người Kitô hữu nghe nói như vậy thì vui mừng, thuyết phục cha tôi nên thỉnh cầu vị giám mục địa phương ban phép rửa tội, và chấp nhận cho ông vào giáo hội Kitô. Thỉnh cầu đó được viết thành văn bản, và cha tôi, một người Do thái, ký vào đơn mà lòng không sốt sắng lắm. Và coi kìa, lạ chưa, vừa ký xong tờ thỉnh nguyện đó là việc hiện hình ấy chấm dứt ngay và không bao giờ còn quấy phá cha tôi nữa. Vô cùng mừng rỡ và tâm trí hoàn toàn yên ổn, ông cảm thấy đức tin vào Đức Giêsu Kitô nồng cháy tới độ ông đi thẳng tới gặp vị giám mục, kể cho ngài nghe hết câu chuyện và bày tỏ lòng khao khát được làm Kitô hữu. Ông sốt sắng học rất nhanh các tín điều đức tin Kitô giáo.

Sau lễ rửa tội, cha tôi dọn tới sống tại thị trấn này. Ở đây, ông kết hôn với mẹ tôi, một phụ nữ Kitô giáo ngay lành. Ông sống một cuộc đời ngoan đạo, bình an và rất rộng rãi với người nghèo. Ông dạy tôi bắt chước ông. Trước khi qua đời, ông chúc lành cho tôi và trời trần buộc tôi phải sống giống như vậy. Và như hai anh thấy - đó là lý do tôi có tên Evreinov mà theo nghĩa đen là con trai của một người Do thái.

Với lòng tôn kính và khiêm tốn, con lắng nghe câu chuyện đó, và con nhủ thầm:

- Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta nhân lành và ân cần biết bao, và tình yêu của ngài lớn lao biết bao! Bằng những đường lối muôn hình muôn vẻ, Ngài kéo người tội lỗi đến với Ngài. Với sự khôn ngoan vô hạn, ngài dùng tới cái ít quan trọng nhất để dẫn tới cái trọng đại. Ai mà có thể ngờ rằng qua

những trò đùa giỡn quái ác của một người Do thái với những chiếc xương tăn nào đó mà đưa người ấy tới sự am hiểu chân chính Đức Giêsu Kitô và là phương tiện dẫn dắt người ấy tới một cuộc sống tận hiến?

Sau khi ăn tối, chúng con cảm ơn Thiên Chúa và ông chủ nhà, rồi rút về nghỉ ngơi nơi gác xép. Chúng con chưa muốn đi ngủ nên tiếp tục chuyện vãn. Người bạn của con kể với con rằng anh từng là một thương gia ở Mogilev. Anh vừa trải qua hai năm làm tu sinh tại một trong các đan viện ở Bessarabia nhưng giấy đi lại chỉ được cấp với thời hạn cố định. Lúc này anh đang trên đường về nhà, lấy sự chấp thuận của cộng đồng thương mại để sau cùng, gia nhập hẳn đời sống tu viện. Anh nói:

- Tôi rất thích các đan viện ở đó với các qui chế, dòng tu và đời sống nghiêm nhặt của nhiều tôn sư linh hướng tận tụy sống trong đó.

Anh đoán chắc với con rằng nếu đặt các tu viện Bessarabia bên cạnh các tu viện Nga thì như đem so sánh trời với đất. Anh thuyết phục con nên làm giống như anh vậy.

Trong khi chúng con đang nói tới những việc đó thì người ta đưa một người thứ ba lên gác xép của chúng con. Đó là một sĩ quan trừ bị, tạm thời ở trong quân đội, và lúc này anh đang trên đường về phép. Thấy anh đã mệt lả vì đi đường, chúng con cùng nhau đọc kinh rồi nằm xuống ngủ.

Sáng hôm sau, chúng con thức dậy thật sớm và bắt đầu sửa soạn lên đường. Chúng con đang muốn đi cảm ơn và chào từ giã ông bà chủ nhà thì đột nhiên nghe có tiếng chuông nhà thờ báo thánh lễ buổi sáng. Người thương gia tu sinh và con bàn với nhau rằng mình nên làm gì lúc này. Một khi đã nghe tiếng chuông thì làm sao mình có thể lên đường mà không tới nhà thờ? Cách tốt là ở lại, đi nhà thờ, dự thánh lễ buổi sáng, đọc kinh xong rồi lên đường với lòng vui sướng hơn. Vậy, chúng con quyết định như thế và nói với viên sĩ quan. Nhưng anh đáp:

- Tại sao đang trên đường đi mà các anh lại vào nhà thờ? Nếu chúng ta tới nhà thờ thì lợi ích gì cho Thiên Chúa chứ? Chúng ta hãy lên đường về nhà rồi đọc kinh sau. Hai anh có muốn đi nhà thờ cứ việc đi còn tôi thì không. Trong lúc các anh đang đứng dự thánh lễ thì tôi đã đi được năm sáu cây số hoặc xa hơn nữa trên lộ trình của mình rồi, và tôi muốn về nhà càng sớm càng tốt.

Anh thương gia trả lời:

- Coi kìa, người anh em, đừng chạy quá xa tới đằng trước theo kế hoạch của mình và để cho tới khi ấy mới biết ra kế hoạch của Thiên Chúa như thế nào!

Như thế, hai chúng con tới nhà thờ, còn viên sĩ quan thì lên đường.

Chúng con ở lại dự xong buổi đọc kinh và dự cả thánh lễ. Rồi chúng con trở về gác xép lấy ba lô, sẵn sàng lên đường. Ngay lúc đó bà chủ nhà mang bếp lò vào. Bà nói:

- Hai anh đi đâu vậy? Ở lại uống trà đã - và dùng bữa sáng với chúng tôi. Chúng tôi không thể để các anh lên đường mà bụng đói.

Vậy, chúng con ở lại. Mọi người ngồi bên bếp lò được nửa giờ thì thành linh viên sĩ quan trừ bị chạy vào, vừa thở hổn hển vừa nói:

- Tới được với các anh đây là tôi vừa khổ vừa vui.

Chúng con hỏi anh:



- Chuyện gì vậy?

Anh kể:

Khi vừa chia tay với các anh để lên đường, tôi nghĩ mình nên tìm tới một quán rượu đổi ít tiền lẻ và đồng thời uống chút rượu để đi cho hăng hái. Và tôi làm như vậy. Tôi đổi tiền lẻ, uống ly rượu rồi phóng mình đi như chim. Đi được ba cây số, tôi chợt nảy ý nghĩ đếm lại số tiền mà người bán rượu đã đưa cho mình. Tôi ngồi xuống lề đường, lấy sổ tay ra, kiểm soát tất cả. Mọi sự ổn thỏa, nhưng tôi bỗng chóng mặt chóng mày: sổ thông hành của tôi đâu mất rồi - chỉ còn tiền và vài giấy tờ. Tôi rụng rời như thể bị cụt đầu. Trong chớp nhoáng, tôi thấy điều gì đã xảy ra. Chắc chắn mình đánh rơi nó khi trả tiền nơi quán rượu. Tôi phải quay lui.

Tôi chạy và chạy. Một ý tưởng khủng khiếp túm lấy tôi: giả dụ nó không có ở đó! Cái đó thiệt là bản loạn hết sức! Tôi nhào tới người đàn ông đứng sau quầy rượu, hỏi anh ta. Anh ta trả lời:

- Tôi không thấy nó.

Thật là nản! Được, tôi tìm khắp quán, lùng sục mọi chỗ, mọi nơi hồi nãy tôi đã đứng và đã đi lui đi tới. Và rồi các anh có biết ra sao không? May quá, tôi thấy sổ thông hành của mình. Nó đây rồi, vẫn xếp gọn gàng, nằm dưới đất chung với rom rác, bị chân người ta dẫm lên nhóp nhúa. Cảm tạ Thiên Chúa! Nói thật với các anh là tôi rất mừng rỡ, như thể một hòn núi lăn khỏi vai mình. Dĩ nhiên nó dơ bẩn dính bùn bê bết làm tôi như bị ai tát vô đầu, nhưng nó không rách. Dù sao đi nữa, tôi có thể về nhà và trở lại đơn vị an toàn. Tôi về đây kể cho các anh nghe chuyện đó. Và còn nữa, là trong khi vừa hoảng hồn vừa chạy, tôi đã làm trầy trụa bàn chân mình và lúc này, tôi không lê nổi chân nữa. Nên tôi tới đây xin ít thuốc mỡ để xức chân."

Người thương gia tu sinh bắt đầu có ý kiến:

Ra là thế, anh bạn, đó là vì bạn không nghe lời đi với chúng tôi tới nhà thờ. Bạn muốn đi trước chúng tôi một quãng xa, rồi ngược lại, bạn lại quay về chỗ cũ, và thêm nữa, còn phải đi khắp khếnh. Tôi đã bảo bạn đừng chạy xa tới đằng trước với kế hoạch của mình; và lúc này bạn đã thấy nó thành ra như thế nào. Bạn không tới nhà thờ là việc nhỏ, nhưng bên cạnh đó, bạn dùng lối nói như: 'Chúng ta cầu nguyện thì có lợi ích gì cho Thiên Chúa?' Người anh em ạ, cái đó tệ. Dĩ nhiên Thiên Chúa không cần tới những lời kinh tội lỗi của chúng ta, có điều, bằng tình Ngài yêu thương chúng ta, Ngài thích chúng ta cầu nguyện. Và không chỉ lời cầu nguyện thánh thiện - do chính Đức Chúa Thánh Thần giúp chúng ta dâng lên và làm phát sinh trong lòng chúng ta - làm Ngài hài lòng, bởi chính Ngài đòi hỏi điều đó nơi chúng ta khi Ngài nói: 'Hãy ở trong Ta và Ta ở trong ngươi', mà mọi dự tính, mọi thôi thúc, kể cả mọi ý nghĩ của chúng ta hướng tới sự vinh hiển của Ngài và tới sự cứu rỗi của chúng ta cũng đều có giá trị trong mắt Ngài. Vì hết thảy những cái vừa kể mà lòng ân cần đầy yêu thương không bờ bến của Thiên Chúa ban xuống cho chúng ta những phần thưởng trọng hậu. Tình yêu của Thiên Chúa ban cho ơn sung gấp ngàn lần so với giá trị hành vi của con người.

Nếu bạn dâng lên Ngài lễ vật nhỏ nhặt nhất, Ngài sẽ hoàn trả cho bạn bằng vàng. Nếu bạn có ý định đi tới Đức Chúa Cha, Ngài sẽ bước ra gặp bạn. Nếu bạn chỉ nói một lời, dù ngắn gọn và chưa đầy đủ cảm xúc: 'Hãy tiếp nhận tôi, hãy thương xót tôi' - thì Ngài sẽ ôm lấy cổ bạn mà hôn. Đó là cái mà tình yêu của Đức Chúa Cha trên trời dành cho chúng ta dù chúng ta bất xứng. Và đơn giản là vì tình yêu ấy, Ngài sướng vui theo với mỗi cử chỉ của chúng ta hướng tới sự cứu rỗi, dù đó chỉ là cử chỉ nhỏ nhặt nhất.

Đối với chúng ta thì nó giống như thế này: vinh quang của Thiên Chúa càng ở đó nhiều chừng nào thì càng sinh ích cho chúng ta nhiều chừng ấy. Nếu chúng ta chỉ cầu nguyện trong chốc lát rồi ý nghĩ mình lại lang bang; hoặc nếu chúng ta chỉ làm một hành vi tốt lành nhỏ nhất - thí dụ: đọc một lời kinh, làm năm mươi cử chỉ tôn kính, hoặc khát khao chân thành, hoặc gọi tên Đức Giêsu, hoặc để tâm tới ý tưởng ngay lành nào đó, hoặc khởi sự một bài đọc tinh thần nào đó, hoặc kiêng cử một thức ăn nào đó, hoặc làm thình trước một sĩ nhục - thì đối với chúng ta, có vẻ hết thảy những cái đó không đủ để cứu rỗi mình hoặc không phải là một hành động sinh hoa kết quả. Không! Không một hành vi nào trong các hành vi nhỏ nhất đó là vô ích. Nó sẽ được mắt nhìn thấu suốt của Thiên Chúa để ý tới và sẽ nhận được phần thưởng gấp trăm lần, không những chỉ trong cuộc sống vĩnh cửu mà còn ngay cả trong cuộc đời này. Thánh Gioan Kim khẩu đã quả quyết như vậy. Ông ấy nói rằng:

- Không có loại nào là không tốt - tuy nó có vẻ hình như không quan trọng - mà sẽ bị vị thẩm phán công chính ấy xem thường. Nếu tội lỗi được để mắt đến từng chi tiết tới độ chúng ta sẽ phải trả lời về từng lời nói, từng khát vọng và từng ý nguyện của mình, thì chính vì thế, chúng ta lại càng cần các hành vi nhỏ nhoi tốt lành của mình, để được để mắt đến từng chi tiết, và như thế, các hành vi nhỏ nhoi đó được liệt kê vào công trạng của chúng ta trước vị thẩm phán chan chứa yêu thương ấy.

Tôi kể bạn nghe một trường hợp chính mắt tôi chứng kiến năm ngoái. Tại tu viện ở Bessarabia nơi tôi sống, có một tôn sư và là một tu sĩ sống đời ngay lành. Ngày nọ, cơn cám dỗ bao vây ông. Ông cảm thấy thèm cá khô không chịu nổi. Vào lúc đó, tu viện không có món ấy nên ông dự tính sẽ ra chợ mua một ít. Trong một thời gian lâu, ông phấn đấu chống cự lại ý tưởng đó và tranh luận với mình rằng đã là tu sĩ thì phải bằng lòng với bất cứ thức ăn nào mà tu viện cung cấp, và bằng bất cứ giá nào, mình cũng phải tránh đừng ham mê lạc thú. Thêm nữa, đối với một tu sĩ, việc đi lòng vòng trong chợ giữa đám đông người ta cũng là một nguồn cám dỗ và không thích đáng. Cuối cùng, những điều ngoa của kẻ thù đánh bại các lập luận của ông. Ông quyết định đi chợ mua cá.

Sau khi ra khỏi tu viện, đi dọc đường, ông nhận ra trong tay mình không cầm tràng hạt. Ông bắt đầu suy nghĩ:

- Tại sao lại như thế này, mình đang bước đi giống như một người lính không vũ khí? Cái này không thích đáng chút nào. Giáo dân gặp mình, thấy một tu sĩ mà không có tràng hạt thì sẽ chỉ trích mình và họ sẽ sa cơn cám dỗ!

Ông sắp quay về tu viện lấy tràng hạt thì cảm thấy nó đang ở trong túi mình, ông thò tay vào. Nó ở đó. Ông rút tràng hạt ra, làm dấu thánh giá. Với tràng hạt trong tay, ông bình tĩnh tiếp tục đi. Khi tới gần chợ, ông gặp một con ngựa đang đứng sát bên một cửa tiệm bày đầy hàng hóa chất từng đống thau chậu ngất ngưỡng. Thành linh, không biết sợ hãi cái gì, con ngựa lao tới với hết sức mạnh của nó, cật bốn vó lên phi như sấm sét thẳng vô người ông, lướt qua vai ông, làm ông té xuống đất dù không bị thương nặng. Đúng lúc đó, trước mặt ông đôi ba bước, hàng hóa trên một chiếc xe ngựa đổ nhào xuống, chiếc xe vỡ tan thành từng mảnh. Đứng lên thật lẹ, ông tự nhiên cảm thấy sợ nhưng đồng thời ông sửng sò về cách Thiên Chúa đã dùng để cứu mạng ông vì nếu hàng hóa trên xe ấy đổ xuống sớm hơn một tích tắc thôi thì người ông đã bị nát bậy như chiếc xe. Chỉ suy nghĩ vậy thôi rồi ông mua cá, trở về tu viện, đọc kinh và nằm xuống ngủ.

Ông ngủ thật ngon. Trong khi ông ngủ, một tôn sư trông có vẻ phúc hậu mà ông không quen biết, hiện ra nói với ông:

- Thầy hãy lắng nghe đây, ta là người bảo hộ chỗ này. Lúc này, ta muốn dạy cho thầy một bài học để thầy hiểu và thầy ghi nhớ. Bây giờ, thầy nhìn đây: cái cổ găng yếu ớt mà thầy đã đưa ra để chống cự cảm giác thèm muốn, và sự biếng trễ của thầy trong việc tự hiểu mình và tự kiểm soát, đã tạo dịp cho kẻ thù tấn công thầy. Hắn đã dành sẵn cho thầy một quả bom định mệnh sẽ nổ tung ngay trước mắt thầy. Nhưng thiên thần hộ thủ của thầy đã thấy trước việc đó và đã đặt vào tâm trí thầy cái ý nghĩ dang lời cầu nguyện và cái việc nhớ lại tràng hạt. Vì thầy đã lắng nghe lời gợi ý đó, tuân theo nó và biến nó thành hành động, nên chính vì thế thầy được cứu mạng. Thầy có thấy tình yêu của Thiên Chúa cho loài người và phần thưởng trọng hậu cho cái việc hướng tới Ngài, dù chỉ có một chút thôi?

Nói xong điều đó, vị tôn sư khải thị lệ làng rời căn buồng. Còn tu sĩ cúi đầu xuống sát đất. Trong khi làm như vậy thì ông thức giấc, thấy mình không nằm trên giường mà đang quì sát mình nơi ngưỡng cửa. Ông kể lại câu chuyện khải thị này vì lợi ích tinh thần của nhiều người, trong số đó có cả tôi.

Quả thật tình yêu của Thiên Chúa dành cho những người tội lỗi chúng ta thật không bờ không bến. Thật không ngạc nhiên là một hành vi nhỏ nhoi - vâng, chỉ có việc lấy tràng hạt ra khỏi túi, cầm trong tay và gọi tên Thiên Chúa - mà cứu mạng cho con người, và rằng cứ như ti lệ phán xét theo loài người, thì chỉ một phút giây ngăn ngủi kêu tên Đức Giêsu Kitô thôi mà cân nặng hơn nhiều giờ biếng trễ? Quả thật, ở đây có sự lấy vàng hoàn trả cho một vật nhỏ nhặt. Anh bạn ạ, lời cầu nguyện có sức mạnh ngàn nào, và khi ta kêu tên Đức Giêsu Kitô thì có uy lực biết bao, bạn có thấy không? Thánh Gioan Karpathisky trong cuốn Philokalia nói rằng khi bằng lời cầu nguyện Đức Giêsu, chúng ta gọi tên thiêng liêng ấy và nói: 'Xin thương xót con là kẻ tội lỗi,' thì lúc ấy, đáp lại trọn vẹn lời thỉnh cầu đó, tiếng của Thiên Chúa thầm kín trả lời rằng: 'Con ạ, các tội lỗi của con đã được tha.' Và vị thánh ấy tiếp tục nói rằng khi chúng ta tiếp tục nói lời cầu nguyện ấy, thì ngay trong phút giây nói đó, không có gì phân biệt giữa chúng ta với các thánh, giữa người xưng tội với các vị tử đạo. Vì như thánh Gioan Kim khẩu nói:

- Lời cầu nguyện ấy, dù trong khi thốt ra nó chúng ta đang tràn đầy tội lỗi, nó lập tức rửa sạch chúng ta. Lòng ân cần đầy thương yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta thì bao la, tuy người tội lỗi chúng ta thì thờ ơ, không muốn bỏ ra dù chỉ một giờ để tỏ lòng biết ơn Thiên Chúa và đem thời gian cầu nguyện - vốn là cái quan trọng hơn bất cứ mọi cái - để đổi lấy sự hối hả và lo toan trong cuộc sống, bỏ quên Thiên Chúa và nghĩa vụ của chính mình. Vì lý do đó, chúng ta thường gặp những bất hạnh và tai ương, tuy thế, sự quan phòng đầy thương yêu của Thiên Chúa sử dụng những xui rủi đó làm lời chỉ dẫn chúng ta và hướng tâm hồn chúng ta lên tới Ngài.

Khi người thương gia tu sinh chấm dứt lời nói chuyện của anh với viên sĩ quan, con thừa với anh:

- Thừa anh, anh cũng đã mang tới cho linh hồn tội lỗi của tôi niềm an ủi biết ngàn nào! Tôi xin cúi mình dưới chân anh.

Nghe con nói như vậy, anh bắt đầu bảo con:

- A! Có vẻ anh là người yêu thích những câu chuyện tôn giáo. Xin chờ chút. Tôi sẽ đọc cho anh nghe một câu chuyện giống y như câu chuyện tôi vừa kể với anh sĩ quan. Ở đây tôi có một cuốn sách mang theo mình khi đi đường, có tên là Agapia, hoặc 'Sự Cứu Rỗi Những Kẻ Tội Lỗi'. Trong cuốn sách này có vô số điều kỳ diệu.

Anh lấy cuốn sách ra khỏi túi, bắt đầu đọc một chuyện rất hay ho về một người tên là Agathonik, kẻ tận hiến mà từ thuở thơ ấu đã được cha mẹ ngoan đạo dạy bảo hằng ngày đọc trước tượng Mẹ Thiên Chúa lời kinh bắt đầu với câu: "Kính mừng Maria đầy ơn phước, Đức Chúa Trời ở cùng Bà." Và đã luôn luôn đọc bài kinh đó. Về sau, khi lớn lên, bắt đầu cuộc sống riêng của mình, ông miệt mài với những lo toan và bận rộn của cuộc đời, hiếm khi đọc kinh như cũ, và sau cùng, hoàn toàn bỏ hẳn.

Ngày nọ, ông cho một người hành hương ngủ lại qua đêm. Người ấy kể với ông rằng mình là kẻ ần tu ở núi Thebaid và đã thấy trong một khả thị rằng mình phải tuân lệnh đi gặp Agathonik để khiển trách ông đã buông bỏ lời cầu nguyện Mẹ Thiên Chúa. Agathonik nói lý do buông bỏ là vì ông từng đọc bài kinh ấy suốt trong nhiều năm mà thấy chẳng có kết quả gì. Lúc đó, nhà ần tu nói với ông:

- Hồi kể mù lòa và bội bạc kia, hãy nhớ lại bao nhiêu lần lời cầu kinh ấy đã giúp người và cứu người khỏi tai ương. Hãy nhớ lại lúc thanh niên, người đã được cứu một cách kỳ diệu khỏi chết đuối như thế nào? Người không nhớ một nạn dịch đã đem nhiều người bạn của người xuống mồ còn người, người được mạnh khỏe? Người không nhớ sao, lúc người đi xa với một người bạn, cả hai bị văng ra khỏi xe, bạn người gãy chân còn người thì không bị gì cả? Người không nhớ sao, người thanh niên mà người quen biết, kẻ từng an lành mạnh khỏe mà lúc này bệnh hoạn suy nhược nằm một chỗ trong khi người sức khỏe tốt lành và không cảm thấy ốm đau gì?

Vị tu sĩ còn nhắc cho Agathonik nhiều việc khác nữa. Cuối cùng, nhà tu hành ấy bảo:

- Người nên biết điều này, rằng người được bảo vệ trước những khốn khó đó là nhờ sự che chở của Mẹ Thiên Chúa cực thánh vì lời cầu nguyện ngắn ngủi, mà qua đó, hằng ngày người đã nâng tâm hồn mình lên hiệp nhất cùng Thiên Chúa. Bây giờ, người hãy bảo trọng, hãy tiếp tục lời cầu nguyện ấy và chớ buông bỏ việc ca tụng Nữ Hoàng Trên Trời để Mẹ không bỏ lơ người.

Khi anh thương gia tu sinh chấm dứt bài đọc đó, người ta mời chúng con dùng bữa sáng. Sau đó, cảm thấy sức khỏe mình tươi tắn trở lại, chúng con cảm ơn ông bà chủ nhà và lên đường. Chúng con chia tay, mỗi người đi mỗi ngã, theo con đường mà mình cảm thấy tốt nhất cho mình.

Sau đó, con đi liên tiếp năm ngày, lòng vui sướng nhớ lại những câu chuyện mình được nghe từ người thương gia ngay lành ở Byelaya Tserkov, rồi con bắt đầu tới gần Kiev. Bỗng dưng và hoàn toàn vô cớ, con bắt đầu nghe trong người đờ đẫn nặng nề và các ý nghĩ của mình ảm đạm chán chường. Lời cầu nguyện Đức Giêsu thốt lên thấy khó nhọc quá và người con thấy biếng nhác rũ rượi. Vì vậy, thấy trong khu rừng nhỏ bên đường có mấy lùm cây thấp và rậm, con đi vô đó mong được nghỉ ngơi một chút và đồng thời, tìm nơi nào vắng vẻ để mình có thể ngồi dưới tàng cây đọc cuốn Philôkalia và nhờ đó làm phần chân cái tinh thần đang suy nhược và khuây khỏa cơn dao động của mình.

Con tìm được một chỗ yên tĩnh và bắt đầu đọc chương Kassian La mã trong phần bốn của cuốn Philôkalia - đoạn suy nghĩ thứ tám. Đang sung sướng đọc được khoảng nửa giờ, rồi rất là bất chợt, con thấy có bóng người cách con hơn trăm thước, sâu hơn đằng trong rừng. Người đó qui không nhúc nhích động đậy. Con vui mừng suy đoán rằng người đó đang cầu nguyện và con lại bắt đầu đọc sách tiếp. Con đọc như vậy thêm một hai tiếng đồng hồ nữa, xong lại ngược lên nhìn. Người đó vẫn qui, chưa cực cự. Toàn bộ sự tĩnh lặng ấy làm con vô cùng cảm động và con nghĩ: "Có những tội tở của Thiên Chúa tận tụy biết bao!"



Trong khi tâm trí con đang ngẫm nghĩ như thế thì người đó bỗng gục xuống đất rồi nằm im lìm làm con giật mình. Con không thấy mặt vì lúc quì người đó đưa lưng về phía con. Con cảm thấy tò mò muốn đi tới xem người đó là ai. Khi tới gần, con thấy người đó đang ngủ say. Anh là một thanh niên nhà quê, tuổi chừng hai mươi lăm. Bộ mặt anh đẹp trai, rất ưa nhìn nhưng xanh xao. Anh mặc áo dài loại của người nhà quê, ngang lưng quấn một sợi dây bằng vỏ cây. Ngoài ra, anh không có gì đáng để ý. Anh không có ba lô, cũng không có gậy. Tiếng bước chân con tới gần làm anh thức giấc và đứng dậy. Con hỏi anh là ai. Anh nói với con anh từng là một người làm ruộng công điền thuộc tỉnh Smolensk và đang trên đường đi từ Kiev ra tới đây. Con hỏi:

- Và bây giờ anh dự tính đi đâu?

Anh trả lời:

- Chính tôi cũng không biết Thiên Chúa sẽ dẫn tôi đi đâu.

- Anh rời nhà mình đã bao lâu rồi?

- Hơn bốn năm.

- Và trong thời gian đó, anh sống ở đâu?

- Tôi đi từ đền thánh này tới đền thánh khác, hết tu viện thì tới nhà thờ. Không lúc nào tôi ở nhà. Tôi là kẻ mồ côi, không thân thích. Thêm nữa, tôi bị què một chân. Và vì vậy, tôi đi lang thang khắp thế giới bao la.

Con nói với anh:

- Tôi thấy hình như có người nào đó kính sợ Thiên Chúa đã dạy cho anh đừng đi lang thang bất cứ chỗ nào, mà chỉ nên đến viếng những địa điểm thánh thiện thôi.

Anh bắt đầu kể:

Anh coi. Tôi không cha không mẹ từ lúc còn nhỏ. Thuở bé, tôi sống quanh quẩn với những người chăn súc vật cùng làng và mọi sự diễn ra sung sướng cho tới khi tôi lên mười. Tới một ngày nọ, tôi lừa súc vật về làng mà không để ý trong đàn súc vật thiếu con cừu tốt nhất của ông trưởng làng. Ông trưởng làng của chúng tôi là một người quê mùa, cọc cằn và bất nhân. Tới đó, ông về nhà và thấy mất con cừu của mình, ông nhào tới chửi mắng, hăm dọa tôi. Ông thề sẽ đập chết tôi nếu tôi không chịu đi tìm con cừu cho ông. Ông nói:

- Tao sẽ bẻ lợi chân lợi tay mày.

Biết ông cực kỳ hung tợn, tôi liền đi tìm con cừu, tới những nơi lũ cừu thường ăn cỏ lúc ban ngày. Tôi tìm hoài tìm mãi cho đến quá nửa đêm nhưng không nơi nào có dấu vết. Đêm đó trời tối mịt mùng vì sắp vào mùa thu. Ở tỉnh của tôi, rừng sâu lắm, và khi tôi đi vào rất xa trong rừng thì thành linh một con báo ập tới. Hết thấy cây cối đều lung lay như sắp tróc gốc. Từ nơi xa xa, lũ chó sói bắt đầu tru. Khấp người tôi hãi hùng tới nỗi mình mẩy tê dại, tóc tai dựng đứng. Còn nữa, mọi sự càng lúc càng rợn rợn khiến tôi như sắp té sắp mặt xuống đất bất tỉnh vì kinh hoàng và khiếp đảm. Lúc đó, tôi quì xuống làm dấu thánh giá và với tất cả tâm hồn mình, tôi kêu lên: 'Chúa Giêsu Kitô, xin thương xót con.' Vừa kêu xong, lập tức tôi cảm thấy bình an vô cùng như thể mình chưa từng âu lo chút nào. Tôi không còn sợ hãi gì nữa và cảm thấy hạnh phúc trong lòng giống như mình đang bay thẳng lên thiên đàng. Thấy vậy, tôi rất vui sướng và chỉ còn làm một việc thôi là nói lời cầu nguyện ấy



không ngừng. Cho tới hôm nay, tôi cũng không biết trận bão đó kéo dài trong bao lâu và đêm đó đã trôi qua như thế nào. Tôi ngược mắt nhìn lên thấy ngày đang tới và tôi vẫn còn quì một chỗ. Tôi bình tĩnh đứng dậy, nghĩ rằng mình đừng tìm con cừu nữa, và đi về nhà.

Mọi sự tốt lành trong tim tôi và tôi đang thốt lên lời cầu nguyện ấy với sự toại nguyện của tâm hồn. Thấy tôi về tới làng mà không mang theo con cừu, ông trưởng làng đánh tôi một trận gần chết - ông đập cho gãy khớp bàn chân của tôi, như anh thấy đây. Sau khi ăn đòn, tôi bị bỏ nằm một chỗ. Tôi gần như không nhúc nhích nổi người, chỉ biết là mình đang nói lời cầu nguyện tên Đức Giêsu, và tôi được ủi an. Khi lại người được đôi chút, tôi bắt đầu đi lang thang khắp thế giới. Tôi không thích sự xô bồ tấp nập của đám đông và để ứng xử ngay lành với tội lỗi mình, tôi đi lang thang từ địa điểm thánh thiện này tới địa điểm thánh thiện khác và vào cả trong rừng. Từ khi tôi sống theo cách đó tới nay đã được gần năm năm.

Nghe những lời nói đó, lòng con vui sướng quá vì Thiên Chúa đã cho con gặp được một người rất tốt lành. Con hỏi anh:

- Và bây giờ, anh có còn thường dùng lời cầu nguyện ấy không?

Anh trả lời:

- Tôi không thể sống mà không có lời cầu nguyện ấy. Tại sao như vậy? Hễ mỗi lần tôi nhớ lại mình đã cảm thấy như thế nào khi lần đầu tiên thốt lên lời ấy ở trong rừng, thì như có ai đó đang đe dọa quì xuống và tôi bắt đầu cầu nguyện. Tôi không biết lời cầu nguyện tội lỗi của mình có làm vui lòng Thiên Chúa hay không nhưng trong khi cầu nguyện, thỉnh thoảng tôi cảm thấy hân hoan hết sức - tôi không biết tại sao - có một sự nhẹ nhàng tinh thần, một loại hạnh phúc trầm lặng. Nhưng cũng có những lúc tôi cảm thấy tinh thần mình đờ đẫn, nặng nề và yếu ớt. Nhưng dù có xảy ra cái gì đi nữa, tôi vẫn muốn được tiếp tục luôn luôn cầu nguyện cho tới ngày mình chết.

Nghe như vậy con nói với anh:

- Người anh em thân mến, anh đừng lo lắng gì cả! Mọi sự đang làm vui lòng Thiên Chúa và có ích cho sự cứu rỗi chúng ta - mọi sự, cho dù trong lúc cầu nguyện có xảy ra cái gì đi nữa. Các Giáo phụ thánh thiện đã nói như vậy. Dù đó là sự phôi phới của tâm hồn hay là sự nặng trĩu, cái nào cũng ổn thỏa. Bất cứ người cầu nguyện nào, dù thánh thiện hay xấu xa, cũng đều được Thiên Chúa để mắt tới. Sự phôi phới, nồng ấm, vui sướng cho thấy Thiên Chúa đang tưởng thưởng và ủi an chúng ta vì nỗ lực cầu nguyện. Trong khi đó, sự nặng trĩu, ú ám, khô khan thì mang ý nghĩa rằng Thiên Chúa đang rửa sạch và đang củng cố linh hồn chúng ta. Bằng sự thử thách sinh ích này mà có ý nói lên điều đó và trong khiêm tốn, chuẩn bị tâm hồn ta cho sự hân hoan hạnh phúc đầy ơn sủng trong tương lai. Để làm chứng lời tôi vừa nói, tôi đọc cho anh nghe đây đôi điều mà Thánh Gioan Klimax đã viết.

Con lật sách tìm đoạn đó và đọc cho anh nghe. Anh nghe chăm chú từ đầu tới cuối, lấy làm thích thú và cảm ơn con rất nhiều. Trong tâm trạng sôi nổi đó, chúng con chia tay. Anh cất bước vào sâu trong rừng còn con trở ra đường lộ. Con tiếp tục cuộc hành trình của mình với lời cảm tạ Thiên Chúa đã xem con, một kẻ tội lỗi, được xứng đáng tiếp nhận sự dạy bảo như thế.

Qua hôm sau, nhờ sự giúp đỡ của Thiên Chúa, con tới Kiev. Việc đầu tiên và chính yếu mà con muốn là chay tịnh trong ít lâu rồi xưng tội và rước lễ trong thành phố thánh thiện này. Do đó, con dừng chân chân gần nơi các thánh để tới nhà thờ cho tiện. Một ông lão Cô-dắc tốt lành nhận cho con ở chung. Vì ông lão sống trong túp lều nhỏ một thân một mình nên con cảm thấy chỗ đó thật bình an và

yên lặng. Tới cuối tuần, trong khi xét mình sửa soạn xưng tội, con chợt nảy ra ý nghĩ rằng mình nên xưng tội càng hết sức chi tiết càng tốt. Vậy, con bắt đầu ôn lại và xét mọi tội lỗi của mình một cách rất đầy đủ, từ lúc con còn nhỏ cho tới lúc này. Để không quên sót chút nào, con ghi ra hết mọi tội lỗi mà mình có thể nhớ được. Con viết chúng ra đây một tờ giấy lớn.

Con nghe người ta nói tại Kitaevaya Pustina, cách Kiev khoảng tám cây số, có một linh mục sống đời khổ hạnh, rất khôn ngoan và rất am hiểu. Ai đến xưng tội với ông đều tìm thấy một bầu không khí từ bi đầm thấm và ra đi với lời giảng dạy cho sự cứu rỗi chính mình và với tinh thần thanh thản. Nghe như vậy con rất vui mừng, lập tức tìm tới vị linh mục đó.

Sau khi xin lời khuyên bảo của ông và hai cha con chuyện vãn được một lúc, con trình ông xem tờ giấy của con. Ông đọc hết từ trên xuống dưới rồi nói:

- Bạn thân mến, nhiều cái mà bạn viết ra đây thật không ích lợi chút nào. Bạn nghe đây: Thứ nhất, đừng mang tới tòa cáo giải những tội mà bạn đã sám hối hoặc đã được tha. Đừng nhắc lại chúng thêm lần nữa vì làm như thế là bạn nghi ngờ quyền năng của phép bí tích thông hối. Thứ hai, đừng đề cập tới những kẻ có liên quan tới tội lỗi của mình mà chỉ xét riêng bản thân mình thôi. Thứ ba, các Giáo phụ thánh thiện nghiêm cấm chúng ta không được nhắc tới nguyên vẹn và chi tiết hoàn cảnh phạm tội; các ngài bảo chúng ta chỉ xưng chúng ra một cách tổng quát và làm như vậy là để tránh cho bản thân mình và cho linh mục giải tội khỏi con cảm dỗi. Thứ tư, bạn tiến hành sám hối mà bạn không đang sám hối cái sự việc rằng bạn không thể sám hối - nghĩa là, sự sám hối của bạn có tính cách hờ hững và cầu thả. Thứ năm, bạn xét qua tất cả với đầy đủ các chi tiết nhưng bạn không chú ý tới cái quan trọng nhất, nghĩa là, bạn không vạch ra những tội trọng nhất, nặng hơn tất cả. Bạn không thừa nhận và bạn cũng không viết ra rằng bạn không yêu thương Thiên Chúa, rằng bạn ghét người bên cạnh, rằng bạn không tin vào Lời Thiên Chúa, và rằng lòng bạn tràn đầy kiêu hãnh và tham vọng. Nói chung, toàn bộ sự dữ và toàn bộ sự sa đọa tâm linh của chúng ta nằm trong bốn tội lỗi đó. Bốn cái đó là những cội rễ chính yếu mà từ đó đâm chồi tất cả những tội lỗi mà chúng ta sa ngã.

Con vô cùng sửng sốt khi nghe những lời ấy, và con thưa:

- Thưa cha đáng kính, xin tha thứ cho con, nhưng làm sao con có thể không yêu thương Thiên Chúa Đấng tạo dựng chúng ta và là Đấng gìn giữ chúng ta? Nếu con không tin vào Lời Thiên Chúa mà trong lời đó mọi điều đều chân chính và thánh thiện thì con tin vào cái gì? Con ao ước mọi sự tốt lành cho hết thảy những người bên cạnh con thì làm sao con ghét họ? Ngoài vô số tội lỗi của mình ra, con chẳng có gì đáng để hãnh diện, ngoài sự nghèo khó và bệnh hoạn của mình ra, con cũng chẳng có gì đáng để được ca ngợi thì con đâu có gì nữa mà tham với muốn? Dĩ nhiên, nếu con là người có học thức hoặc có tiền của, thì lúc đó chắc chắn là con đã có phạm những tội lỗi mà cha vừa đề cập tới.

Nghe tôi nói như vậy, vị linh mục trả lời:

- Bạn thân mến ạ, bạn thật đáng thương. Bạn hiểu quá ít ỏi về những điều ta vừa nói. Coi đây! Nếu ta đưa cho bạn tờ ghi chú này thì bạn sẽ học hỏi được nhanh hơn. Đây là những điều ta luôn luôn dùng cho việc xưng tội của chính mình. Bạn hãy đọc chúng từ đầu tới cuối và bạn sẽ thấy khá rõ ràng chúng có xác thực về những điều mà ta nói với bạn lúc này.

Ông đưa con mấy tờ giấy ghi chú, và con bắt đầu đọc thấy như sau:

## VIỆC XUNG TỘI

### ĐƯA CON NGƯỜI TỚI KHIÊM TỐN

Trong khi trang trọng hướng mắt nhìn vào bản thân và quan sát diễn tiến trạng thái tâm hồn mình, tôi xét thấy rằng mình không yêu thương Thiên Chúa, rằng mình không yêu thương người bên cạnh, rằng mình tràn đầy kiêu hãnh và ham muốn xác thịt. Nhờ kết quả việc xét một cách chi tiết các cảm xúc và hạnh kiểm của mình, tôi quả thật tìm thấy trong bản thân mình tất cả những sự đó, như sau:

**1. Tôi không yêu thương Thiên Chúa.** Nếu tôi yêu thương Thiên Chúa thì chắc chắn lúc nào tôi cũng nghĩ tới Ngài với lòng vui sướng chân thành. Ngược lại, tôi nghĩ tới những gì trần thế một cách thường xuyên hơn và háo hức hơn; và tôi thấy nghĩ tới Thiên Chúa là một việc khó khăn và khô khan. Nếu tôi yêu thương Thiên Chúa thì lúc ấy, việc trò chuyện với Ngài bằng lời cầu nguyện đã thành lương thực nuôi dưỡng tôi và thành niềm hân hoan của tôi, lôi kéo tôi tới sự hiệp thông bền vững với Ngài. Ngược lại, không những tôi không thích thú việc cầu nguyện mà tôi còn cảm thấy đó là một sự cố gắng. Đối với việc cầu nguyện, tôi vất vả miễn cưỡng, tôi yếu ớt uể oải nhưng mặt khác, tôi hăng say để cho mình sẵn sàng bị chiếm lĩnh bởi bất cứ chuyện vặt vãnh không quan trọng nào nếu cái đó rút ngắn được việc cầu nguyện hoặc giữ cho tôi khỏi cầu nguyện. Trong những công chuyện vô ích tôi không để ý thời gian trôi qua nhanh hay chậm, nhưng khi tôi ở với Thiên Chúa, khi đặt mình trong sự có mặt của Ngài thì tôi thấy mỗi giờ trôi qua có vẻ dài như một năm. Nếu người ta yêu người nào thì nghĩ tới người ấy suốt ngày, lo lắng cho người ấy, và trong bất cứ hoàn cảnh nào, người yêu quý ấy cũng không bao giờ nằm ngoài tâm tưởng mình. Còn tôi, suốt cả ngày, hiếm khi tôi bỏ ra dù chỉ một tiếng đồng hồ thôi để đắm mình trong chiêm nghiệm Thiên Chúa, để làm bùng nóng con tim mình với tình yêu Ngài; trong khi đó, tôi háo hức bỏ ra hai mươi bốn giờ làm của tiến dâng nhiệt thành cho các thần tượng mà mình say mê. Tôi hăng hái trò chuyện về những vấn đề và những việc phù phiếm mà tôi cảm thấy khoái trá và làm suy thoái tâm linh. Còn đối với việc suy ngẫm về Thiên Chúa thì tôi khô khan, tẻ nhạt và lười biếng. Cho dù có miễn cưỡng nghe theo lời lôi kéo của người khác mà dự vào cuộc đàm đạo tâm linh, tôi cũng cố gắng chuyển thật lẹ đề tài ấy qua một đề tài nào đó đáp ứng được lòng ham muốn thích thú của tôi. Tôi tò mò không biết mệt về những cái mới lạ, về những việc liên quan tới người công dân và các biến cố chính trị. Tôi nao nức tìm kiếm sự thỏa mãn cho sở thích am hiểu về khoa học nghệ thuật, và bằng mọi cách, làm sao để mình có cho được cái mà mình muốn có. Còn đối với việc học hỏi lề luật của Thiên Chúa, việc am hiểu về Thiên Chúa và về tôn giáo thì tôi ít khi nghĩ tưởng tới và linh hồn tôi không có chút ao ước thỏa mãn nào. Tôi coi những cái đó không chỉ là việc bận rộn không cần thiết đối với người Kitô hữu mà còn như một loại vấn đề phụ, có cũng được mà không cũng được, không lấp đầy thì giờ thừa thãi trong những lúc nhàn rỗi của tôi. Diễn tả một cách ngắn gọn, nếu tình yêu Thiên Chúa được chứng tỏ bằng việc giữ các giới răn của Ngài - như Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta đã nói rằng: "Nếu anh chị em yêu thương Ta thì hãy giữ các giới răn của Ta" - thì không những tôi đã không giữ chúng mà còn ít khi cố gắng để giữ chúng. Như vậy, theo đó mà kết luận thì thực tế dứt khoát là tôi không yêu thương Thiên Chúa. Đó là điều Thánh Basiliô Cả đã nói: "Bằng chứng của một người không yêu thương Thiên Chúa và Đức Kitô của nó nằm trong thực tế rõ ràng rằng kẻ đó không giữ các giới răn của Ngài."

**2. Tôi cũng không yêu thương người bên cạnh mình.** Vì không những tôi không thể quyết định hy sinh mạng sống của mình cho người bên cạnh (theo Tin Mừng) mà tôi còn không hy sinh hạnh phúc, phúc lợi và sự yên ổn của tôi cho sự tốt lành của người bên cạnh mình. Nếu tôi yêu thương người bên cạnh như bản thân mình, như Tin Mừng ra lệnh, thì tôi lo buồn vì những rủi ro bất hạnh của

người ấy và cũng sung sướng vì hạnh phúc của người ấy. Nhưng ngược lại, tôi lắng nghe những chuyện thọc mạch và bất hạnh về người bên cạnh mình mà tôi không chút gì lo buồn; lòng tôi vẫn cảm thấy bình thản hoặc tệ hơn nữa, tôi cảm thấy có một loại khoái trá nào đó. Người anh em của tôi hạnh kiểm có phần nào xấu, tôi đã không che đậy với tình yêu thương mà còn loan truyền rộng rãi với phê bình chỉ trích. Phúc lợi, danh dự và hạnh phúc của người bên cạnh không làm tôi mừng rỡ như là của chính tôi, nhưng chúng như là cái gì đó xa lạ với tôi, không làm cho tôi cảm thấy vui sướng. Hơn nữa, chúng còn làm phát sinh trong lòng tôi, một cách khó thấy rõ, những cảm giác ganh tị hoặc xem thường.

**3. Tôi không có niềm tin tôn giáo.** Tôi không tin vào sự bất tử cũng như không tin vào Tin Mừng. Nếu tôi có lòng tin vững chắc và không chút nghi ngờ rằng bên kia nấm mộ có yên nghỉ một sự sống vĩnh cửu và sự thưởng phạt cho mọi hành vi của ta trong cuộc đời này, thì chắc chắn tôi đã suy nghĩ liên tục về điều đó. Ngay ý tưởng về sự bất tử chắc chắn cũng đã làm tôi kinh hãi và khiến tôi sống cuộc đời này như một người khách lạ, sẵn sàng trở về quê hương cố thổ của mình. Ngược lại, tôi không nghĩ gì tới sự vĩnh cửu và tôi xem sự chấm dứt cuộc đời trần thế này như một giới hạn cuối cùng cho đời sống của tôi. Trong lòng tôi ẩn náu ý tưởng thầm kín rằng: "Ai biết lúc chết sẽ xảy tới cái gì?" Nếu tôi có nói rằng tôi tin vào sự bất tử thì lúc ấy chẳng qua chỉ là tôi đang nói trong tâm trí mình, còn trong con tim mình thì khác xa, không dính dáng gì tới niềm xác tín bền vững vào điều đó. Thực tế ấy được chứng tỏ một cách công khai bằng hạnh kiểm của tôi và việc tôi thường xuyên lo lắng làm sao cho thỏa mãn cuộc sống theo các giác quan. Nếu Lời Thiên Chúa, cả Tin Mừng cũng như đức tin, được tôi đem vào tâm hồn mình thì chắc chắn tôi đã liên tục bị chiếm lĩnh bởi những cái đó; chắc chắn tôi đã học hỏi Lời Thiên Chúa, cảm thấy vui sướng trong nó, và với sự tận hiến sâu xa tôi đã hướng hết sự chú ý của mình vào nó; trong Lời Thiên Chúa ẩn kín Khôn ngoan, Bác ái và Tình yêu, nó nhất định đưa tôi tới hạnh phúc và tôi chắc chắn tìm thấy sự hân hoan trong việc ngày đêm học hỏi lề luật của Thiên Chúa; trong Lời Thiên Chúa, chắc chắn tôi tìm thấy của ăn giống như lương thực hằng ngày, và tâm hồn tôi chắc chắn được lôi cuốn vào việc giữ các lề luật của nó. Trái lại, nếu thỉnh thoảng tôi mới đọc hoặc nghe Lời Thiên Chúa, dù chỉ làm như vậy vì có việc cần hoặc vì sở thích am hiểu tổng quát, và tới gần nó mà không có sự chú ý mật thiết nào, thì tôi cảm thấy Lời Thiên Chúa lờ mờ và không thú vị. Thường thường, tôi đọc cho hết bài đọc Lời Thiên Chúa mà không cảm thấy ích lợi gì và cũng chỉ để sẵn sàng chuyển qua đọc một bài đọc thể tục khác mà trong đó tôi cảm thấy khoan khoái hơn, cảm thấy tìm được các vấn đề mới mẻ và thích thú hơn.

**4. Tôi tràn đầy kiêu hãnh và ham muốn xác thịt.** Hết thảy các hành động của tôi đều xác nhận điều đó. Thấy trong con người mình có cái gì tốt, tôi muốn đem cái đó ra bên ngoài, hoặc lấy làm kiêu hãnh về nó trước mặt người khác, hoặc thầm kín trong lòng tự mình ngưỡng mộ mình về nó. Dù bên ngoài tôi tỏ ra khiêm tốn, nhưng tôi cho rằng có được cái tốt đó là hoàn toàn do bởi ưu điểm của mình, và tôi đánh giá mình là người nổi bật hơn những kẻ khác, hoặc ít ra không tệ như họ. Nếu nhận ra trong mình có lỗi lầm nào, tôi ra sức bào chữa nó; tôi bao che nó bằng cách nói rằng: "Tôi bị hoàn cảnh bắt buộc phải làm như vậy", hoặc rằng: "Tôi không đáng bị khiển trách." Tôi nổi giận với những ai không cư xử tôn trọng tôi và tôi xem kẻ đó là người không có khả năng tán thưởng giá trị của người khác. Tôi khoe khoang các năng khiếu của mình: những thất bại của mình trong công việc do mình đảm trách bị tôi coi là những xúc phạm tới cá nhân tôi. Tôi xâm xì và cảm thấy khoan khoái về các bất hạnh của kẻ thù của mình. Nếu tôi có phấn đấu cho cái tốt lành thì chỉ với mục đích đạt được lời khen ngợi hoặc đam mê lạc thú tinh thần hoặc sự khuây khỏa có tính cách trần tục. Tóm lại, tôi liên tục sùng bái bản thân mình và triền miên phục vụ nó; tìm kiếm trong mọi sự những khoái lạc nhục cảm và những của nuôi cho các đam mê và thèm muốn xác thịt của mình.



Xét lại mọi sự ấy, tôi thấy mình kiêu hãnh, ngoại tình, vô tín ngưỡng, không yêu thương Thiên Chúa và ghét người bên cạnh mình. Liệu còn tình trạng nào tội lỗi hơn nữa không? Tình trạng của tôi còn tệ hại hơn của các linh hồn đang sống chốn tối tăm. Họ dù không yêu thương Thiên Chúa, ghét loài người và sống trong kiêu ngạo, nhưng ít ra họ còn tin tưởng và run sợ. Còn tôi thì sao? Liệu có thể có số phận nào hải hùng hơn thế nữa đặt ra trước mặt tôi và liệu có án phạt nào nghiêm trọng hơn thế nữa cho cuộc sống bê tha và cuồng loạn mà tôi đang nhận ra trong bản thân mình không?

Vừa đọc hết từ đầu tới cuối mẫu xét mình mà vị linh mục đưa cho, con hải hùng tự nhủ:

- Trời ơi! Bên trong mình ẩn kín những tội lỗi kinh khiếp như thế này, vậy mà cho tới bây giờ, mình chưa lúc nào để ý tới chúng!

Khát vọng rửa sạch các tội lỗi ấy khiến con van nài vị cha tinh thần cao cả ấy dạy cho con làm cách nào biết nguyên do của mọi sự dữ này và chữa trị chúng bằng cách nào. Và ông bắt đầu dạy bảo con như sau:

Bạn thấy đó, người anh em thân mến, nguyên do của việc không yêu thương Thiên Chúa là sự thiếu tin tưởng; nguyên do của sự thiếu tin tưởng là sự thiếu xác tín; và nguyên do của sự thiếu xác tín là không bỏ công bỏ sức tìm kiếm sự am hiểu chân chính và thánh thiện và lòng thờ ơ đối với ánh sáng tâm linh. Tóm lại, nếu bạn không tin tưởng thì bạn không thể yêu thương; nếu bạn không xác tín thì bạn không thể tin tưởng; và để đạt tới sự xác tín, bạn phải có sự am hiểu chân chính và đầy đủ về vấn đề trước mặt mình. Bằng chiêm nghiệm, bằng học hỏi Lời Thiên Chúa và bằng sự chú ý vào các nếm trải của mình, chắc chắn bạn làm phát sinh trong linh hồn mình sự khao khát và lòng ao ước - hoặc như có người gọi nó là 'sự kinh ngạc' - cái mang tới cho bạn nỗi thèm khát khôn nguôi làm sao được biết một cách tường tận hơn và đầy đủ hơn vào bản tính của chúng.

Một nhà văn tâm linh diễn tả điều đó theo cách nói như thế này:

- Tình yêu thương gia tăng theo với sự am hiểu. Càng am hiểu sâu xa chừng nào thì càng yêu thương nhiều chừng nấy và càng dễ cho con tìm đắm thắm ngoạn ngoạn mở ra cho tình yêu Thiên Chúa khi nó đắm đắm và cần cù nhìn vào sự vô cùng toàn mãn và vẻ đẹp của bản tính thiêng liêng và tình yêu thương vô hạn của Ngài dành cho loài người.

Vậy lúc này bạn thấy rằng những nguyên do của tội lỗi mà bạn vừa đọc chúng đó, là sự lười biếng trong việc suy nghĩ về các vấn đề tâm linh, lười biếng làm ngọt ngọt cái cảm xúc về nhu cầu tư duy như thế. Nếu bạn muốn biết bằng cách nào để khắc phục sự dữ đó thì với mọi phương thế nội trong sức mạnh của mình, bạn hãy phấn đấu cho sự giác ngộ tâm linh, đạt tới sự giác ngộ tinh thần đó bằng việc chuyên cần học hỏi Lời Thiên Chúa và lời của các Giáo phụ thánh thiện, qua sự giúp đỡ của chiêm nghiệm và những giảng dạy có tính cách tâm linh và đàm đạo với những người khôn ngoan trong Đức Kitô.

A! người anh em thân mến, chỉ vì chúng ta lười biếng trong việc tìm kiếm ánh sáng cho linh hồn mình qua lời chân lý mà chúng ta đã gặp biết bao tai ương. Chúng ta không ngày đêm học hỏi lề luật của Thiên Chúa và chúng ta cũng không cầu nguyện cho việc đó một cách chuyên cần và không ngừng. Và vì thế con người bên trong của chúng ta đói khát nguội lạnh, tới độ nó không có sức mạnh để đặt bước chân vững cảm đăng trình trên con đường ngay lành và cứu rỗi!

Và vì vậy, hỡi người anh em yêu quý, chúng ta hãy giải quyết để làm quen với những phương pháp này và để hết sức thường xuyên làm cho tâm trí mình tràn đầy các ý nghĩ về những điều siêu



phạm; và tình yêu trên cao tuôn xuống bên trong chúng ta sẽ bùng lên thành ngọn đuốc nội tâm của chúng ta. Chúng ta sẽ cùng nhau làm điều đó và cầu nguyện hết sức thường xuyên có thể được, vì cầu nguyện là phương thế chính yếu và mạnh mẽ nhất cho sự đổi mới và hạnh phúc của bản thân ta. Chúng ta sẽ cầu nguyện theo những lời hội thánh đã dạy, trích từ lời cầu nguyện thứ tám trong những bài kinh nguyện ban mai trong sách kinh giáo hữu của Giáo hội Nga: “Ôi lạy Chúa, xin hãy làm cho con lúc này xứng đáng với tình yêu của Chúa, vì trước đây, con yêu thương các tội lỗi.”

Con chăm chú lắng nghe hết thảy những lời vị linh mục ấy nói. Lòng cảm động sâu xa, con xin vị Cha thánh thiện ấy nghe con xưng tội và cho con rước lễ. Và như thế, sáng hôm sau, sau khi được vinh dự rước lễ, con sửa soạn lên đường trở lại Kiev với của ăn đàng đầy ơn sủng đó. Nhưng vị linh mục tốt lành ấy của con đang chuẩn bị đi tới đại đan viện Lavra của ông trong đôi ba ngày, nên ông giữ con lại trong căn buồng tu khổ hạnh của ông, để với sự tịch lặng của nó, con có thể dâng mình cầu nguyện mà không gặp chướng ngại.

Và quả thật, con trải qua hai ngày trong căn buồng đó như thể đang ở trên thiên đàng. Với những lời cầu nguyện của tôn sư, con, một kẻ bất xứng, được vui hưởng sự bình an trọn vẹn. Lời cầu nguyện ấy tuôn trào trong trái tim con, ung dung quá và sung sướng quá tới độ trong suốt thời gian đó, con thấy mình quên hết mọi sự và quên cả bản thân. Tâm trí con chan chứa Đức Giêsu Kitô, và chỉ một mình Ngài thôi.

Cuối cùng, vị linh mục trở về. Con xin ông cho con lời hướng dẫn và lời khuyên bảo rằng lúc này, trên đường hành hương, con nên đi đâu? Ông ban phép lành cho con và nói lời này:

- Bạn hãy đi Đài Đức Mẹ Pochaev, ở đó, bạn bày tỏ lòng tôn kính của mình trước dấu chân kỳ diệu và cứu chữa của Mẹ Thiên Chúa Cực Tinh Tuyền và Mẹ sẽ hướng dẫn bước chân của bạn vào nẻo bình an.

Như vậy, con theo lời khuyên ấy, và trong đức tin, ba ngày sau con lên đường đi Pochaev.

Suốt đoạn đường trên hai trăm cây số, con đi mà không thích thú lắm vì con đường chạy ngang các quán rượu và các làng mạc của người Do thái. Hiếm khi con đi ngang một khu dân cư Kitô giáo. Tại một trang trại duy nhất, con để ý thấy có quán trọ của một Kitô hữu người Nga và con rất vui mừng. Con quay bước đi tới quán trọ để xin qua đêm tại đó và để xin một ít bánh mì cho chuyến đi của mình vì thực phẩm của con sắp cạn. Tại đó, con thấy chủ quán, một ông lão có vẻ giàu có và con được biết cũng là người cùng quê quán với con, tỉnh Orłowsky. Con đi ngay vô phòng của ông. Câu đầu tiên ông hỏi là:

- Anh theo đạo nào?

Con trả lời rằng con là một Kitô hữu, theo Chính thống giáo, một pravoslavny.

Ông vừa nói vừa cười:

- Ôi dào Chính thống giáo. Người Chính thống giáo các anh chỉ giữ đạo ngoài miệng - trong hành động, các anh là người ngoại đạo. Người anh em ạ, ta biết hết về cái đạo của anh. Đã có lần một vị linh mục thông thái dụ dỗ ta và ta đã thử nó. Ta gia nhập giáo hội của anh và ở với giáo hội ấy trong sáu tháng. Sau đó, ta lại quay về với lối sống đoàn thể của chúng ta. Tham gia giáo hội của anh chỉ là một cạm bẫy. Người ta làm bầm đọc kinh đọc nguyện như thế nào cũng được, với những lời nghe không ra và những cái ta cũng hiểu không ra. Còn việc hát hồng thi không hay ho gì hơn trong một

tiệm rượu. Và người ta đứng thành một đồng lộn xộn, đàn ông đàn bà lẫn lộn lung tung; trong khi làm lễ thì họ xoay ngang ngó dọc, đi tới đi lui, không để cho ta yên ổn và bình tĩnh nói lên lời cầu nguyện của mình. Anh gọi cái loại thờ phượng đó là thứ gì? Nó chỉ là tội lỗi thôi! Còn lúc này, đối với chúng tôi, buổi phụng vụ sốt sắng vô ngần. Anh có thể nghe được người ta đang đọc lời gì, không cái gì mà không nghe ra. Việc hát lễ thì hết sức cảm động. Và người ta đứng yên tĩnh, đàn ông theo đàn ông, đàn bà theo đàn bà. Ai nấy đều biết cái gì tôn kính và lúc nào thì tỏ lòng tôn kính, đúng như hội thánh đã dạy. Thật đúng y như vậy đó, khi anh vào một nhà thờ của chúng tôi, anh cảm thấy mình đang tới nơi thờ phượng Thiên Chúa; còn nơi nhà thờ của các anh thì anh không thể tưởng tượng là mình đang bước vô cái gì - không biết mình đang vô nhà thờ hay tới nơi chợ búa!

Bằng vào tất cả những lời lẽ ấy, con thấy rằng ông lão là một người bảo thủ tới cùng, một raskolnik. Nhưng ông nói có vẻ rất hợp lý, con không thể tranh luận với ông, cũng không thể làm cho ông trở lại. Con nghĩ thầm rằng không thể nào làm các tín đồ bảo thủ cải giáo sang giáo hội chân chính, cho tới khi nào giữa chúng ta, các việc phụng vụ của giáo hội được sắp xếp hợp lý và cho tới khi nào giáo sĩ làm gương mẫu cách riêng trong việc đó. Các tín đồ raskolnik không biết chút gì về cuộc sống nội tâm. Họ đặt căn bản trên những hình thức bên ngoài, còn chúng ta thì cầu thả về những cái đó.

Vì vậy, con muốn đi ngay khỏi chỗ này. Khi ra tới phòng khách, con ngạc nhiên thấy qua cánh cửa của một phòng trọ đang mở, có một người khách có vẻ không giống người Nga, đang nằm trên giường đọc sách. Ông vẫy tay ra hiệu gọi con vào và hỏi con là ai. Con nói cho ông biết. Và kể đó, ông bắt đầu nói:

- Anh nghe đây, bạn thân mến. Anh có đồng ý chăm sóc cho một người bệnh, thí dụ trong một tuần, cho tới khi nhờ Chúa phù hộ, tôi khá hơn không? Tôi là người Hi Lạp, một tu sĩ Núi Athos. Tôi ở Nga để quyên góp của hiến tặng cho tu viện mình. Trên đường quay về, tôi ngã bệnh, hai chân đau tới nỗi không đi được. Vì vậy tôi lấy phòng ở đây. Hỡi tôi tớ của Thiên Chúa, anh chớ nói không! Tôi sẽ trả công cho anh.

Con trả lời:

- Không cần thầy phải trả công cho con cái gì cả. Nhân danh Thiên Chúa, con sẽ rất vui mừng chăm sóc thầy hết sức có thể được của mình.

Vậy là con ở lại với ông. Con nghe ông nói vô số điều liên can tới sự cứu rỗi linh hồn chúng ta. Ông kể cho con nghe về Núi thánh Athos, về đời sống tâm linh, những thành tựu ngoại hạng trong cuộc sống cầu nguyện và khổ hạnh ở đó, về nhiều vị ẩn tu và ẩn sĩ ở đó. Ông mang theo mình một cuốn Philôkalia bằng tiếng Hi Lạp và một cuốn sách của Thánh Isaac xứ Xyri. Chúng con cùng nhau đọc và đối chiếu bản dịch ra tiếng Slave của Paisy Velichovsky với nguyên bản Hi Lạp. Ông tuyên bố rằng không thể nào dịch cuốn Philôkalia từ tiếng Hi Lạp ra tiếng Slave chính xác hơn và trung thực hơn bản của Paisy.

Con để ý thấy ông lúc nào cũng cầu nguyện và rất thành thạo việc cầu nguyện trong lòng. Vì ông nói giỏi tiếng Nga nên con hỏi ông về vấn đề đó. Ông sẵn sàng kể cho con nghe nhiều điều về vấn đề đó và con chăm chú lắng nghe. Con cũng ghi lại nhiều điều ông nói. Thí dụ như, trong những lời đó, ông có dạy con về sự tuyệt diệu và cao cả của lời cầu nguyện Đức Giêsu. Ông nói như thế này:

- Ngay cả chính hình thức của lời cầu nguyện ấy cũng đã tỏ cho thấy đó là lời cầu nguyện hết sức cao cả. Lời ấy được làm thành hai phần. Trong phần thứ nhất: "Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa", nó dẫn đưa những ý nghĩ của chúng ta tới cuộc đời của Đức Giêsu Kitô; hoặc như các Giáo phụ thánh thiện diễn tả, nó là tóm tắt toàn bộ Tin Mừng. Trong phần thứ hai: "Xin thương xót con là kẻ tội lỗi," nó làm cho chúng ta mặt đối mặt với tình trạng bất lực và tội lỗi của chính mình. Và cái đáng chú ý là khát vọng và thỉnh cầu của một linh hồn nghèo hèn tội lỗi và khiêm tốn không thể nào diễn tả thành lời một cách khôn ngoan hơn, rõ ràng hơn và chính xác hơn câu: "Xin thương xót con." Không có một hình thức ngôn từ nào đạt yêu cầu và toàn vẹn hơn câu đó. Thí dụ nếu ta nói rằng: "Xin tha thứ cho con, xin cất bỏ mọi tội lỗi của con, xin rửa sạch mọi sai phạm của con, xin tẩy xóa mọi xúc phạm của con," thì tất cả những lời ấy có thể được diễn tả bằng một lời thỉnh cầu duy nhất, thí dụ như: "xin được giải tỏa mọi sự trừng phạt, mọi sự sợ hãi của một linh hồn nhút nhát và thờ ơ." Nhưng nói: "Xin thương xót con," thì không những có ý nói khát vọng được tha thứ đang phát sinh từ trong một cõi lòng sợ hãi mà còn là tiếng kêu chân thành của một tình yêu thuộc đạo làm con, đặt niềm hy vọng của nó vào lòng thương xót của Thiên Chúa, và khiêm tốn thừa nhận rằng mình yếu đuối quá, ý chí không vững vàng và không canh giữ được bản thân mình. Nó là tiếng kêu xin thương xót - nghĩa là, xin ơn sủng - mà tự nó sẽ tỏ lộ cho thấy trong tặng phẩm sức mạnh do Thiên Chúa ban, giúp chúng ta có khả năng chống cự sự cám dỗ và khắc phục những ham muốn tội lỗi. Nó như thể người mắc nợ mà đang không có một xu dính túi, xin người chủ nợ từ tâm của mình không những chỉ tha nợ cho mình thôi mà còn thương xót tới sự nghèo khó bản cùng của mình và ban cho mình của bố thí. Đó là những gì được diễn tả trong câu nói: "Xin thương xót con". Nó cũng giống như nói rằng: "Lạy Chúa nhân từ, xin tha thứ con khỏi mọi tội lỗi của con và giúp cho con ăn ở ngay lành. Xin làm phát sinh trong linh hồn con sự thôi thúc mạnh mẽ để tuân giữ mệnh lệnh của Ngài. Xin tuân trọn ơn sủng của Ngài bằng sự tha thứ mọi tội lỗi hiện nay của con và hướng tâm trí, ý chí và tâm hồn nguội lạnh của con tới một mình Chúa mà thôi.

Qua những lời ông vừa nói, con kinh ngạc về sự khôn ngoan của ông và con cảm ơn ông đã dạy dỗ cho linh hồn tội lỗi của con. Rồi ông tiếp tục dạy bảo con những điều kỳ diệu khác. Con xem ông như một nhà thông thái vì ông nói ông đã theo học ở Học viện Athens. Ông nói:

Nếu anh muốn, tôi sẽ tiếp tục trình bày với anh về việc lời cầu nguyện Đức Giêsu được thốt lên bằng cung giọng như thế nào.

Tình cờ tôi nghe nhiều người kính sợ Thiên Chúa nói rằng lời cầu nguyện Đức Giêsu thành tiếng là Lời Thiên Chúa ra lệnh cho họ và theo truyền thống của hội thánh. Họ dùng lời ấy vừa làm lời cầu nguyện của riêng mình vừa làm lời cầu kinh trong nhà thờ. Nếu với tâm tình của một người bạn, anh lắng nghe thật kỹ việc trầm lặng thốt lên lời cầu nguyện ấy thì vì lợi ích tinh thần của mình, anh có thể nhận ra nó có cung giọng biến hóa khác nhau, tùy theo người ta.

Thí dụ như, một số người nhấn giọng ngay ở tiếng thứ nhất của lời cầu nguyện ấy. Họ nói tiếng Chúa thật mạnh, rồi Giêsu Kitô, và kế đó kết thúc mọi tiếng khác trong câu với giọng đều đều. Một số khác bắt đầu lời cầu nguyện ấy với giọng đều đều rồi nhấn mạnh vào nhịp thứ hai của câu cầu nguyện ấy, trên tiếng Giêsu Kitô, như một than van, và rồi tất cả phần còn lại, họ kết thúc bằng giọng đều đều giống như khi họ bắt đầu câu. Một số khác bắt đầu và tiếp tục câu cầu nguyện ấy với giọng đều đều cho tới khi tới những tiếng sau cùng xin thương xót con thì họ cất giọng lên cao trong trạng thái xuất thần. Một số khác có câu cầu nguyện dài hơn một chút rằng: "Chúa Giêsu Kitô, Con

Thiên Chúa, xin thương xót con là kẻ tội lỗi," họ thốt bằng giọng đều đều và chỉ nhấn hết sức mạnh vào những tiếng Con Thiên Chúa.

Vậy thì anh nghe đây. Lời cầu nguyện ấy chỉ là một và giống nhau thôi. Các Kitô hữu duy trì một lời tuyên xưng đức tin duy nhất và giống nhau. Nói chung, hết thầy họ đều hiểu rằng đây là lời cầu nguyện tinh tế nhất trong mọi lời cầu nguyện và bao gồm hai điểm: Chúa Giêsu Kitô và Sự kêu nài Ngài. Ai cũng hiểu giống nhau về điều đó. Thế thì tại sao hết thầy họ không diễn tả theo một cách thức giống y như nhau và một cung giọng giống y như nhau? Tại sao linh hồn này lại nài xin một cách đặc biệt và diễn tả câu cầu nguyện ấy với một chỗ nhấn giọng cách riêng, mà không nhấn giọng trên một chỗ chung cho hết thầy mọi người? Tại sao tùy ai người nầy cứ nhấn vào một chỗ nhất định nào đó của mình?

Nhiều người nói rằng đó là do kết quả của thói quen, hoặc vì bắt chước theo người khác, hoặc vì tùy thuộc vào cách thức hiểu biết về lời cầu nguyện ấy bởi nó liên quan tới quan niệm riêng tư, hoặc sau cùng, vì đơn thuần thốt lên nó một cách dễ dàng nhất và tự nhiên nhất tùy theo từng người. Nhưng về vấn đề này, suy nghĩ của tôi hoàn toàn khác.

Trong vấn đề này, có lẽ tôi thích tìm kiếm cái gì đó cao hơn, cái gì đó chưa từng biết đối với người nghe lẫn người thốt lên lời cầu nguyện ấy. Biết đâu ở đây có sự hoạt động sâu kín của Chúa Thánh Thần, Đấng tạo trung gian cho chúng ta với những lời thì thầm không thể thốt lên thành tiếng trong những kẻ không biết cầu nguyện như thế nào và cầu nguyện về cái gì. Và nếu mọi người, như Thánh Tông đồ đã nói rằng nhờ Chúa Thánh Thần mà cầu nguyện gọi tên Đức Giêsu Kitô, thì cũng Chúa Thánh Thần, Đấng làm việc trong bí mật và ban lời cầu nguyện ấy, có thể tuôn những tặng phẩm đầy ơn phước lên trên mọi người cho dù họ thiếu đức tin tới mấy đi nữa. Với người này, Ngài có thể ban cho sự kính sợ Thiên Chúa, với người kia thì cho tình yêu, với người nọ thì cho sự bền vững đức tin và với người khác nữa thì cho lòng khiêm tốn và bác ái, và vân vân.

Nếu đúng như thế thì lúc đó, người được ban cho tặng phẩm kính sợ Thiên Chúa và tôn vinh quyền phép của Đấng Toàn Năng thì trong lời cầu nguyện ấy của mình, người đó sẽ với cảm xúc đặc biệt mà nhấn giọng vào tiếng Chúa, tiếng mà người đó cảm thấy trong đó có sự vĩ đại và sức mạnh của Đấng tạo dựng thế giới. Người được ban cho tặng phẩm thâm kín tuôn trào tình yêu trong tâm hồn mình thì sẽ lao mình vào trạng thái ngây ngất và chan chứa hân hoan khi người đó kêu lên Giêsu Kitô. Giống như chuyện một vị tôn sư nào đó: ông không thể nghe tên Đức Giêsu mà lòng không dâng tràn một cách khác thường tình yêu và hân hoan, cả trong những khi đàm đạo thông thường. Người có đức tin bền vững vào Đức Giêsu Kitô Con Thiên Chúa, vào tính chất độc nhất của Đức Chúa Cha, thì người đó càng được làm cho đức tin bùng cháy dữ dội hơn khi thốt tới tiếng Con Thiên Chúa. Người tiếp nhận tặng phẩm lòng khiêm tốn và nhận biết sâu xa sự yếu đuối của bản thân mình thì ăn năn hạ mình với những tiếng xin thương xót con, và trái tim của người ấy dạt dào lai láng trong những tiếng cuối của câu cầu nguyện Đức Giêsu ấy. Người đó áp ủ một niềm hy vọng vào lòng ân cần đầy yêu thương Thiên Chúa và ghét cay ghét đắng sự sa ngã phạm tội của mình.

Vậy qua những ý kiến của tôi anh đã có được những nguyên cớ việc người ta có các cung giọng khác nhau khi thốt lên lời cầu nguyện tên Đức Giêsu. Và phát xuất từ những cái đó thì trong khi nghe, anh có thể chú ý tới sự vinh hiển của Thiên Chúa và rút ra lời hướng dẫn cho chính mình, qua cảm xúc mà người ta đặc biệt xúc động và tặng phẩm tinh thần nào mà người ta nhận được. Có người nói với tôi rằng:



- Tại sao hết thấy những dấu hiệu của các tặng phẩm tâm linh sâu kín ấy không đồng nhất và cùng xuất hiện một lượt? Để lúc đó không chỉ một tiếng mà hết thấy mọi tiếng trong câu cầu nguyện ấy đều làm cho ta cùng thấm nhuần và cùng một cung giọng ngầy ngất như nhau.

Tôi trả lời như thế này:

- Vì lòng chiếu cố của Thiên Chúa ban phát tặng phẩm của Ngài trong khôn ngoan cho riêng mỗi người căn cứ theo sức mạnh của người ấy, như bạn thấy trong Kinh Thánh rằng ai có thể tìm tôi với tâm trí hạn chế của mình và tham gia vào việc an bài ơn sủng? Không phải đất sét hoàn toàn nằm trong quyền năng của kẻ làm đồ gốm, và không phải kẻ đó có khả năng nhào nặn từ đất sét ấy ra vật này hay vật nọ sao?"

Con trải qua năm ngày với vị tôn sư này và sức khỏe của ông bắt đầu khá lên rất nhiều. Lần này con được lợi quá đỗi, tới độ con không để ý là thời gian trôi qua nhanh biết chừng nào. Vì trong phòng trọ nhỏ bé ấy, trong tách biệt thình lặng ấy, chúng con không quan tâm tới điều gì khác ngoài việc yên lặng cầu nguyện gọi tên Đức Giêsu, hoặc chỉ đàm đạo về một đề tài thôi: đó là sự cầu nguyện trong lòng.

Ngày nọ, có một người hành hương tới gặp chúng con. Anh chua chát phàn nàn về người Do thái và nguyên rủa họ. Anh đã đi khắp các làng mạc của họ và đã phải chịu đựng sự thù nghịch và lừa đảo của họ. Anh công kích họ một cách cay đắng tới độ anh chúc dữ cho họ và còn nói họ không đáng sống trên đời vì tính ngoan cố và sự thiếu lòng tin của họ. Sau cùng, anh nói rằng anh có ác cảm tuyệt đối với họ tới độ anh không bao giờ cảm mình nổi.

Vị tôn sư Hi Lạp nói:

Bạn ạ, bạn không có quyền mắng chửi và nguyên rủa người Do thái như vậy. Thiên Chúa tạo dựng họ cũng một cách như Ngài tạo dựng chúng ta. Bạn nên lấy làm buồn cho họ và cầu nguyện cho họ chứ bạn đừng nguyên rủa họ. Bạn hãy tin tôi. Sự kính tởm mà bạn đang cảm thấy về họ đó xuất phát từ thực tế rằng bạn không đặt nền tảng trên tình yêu thương Thiên Chúa và bạn không có việc cầu nguyện trong lòng như một nền tảng an toàn, nên vì thế, bạn không có sự bình an trong lòng mình.

Tôi sẽ đọc cho bạn nghe một đoạn trích từ các Giáo phụ thánh thiện về vấn đề này. Bạn hãy lắng nghe đây là điều Thánh Máccô Nhà khổ tu viết:

- Một linh hồn được hiệp nhất bên trong với Thiên Chúa thì trong sự hân hoan lớn lao của nó, nó trở nên giống như một đứa trẻ tâm hồn mộc mạc, tử tế và thân mật, và như thế, nó không kết án ai cả, không kết án người Hi Lạp, người ngoại đạo, người Do thái cũng như người tội lỗi, nhưng nó nhìn họ hết thấy giống như nhau với cái nhìn đã được làm cho tinh khiết và tìm thấy hân hoan trong một thế giới toàn bộ, và muốn hết thấy mọi người - người Hi Lạp, người Do thái, người ngoại đạo - đều ca tụng Thiên Chúa.

Và Thánh Macariô Cả xứ Ai Cập nói rằng kẻ tu hành 'trong lòng bùng cháy với một tình yêu sâu rộng tới độ nếu có thể được thì để cho mọi người an trú bên trong mình, không phân biệt kẻ tốt và người xấu.'

Đó, người anh em thân mến, bạn đã thấy các Giáo phụ thánh thiện nghĩ ra sao về vấn đề đó. Vì vậy, tôi khuyên bạn hãy gác sự dữ tợn của mình qua một bên và hãy nhìn mọi sự dưới sự quan phòng



sáng suốt của Thiên Chúa. Và hễ gặp điều gì bức mình thì bạn hãy đặc biệt kết án bản thân mình về sự thiếu nhẫn nại và thiếu khiêm tốn.

Cuối cùng, đã qua hơn một tuần. Tôn sư của con lành mạnh. Từ thâm tâm, con cảm ơn ông vì mọi chỉ dẫn đầy ơn lành mà ông đã cho con, và chúng con chào từ biệt nhau. Ông lên đường về quê hương, còn con khởi sự đi theo lộ trình mình đã dự tính.

Thế rồi con lên đường đi Pochaev. Đi chưa được hơn một trăm mười cây số, con bắt kịp một người lính. Con hỏi rằng anh đang đi đâu. Anh nói với con anh đang trở về chánh quán của mình là quận Kamenets Podolsk. Chúng con im lặng đi bên nhau trên một khoảng đường mười cây số. Con để ý thấy anh thở dài rất nặng nề, như thể có cái gì đó làm anh đau khổ lắm và mặt anh ảm đạm vô cùng. Con hỏi tại sao anh âu sầu như vậy. Anh trả lời:

- Anh bạn tốt lành ơi, nếu anh để ý tới sự sâu khổ của tôi và thể một cách độc dữ rằng sẽ không nói lại cho ai nghe, thì tôi sẽ kể hết cho anh về bản thân tôi, vì tôi sắp chết và tôi không có ai để tâm sự về việc đó cả.

Lấy tính cách một Kitô hữu con bảo đảm với anh rằng con không có nhu cầu nào phải nói lại cho ai chuyện của anh, và rằng phát xuất từ tình yêu anh em, chắc chắn con sẽ vui mừng để có thể đưa ra cho anh một lời khuyên nào đó.

Anh bắt đầu kể chuyện đời anh như sau:

Được, anh nghe đây. Tôi đang là nông dân làm ruộng chính phủ thì bị động viên vào lính. Sau khoảng năm năm quân dịch, cuộc đời lính tráng đối với tôi nặng nề quá, trở thành không chịu đựng nổi. Quả thật, người ta thường đánh đập tôi vì tính tôi chệnh mảng và tật tôi nghiện rượu. Tôi nảy ra ý kiến bỏ trốn và từ đó đến nay đã mười lăm năm, tôi làm kẻ đào ngũ.

Suốt sáu năm trời, tôi trốn bất cứ chỗ nào có thể ẩn núp được. Tôi ăn trộm ở các nông trại, các phòng chứa lương thực và các nhà kho. Tôi ăn cắp ngựa. Tôi phá cửa lên vào các hàng quán. Và cứ làm ăn như vậy, lúc nào cũng chỉ một mình tôi thôi. Tôi tẩu tán các hàng hóa ăn cắp theo nhiều cách khác nhau. Rồi tôi uống rượu cho hết tiền, sống một cuộc đời trụy lạc, phạm đủ thứ tội lỗi, cuối cùng, tôi bị bắt vào tù vì đi lang thang mà trong người không có sổ thông hành. Nhưng khi có dịp, tôi vượt ngục liền.

Rồi bất ngờ tôi gặp một người lính giải ngũ đang trên đường về nhà ở một tỉnh rất xa xôi. Khi hắn bệnh và gần như không lết nổi mình, hắn yêu cầu tôi đem hắn tới một làng gần nhất để hắn tìm chỗ ở lại. Vậy tôi đem hắn đi. Cảnh sát cho phép chúng tôi ở qua đêm nơi chuồng ngựa tại một nhà kho chứa cỏ khô. Chúng tôi nằm xuống ngủ. Sáng ra, khi thức dậy, tôi đưa mắt nhìn người lính và thấy hắn đã chết, mình mẩy cứng đơ. Vậy tôi lật đật tìm sổ thông hành của hắn - nghĩa là, giấy giải ngũ của hắn - và cùng với nó, tôi tìm được một số tiền kha khá. Trong khi mọi người còn đang ngủ, tôi lên ra khỏi chuồng ngựa, theo ngả sân sau, lẹ hết sức mình phóng vô rừng rồi bỏ đi luôn. Đọc giấy thông hành của hắn, tôi thấy tuổi tác và dấu vết riêng của hắn gần giống như của tôi. Mừng rơn về chuyện đó, tôi đánh liều tiếp tục đi vào các lũng sâu của tỉnh Astrakhain

Tại tỉnh đó, tôi bắt đầu sống khá ổn định. Tôi xin được một chân lao công và ở chung với một ông lão có nhà cửa làm nghề mua bán súc vật. Ông cụ sống một thân một mình với cô con gái cũng góa chồng. Sống chung với ông được một năm, tôi kết hôn với cô con gái ấy. Kế đó, ông cụ qua đời. Chúng tôi không thể tiếp tục công việc làm ăn của ông. Tôi lại bắt đầu uống rượu. Vợ tôi cũng

uống. Trong vòng một năm, chúng tôi làm tiêu tan hết tất cả những gì ông lão để lại. Rồi vợ tôi ngã bệnh, qua đời. Thấy vậy, tôi bán sạch mọi thứ còn lại, bán luôn cả ngôi nhà và chẳng bao lâu tôi phung phá hết tiền.

Tới lúc đó, tôi chẳng có gì để tiếp tục sống. Tôi trở lại lối làm ăn cũ và mua bán đồ ăn cấp. Càng ngày tôi càng liều lĩnh hơn vì tôi đã có giấy thông hành. Tôi lại sống cuộc sống độc dữ cũ trong khoảng một năm. Rồi xảy tới một thời kỳ rất dài, tôi không kiếm chác được gì. Tôi bèn ăn cấp một con ngựa già xơ xác của một nông dân nghèo mặt rệp và đem bán nó cho người chuyên mua ngựa già làm thịt, được một đồng rúp. Cầm tiền đó, tôi vô quán rượu và bắt đầu uống. Và tôi nảy ra ý nghĩ tới một làng có đám cưới, chờ người ta tiệc tùng xong ngủ say sưa thì mình len vô lấy bất cứ thứ gì có thể trộm được. Khi mặt trời chưa lặn, tôi vào rừng gần làng đó núp chờ đêm tới. Tôi đặt mình xuống cỏ và thiếp vào một giấc ngủ thật say.

Rồi tôi mơ thấy mình đang đứng trước một đồng cỏ bao la và xinh đẹp. Thành linh một đám mây ngó thật rùng rợn kéo tới trên bầu trời, rồi ầm vang tiếng sấm nổ hãi hùng tới độ mặt đất dưới chân tôi rung chuyển và như thể có ai đó túm hai vai tôi đè lún xuống đất. Chung quanh người tôi đất nê chặt, chỉ có đầu và tay tôi thò được ra ngoài. Kế đó, hình như đám mây rùng rợn đó sà xuống sát mặt đất. Từ trong mây, hiện ra ông nội tôi, dù ông đã chết hai mươi năm trước. Lúc còn sống, ông là người rất công chính. Trong suốt ba mươi năm, ông làm ông từ nhà thờ làng của chúng tôi. Ông nội tôi mặt giận dữ và hùng hổ nhào tới người tôi, làm tôi rùng mình sợ hãi. Sát kể bên và khắp chung quanh mình, tôi thấy chất từng đồng những đồ vật mà tôi đã ăn cấp trong không biết bao nhiêu lần.

Tôi lại càng khiếp đảm hơn. Ông nội của tôi tới gần tôi, chỉ vô đồng đồ vật thứ nhất và nói một cách đe dọa:

- Cái đó là cái gì? Cứ để cho hắn lấy nó!

Và thành linh đất mọi phía quanh người tôi bắt đầu siết vô tôi chặt cứng làm tôi đau rêm cả mình mẩy, chóng mặt chóng mày không chịu nổi. Tôi rên rỉ thét lên:

- Xin thương xót tôi với!

Nhưng cuộc hành hạ vẫn tiếp tục. Rồi ông nội của tôi chỉ tới một đồng đồ vật khác và lại nói:

- Cái đó là cái gì? Hãy bóp nó mạnh hơn nữa!

Và tôi cảm thấy đau thê thảm, dữ dội vô cùng tới độ trên thế gian này không có cuộc tra tấn nào sánh bằng. Sau cùng, ông nội tôi dắt con ngựa già mà tôi mới ăn cấp hôm qua tới sát bên tôi, rồi ông hét lên ghê rợn:

- Và cái này là cái gì? Hãy để cho nó có cái này mạnh thật mạnh!

Đất lại siết tôi mạnh hơn. Tôi đau đớn không la nổi, đau ngất ngư khắp mọi phía. Đau tàn tệ, đau khủng khiếp và kiệt sức. Nó như thể có ai rút hết gân cốt ra khỏi người tôi. Cơn đau ghê gớm đó làm tôi ngất ngư chết ngạt. Tôi cảm thấy mình hết chịu đựng nổi, và nếu cuộc hành hạ này kéo dài thêm một chút nữa thôi thì tôi sẽ gục xuống bất tỉnh. Nhưng con ngựa già cất vó đá trúng má tôi, làm toác mặt tôi ra. Ngay lúc lãnh cú đá đó, tôi thức giấc, hoàn toàn khiếp đảm và run lẩy bẩy như người đang bị bệnh.

Tôi thấy trời đã sáng và mặt trời đang mọc. Tôi đưa tay lên sờ má mình, thấy máu từ gò má đang ứa ra. Và những chỗ trong thân xác tôi bị đè xuống dưới đất thì lúc này cứng ngắc, tê dại, như thể bị ghim đinh và đóng cọc khắp người. Tôi kinh khiếp vô cùng, tới độ gần như không đứng dậy nổi để lê thân về nhà. Má tôi đau nhức trong một thời gian rất dài. Nhìn đây này, anh có thể thấy lúc này nó đã kéo thành sẹo. Trước đây mặt tôi không có vết sẹo nào cả. Rồi kể từ ngày đó, cơn sợ hãi kinh hoàng ấy thỉnh thoảng chạy khắp người tôi, và bây giờ, hãy nhớ lại những gì mình đã chịu trong giấc mơ đó là khắp người tôi đau như có ai dằn và kiệt sức. Tôi lại bắt đầu bị hành hạ khủng khiếp, không biết mình phải đối phó như thế nào.

Lúc này, nó lại bắt đầu xảy tới thường xuyên hơn và sau cùng, tôi bắt đầu sợ hãi mọi người chung quanh mình và cảm thấy xấu hổ như thể ai cũng biết rõ quá khứ bất lương của tôi. Rồi vì khổ sở quá, tôi không ăn, không uống, không ngủ được chút nào. Tôi bán loạn tiều tụy. Tôi đã nghĩ tới chuyện ra đầu thú ở đơn vị cũ và khai hết những việc mình làm. Biết đâu Thiên Chúa có thể tha thứ mọi tội lỗi nếu tôi chịu hình phạt. Nhưng tôi sợ, tôi mất can đảm vì người ta có thể bắt tôi chọn hình phạt chạy qua giữa hai hàng người liên tiếp đánh mình.

Cứ thế, tôi hết hơi, tôi muốn treo cổ mà chết. Nhưng một ý nghĩ đến với tôi là dù sao đi nữa, mình cũng chẳng còn sống được bao lâu. Trước sau gì mình cũng chết vì đang cạn kiệt sức lực. Vì vậy, tôi nghĩ mình nên đi về quê nói lời vĩnh biệt và chết ở đó. Ở nhà tôi còn có một đứa cháu. Từ sáu tháng nay, tôi đang trên đường đi về nơi sinh quán. Và lúc nào cũng vậy, tôi càng ngày càng khốn khổ vì đau đớn và sợ hãi. Anh nghĩ sao, hồi người bạn đường của tôi? Tôi nên làm gì? Tôi thật sự hết chịu nổi rồi.

Nghe tất cả những lời ấy, con kinh ngạc. Con ca ngợi sự khôn ngoan và lòng nhân lành của Thiên Chúa cho con thấy được người ta sa ngã phạm tội theo những cách thức muôn hình muôn vẻ như thế nào. Vậy con nói với anh:

- Người anh em thân mến ạ, suốt trong thời gian sợ hãi và sầu khổ này, anh phải cầu nguyện Thiên Chúa. Đó là sự chữa trị lớn lao nhất cho mọi bán loạn của chúng ta.

Anh trả lời con:

- Chắc chắn là không! Tôi nghĩ rằng tôi mà bắt đầu cầu nguyện thì Thiên Chúa sẽ trừ khử tôi ngay tức khắc.

- Nói vô lý quá người anh em! Chính ma quỷ đặt ý nghĩ đó vô đầu anh. Lòng thương xót của Thiên Chúa thì vô biên. Ngài buồn lòng vì kẻ có tội và tha thứ ngay lập tức cho người ăn năn. Chắc chắn anh có biết lời cầu nguyện Đức Giêsu: "Chúa Giêsu Kitô, xin thương xót con là kẻ có tội." Anh hãy tiếp tục nói không ngừng lời cầu nguyện ấy.

- Tại sao lại không biết, đương nhiên là tôi có biết lời cầu nguyện ấy. Thỉnh thoảng tôi thường nói lời cầu nguyện ấy để giữ cho mình vững bụng khi đi ăn trộm.

- Anh coi đó. Thiên Chúa đã không tiêu diệt anh khi anh đang trên đường đi làm điều sai trái mà thốt lên lời cầu nguyện ấy. Vậy thì tại sao Ngài lại tiêu diệt anh khi anh bắt đầu cầu nguyện trên đường sám hối? Như thế đủ cho anh thấy ra rằng cái ý nghĩ hiện ở trong đầu anh là do ma quỷ mà có. Tin tôi đi, người anh em thân mến ạ. Nếu anh nói lời cầu nguyện ấy và chú ý tới bất cứ ý nghĩ nào xuất hiện trong tâm trí anh, thì lúc đó anh sẽ thấy nhẹ nhàng thư thái liền. Hết thấy những căng thẳng và sợ hãi sẽ biến mất. Cuối cùng, anh sẽ được hoàn toàn bình an. Anh sẽ trở thành một người tốt

sáng, trong lòng mình không còn những mê đắm phạm tội nữa. Tôi bảo đảm việc đó với anh vì trong đời tôi, tôi đã chứng kiến vô số việc như vậy.

Tiếp đó, con kể cho anh nghe vài trường hợp trong đó lời cầu nguyện Đức Giêsu phô bày sức mạnh diệu kỳ của nó khi tác động lên người phạm tội. Sau cùng, con thuyết phục anh rằng trước khi về quê, anh hãy đi với con tới Đài Mẹ Thiên Chúa ở Pochaev, nơi nương náu của những người tội lỗi, để xưng tội và rước lễ.

Con nhận thấy anh lắng nghe tất cả những lời con nói với lòng mừng rỡ và đồng ý mọi sự. Bên nhau trong tình trạng đó, chúng con cùng tới Pochaev, không ai nói với ai lời nào nhưng suốt thời gian đi đường, chúng con thốt lên lời cầu nguyện Đức Giêsu. Trong im lặng, chúng con đi hết ngày hôm đó. Hôm sau, anh nói với con rằng anh cảm thấy trong người thông dong hơn và rõ ràng là tâm trí êm ả hơn trước. Qua ngày thứ ba, chúng con tới Pochaev. Thêm lần nữa con thúc giục anh cầu nguyện lời ấy đừng gián đoạn, trong những lúc không ngủ, bất kể ngày hay đêm. Con cam đoan với anh rằng tên cực thánh Đức Giêsu, cái tên mà những kẻ thù tâm linh của chúng ta không chịu nổi, sẽ cứu rỗi anh cách mạnh mẽ. Tới lúc ấy, con đọc cho anh nghe lời trong sách Philôkalia nói rằng chúng ta phải thốt lên lời cầu nguyện Đức Giêsu trong mọi lúc, đặc biệt với lòng kính cẩn tuyệt đối khi chúng ta chuẩn bị rước Mình Thánh Chúa.

Anh làm theo như vậy. Rồi anh xưng tội và rước lễ. Dù người anh thỉnh thoảng vẫn còn bị bao vây bởi những ý nghĩ cũ nhưng anh xua đuổi chúng dễ dàng bằng lời cầu nguyện Đức Giêsu. Tới ngày Chúa nhật, để dễ dàng thức dậy sớm, anh đi ngủ sớm hơn và tiếp tục nói lời cầu nguyện Đức Giêsu. Con ngồi trong góc phòng, đọc cuốn Philôkalia dưới ánh sáng lờ mờ. Một giờ trôi qua, anh ngủ say và con sửa soạn đọc kinh. Chừng mười lăm phút sau, thỉnh linh anh giật mình thức giấc, nhảy lẹ ra khỏi giường, chạy lại phía con. Anh rửa nước mắt và hết sức vui sướng, anh nói với con:

- Người anh em ơi, tôi mới thấy thiệt là đã! Tôi bình an và hạnh phúc biết bao. Tôi tin rồi, rằng Thiên Chúa thương xót kẻ có tội và không hành hạ họ. Ôi lạy Chúa, vinh danh Chúa, vinh danh Chúa!

Con kinh ngạc, mừng rỡ và yêu cầu anh kể cho con nghe đúng những gì xảy tới cho anh. Anh kể:

- Được. Nó như thế này. Ngay lúc tôi vừa ngủ thì mơ thấy mình ở nơi đồng cỏ mà người ta đã hành hạ tôi trước đây. Ban đầu, tôi thất kinh, nhưng thay vì đám mây rùng rợn hồi trước, lúc này tôi thấy một mặt trời rực rỡ đang lên cao và chiếu ánh sáng kỳ diệu chan hòa khắp đồng cỏ. Và tôi thấy cỏ xanh và hoa đỏ khắp đồng. Rồi đột nhiên ông nội của tôi hiện ra với tôi. Ông có vẻ dễ mến hơn bao giờ hết. Ông ân cần và dịu dàng chào đón tôi. Ông nói với tôi: "Cháu hãy đi Zhitomir, tới Nhà thờ Grêgôriô. Ở đó, người ta sẽ đặt cháu dưới sự bảo vệ của hội thánh. Cháu hãy sống luôn tại đó suốt những ngày đời còn lại của cháu và cầu nguyện không ngừng. Thiên Chúa sẽ ban ơn sủng cho cháu." Nói như vậy rồi ông làm dấu thánh giá và biến mất. Tôi cảm thấy hạnh phúc vô ngần, không làm sao diễn tả hết với anh. Nó như thể tôi được cất khỏi vai mình một gánh nặng và tôi bay thẳng lên các tầng trời. Tới khi tỉnh giấc, tôi còn cảm thấy tâm trí mình thư thái và tâm hồn mình đầy ứ hân hoan tới độ tôi không biết phải làm sao nữa. Lúc này tôi phải làm gì đây? Tôi đi ngay bây giờ tới Zhitomir như ông nội của tôi đã dặn. Tôi thấy là mình sẽ đi dễ dàng với lời cầu nguyện Đức Giêsu.

Con nói với anh:

- Nhưng chờ một chút, người anh em thân mến ạ. Làm sao anh có thể lên đường lúc đêm hôm như thế này? Anh hãy ở lại sáng mai dự lễ, đọc kinh cầu nguyện, rồi lên đường với Thiên Chúa.

Sau khi trò chuyện, chúng con đi ngủ. Sáng mai, chúng con tới nhà thờ. Anh ở lại trong nhà thờ suốt buổi đọc kinh sáng, mắt nhắm lại và sốt sắng cầu nguyện. Anh nói rằng anh cảm thấy bình an quá và sung sướng quá và rằng lời cầu nguyện Đức Giêsu tiếp diễn trong lòng anh hạnh phúc quá. Kế đó, sau phần dâng lễ, anh rước lễ. Và khi chúng con lót lòng đôi chút, con đi với anh một quãng rất xa trên đường dẫn tới Zhitomir. Rồi hai chúng con nói lời từ biệt nhau với những giọt nước mắt hân hoan.

Sau khi anh ấy đi rồi, con bắt đầu suy nghĩ tới việc riêng của mình. Mình đi đâu bây giờ? Cuối cùng con quyết định mình nên trở lại Kiev. Lời giảng dạy khôn ngoan của vị linh mục Kiev kéo chân con về hướng con đường đó, và hơn nữa, nếu con ở với ông thêm lần nữa, ông có thể tìm được cho con một người nhân đức nào đó yêu thương Đức Kitô, chịu giúp con đi đất thánh Giêrusalem hoặc ít nhất đi Núi thánh Athos. Nghĩ vậy, con tiếp tục ở thêm một tuần nữa tại Pochaev, bỏ ra hết thời gian đó để ôn lại những gì mình học được từ những người mình đã gặp trong chuyến đi này và để ghi chép một số điều sinh ích. Sau đó, con sẵn sàng lên đường, khoác ba lô lên vai và đi tới nhà thờ phó thác cuộc hành trình của mình trong bàn tay Mẹ Thiên Chúa. Thánh lễ xong, con cầu nguyện chuẩn bị cất bước.

Con đang đứng cuối nhà thờ thì có một người đi vào. Ông mặc quần áo không sang trọng lắm nhưng rõ ràng là người thuộc tầng lớp quý tộc nhỏ. Ông hỏi con chỗ nào bán đèn cầy. Con chỉ cho ông. Kết thúc phần kinh cuối, con ở lại cầu nguyện nơi đèn có dấu chân Mẹ. Cầu nguyện xong, con lên đường.

Đi dọc theo đường phố được một quãng, con thấy cửa sổ nhà ai đó đang mở, và bên khung cửa có người ngồi đọc sách. Con đường con đi qua ngay cửa sổ đó, và con thấy người đang ngồi chính là ông lúc nãy trong nhà thờ hỏi con chỗ mua nến. Đi ngang, con cất mũ chào. Thấy con, ông liền vẫy tay ra hiệu bảo con tới với ông. Rồi ông nói:

- Chắc anh là một người hành hương, đúng không?

Con trả lời:

- Vâng, đúng vậy.

Ông yêu cầu con vào nhà rồi tỏ ý muốn biết con là ai, đang đi đâu. Con kể với ông mọi sự về mình, chẳng giấu điều gì. Ông cho con uống trà và bắt đầu chuyện trò với con. Ông nói:

- Anh nghe đây, hỡi con chim bồ câu nhỏ của tôi. Tôi khuyên anh nên đi Solovetsky. Ở chỗ đó có một cộng đoàn nhỏ sống rất ẩn dật và yên ổn, được gọi là Anzersky. Nó như thể một tu viện Athos thứ hai và người ta ân cần tiếp nhận mọi người tham gia. Tu sinh chỉ phải làm một việc thôi: là chia phiên nhau lần lượt đọc thánh thi bốn giờ một lần tại nhà thờ trong suốt hai mươi bốn giờ. Chính tôi đã có ghé lại và tôi lập lời thề sẽ đi bộ tới đó. Chúng ta có thể đi cùng nhau. Có anh đi chung thì tôi thấy an toàn hơn vì người ta nói con đường tới đó rất vắng vẻ. Bù lại, tôi có tiền và tôi có thể cung cấp lương thực cho anh dọc đường. Tôi đề nghị anh và tôi đi theo cách này: mỗi người đi cách nhau năm sáu thước để người này không làm phiền người kia và chúng ta có thể dùng trọn thời gian đi đường mà đọc sách hoặc chiêm nghiệm. Người anh em ạ, hãy suy nghĩ kỹ và nhận lời tôi. Nó không làm uổng công anh đâu.



Nghe lời mời bất ngờ của ông, con xem đó như một dấu hiệu ban cho cuộc hành trình của con, phát xuất từ Mẹ Thiên Chúa, Đấng mà con vừa cầu nguyện xin chỉ dạy cho con đường dẫn tới phúc lành. Không nghĩ ngợi, con nhận lời ngay. Và như thế, hôm sau chúng con lên đường.

Cả hai đi suốt ba ngày theo cách đã đồng ý trước. Người này đi sau người kia. Trong lúc đi đường, ông ấy đọc sách. Ngày cũng như đêm, tay không bao giờ rời cuốn sách. Thỉnh thoảng ông chiêm nghiệm điều gì đó. Sau cùng, chúng con dừng lại tại một địa điểm nào đó để ăn tối. Ông vừa ăn vừa không ngừng nhìn vào cuốn sách đang mở ra đặt trên bàn ăn trước mặt. Thấy đó là một cuốn Tin Mừng, con nói với ông:

- Thưa ông, tôi xin đánh bạo hỏi, tại sao suốt ngày suốt đêm ông không bao giờ để cuốn Tin Mừng rời khỏi tay mình? Tại sao ông mang sách ấy theo bên mình và lúc nào cũng cầm nó trên tay?

Ông trả lời:

- Bởi vì tôi học hỏi gần như liên tục và duy nhất nơi cuốn sách ấy.

Con hỏi tiếp:

- Vậy thưa ông, ông đang học về cái gì?

- Tôi học về cuộc sống Kitô hữu, cái được cô đọng trong việc cầu nguyện. Tôi xem cầu nguyện là phương thế cứu rỗi quan trọng nhất, thiết yếu nhất và là nhiệm vụ đầu tiên của mọi Kitô hữu. Cầu nguyện là bước đầu tiên trong cuộc sống tận hiến và cũng là on sủng của cuộc sống ấy. Và đó là lý do mà Tin Mừng ra lệnh cho chúng ta phải cầu nguyện không ngừng. Các hoạt động thờ phượng khác thì được ấn định cử hành có ngày có giờ còn việc cầu nguyện thì được dạy là phải thực hiện không bao giờ ngừng. Không cầu nguyện thì không làm được việc tốt lành nào; và không có sách Tin Mừng thì ta không thể học hỏi cách riêng về cầu nguyện. Vì thế, hết thấy những vị đã đạt tới sự cứu rỗi qua lối sống nội tâm, những vị rao giảng thánh thiện Lời Thiên Chúa cũng như các nhà ẩn tu và những người sống ẩn dật, và đứng ra là hết thấy mọi Kitô hữu kính sợ Thiên Chúa, đều được học hỏi nhờ đọc Phúc âm và nhờ lòng mình bị chiếm lĩnh một cách bền vững và liên tục bởi những thâm sâu của Lời Thiên Chúa. Trong những người ấy, có nhiều kẻ lúc nào cũng cầm sách Phúc âm trên tay. Và họ có đưa ra lời khuyên bảo như thế này trong những bài giảng về sự cứu rỗi, rằng: "Trong quân bình tĩnh lặng của lòng mình, bạn hãy ngồi xuống đọc Phúc âm, đọc đi đọc lại mãi." Đó, anh đã thấy lý do tại sao bản thân tôi chỉ quan tâm tới sách Tin Mừng thôi.

Lập luận ấy của ông và việc ông sốt sắng cầu nguyện làm con thích thú. Con tiếp tục hỏi ông rằng từ tập sách Tin Mừng riêng biệt nào mà ông rút ra được lời giảng dạy việc cầu nguyện. Ông trả lời:

- Từ khắp bốn sách Phúc âm. Tóm lại, từ toàn bộ Tân Ước trong khi đọc theo thứ tự. Từ lâu lắm, tôi đã và đang đọc sách Phúc âm. Tôi đi sâu vào ý nghĩa của sách và sách tỏ lộ cho tôi thấy trong nội dung của nó có sự gia tăng dần dần theo những mắt xích đều đặn về lời giảng dạy việc cầu nguyện. Khởi sự từ sách Phúc âm thứ nhất và rồi đi xuyên suốt theo một trật tự không thay đổi, làm thành một hệ thống. Thí dụ, lúc mới bắt đầu thì sách trình bày lời giảng về sự sửa soạn hay sự bắt đầu việc cầu nguyện. Kế đó, sách nói đến hình thức hoặc diễn tả việc cầu nguyện ra bên ngoài thành ngôn từ. Tiếp tục vào sâu thêm, chúng ta đọc được những điều kiện thiết yếu để dâng lên lời cầu nguyện, các phương thế học hỏi về cầu nguyện và các thí dụ kiểu mẫu. Sau cùng, sách trình bày lời giảng dạy có tính cách bí quyết về lời cầu nguyện gọi tên Đức Giêsu Kitô không ngừng ở trong lòng và mang

tính cách tâm linh, một lời cầu nguyện được đánh giá là cao hơn và sinh ích hơn những lời cầu nguyện theo thể thức. Và rồi tới tính chất thiết yếu của cầu nguyện, hoa quả đầy ơn sủng của nó, và vân vân. Nói tóm lại, ta có thể tìm thấy trong sách Tin Mừng một sự am hiểu chi tiết và đầy đủ về thực hành cầu nguyện, theo một thứ tự có hệ thống và liên tiếp nhau từ đầu tới cuối.

Nghe những lời như vậy, con quyết định yêu cầu ông trình bày chi tiết hơn cho con về những điều đó. Do đó con nói:

- Vì tôi thích được nghe và bàn luận về sự cầu nguyện hơn mọi sự khác, nên tôi sẽ thật sự rất vui mừng khi thấy ra các mắt xích bí mật của lời giảng dạy việc cầu nguyện với tất cả chi tiết của chúng. Vì tình yêu Thiên Chúa, xin ông vạch ra cho tôi thấy hết thảy những điều ấy trong sách Tin Mừng.

Ông sẵn lòng chấp nhận lời yêu cầu của con và nói:

- Hãy mở cuốn Tin Mừng của anh ra, nhìn vào sách và đồng thời ghi chú những gì tôi sẽ nói. Anh hãy vừa ghi lại thật rõ vừa nhìn vào những chỗ tôi đánh dấu.

Đưa cho con cây viết chì, ông trình bày cặn kẽ như sau:

"Bây giờ, việc đầu tiên là hãy nhìn vào sách Phúc âm theo Thánh Matthêu ở chương thứ sáu. Đọc từ câu năm tới câu chín. Ở đó, anh thấy chúng ta có lời giảng dạy về sự sửa soạn hoặc sự bắt đầu việc cầu nguyện. Lời đó dạy rằng chúng ta nên bắt đầu việc cầu nguyện không phải với thái độ dương dương tự đắc hoặc ồn ào mà là trong nơi vắng vẻ, trong sự yên tĩnh, và chỉ cầu xin cho mình được tha thứ tội lỗi cùng được hiệp thông với Thiên Chúa; đừng bày vẽ các thỉnh cầu vô ích về những gì muôn hình muôn vẻ có tính cách trần thế như người ngoại đạo làm. Rồi cũng trong chương đó, anh đọc thêm nữa, từ câu chín tới câu mười bốn. Ở đó đưa ra cho chúng ta hình thức của việc cầu nguyện - tức là, phải diễn tả bằng loại ngôn từ nào. Trong các câu đó chứa đựng sự khôn ngoan siêu việt về tất cả những gì thiết yếu và đáng khao khát cho cuộc sống của chúng ta. Sau đó, tiếp tục đọc trong chương ấy, câu mười bốn và câu mười lăm ta sẽ thấy rằng muốn việc cầu nguyện đạt hiệu quả thì ta phải tuân giữ những điều kiện thiết yếu nào. Nếu chúng ta không tha thứ cho kẻ làm thương tổn chúng ta thì Thiên Chúa sẽ không tha thứ cho chúng ta. Bây giờ, tiếp tục qua tới chương bảy, anh sẽ tìm thấy trong từ cây bảy tới câu mười hai, cách làm thế nào để đạt kết quả trong việc cầu nguyện, cách làm thế nào để cả gan hy vọng, đó là: xin, tìm, gõ cửa. Những cử chỉ mạnh mẽ đó diễn tả tính chất thường xuyên của việc cầu nguyện và tính chất khẩn trương của thực hành cầu nguyện, tới độ tất cả những cử chỉ đó không chỉ đi song song với việc cầu nguyện mà còn đi trước việc cầu nguyện, đúng nhịp điệu, đúng thời điểm. Cái đó tạo nên đặc điểm chủ yếu của cầu nguyện.

Anh cũng sẽ thấy thí dụ về điều đó trong chương mười bốn sách theo Thánh Máccô, từ câu ba mươi hai tới câu bốn mươi, trong đó Đức Giêsu đích thân lặp lại những lời giống như vậy về việc thường xuyên cầu nguyện.

Sách theo Thánh Luca, trong chương mười một, từ câu năm tới câu mười bốn, cũng cho chúng ta một thí dụ giống y như thế về sự lặp đi lặp lại lời cầu nguyện trong dụ ngôn người bạn lúc nửa đêm và lời thỉnh cầu nói lui nói tới hoài của một bà góa cứ quấy rầy mãi (Luca 18:1-8), minh họa cho ta mệnh lệnh của Đức Giêsu rằng chúng ta cần cầu nguyện luôn luôn, trong mọi lúc, ở mọi nơi và đừng nản lòng, nói một cách khác, chúng ta đừng biếng trễ.

Tiếp sau lời giảng dạy rất chi tiết ấy, chúng ta được tỏ cho thấy trong sách Tin Mừng theo Thánh Gioan lời giảng cốt tủy về việc cầu nguyện thâm kín bên trong tâm hồn ta. Ở chỗ thứ nhất của sách đó, chúng ta được trình bày cho thấy việc cầu nguyện đó trong lời tường thuật sâu sắc về cuộc đàm đạo của Đức Giêsu với một phụ nữ Samaria, trong đó vén lộ sự thờ phượng Thiên Chúa trong lòng ta 'trong thần khí và trong sự thật', là cái mà Thiên Chúa ao ước, và đó chính là sự cầu nguyện chân chính và không ngừng, tựa như mạch nước phun lên đem lại sự sống đời đời (Gioan 4:5-25). Xa hơn một chút, trong chương mười lăm, từ câu bốn tới câu tám, chúng ta có hình ảnh mô tả sinh động và dứt khoát hơn về quyền phép, sức mạnh và tính chất thiết yếu của việc cầu nguyện trong lòng - nói cách khác, về sự hiện diện của thần khí trong Đức Kitô bằng sự nhớ tưởng không ngừng tới Thiên Chúa. Sau cùng, trong cùng một sách Phúc âm đó, hãy đọc chương thứ mười sáu, từ câu hai mươi ba tới câu hai mươi lăm. Chúng ta hãy xem thử ở đây vén lộ bí nhiệm nào. Anh để ý thấy rằng lời cầu nguyện tên Đức Giêsu, hoặc điều được gọi là Lời Cầu Nguyện Đức Giêsu - tức là câu 'Chúa Giêsu Kitô, xin thương xót con' - khi được lặp đi lặp lại một cách thường xuyên thì có uy lực cực độ và rất dễ dàng mở lòng mình ra, làm cho lòng mình được chúc phúc.

Hãy chú ý điều ấy được trình bày rõ rệt trong trường hợp các Tông đồ, những người là môn đệ sống quanh năm với Đức Giêsu Kitô và đã được chính Ngài dạy Lời Cầu Nguyện Của Chúa - tức là: Kinh Lạy Cha (và chính qua chữ vị mà chúng ta biết tới kinh ấy). Tuy vậy, tới khi kết thúc cuộc sống trần thế của mình, Đức Giêsu vạch rõ cho họ thấy trong những lời cầu nguyện của họ vẫn còn thiếu một bí nhiệm. Để cho lời cầu nguyện của họ được đệ trình một cách tuyệt đối, Ngài nói với họ: 'Cho đến nay, anh em đã chẳng xin gì nhân danh Ta. Ta bảo thật anh em, điều gì anh em nhân danh Ta mà xin Đức Chúa Cha thì Ngài sẽ ban cho anh em điều ấy.' Và như vậy, thực tế đó đã xảy ra trong trường hợp của họ. Vì từ lúc đó trở về sau, khi các Tông đồ biết dâng lời cầu nguyện gọi tên Đức Giêsu thì họ thực hiện được rất nhiều điều kỳ diệu và sự sáng dư dật và vô tận đã tuôn tràn trên họ. Lúc này, anh đã thấy cái mất xích và sự trọn vẹn của lời giảng dạy việc cầu nguyện trong lòng được ký thác một cách vô cùng khôn ngoan trong sách Tin Mừng chưa?

Sau đó, nếu anh tiếp tục đọc tới sách Công Vụ Tông Đồ, thì anh có thể tìm thấy trong đó lời giảng dạy hiệu nghiệm về cầu nguyện. Để tiện theo dõi những ghi chú mà tôi đang đưa cho anh, tôi sẽ chỉ cho anh mấy chỗ minh họa các đặc tính của cầu nguyện - tức là sự thực hành cầu nguyện một cách cần cù và liên tục của các Kitô hữu tiên khởi, những người được giác ngộ bởi đức tin của chính mình vào Đức Giêsu Kitô (Công vụ 4:31). Ở đây chúng ta được nói cho biết hoa trái của cầu nguyện - nghĩa là, sự chan chứa Thần Khí Thánh Linh và tặng phẩm của Ngài trên những kẻ cầu nguyện. Anh còn thấy một điều giống y như thế trong chương thứ mười sáu, câu hai mươi lăm và câu hai mươi sáu.

Rồi tiếp theo đó, với thứ tự trong các Thư Tông Đồ Gửi Tín Hữu, anh sẽ thấy rằng:

- (1) trong mọi hoàn cảnh, cần tới việc cầu nguyện như thế nào (Gioan 5:13-16);
- (2) Chúa Thánh Thần giúp chúng ta ra sao trong việc cầu nguyện (Giuđa 20-21 và Rôma 8:26);
- (3) chúng ta phải hoàn toàn cầu nguyện trong thần khí như thế nào (Êphêsô 6:18);
- (4) khi cầu nguyện, lòng ta cần điềm tĩnh và bình an như thế nào (Philippê 4:6,7);
- (5) cần cầu nguyện không ngừng như thế nào (1 Thêxalônica 5:17); và sau cùng
- (6) chúng ta cần để ý rằng không phải chỉ cầu nguyện cho bản thân mình mà còn phải cầu nguyện cho mọi người (1 Timôthê 2:1-5).

Như thế, qua việc cày bừa ra nhiều thời gian, với sự tỉ mỉ cẩn trọng, để rút ra ý nghĩa từ sách Tin Mừng thì chúng ta càng được vén lộ nhiều hơn và được am hiểu nhiều hơn những bí mật ẩn kín trong Lời Thiên Chúa, mà nếu chỉ đọc một cách gấp gáp hoặc thỉnh thoảng mới đọc, thì chúng ta dễ vuột mất.

Theo những gì lúc này tôi trình bày với anh thì anh nhận ra chưa, rằng chúng ta đã có những dấu vết của lời Đức Giêsu Kitô giảng dạy về cầu nguyện mà Tân Ước vén lộ một cách rất có hệ thống và cực kỳ khôn ngoan? Và rằng việc cầu nguyện được diễn tả trong bốn cuốn Tin Mừng theo một thứ tự kỳ diệu? Nó như thế này.

Trong sách theo Thánh Máttêu, chúng ta thấy sự sửa soạn, sự bắt đầu vào việc cầu nguyện; hình thức cụ thể của lời cầu nguyện; các điều kiện để cầu nguyện; và vân vân. Và hãy đi xa hơn. Trong sách theo Thánh Máccô, chúng ta thấy các thí dụ. Trong sách theo Thánh Luca, chúng ta có các dụ ngôn. Trong sách theo Thánh Gioan, chúng ta có bí quyết thực hành việc cầu nguyện trong lòng, dù vấn đề này cũng được tìm thấy trong tất cả bốn cuốn Phúc âm, khi thì ngắn, khi thì dài. Trong sách Công Vụ Tông Đồ, sự thực hành cầu nguyện và kết quả của việc cầu nguyện được mô tả một cách sống động cho chúng ta thấy rõ. Trong các Thư Gởi Tín Hữu, và cả trong sách Khải Huyền, thì có nhiều đặc tính gắn chặt và không thể tách rời khỏi hoạt động cầu nguyện. Và như vậy, anh đã hiểu được lý do tại sao tôi mãi nguyện với độc nhất sách Tin Mừng, làm tôn sư của mình trên mọi nẻo đường cứu rỗi.

Trong khi ông trình bày và giảng dạy cho con về những điều ấy, con đánh dấu vào sách Tân Ước của mình (ở trong cuốn Kinh Thánh của con), tất cả những chỗ mà ông ấy vạch ra cho con. Đối với con, những lời ấy có tính cách hết sức đặc biệt và hết sức học hỏi, và con vô cùng cảm ơn ông.

Kế đó, chúng con tiếp tục đi thêm năm ngày nữa, trong im lặng. Người bạn hành hương của con bắt đầu cảm thấy đau nhức nơi bàn chân, chắc là vì ông không quen đi bộ liên tục từ ngày này sang ngày khác. Vì vậy, ông thuê một chiếc xe song mã và bảo con cùng lên xe với ông. Và như thế, trên đường đi, chúng con ngang qua khu vực cha đang sống, ở lại đây nghỉ ngơi trong ba ngày, rồi sau đó, chúng con sẽ lên tiếp tục lên đường đi thẳng tới Anzersky, nơi ông ấy đang khắc khoải muốn tới.

Cha linh hướng: Người bạn ấy của con thật tuyệt vời. Với sự phán đoán xuất phát từ lòng ngoan đạo như thế, chắc chắn anh ấy đã được giáo dục rất tốt. Ta muốn được gặp anh ấy.

Người hành hương: Chúng con đang ở chung một chỗ. Con sẽ đem ông ấy tới đây gặp cha vào ngày mai. Lúc này ngày đã muộn, con xin chào cha.





## CHƯƠNG SÁU

Người hành hương: Như con đã hứa trong cuộc gặp gỡ với cha hôm qua, nay con có mời tới đây người bạn đồng hành đáng kính của con, người đã làm con phấn khởi trên đường hành hương với những lời đàm đạo tâm linh, mà cha tỏ ý muốn gặp. Thưa cha, đây, ông ấy đây.

Cha linh hướng: Tôi cầu mong những vị khách đáng kính của mình gặp nhiều điều tốt lành và cũng thật hết sức tốt lành cho tôi được gặp gỡ và được hai anh em kể cho nghe những kinh nghiệm sinh ích. Cũng có mặt với tôi đây là một đan sĩ khổ tu đáng kính và một linh mục tận hiến. Và như thế, nơi nào có hai hoặc ba người tụ họp trong thánh danh Đức Giêsu Kitô thì Ngài có mặt nơi đó, như Ngài đã hứa. Và lúc này, chúng ta có tới năm người gặp gỡ nhau trong thánh danh Ngài, như thế rõ ràng Ngài sẽ đoái thương ban ơn sủng cho hết thấy chúng ta cách dồi dào hơn nữa. Hỡi người anh em thân mến, câu chuyện mà hôm qua người hành hương bạn đường của anh đã kể cho chúng tôi nghe về sự mật thiết nồng nàn của anh với Tin Mừng thiêng liêng thì đặc biệt đáng chú ý và mang tính dạy dỗ. Chúng tôi ao ước được biết bí nhiệm lớn lao và đầy ơn phước đó đã mạc khải cho anh như thế nào.

Ông giáo sư: Thiên Chúa, Đáng trọng tình yêu thương, Đáng mong muốn mọi người đều được cứu rỗi và đạt tới sự am hiểu chân lý, Ngài đã vén lộ cho con biết về lòng ân cần chan chứa tình yêu vĩ đại của Ngài bằng một cách thức tuyệt diệu và hoàn toàn không có chút can thiệp nào của con người.

Suốt năm năm làm giáo sư, con đã phung phí ngày tháng đời mình trong một cuộc sống ảm đạm, say đắm theo triết lý vô ích của thế gian và không theo Đức Kitô. Có lẽ con sẽ tàn lụi hoàn toàn nếu không được nâng cao tới một mức nào đó nhờ sự kiện con sống chung với người mẹ rất tốt bụng và người chị, một phụ nữ trẻ, đầu óc trang trọng. Ngày nọ, con đang đi dạo trên đường phố đông người thì gặp gỡ và quen biết một thanh niên xuất sắc. Hắn nói với con rằng hắn người Pháp và là sinh viên vừa từ Paris tới Nga chưa được bao lâu và đang tìm chỗ dạy kèm tư gia. Con rất hài lòng về trình độ văn hóa cao của hắn, con mời hắn tới nhà chơi vì hắn là một người lạ trên xứ sở này. Từ đó hắn và con trở thành bạn nhau. Suốt hai tháng trời, hắn thường hay tới thăm con. Thịnh thoảng hắn và con đi dạo chung, cảm thấy thích thú nhau và cùng nhau làm thành một đôi cặp kè mà có thể khiến người ta nghĩ là rất vô luân. Sau cùng, vào một ngày nọ, hắn đến rủ rê con tới một nơi tụ họp thuộc loại đó. Để nhanh chóng thuyết phục con, hắn bắt đầu đặc biệt nhiệt liệt ca ngợi về những thú vị của cái hội mà hắn đang mời con tham gia. Sau khi trình bày ngắn gọn về hội đó, đột nhiên hắn yêu cầu con là cả hai đừng ngồi trong phòng đọc sách nữa mà ra ngồi nơi phòng khách. Con thấy lời yêu cầu đó có vẻ kỳ quái, vì vậy con nói rằng trước đây, con chưa bao giờ thấy nơi hắn có sự miễn cưỡng nào khi ngồi ở trong phòng đọc sách của con, và con hỏi hắn lúc này tại sao lại yêu cầu như vậy? Con còn nói thêm rằng phòng khách thì ở bên cạnh phòng của mẹ con và chị con nên đó không phải là chỗ thích đáng để chúng ta tiếp tục loại trò chuyện như thế này. Hắn vẫn nhất quyết giữ ý kiến của hắn với nhiều lý do khác nhau, sau cùng, hắn nói công khai như thế này:

- Trong số những sách anh đặt trên kệ, có cuốn Tin Mừng. Tôi vô cùng tôn kính cuốn sách đó tới độ tôi thấy rất khó khăn khi chuyện trò về những việc xấu xa của chúng ta trước mặt nó. Nếu anh cất nó khỏi chỗ đó thì lúc ấy chúng ta mới có thể tha hồ trò chuyện.

Con coi đó là việc không đáng kể nên cười cợt câu nói của hắn. Con lấy cuốn Tin Mừng ra khỏi kệ sách và vừa nói vừa đưa sách cho hắn:

- Lý ra anh phải nói với tôi về việc này từ lâu. Đây, anh cầm lấy sách, muốn để ở đâu trong phòng này thì tùy ý.



Ngay lúc con đưa cuốn sách Tin Mừng chạm vào người hẳn thì hẳn run rẩy, và lập tức biến mất. Sự việc xảy ra làm con kinh hồn khiếp vía, tê công cả người và té xuống đất bất tỉnh. Nghe tiếng con ngã, người giúp việc trong nhà chạy tới. Suốt nửa giờ, họ không thể nào làm cho con lại tỉnh. Cuối cùng, khi tỉnh lại, con hãi hùng run lẩy bẩy, cảm thấy hoàn toàn bấn loạn, hai chân hai tay cứng ngắc không nhúc nhích nổi. Người nhà mời bác sĩ tới. Ông chẩn bệnh xong nói tình trạng bại liệt của con là do kết quả của một cú sốc hoặc của một cơn sợ hãi kịch liệt nào đó.

Sau biến cố đó, con nằm liệt giường trọn một năm. Dù có nhiều bác sĩ tận tâm chăm sóc kỹ lưỡng, bệnh tình của con vẫn không thuyên giảm chút nào nên hậu quả của cơn bệnh là con phải xin thôi việc dạy học. Trong thời gian con ngọa bệnh, mẹ con càng ngày càng già yếu rồi qua đời, chị con chuẩn bị nhập dòng tu; cả hai việc đó làm bệnh của con càng lúc càng nặng hơn. Trên giường bệnh, con chỉ còn biết cách khuây khỏa duy nhất là đọc sách Tin Mừng, cuốn sách con chưa bao giờ rời tay từ lúc bắt đầu ngọa bệnh. Sách ấy là một bảo đảm cho sự cố kị diệu đã xảy tới cho con trước đó.

Tới một ngày nọ, có một nhà ẩn tu không quen biết tới gặp con. Ông đang đi lạc quyền cho đan viện. Ông cố hết sức thuyết phục con rằng con không nên chỉ trông cậy vào thuốc men, vì nếu không có sự giúp đỡ của Thiên Chúa thì nó không thể làm bệnh con thuyên giảm và rằng con nên cầu nguyện Thiên Chúa về vấn đề của con, cầu nguyện một cách chuyên cần, vì cầu nguyện là phương thế uy lực nhất, chữa trị được tất cả mọi bệnh tật thể xác và tinh thần. Con hoang mang đáp lại:

- Trong tư thế như thế này làm sao con có thể cầu nguyện. Con hiện nay không còn đủ sức để làm bất cứ cử chỉ tôn kính nào, kể cả việc đưa tay mình lên làm dấu thánh giá?

Nghe như vậy, ông trả lời:

- Nhưng dù gì đi nữa, dù trong bất cứ trường hợp nào, anh cũng phải cầu nguyện.

Ông chỉ phát biểu chừng đó thôi, không nói thêm gì nữa, cũng không giải thích cụ thể cho con biết nên cầu nguyện như thế nào. Khi vị tu sĩ ghé thăm ấy đi rồi, con có vẻ gần như không chú ý, bắt đầu nghĩ tới việc cầu nguyện, sức mạnh và hiệu quả của nó, cùng nhớ lại trong tâm trí con những lời chỉ dẫn mà mình đã có trong những hiểu biết về tôn giáo thuở còn đi học. Tâm trí bị chiếm lĩnh bởi những nghĩ tưởng ấy làm con cảm thấy sung sướng và làm tươi mới những hiểu biết của mình về các vấn đề tôn giáo, và làm ấm lại lòng con. Và đồng thời, con cảm thấy cơn bệnh có phần nào bớt công phá.

Từ đó, sách Tin Mừng ở liên tục với con và kết quả của phép lạ đó làm con tin tưởng cực độ. Trong khi nhớ lại các bài con đã đọc và thấy trong đó mọi huấn thị về cầu nguyện đều đặt căn bản trên văn bản Phúc âm, con cân nhắc rằng việc tốt nhất là học hỏi về sự cầu nguyện và sự tận hiến của người Kitô hữu hoàn toàn dựa vào sách Tin Mừng, như một nguồn xuất phát mạch nước dồi dào và tìm thấy trong đó một hệ thống đầy đủ về đời sống cứu rỗi và việc cầu nguyện chân chính trong lòng. Con kính cẩn đánh dấu các trích đoạn về chủ đề ấy. Từ lúc đó trở đi, con ra sức học hỏi lời giảng dạy thiêng liêng ấy với hết sức lực của mình và dù có gặp khó khăn tới mấy đi nữa, cũng cố thực hành những lời ấy. Trong khi con người mình bị chiếm lĩnh theo cách đó, sức khỏe con dần dần cải tiến, và cuối cùng, như quý cha đang thấy, con hoàn toàn bình phục.

Trong cảm tạ Thiên Chúa đã vì lòng ân cần đầy tình phụ tử của Ngài mà ban cho con sự phục hồi sức khỏe và sự giác ngộ tâm trí, và với hoàn cảnh sống một thân một mình, con quyết định noi theo gương người chị. Thêm vào đó, với sự thúc đẩy của tâm hồn, con hiến mình cho cuộc sống độc thân

để có thể không gặp trở ngại nào trong việc tiếp nhận và chuyển hóa theo những lời lẽ dịu ngọt về đời sống vĩnh cửu mà con đã được ban cho trong Lời Thiên Chúa. Như thế, lúc này đây con đang trên đường đi tới một tiểu cộng đoàn sống tách biệt thuộc đại tu viện Solovetsky bên bờ Bạch Hải, được gọi là Anzersky mà con đã nghe bậc thẩm quyền xác nhận đó là một địa điểm hết sức thích hợp cho một cuộc sống chiêm nghiệm.

Con xin kể thêm với cha một điều này nữa. Sách Tin Mừng thiêng liêng cho con nhiều ủi an trong cuộc hành trình này, tỏa ánh sáng chan hòa trên tâm trí không được tôi luyện của con và làm nòng ấm tâm hồn lạnh lẽo của con. Nhưng dù đang thật sự có những cái đó, con ngay thật thừa nhận sự yếu đuối của mình và con công nhận không chút ngại ngần rằng những điều kiện để thành toàn công cuộc tận hiến và đạt tới sự cứu rỗi cùng những yêu cầu theo chỉ thị của Tin Mừng về sự hy sinh trọn vẹn, về thành tựu tâm linh và về lòng khiêm tốn sâu xa nhất, đang làm con sợ hãi vì tính chất trọng đại của chúng và vì xét thấy tình trạng yếu đuối hư hoại của tâm hồn mình. Bởi thế lúc này con đang đứng ở giữa thất vọng và hy vọng. Con không biết trong tương lai, điều gì sẽ xảy tới cho mình.

Đan sĩ khổ tu: Xét theo lòng thương xót đặc biệt và đầy phép lạ của Thiên Chúa đã tỏ rõ dấu hiệu ra với bạn như thế, và xét theo trình độ học thức của bạn, thì việc bạn không chỉ ngã lòng trông cậy mà còn để cho linh hồn mình có bóng tối hoài nghi về sự bảo vệ và giúp đỡ của Thiên Chúa, là một việc khó có thể tha thứ. Bạn có biết thánh Gioan Kim Khẩu, đáng được giác ngộ hoàn toàn về Thiên Chúa, đã nói như thế nào về điều đó không? Ngài giảng rằng:

- Không ai được nản lòng và có cảm tưởng sai lạc rằng những lời giảng dạy của Phúc âm thì không thể thực hiện được và không thực tế. Thiên Chúa, Đấng đã an bài sự cứu rỗi con người, dĩ nhiên Ngài không thể đặt ra cho con người những mệnh lệnh với dự tính biến con người thành kẻ vi phạm nếu quả thật các mệnh lệnh ấy không thể nào thi hành nổi. Không, nhưng chính bởi vì tính chất thánh thiện của chúng và sự thiết yếu của chúng đối với một đời sống đức hạnh nên chúng có thể là ơn sủng cho chúng ta trong cuộc đời này cũng như trong cuộc sống vĩnh cửu.

Dĩ nhiên, sự thành toàn một cách vững vàng và đều đặn các mệnh lệnh của Thiên Chúa là điều vô cùng khó khăn đối với bản tính dễ sa ngã của chúng ta, do đó, chúng ta không dễ dàng đạt tới cứu rỗi. Nhưng chính Lời Thiên Chúa, trong cùng một lúc ban bố những mệnh lệnh đó, cũng đã đưa ra cho chúng ta những phương cách để vừa dễ dàng thành toàn chúng vừa khuấy khỏa tâm tư mình trong khi thành toàn chúng. Nếu ban đầu, đây là cảnh tượng ẩn kín đằng sau bức màn bí nhiệm, thì lúc ấy, dĩ nhiên nó nhằm để chúng ta càng ngày càng tự hạ mình khiêm tốn và dễ dàng mang chúng ta tới sự hiệp nhất với Thiên Chúa bằng việc chỉ cho chúng ta sự trông cậy trực tiếp vào Ngài trong cầu nguyện và thỉnh cầu sự phù hộ đầy tình phụ tử của Ngài. Bí mật cứu rỗi nằm ngay ở chỗ đó, chứ không nằm ở chỗ trông cậy vào các nỗ lực của chính bản thân chúng ta.

Người hành hương: Tuy con là người yếu đuối và kém cỏi, nhưng con cũng muốn được biết bí mật đó. Để ít ra, con có thể làm cho cuộc sống bê trễ của mình ra chính đáng, tới một mức độ nào đó, vì vinh quang của Thiên Chúa và sự cứu rỗi của chính con.

Đan sĩ khổ tu. Người anh em thân mến, bí mật đó được tỏ ra cho bạn qua cuốn Philôkalia mà bạn đang có. Bí mật đó nằm trong sự cầu nguyện không ngừng mà bạn đã kiên quyết biến nó thành một sự học hỏi mà trong đó lòng anh được chiêm lĩnh một cách nòng ấm và tìm thấy an ủi.

Người hành hương: Thưa Cha đáng kính, con xin sấp mình dưới chân cha. Vì tình yêu Thiên Chúa, xin cho con được nghe từ miệng cha những điều tốt lành cho con về bí mật cứu rỗi và về việc

cầu nguyện thánh thiện, vì đó là những điều con khát khao nghe hơn bất cứ điều nào khác và vì đó cũng là những điều con thích đọc để củng cố và làm khuây khỏa linh hồn rất tội lỗi của mình.

Đan sĩ khồ tu: Tôi không thể làm bạn mãi nguyện về đề tài cao quý ấy bằng những ý tưởng của chính tôi, vì bản thân tôi rất ít có kinh nghiệm về nó. Nhưng tôi có vài ghi chú do một nhà văn tâm linh viết ra rất minh bạch và đặc biệt chính xác về đề tài ấy. Nếu những vị khác trong cuộc đàm đạo của chúng ta đây thích nó, thì tôi sẽ lấy ra ngay, và với sự cho phép của quý vị, tôi có thể đọc lên để mọi người cùng nghe.

Tất cả: Thưa Cha đáng kính, được như thế thì tốt lắm. Xin cha đừng để cho chúng con thiếu sự an ủi đầy cứu rỗi đó.

## **BÍ MẬT VỀ CỨU RỖI ĐƯỢC VÉN LỘ QUA VIỆC CẦU NGUYỆN KHÔNG NGỪNG**

Làm thế nào tôi được cứu rỗi? Câu hỏi ngoạn đạo ấy phát sinh một cách tự nhiên trong tâm trí mọi Kitô hữu, những kẻ nhận biết bản tính thương tật và yếu đuối của con người, và phẩm chất còn lại từ tính cách nguyên thủy của con người, thúc giục chúng ta hướng tới sự thật và sự công chính. Tất cả những ai đã có một trình độ đức tin nào đó vào sự bất tử và sự thưởng phạt đời sau, khi đưa mắt hướng tới thiên đàng thì dù muốn hay không cũng phải đối mặt với ý tưởng: "Làm thế nào tôi được cứu rỗi?"

Trong khi ra sức tìm lời giải đáp cho vấn đề đó, người ấy dò hỏi những kẻ khôn ngoan và thông thái. Kế đó, theo sự hướng dẫn của những kẻ đó, người ấy đọc những cuốn sách mở mang trí tuệ của các nhà văn tâm linh về vấn đề ấy, và người ấy trước sau như một, đặt mình đi theo những chân lý và những lề luật mà mình đã nghe được và đã đọc được. Trong tất cả những lời chỉ dẫn đó, người ấy liên tục thấy đặt ra trước mặt mình, như những điều kiện thiết yếu để cứu rỗi, là một cuộc sống tận hiến và những phấn đấu dũng cảm với bản thân, nhằm đưa ra một phủ định tuyệt đối bản ngã của mình. Điều này đưa người ấy tới việc thực hiện các việc thiện, việc tốt lành, tới sự thành toàn liên tục các lề luật của Thiên Chúa, và như thế, làm chứng cho đức tin bền vững và trung kiên của mình. Thêm nữa, người ấy được giảng dạy cho biết rằng mọi điều kiện cứu rỗi đều thiết yếu phải thành toàn vừa với lòng khiêm tốn sâu xa vừa trong hỗ tương phối hợp nhau. Vì hết thảy mọi việc thiện đều tùy thuộc qua lại vào nhau, để chúng hỗ trợ nhau, hoàn toàn khích lệ nhau, giống như các luồng ánh sáng của mặt trời chỉ vén lộ uy lực của chúng và đốt cháy ngọn đuốc khi qua miếng kính hội tụ chúng tập trung vào một điểm thôi. Ngược lại: "Kẻ nào bất chính trong cái nhỏ nhất thì cũng bất chính trong cái lớn nhất."

Thêm nữa, để gieo trồng trong mình sự xác tín hết sức mạnh mẽ vào nhu cầu đức hạnh phúc tạt và đồng nhất này, người ấy lắng nghe những lời ca tụng cao cả nhất tuôn xuống trên vẻ đẹp của đức hạnh, người ấy lắng nghe những lời khiển trách sự đê tiện và sự khốn khổ của thói hư tật xấu. Tâm trí người ấy hoàn toàn mang dấu ấn về những lời hứa xác thật hoặc về những phần thưởng huy hoàng và hạnh phúc hoặc về sự trừng phạt hành hạ và khốn khổ trong cuộc sống đời sau.

Đó là những tính chất đặc biệt hàm chứa trong lời rao giảng thời hiện đại. Được hướng dẫn theo đường lối ấy, những ai tha thiết ao ước được cứu rỗi đều bắt đầu lên đường với tất cả hân hoan, để thực hiện những điều mình đã học và để ứng dụng những điều mình đã nghe và đã đọc.

Nhưng hỡi ơi! Ngay trong bước đầu tiên, người ấy thấy ra mình không thể nào thành tựu nổi dự tính của mình. Qua thử thách, người ấy thấy trước và còn khám phá ra rằng bản tính hư hoại và yếu đuối của mình sẽ chiếm ưu thế hơn những xác tín của tâm trí mình và sự tự do của mình thì bị ràng buộc, rằng các thiên hướng của mình bị thoái hóa và rằng sức mạnh tinh thần của mình chỉ là sự yếu đuối mà thôi. Một cách tự nhiên, người ấy tiếp tục suy nghĩ rằng không biết mình có tìm được ở đó loại phương thế nào giúp mình có khả năng thành toàn những gì mà lề luật của Thiên Chúa đòi hỏi, những gì mà sự tận hiến của người Kitô hữu đòi hỏi, và những gì đã và đang được thực hiện bởi hết thảy những ai tìm sự cứu rỗi và sự thánh thiện? Hệ quả của việc đó và nhằm hòa giải trong bản thân các yêu cầu của lý trí và lương tâm với sự bất tương xứng của sức mạnh bản thân để thành toàn chúng, người ấy lại thêm lần nữa đặt ra cho những kẻ rao giảng về cứu rỗi câu tra vấn này: "Làm thế nào tôi được cứu rỗi? Làm thế nào sự bất lực này thực hiện nổi những điều kiện cứu rỗi vốn đã được chứng minh là đúng? Và liệu những kẻ đang rao giảng mọi điều cho mình nghe đó, bản thân của họ có đủ sức mạnh để thực hiện những lời họ giảng không?"

Hãy yêu cầu Thiên Chúa. Hãy cầu nguyện Thiên Chúa. Hãy cầu xin Ngài giúp đỡ.

Người tra vấn ấy đúc kết:

- Làm như thế có sinh hoa kết quả hơn không? Nếu sinh hoa kết quả hơn, thì để bắt đầu với nó và luôn luôn trong mọi hoàn cảnh, hãy học hỏi về cầu nguyện như một uy lực để thành toàn hết thảy các yêu cầu tận hiến của người Kitô hữu và qua đó, đạt tới cứu rỗi.

Và cứ thế, người ấy tiếp tục học hỏi về cầu nguyện: đọc sách, chiêm nghiệm, nghiên cứu lời giảng dạy của những kẻ đã viết về vấn đề đó. Quả thật, người ấy tìm trong những các bài giảng đó nhiều tư tưởng sáng chói, sự am hiểu sâu sắc, và những lời lẽ có sức mạnh lớn lao. Kẻ này lý luận một cách tuyệt vời về sự thiết yếu của cầu nguyện; kẻ kia viết về sức mạnh về hiệu quả sinh ích của cầu nguyện - về cầu nguyện như một nghĩa vụ hoặc về cái được gọi là lòng sốt sắng, sự chú ý, nồng ấm của con tim, thanh khiết của tâm trí, hòa giải với kẻ thù, khiêm tốn, ăn năn và những gì còn lại trong các điều kiện thiết yếu của cầu nguyện. Nhưng với hai câu hỏi rằng cầu nguyện tự nó là gì và làm thế nào cầu nguyện một cách cụ thể thì hiếm khi tìm thấy câu trả lời xác đáng và dễ hiểu cho mọi người. Và vì thế, người ấy, kẻ nhiệt tình tra vấn về sự cầu nguyện lại thêm lần nữa bị bỏ lại một mình trước bức màn bí nhiệm. Kết quả việc đọc tổng quát của người ấy là ký ức mình bắt gặp một khía cạnh của cầu nguyện dù sốt sắng nhưng vẫn chỉ mang tính cách hình thức. Và người ấy đi tới kết luận rằng cầu nguyện là vào nhà thờ, làm dấu thánh giá, bái lạy, quỳ gối và đọc thánh vịnh, đọc kinh sáng kinh chiều.

Những điều vừa trình bày ở trên, nói chung là cái nhìn về cầu nguyện của những người không biết tới những bài viết của các Giáo phụ thánh thiện về việc cầu nguyện trong lòng và chiêm nghiệm.

Sau cùng, người tra vấn ấy tình cờ bắt gặp một cuốn sách được gọi là Philôkalìa. Trong sách đó, hai mươi lăm vị Giáo phụ thánh thiện trình bày, bằng cách thức mọi người có thể hiểu, một sự am hiểu có tính cách khoa học về chân lý và về cái cốt tủy của việc cầu nguyện trong lòng. Sự bắt gặp ấy bắt đầu vén lên bức màn đang che bí mật của cứu rỗi và của cầu nguyện.

Người ấy thấy thật sự cầu nguyện có nghĩa là đưa thẳng ý nghĩ và trí nhớ, không ngớt và không giảm, tới sự nhớ tưởng Thiên Chúa, bước đi trong sự hiện diện thiêng liêng của Ngài, đánh thức bản thân trước tình yêu của Ngài, bằng việc suy nghĩ về Ngài và nói kết tên của Thiên Chúa với hơi thở của ta và tiếng đập của trái tim ta.



Người ấy được hướng dẫn trong mọi sự bởi việc trên môi mình gọi lên tên cực thánh Đức Giêsu Kitô, hoặc bởi việc thốt lên lời cầu nguyện Đức Giêsu ở mọi nơi, mọi lúc và trong mọi công việc, không chút nào ngừng thốt. Những sự thật rực rỡ đó, qua hành động giác ngộ tâm trí của người tra vấn ấy và qua việc mở ra trước người ấy con đường dẫn tới sự học hỏi và đạt tới sự cầu nguyện, giúp cho người ấy lập tức tiếp tục ứng dụng những lời giảng dạy khôn ngoan đó. Và như thế, dù có bỏ công rần sức, người ấy vẫn chưa thoát khỏi mọi khó khăn, cho tới khi được một tôn sư có kinh nghiệm bày tỏ cho thấy (cũng từ trong cuốn Philôkalia ấy) sự thật một cách toàn bộ - nghĩa là, chính việc cầu nguyện không ngừng là phương thế hiệu quả độc nhất để làm hoàn hảo sự cầu nguyện trong lòng và sự cứu rỗi linh hồn. Chính việc thường xuyên cầu nguyện là nền tảng liên kết toàn bộ hệ thống hoạt động cứu rỗi, Simêon Nhà thần học mới đã nói rằng: "Kẻ nào cầu nguyện không ngừng thì kết hợp mọi việc tốt lành thành một cái duy nhất." Và để diễn tả chân lý của mạc khải này với tất cả trọn vẹn của nó, vị tôn sư ấy đã triển khai nó theo cách như sau:

Vì sự cứu rỗi linh hồn nên cái tiên quyết và thiết yếu hơn tất cả là đức tin chân chính. Kinh Thánh nói rằng: "Không có đức tin thì không thể làm vui lòng Thiên Chúa." (Do thái 6:6). Kẻ không có đức tin thì sẽ bị phán xét. Nhưng cũng trong cùng một cuốn Kinh Thánh ấy, chúng ta có thể đọc thấy rằng bản thân con người không thể tự làm phát sinh trong chính nó đức tin cho dù nhỏ như mầm của một hạt cải, rằng đức tin không xuất phát từ bản thân chúng ta vì nó là tặng phẩm của Thiên Chúa và rằng đức tin là tặng phẩm tâm linh, nó được ban phát bởi Thần Khí Thánh Linh. Như vậy chúng ta phải làm gì? Làm thế nào hòa giải nhu cầu đức tin của con người với thực tế bản thân con người không thể sản sinh ra đức tin? Chính Kinh Thánh đã vén lộ cách làm như thế nào bằng câu: "Hãy xin thì anh chị em sẽ được ban cho." Các Tông đồ không thể tự mình làm phát sinh sự hoàn hảo đức tin bên trong bản thân họ nhưng họ cầu xin Đức Giêsu Kitô: "Lạy Chúa, xin hãy làm gia tăng đức tin của chúng con." Đó, các bạn đã có một thí dụ về việc kiếm ra đức tin. Nó cho thấy đức tin được đạt bởi cầu nguyện. Để linh hồn được cứu rỗi thì bên cạnh đức tin chân chính, cũng đòi hỏi các việc thiện, các việc ngay lành, vì "Đức tin mà nếu không có hành động là đức tin chết." Vì mỗi người được phán xét không chỉ về đức tin của mình mà còn về các công việc của mình nữa. "Nếu người tham gia vào việc đời, thì hãy giữ các giới răn; đừng giết người; đừng thông dâm; đừng trộm cắp; đừng làm chứng dối; tôn kính cha người và mẹ người; yêu thương người bên cạnh như chính bản thân người." Và hết thảy mọi giới răn đó đều bị buộc phải giữ tổng hợp với nhau. Như Tông đồ Giacôbê dạy rằng: "Quả thế, ai tuân giữ tất cả Lê luật mà chỉ sa ngã một điểm thôi, thì cũng thành người có tội về hết mọi điểm" (Giacôbê 2:10). Và khi mô tả sự yếu đuối của con người, Tông đồ Phaolô nói rằng: "Bởi lẽ trước nhan Chúa, không người phạm nào được nhìn nhận là công chính. Luật chẳng qua là làm cho người ta ý thức về tội," (Rôma 3:20). "Vẫn biết rằng Lê luật là bởi Thần Khí, nhưng tôi thì lại mang tính xác thịt, bị bán làm tôi cho tội lỗi... Tôi làm gì tôi cũng chẳng hiểu: vì điều tôi muốn thì tôi không làm, nhưng điều tôi ghét thì tôi lại cứ làm... Nếu tôi cứ làm điều tôi không muốn, thì không còn phải là chính tôi làm điều đó, nhưng là tội vẫn ở trong tôi... Nếu theo lý trí thì tôi làm nô lệ luật của Thiên Chúa; nhưng theo xác thịt thì tôi làm nô lệ luật của tội," (Rôma 7). Làm sao thành toàn những công cuộc theo luật của Thiên Chúa đòi hỏi khi con người không có sức lực và không có sức mạnh để giữ các giới răn? Con người không có khả năng làm điều đó cho tới khi chính mình cầu xin điều đó. Tông đồ Giacôbê nêu rõ lý do rằng: "Anh em không có là vì anh em không xin" (Giacôbê 4:2). Và chính Bản thân Đức Giêsu Kitô cũng nói rằng: "Không có Ta thì anh chị em làm được gì." Và về vấn đề cùng với Ngài hành động, Ngài đưa ra lời giảng dạy này: "Hãy ở trong Ta và Ta ở trong anh chị em. Kẻ nào ở lại trong Ta và Ta ở trong kẻ ấy, thì kẻ ấy sinh nhiều hoa trái." Nhưng, ở lại trong Ngài là liên tục cảm thấy sự có mặt của Ngài, liên tục cầu nguyện tên của Ngài. "Nếu anh chị em nhân danh Ta mà



xin Ta điều gì thì chính Ta sẽ làm điều đó." Như thế, chính do sự cầu nguyện mà đạt tới khả năng làm các việc tốt lành. Có thể tìm thấy thí dụ về điều ấy trong bản thân Tông đồ Phaolô: Ba lần ông cầu nguyện xin chiến thắng sự cám dỗ, quỳ gối trước Đức Chúa Cha, và Ngài ban cho ông sức mạnh trong con người nội tâm, và cuối cùng, cầu nguyện được đặt trên hết mọi sự, và cầu nguyện liên tục về mọi sự.

Từ những gì đã được nói ra ở trên thì tiếp theo là, toàn bộ việc cứu rỗi con người tùy thuộc vào cầu nguyện, và vì thế, cầu nguyện là việc trước tiên và thiết yếu, vì nhờ nó, đức tin được tăng trưởng nhanh chóng và thực hiện được mọi việc thiện. Tóm lại, với cầu nguyện, mọi sự tiến tới đầy hiệu quả. Không có cầu nguyện thì không hành vi ngoan đạo nào của Kitô hữu được thực hiện. Tuy thế, nó phải được dâng lên một cách không ngừng và luôn luôn, và điều kiện ấy có tính cách độc quyền sở hữu của cầu nguyện. Đối với các đức hạnh khác của Kitô hữu thì mỗi đức hạnh có thời điểm riêng của nó. Còn riêng trường hợp đối với cầu nguyện thì được chỉ thị rằng đó là một hành động liên tục và không ngừng. Hãy cầu nguyện không ngừng. Thật hợp lý và chính đáng cho việc cầu nguyện luôn luôn, cầu nguyện khắp nơi.

Cầu nguyện chân chính cũng có những điều kiện của nó. Nó cần được dâng lên với tâm trí và tâm hồn thanh khiết, nóng bỏng sốt sắng, chú ý tỉ mỉ, sợ hãi và tôn kính, và lòng khiêm tốn hết sức sâu xa. Nhưng phải chăng cái mà con người ý thức không chịu thừa nhận là mình còn lâu mới thành toàn được các điều kiện đó, là mình dâng lời cầu nguyện phát xuất từ nhu cầu và vì sự thúc ép lên bản thân hơn vì sở thích, thú vị và yêu thương việc cầu nguyện? Kinh Thánh cũng có đề cập tới việc đó rằng không phải sức mạnh của con người giữ cho tâm trí nó bền vững trước sau như một để rửa sạch nó khỏi mọi ý nghĩ không thích đáng vì "ý nghĩ của con người thì độc dữ từ thuở thanh xuân," và rằng chỉ có Thiên Chúa mới ban cho chúng ta tâm hồn khác và tinh thần tươi mới, vì "cả ý muốn và hành động đều là của Thiên Chúa." Chính Tông đồ Phaolô đã nói rằng: "Lòng tôi (nghĩa là, giọng của tôi) cầu nguyện, nhưng trí tôi chẳng thu được kết quả gì." (1 Côrintô 14:14). Cũng chính Phaolô xác nhận rằng: "Chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải" (Rôma 8:26) Qua những câu đó ta thấy thực tế rằng bản thân chúng ta không có khả năng đưa ra lời cầu nguyện chân chính. Trong các lời cầu nguyện của mình, chúng ta không thể trình bày được những đặc tính cốt tủy của cầu nguyện.

Mọi người đều bất lực đến như thế thì cái gì là cái khả dĩ còn lại cho sự cứu rỗi linh hồn phát xuất từ phía ý muốn và sức mạnh của con người? Con người không thể đạt tới đức tin mà không cầu nguyện; và cũng ứng dụng y như thế đối với các việc thiện. Và sau cùng, kể cả việc cầu nguyện một cách thuần khiết cũng không ở nội trong sức mạnh của chúng ta. Thế thì, cái còn lại mà con người có thể làm là cái gì? Phạm vi nào còn lại dành cho sự thực hành tự do và sức mạnh của con người để nó không thể bị diệt vong mà được cứu rỗi?

Mỗi một hành động đều có chất lượng của nó, và Thiên Chúa dành chất lượng cho ý nguyện và tặng phẩm của chính Ngài. Nhằm làm cho con người tùy thuộc vào Thiên Chúa, ý nguyện của Thiên Chúa có thể được phô bày cách rõ ràng hơn và để cho con người có thể được chìm mình sâu hơn trong sự khiêm tốn, Thiên Chúa đã qui định cho ý muốn và sức mạnh của con người chỉ nội trong số lượng của cầu nguyện. Ngài hạ lệnh cầu nguyện không ngừng, cầu nguyện luôn luôn, cầu nguyện trong mọi lúc và ở mọi nơi. Đồng thời, sự thành toàn các giới răn của Thiên Chúa và sự cứu rỗi được vén lộ qua bí thuật đạt tới sự cầu nguyện chân chính ấy. Như thế, chính số lượng được qui định cho con người, như một chia phần cho con người; sự thường xuyên cầu nguyện là phần đóng góp của con người và nó

ở nội bên trong lãnh vực ý muốn của con người. Đó chính xác là những gì các Giáo phụ của hội thánh đã dạy.

Thánh Macariô Cả đã nói rằng quả thật cầu nguyện là tặng phẩm của ơn sủng. Isikhi nói rằng sự thường xuyên cầu nguyện lập thành thói quen và trở thành bản tính thứ hai, và không có sự thường xuyên kêu nài tên Đức Giêsu Kitô thì không thể rửa sạch tâm hồn. Hai vị Callistô và Inhaxiô đáng kính đều khuyên bảo việc cầu nguyện thường xuyên và liên tục kêu tên Đức Giêsu Kitô trước mọi thực hành hãm mình và mọi việc thiện, vì sự thường xuyên ấy còn mang người cầu nguyện từ tình trạng khiếm khuyết tới tình trạng hoàn hảo. Diadoch đầy ân sủng cũng khẳng định rằng nếu một người kêu tên Thiên Chúa hết sức thường xuyên có thể được thì lúc ấy sẽ không sa ngã phạm tội. Ở đây, những lời chỉ bảo thực hành của các Giáo phụ chất chứa kinh nghiệm và khôn ngoan biết bao, và gần gũi gần gũi nào với các tâm hồn. Bằng kinh nghiệm và sự mộc mạc của mình, họ rọi ánh sáng chiếu soi các phương thế mang linh hồn tới hoàn hảo. Thật trái ngược sắc nét với những chỉ dẫn đạo đức của một lý trí thuần lý thuyết! Lý trí ấy biện luận như thế này: Hãy làm thật nhiều các việc thiện, hãy vũ trang bạn với lòng can đảm, hãy sử dụng sức mạnh ý chí của bạn, hãy thuyết phục bản thân bằng việc đánh giá các thành quả hạnh phúc của đức hạnh - thí dụ rửa sạch tâm trí và tâm hồn khỏi các mơ màng thế tục, lấp đầy vào chỗ của chúng bằng những chiêm nghiệm, quán tưởng có tính cách dạy dỗ; hãy làm việc thiện và bạn sẽ được kính trọng và được nghỉ an; hãy sống theo cách mà lý trí và lương tâm của bạn đòi hỏi. Nhưng hỡi ơi! Với tất cả sức mạnh của chúng, hết thảy những cái đó đều không đạt được mục đích của chúng nếu không có sự cầu nguyện thường xuyên, không có việc kêu cầu sự giúp đỡ của Thiên Chúa.

Tới đây chúng ta hãy đi thêm nữa vào vài lời giảng dạy của các Giáo phụ. Và chúng ta sẽ thấy những gì các vị nói, thí dụ về việc làm thanh khiết linh hồn. Thánh Gioan Cái thang viết:

- Khi tinh thần bị hắc ám bởi các ý nghĩ ứ đọng, hãy làm cho kẻ thù ấy bay đi bằng việc thường xuyên lặp đi lặp lại tên Đức Giêsu. Bạn không thể tìm ra trên trời cũng như dưới đất có thứ vũ khí nào uy lực và hữu hiệu hơn vũ khí ấy.

Thánh Grêgôriô Núi Xinai dạy như sau:

- Các bạn hãy biết điều này, rằng không ai có thể tự mình kiểm soát được tâm trí của chính mình, do đó, ngay lúc có những ý nghĩ không tinh sạch, bạn hãy gọi tên Đức Giêsu Kitô thường xuyên và vào các khoảng cách thường xuyên, và những ý nghĩ ấy sẽ lắng xuống.

Phương pháp đó giản dị và dễ dàng biết bao! Tuy thế nó đã được kiểm tra qua kinh nghiệm. Thật tương phản với lời khuyên của lý trí thuần túy vốn rất tự phụ vào phần đầu để đạt tới sự thuần khiết bằng nỗ lực của chính nó.

Trong khi chú ý vào những chỉ bảo dựa trên kinh nghiệm của các Giáo phụ thánh thiện, chúng ta đi tới kết luận thực tế rằng phương pháp chính yếu, độc nhất và rất dễ dàng để đạt tới mục đích cứu rỗi và sự hoàn hảo tâm linh là việc cầu nguyện thường xuyên và không gián đoạn, tuy nhiên nó có thể rất mong manh. Hỡi linh hồn Kitô hữu, nếu bạn không tìm thấy bên trong bản thân bạn sức mạnh để thờ phượng Thiên Chúa trong thần khí và trong sự thật, nếu bạn vẫn không cảm thấy sự sôi nổi trong con tim, sự mãn nguyện dịu ngọt trong tâm linh và sự cầu nguyện trong tâm hồn, thì lúc đó, bạn hãy mang vào trong dâng tiến lời cầu nguyện cái mà bạn có thể thực hiện, cái nằm nội bên trong phạm vi ý muốn của bạn, cái ở nội bên trong sức mạnh của chính bạn. Hãy để khí cụ hèn mọn là đôi môi bạn ban đầu quen dần với lời khẩn cầu Thiên Chúa bền bỉ và thường xuyên. Hãy để chúng kêu tên toàn năng

Đức Giêsu Kitô thường xuyên và không gián đoạn. Đây không phải là một việc vất vả lao nhọc, và việc này nằm nội trong sức mạnh của mọi người. Đây cũng là lý do mà Thánh Tông Đồ Phaolô chỉ thị rằng: "Do đó, qua Ngài, chúng ta hãy liên tục dâng lên lời ca ngợi Thiên Chúa, nghĩa là hoa quả của môi miệng chúng ta, được ban cho vì danh Ngài" (Do thái 8:15).

Sự liên tục cầu nguyện chắc chắn lập thành thói quen và trở thành bản tính thứ hai. Thỉnh thoảng nó đem tâm trí và tâm hồn vào trạng thái thích đáng. Giả dụ một người liên tục thành toàn giới răn độc nhất này của Thiên Chúa về việc cầu nguyện không ngừng, thì lúc ấy, trong việc độc nhất đó, người ấy chắc chắn thành toàn mọi việc; vì nếu người ấy dâng lời cầu nguyện trong mọi lúc, trong mọi hoàn cảnh, không bao giờ bị gián đoạn, bằng việc thầm lặng kêu tên cực thánh Đức Giêsu (dù ban đầu có thể làm như vậy mà không có chút nào nhiệt tâm và sốt sắng tinh thần, và hoặc còn có cả việc tự mình ép buộc mình nữa), lúc đó, người ấy không có thì giờ để chuyện trò băng quơ, để phán xét người bên cạnh, để mất thì giờ vô ích trong những khoái lạc xác thịt đầy tội lỗi. Mọi ý nghĩ độc dữ của người ấy trong khi tăng trưởng thì sẽ gặp sự đối kháng lại chúng. Mọi hành vi tội lỗi mà người ấy dự tính phạm thì sẽ không đạt kết quả dễ dàng như đối với một tâm trí trống rỗng. Việc chuyện trò nhiều và chuyện trò vô ích sẽ bị kiểm tra và hoàn toàn dứt bỏ. Và mọi lỗi lầm đều lập tức được rửa sạch khỏi tâm hồn bởi sức mạnh nhân ái của việc rất đỗi thường xuyên gọi tên thiêng liêng ấy. Sự thực hành thường xuyên việc cầu nguyện sẽ thường xuyên nhắc nhở linh hồn khỏi mọi hành động tội lỗi và mời gọi linh hồn tới những gì có tính cách thực hành cốt tủy các khả năng của mình để hiệp nhất với Thiên Chúa. Lúc này bạn đã thấy rõ trong việc cầu nguyện, số lượng thì cần thiết và quan trọng như thế nào chưa? Trong cầu nguyện, sự thường xuyên là phương pháp độc nhất để đạt tới sự cầu nguyện thuần khiết và chân chính. Nó là sự chuẩn bị tốt nhất và hữu hiệu nhất cho việc cầu nguyện, và là cách thức bảo đảm nhất để với tới mục tiêu của cầu nguyện và của cứu rỗi.

Sau cùng, để thuyết phục bản thân bạn về sự thiết yếu và hoa quả dồi dào của việc cầu nguyện thường xuyên, bạn hãy ghi chú:

(1) rằng mọi thôi thúc và mọi ý nghĩ về cầu nguyện đều là công trình của Thần Khí Thánh Linh và là giọng nói của thiên thần hộ thủ của bạn;

(2) rằng tên Đức Giêsu Kitô được gọi lên cầu nguyện, trong tự nó chứa đựng sức mạnh tự hiện hữu và tự tác động, và do đó

(3) đừng lo âu vì sự bất toàn hoặc sự khô khan trong việc cầu nguyện của bạn và hãy kiên nhẫn chờ đợi hoa quả của việc thường xuyên gọi đến tên thiêng liêng ấy. Bạn đừng nghe lời nói bóng gió không kinh nghiệm và nhẹ dạ của trần thế vô ích mà sinh lòng hờ hững đi lặp lại vô ích đi nữa.

Một nhà văn tâm linh nào đó đã phát biểu rất tuyệt vời về vấn đề này. Ông nói rằng:

- Tôi biết rằng đối với nhiều người có tiếng là triết gia tâm linh và thông thái, những kẻ tìm kiếm mọi nơi sự vĩ đại giả mạo và những thực hành có tính cách cao nhã trong con mắt lý trí và kiêu hãnh, thì cái giản dị, nói ra lời nhưng thường xuyên thực hành của việc cầu nguyện ấy có vẻ như thể ít có ý nghĩa, như một chiếm lĩnh chậm chạp, và còn có vẻ rất ư nhỏ mọn. Nhưng, bất hạnh thay cho những người ấy, họ tự lừa dối mình và họ quên lời giảng của Đức Giêsu Kitô: "Nếu anh em không trở lại mà nên như trẻ em, thì sẽ chẳng được vào Nước Trời." (Matthêu 18:3). Họ lập ra cho họ một loại khoa học cầu nguyện đặt trên nền tảng không ổn định của lý trí tự nhiên. Phải chăng chúng ta đòi hỏi nhiều học hành nhiều tư tưởng hoặc nhiều kiến thức mới có thể nói lên bằng con tim thuần khiết câu "Đức Giêsu Kitô, xin thương xót con"? Phải chăng không nên ca ngợi Bản thân vị Thầy thiêng liêng

của chúng ta bằng lời cầu nguyện thường xuyên đó? Phải chăng chúng ta không nhận được câu trả lời kỳ diệu hay thực hiện được những việc kỳ diệu nhờ lời cầu nguyện ngắn gọn và thường xuyên đó? A! Hỡi linh hồn Kitô hữu, hãy lấy hết can đảm và đừng làm im tiếng lời cầu khẩn liên tục ấy trong sự cầu nguyện của bạn, dù có thể tiếng hét ấy của bạn xuất phát từ một con tim vẫn còn đang lâm chiến với chính nó và đang ngập một nửa trong thế gian. Bạn đừng lo! Bạn chỉ việc tiếp tục với lời cầu nguyện ấy, đừng để nó im tiếng và đừng để bị quấy rầy. Nó sẽ tự nó thanh tẩy chính nó bằng việc lặp đi lặp lại. Đừng bao giờ để tâm trí bạn lơ lửng với câu này, rằng: "Đấng ở trong anh em mạnh hơn kẻ ở trong thế gian" (1 Gioan 4:4). và Thánh Tông đồ ấy cũng nói rằng: "Thiên Chúa thì lớn hơn tâm hồn của chúng ta và Ngài hiểu hết mọi sự."

Và như thế, theo hết thấy những luận cứ đầy thuyết phục ấy thì sự cầu nguyện thường xuyên, tràn trề sức mạnh trong toàn bộ sự yếu đuối của con người, chắc chắn nằm nội trong tầm tay với của con người và nằm hoàn toàn nội trong ý muốn của chính con người.

Bạn hãy quyết định thử thực hiện, dù ban đầu chỉ thử trong một ngày thôi. Hãy duy trì sự canh chừng bản thân và làm cho việc thường xuyên cầu nguyện với lời gọi tên Đức Giêsu chiếm lĩnh nhiều thời gian trong hai mươi bốn giờ của bạn hơn bất cứ vấn đề nào khác. Và sự chiến thắng của lời cầu nguyện này trên tất cả những công việc trần thế chắc chắn sẽ phô bày cho bạn thấy kịp thời rằng hôm đó không phải là một ngày uổng phí mà là đang củng cố sự cứu rỗi; rằng trong các nấc thang phán xét thiêng liêng, sự cầu nguyện thường xuyên được cân rất nặng so với sự yếu đuối của bạn cùng việc làm sự dữ của bạn, rằng nó tẩy sạch mọi tội lỗi của hôm đó trong cuốn sách lương tâm ghi nhớ; và rằng nó đặt bàn chân bạn lên chiếc thang công chính và cho bạn niềm hy vọng thánh hóa trong đời sống sắp đến.

Người hành hương: Với trọn cả tâm hồn con, con xin cảm ơn cha, thưa cha thánh thiện. Qua việc đọc bài văn vừa rồi, cha đã ban hạnh phúc cho linh hồn tội lỗi của con. Vì tình yêu Thiên Chúa, xin cha vui lòng cho phép con chép cho mình một bản những gì cha vừa đọc. Có thể chỉ trong một hai giờ là con chép xong. Mọi điều cha đọc đều tuyệt vời quá và an ủi quá, rất dễ hiểu và rất rõ ràng đối với tâm trí u tối của con, giống như cuốn Philôkalia trong đó các Giáo phụ thánh thiện đã ứng xử với chủ đề giống y như vậy. Trong sách đó, thí dụ Gioan Karpathisky nơi phần bốn cũng nói rằng nếu bạn không có sức mạnh tự kiểm soát mình và tiến hành tốt việc hãm mình thì lúc đó bạn hãy biết rằng Thiên Chúa đang muốn cứu rỗi bạn qua việc cầu nguyện. Nhưng tất cả những gì rút tĩa ra từ sổ tay của cha thì tuyệt đẹp và dễ hiểu biết mấy. Trước hết con xin cảm tạ Thiên Chúa và rồi cảm ơn cha vì con đã được để cho nghe những lời đó.

Ông giáo sư: Thưa Cha đáng kính, con cũng đã lắng nghe bài đọc của cha với sự chú ý và thú vị lớn lao. Hết thấy các luận cứ một khi dựa trên lý luận chặt chẽ thì chúng đều làm con cảm thấy hài lòng. Nhưng đồng thời, theo con, dường như chúng đưa đến khả năng là sự cầu nguyện liên tục ở cấp độ cao thì tùy thuộc vào hoàn cảnh thích hợp với nó và vào tình trạng hoàn toàn cô đơn tĩnh lặng. Con đồng ý rằng việc cầu nguyện thường xuyên và không ngừng là phương thế mạnh mẽ và độc nhất để đạt được ơn sủng thiêng liêng trong mọi hành động hiến thân để thánh hóa linh hồn, và rằng nó ở nội trong sức mạnh của con người. Nhưng chỉ có thể áp dụng được phương pháp đó khi bản thân người ấy ở trong một tình trạng cô đơn và tĩnh lặng. Nếu thoát được các công việc và các lo toan cũng như những gì làm ta xao lãng, thì lúc đó ta có thể cầu nguyện thường xuyên, và kể cả liên tục. Lúc đó, ta chỉ phải đấu tranh khắc phục sự biếng trễ và thờ ơ trong các ý nghĩ của bản thân mình. Nhưng nếu ta bị ràng buộc bởi các bổn phận và bởi các công việc triền miên, nếu ta thấy sở trường của mình là phải ở trong



một tập thể người ta ồn ào, mà đồng thời ta lại có lòng khát khao cầu nguyện thường xuyên, thì sẽ vì những xao lãng không thể tránh đó mà không thực hiện nổi việc cầu nguyện ấy. Hậu quả là, phương thế độc nhất là cầu nguyện thường xuyên ấy, vì phải có hoàn cảnh thích hợp cho nó, nên không thể áp dụng cho mọi người và cũng không thể nằm trong tầm tay của mọi người.

Đan sĩ khồ tu: Rút ra một kết luận thuộc loại như thế thì thật không có cơ sở. Nó không đề cập tới thực tế rằng một linh hồn đã được dạy sự cầu nguyện trong lòng thì có thể luôn luôn cầu nguyện và gọi tên Thiên Chúa mà không bị cản trở trong bất cứ thời gian bận rộn nào (những ai đã quen thực tế đó thì biết nó qua kinh nghiệm, và những ai không quen thì phải học tập qua sự tập luyện dần dần). Ta có thể tự tin mà nói rằng không cái xao lãng bên ngoài nào có thể gây gián đoạn việc cầu nguyện trong lòng kẻ muốn cầu nguyện, bởi lẽ ý nghĩ thầm kín của con người thì không lệ thuộc bất cứ hệ lụy nào với môi trường bên ngoài, và nó hoàn toàn tự do trong chính nó. Trong mọi lúc, ta có thể nhận biết và hướng thẳng tới cầu nguyện, kể cả lưỡi cũng có thể thầm kín diễn tả lời cầu nguyện ấy mà không để thoát ra âm thanh, trước sự có mặt của nhiều người và trong những khi bận rộn bên ngoài. Thêm nữa, công việc của chúng ta chắc chắn không quá đổi quan trọng và việc chuyện vãn của chúng ta không quá đổi thú vị tới độ trong khi tiến hành những việc đó, ta không thể không tìm được cách thảnh thơi kêu thường xuyên tên Đức Giêsu Kitô, cho dù tâm trí của ta chưa được tập luyện để cầu nguyện liên tục.

Dĩ nhiên, dù sự cô đơn và sự thoát khỏi những gì gây xao lãng lập thành hoàn cảnh chủ yếu cho việc cầu nguyện chăm chú và liên tục, nhưng chính chúng ta cảm thấy phải qui kết nguyên nhân cho tình trạng hiếm khi cầu nguyện của mình, vì số lượng nhiều hay ít, thường xuyên hay không, thì nằm trong tầm kiểm soát của mọi người, cả người khỏe mạnh lẫn kẻ đau ốm. Nó nằm nội bên trong phạm vi ý muốn của mình. Có thể tìm thấy các thí dụ chứng minh cho điều đó trong những kẻ, dù nặng gánh trách nhiệm với các nghĩa vụ dễ làm xao lãng, các chăm sóc, các lo toan, và lao động, những kẻ đó không chỉ luôn luôn gọi thánh danh Đức Giêsu Kitô mà còn bằng lối sống đó, học được và đạt được sự cầu nguyện trong lòng không ngừng. Như đức Thượng phụ Phôtiôt đáng được tôn xưng là phẩm cách giáo chủ trong phẩm trật các nguyên lão, trong khi quản trị giáo phận Conxxtantinốp bao la, đã liên tục kiên trì trong lời cầu nguyện tên Thiên Chúa, và nhờ thế đạt được sự cầu nguyện tự thao tác trong lòng mình, như Đức Callistôt trên Núi Athos thánh thiện, học được sự cầu nguyện không ngừng trong khi tiếp tục cuộc sống bận rộn của một người đầu bếp. Cũng thế, như Ladarô Trái-tim-mộc-mạc, triền miên gánh nặng công việc cho đoàn ngũ anh em mà vẫn không bị gián đoạn việc cầu nguyện, và giữa sự ồn ào tấp tểnh của công việc, vẫn lặp đi lặp lại lời cầu nguyện Đức Giêsu và được bằng an. Và nhiều người tương tự đã và đang thực hành lời cầu nguyện liên tục tên Thiên Chúa.

Nếu việc cầu nguyện ấy là cái không thể thực hiện nổi giữa lúc công việc làm xao lãng hoặc trong một đoàn nhóm bao gồm nhiều con người khác thì chúng ta đã không được lệnh phải thi hành nó. Trong lời giảng về cầu nguyện, Thánh Gioan Kim khẩu đã nói như sau:

- Ta không nên đưa ra câu trả lời rằng việc luôn luôn cầu nguyện là không thể thực hiện được đối với người bận rộn những công chuyện trần thế hoặc đối với người không thể tới nhà thờ. Khắp mọi nơi và ở bất cứ nơi nào, bạn đều có thể tìm cho mình một chỗ để lập bàn thờ trong tâm trí bạn bằng phương thế cầu nguyện. Việc cầu nguyện ấy rất thích hợp trong công chuyện của bạn, trên đường bạn đang đi, lúc đang đứng trước quầy tính tiền hoặc lúc đang ngồi làm việc chân tay. Ở khắp nơi và tại bất cứ chỗ nào cũng đều thực hiện được việc cầu nguyện ấy. Thật thế, nếu ta hướng sự chú ý vào bản thân một cách chuyên cần thì lúc đó, ta sẽ tìm thấy ở mọi nơi những hoàn cảnh thuận tiện để



cầu nguyện, chỉ cần điều kiện là ta tin vào thực tế rằng nên lập việc cầu nguyện ấy thành một sự chiếm lĩnh chủ yếu con người mình và xuất hiện trước bất cứ nghĩa vụ nào khác. Và dĩ nhiên, trong trường hợp đó, ta sẽ sắp xếp các công chuyện của mình với một quyết định cao cả hơn. Ta sẽ ngăn gọn hơn trong những chuyện trò cần thiết với người khác, có khuynh hướng thiên về sự im lặng và cảm thấy miễn cưỡng khi phải dùng những lời lẽ vô ích; và chắc chắn ta sẽ không lo lắng quá đáng về những việc cần lo lắng. Và bằng mọi cách, ta sẽ tìm được nhiều thời giờ hơn để trầm lặng cầu nguyện. Trong sự sắp xếp cuộc sống như thế, nhờ sức mạnh của lời cầu khẩn tên Thiên Chúa, mọi hành động của ta sẽ đạt kết quả xuất sắc, và sau cùng, ta luyện được cho mình hướng tới sự cầu nguyện không ngừng tên Đức Giêsu Kitô. Qua chứng nghiệm, ta hiểu ra rằng sự thường xuyên cầu nguyện, phương thế độc nhất của cứu rỗi, là việc có thể làm được trong ý muốn của con người, rằng có thể thực hiện sự cầu nguyện mọi lúc, trong mọi hoàn cảnh và ở mọi nơi; và thật dễ dàng để nâng sự cầu nguyện thường xuyên bằng miệng lưỡi lên tới sự cầu nguyện của tâm trí, và sự cầu nguyện của tâm trí tới sự cầu nguyện của tâm hồn, cái lúc nào cũng mở tới Nước Thiên Chúa ở trong lòng ta.

Ông giáo sư: Con đồng ý với cha rằng trong khi bận rộn với các công việc tự động diễn ra đều đặn thì có thể thực hiện việc cầu nguyện thường xuyên, có thể nói là dễ dàng và kể cả liên tục nữa, vì những công việc chân tay và tiến hành một cách máy móc thì không đòi hỏi tâm trí phải hoạt động sâu sắc hay suy xét sâu xa. Và đang khi tiếp diễn công việc đó thì con có thể đắm chìm tâm trí mình trong việc cầu nguyện liên tục và mỗi mình có thể thực hiện trong cùng một cách thức như vậy. Nhưng nếu con bị chiếm lĩnh bởi một cái gì đó đặc biệt có tính cách trí thức, thí dụ như chăm chú đọc sách hoặc suy nghĩ cho ra một vấn đề sâu xa nào đó, hoặc sáng tác văn học, thì trong các trường hợp như thế, làm sao con có thể cầu nguyện bằng tâm trí và mỗi mình? Và vì cầu nguyện là việc trên tất cả mọi việc, là hành động của tâm trí, thì làm sao trong một thời điểm và cùng một lúc, con có thể đưa những việc khác nhau cho cái tâm trí độc nhất của mình và cũng chỉ một tâm trí thôi, để nó thực hiện?

Đan sĩ khổ tu: Vấn đề bạn đưa ra sẽ có câu trả lời không chút nào khó khăn nếu chúng ta chịu khó nhận thấy là có ba hạng người cầu nguyện liên tục. Thứ nhất, những người mới bắt đầu; thứ hai, những người đã đạt được sự tiến bộ nào đó; và thứ ba, những người đã tập luyện thuần thục.

Đối với người mới bắt đầu thì thỉnh thoảng, thường kinh qua trải sự thúc ép của tâm trí và tâm hồn mình hướng tới Thiên Chúa và của việc lặp đi lặp lại trên môi mình lời cầu nguyện ngắn ấy, dù đang khi làm việc trí óc.

Những người đã đạt được sự tiến bộ nào đó và đạt tới sự ổn cố nào đó của tâm trí, thì có khả năng để cho mình bị chiếm lĩnh bởi việc chiêm nghiệm hoặc việc viết lách trong sự có mặt không chút gián đoạn của Thiên Chúa, như một nền tảng để cầu nguyện. Thí dụ sau đây sẽ làm rõ điều đó. Bạn hãy tưởng tượng một quốc vương nghiêm khắc và bướng bỉnh hạ lệnh cho bạn soạn bài luận văn về một đề tài phức tạp nào đó ngay trước mặt ông ta, tại các bậc cấp dẫn lên ngai vàng. Cho dù bạn đang bị chiếm lĩnh tuyệt đối bởi việc soạn thảo, sự có mặt của đức vua, kẻ có quyền lực lên trên bạn và là kẻ đang nắm trong tay sinh mạng của bạn, thì bạn cũng không được phép quên, dù chỉ một khoảnh khắc thôi, rằng bạn đang suy nghĩ, cân nhắc và viết lách không phải trong tình trạng bạn chỉ ở một mình, mà là trong tình trạng bạn đang ở một nơi đòi hỏi mình phải tỏ ra tôn kính cách riêng và giữ đúng nghi lễ. Cảm giác tương tự về sự gần gũi với đức vua như vừa kể diễn tả rất rõ ràng rằng trong khi tâm trí bị chiếm lĩnh bởi lao động trí óc thì vẫn có khả năng thực hiện việc cầu nguyện trong lòng và không ngừng.

Tới trình độ của người nhờ thói quen lâu ngày hay nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa, mà từ sự cầu nguyện của tâm trí đạt tới sự cầu nguyện của tâm hồn thì trong khi tinh thần đang thao tác một cách sâu sắc và trong khi đang ngủ, họ không bao giờ ngưng sự cầu nguyện liên tục. Như Vị Vua Hoàn Toàn Khôn Ngoan đã dạy chúng ta rằng: "Tôi ngủ nhưng lòng tôi thức" (Diễm Ca 5:2). Nghĩa là, nhiều người đã đạt tới sự tự động máy móc của con tim thì có được cái khả năng kêu tên cực thánh mà tự nó phát sinh thành lời cầu nguyện, làm tâm trí ưa thích và trọn cả tinh thần tràn ngập sự cầu nguyện không ngừng; và ở trong bất cứ hoàn cảnh nào, người cầu nguyện ấy cũng tự mình tìm thấy điều kiện thuận tiện, cho dù đang bị chiếm lĩnh bởi các hoạt động trí thức hoặc trừu tượng.

Linh mục khách: Thưa Cha đáng kính, con xin tới lượt mình phát biểu đôi lời, và xin phép được nói ra những gì đang trong tâm trí mình. Trong bài cha vừa đọc, có sự diễn tả tuyệt vời rằng phương thế độc nhất để được cứu rỗi và để đạt được sự hoàn hảo là việc thường xuyên cầu nguyện, trong bất cứ hoàn cảnh nào. Lúc này, con thấy điều đó không dễ hiểu lắm, và đối với con, nó có vẻ như thế này.

Nếu con chỉ cầu nguyện và liên tục gọi tên Đức Giêsu bằng miệng lưỡi mình thôi mà không tập trung tâm trí, hoặc không hiểu điều mình đang thốt lên, thì có ích lợi gì không? Một hành động như thế chắc chắn không có ý nghĩa nào cả mà chỉ là sự lặp đi lặp lại vô ích. Kết quả của nó chỉ có thể là lưỡi con tiếp tục nói luôn miệng và tâm trí con sẽ hoạt động yếu ớt vì bị nó gây trở ngại cho việc chiêm nghiệm. Thiên Chúa không đòi hỏi miệng lưỡi mà là đòi hỏi tâm trí chú ý và tâm hồn trong sạch. Phải chăng cách tốt là dâng lời cầu nguyện, dù chỉ một câu ngắn, dù chỉ họa hiêm hoặc dù chỉ vào ngày hay giờ đã định, nhưng với sự chú ý của tâm trí, với sự sốt sắng và nồng nàn của tâm hồn và với sự hiểu rõ một cách thích đáng? Ngược lại, dù có nói lời cầu nguyện ấy suốt đêm suốt ngày mà trong khi đó, tâm trí ta không thanh khiết thì tức là ta đang không thực hiện việc tận hiến và cũng không thành đạt được gì cho sự cứu rỗi mình. Ta không đặt căn bản trên cái gì cả, mà chỉ trên việc nói luôn miệng bên ngoài và ta sẽ mệt mỏi buồn chán, rồi cuối cùng đưa tới kết quả là đức tin của ta vào sự cầu nguyện bị giá lạnh hoàn toàn và ta buông bỏ hết tất cả diễn tiến không sinh ích ấy.

Thêm nữa, có thể tìm thấy trong Kinh Thánh những vén lộ cho chúng ta thấy sự vô ích của việc chỉ cầu nguyện bằng miệng lưỡi, thí dụ như: "Dân này tôn kính Ta bằng môi bằng miệng, còn lòng chúng thì lại xa Ta" (Mátthêu 15:8); "Không phải bất cứ ai thưa với Ta: 'Lạy Chúa! Lạy Chúa!' là được vào Nước Trời cả đâu!" (Mátthêu 7:21); "Thà tôi nói năm ba tiếng mà tôi am hiểu...còn hơn nói mười ngàn tiếng miệng lưỡi mà không hiểu" (1 Côrintô 14:19). Tất cả những lời ấy cho thấy sự không sinh hoa kết quả của việc cầu nguyện bằng miệng lưỡi bên ngoài mà không có sự chăm chú.

Đan sĩ khổ tu: Trong quan điểm của cha có thể có điều gì đó đúng nếu kèm theo lời khuyên bảo cầu nguyện bằng miệng lưỡi mà không cộng thêm vào đó đòi hỏi phải cầu nguyện liên tục, và nếu việc cầu nguyện tên Đức Giêsu Kitô không sở hữu sức mạnh tự hoạt động của nó và không tự nó đạt tới sự chú ý và sự sốt sắng như một kết quả của tính chất liên tục trong thao tác ấy. Thế nhưng, lúc này, vấn đề thắc mắc là, sự thường xuyên, chiều dài thời gian và sự không gián đoạn lời cầu nguyện (dù ban đầu nó có thể diễn ra một cách không chú ý hoặc với lòng khô khan), thì bởi vì chính thực tế này, những kết luận mà cha vừa rút ra một cách sai sót đó không đưa tới cái gì cả. Chúng ta hãy nhìn vấn đề đó với đôi chút tỉ mỉ hơn.

Sau khi đã tranh luận về giá trị lớn lao và sự sinh hoa kết quả của việc thường xuyên cầu nguyện được diễn tả dưới hình thức một câu nói duy nhất, cuối cùng một nhà văn tâm linh đã viết:

Nhiều người có tiếng thức ngộ đã xem sự dâng lên thường xuyên lời cầu nguyện duy nhất và giống nhau ấy là vô ích, kể cả lật vật, và gọi nó là có tính cách máy móc và là một sự bận rộn nhẹ dạ của kẻ chần chừ. Nhưng rủi thay, họ không biết tới cái bí mật đã được vén lộ như một kết quả của sự thao tác máy móc ấy. Họ không biết rằng công việc thường xuyên ấy của đôi môi đã như thế nào trở thành, một cách tinh tế, sự thỉnh nguyện chân thật của tâm hồn, đắm chìm trong cuộc sống nội tâm, trở nên sung sướng, và có thể nói, trở thành tự nhiên đối với linh hồn, mang ánh sáng và của ăn tới cho nó và dẫn đưa nó tới sự hiệp nhất với Thiên Chúa.

Theo tôi thì những người chỉ trích ấy có vẻ giống như các em nhỏ được dạy về chữ cái và cách tập đọc tập viết. Khi tập đã mệt, các em la lên:

- Có phải theo cha mình đi câu cá thì tốt hơn gấp trăm lần bỏ ra suốt ngày để lặp đi lặp lại chữ a, b, c hoặc bò người trên giấy với cây viết?

Giá trị của việc biết đọc biết viết và sự giác ngộ mà việc ấy mang tới có thể chỉ là kết quả của sự học thuộc lòng các chữ cái một cách tẻ nhạt là một bí mật ẩn dấu đối với các em nhỏ đó. Cũng một cách thức giống như thế, việc giản dị và thường xuyên gọi tên Thiên Chúa là một bí mật ẩn dấu đối với những người không tin vào kết quả và giá trị vô cùng lớn lao của nó. Trong khi thẩm định hành động ấy của đức tin bằng sức mạnh của lý trí không thực nghiệm và thiển cận của mình, họ quên rằng con người có hai tính chất trực tiếp ảnh hưởng lên nhau, và rằng con người được tạo thành gồm linh hồn và thân xác. Tại sao, thí dụ khi ta khao khát thanh tẩy linh hồn mình thì có phải việc đầu tiên là ta ứng xử với thân xác mình, cho nó chay tịnh, lấy hết của nó các dưỡng chất và các thực phẩm có tính cách kích thích? Dĩ nhiên làm như vậy là để thân xác không gây trở ngại hoặc cải thiện nó, để nó có thể là một phương tiện cho việc tăng tiến sự thanh khiết của linh hồn và sự giác ngộ của tâm trí, và để cảm giác đói liên tục của thân xác nhắc nhở ta ý định kiên quyết tìm kiếm sự hoàn hảo nội tâm và những gì làm vui lòng Thiên Chúa, điều mà ta dễ dàng xao lãng. Và do kinh nghiệm, ta thấy rằng qua sự chay tịnh bên ngoài thân xác, ta thành tựu sự tinh luyện bên trong tâm trí, sự bằng an tâm hồn, cái khí cụ thuần hóa các đam mê, và là một nhắc nhở các nỗ lực tâm linh. Và như vậy, qua những phương tiện hình thức bên ngoài và vật chất, ta tiếp nhận sự giúp đỡ và ích lợi tinh thần và nội tâm. Ta cũng nên hiểu giống như thế về việc cầu nguyện thường xuyên với miệng lưỡi, mà qua thao tác trong một thời gian dài, lời cuốn ta tới sự cầu nguyện trong tâm hồn và cổ võ sự hiệp nhất tâm trí với Thiên Chúa.

Thật viển vông khi tưởng tượng rằng miệng lưỡi, mệt mỏi vì sự thường xuyên và cần cỏi vì thiếu am hiểu, sẽ buộc phải buông bỏ hoàn toàn nỗ lực cầu nguyện bề ngoài ấy vì thấy nó vô dụng. Không. Ở đây kinh nghiệm tỏ ra cho chúng ta thấy hoàn toàn ngược lại. Những người thực hành việc cầu nguyện không ngừng đã bảo đảm với chúng ta là sẽ xảy tới những điều như thế này:

Người đã quyết định không ngừng gọi tên Đức Giêsu Kitô hoặc, một danh hiệu tương tự như thế, để nói Lời Cầu Nguyện Đức Giêsu liên tục, thì ban đầu dĩ nhiên thấy khó khăn và phải phấn đấu chống lại sự lười biếng. Nhưng tiến hành càng lâu và càng cực nhọc chừng nào thì càng quen thuộc với việc ấy một cách rất khó thấy, khiến cuối cùng môi và lưỡi đạt được khả năng tự chuyển động tới độ dù mình chẳng bỏ chút công sức nào thì chúng cũng tự thao tác âm thầm nói lời cầu nguyện ấy, và giả dụ mình có muốn ngừng cũng không cưỡng lại nổi. Đồng thời, tính tự động của các bắp thịt cổ họng rất co giãn nên trong khi cầu nguyện, người ấy bắt đầu cảm thấy rằng việc nói lời cầu nguyện ấy đang là một đặc tính cốt yếu và vĩnh viễn của bản thân mình, và hễ mỗi lần mình ngưng không nói thì cảm thấy như thể đang vượt mất cái gì đó. Và qua những điều ấy, kết quả là tới lượt tâm trí của người

ấy bắt đầu chịu khuất phục, lắng nghe hành động không chủ ý của đôi môi, và qua đó, phát sinh sự chú ý mà sau cùng, trở thành một nguồn suối hân hoan của tâm hồn và của sự cầu nguyện chân chính.

Vậy lúc này, cha đã thấy hiệu quả chân chính và sinh ích của việc cầu nguyện thành lời, thường xuyên hoặc không ngừng, trái ngược rõ rệt với cái mà người ta có thể không thử nó hoặc không hiểu nó. Còn về những đoạn trong Sách Thánh mà cha vừa trích ra để hỗ trợ lời phản đối của mình, thì những lời ấy sẽ được cắt nghĩa rõ ràng nếu chúng ta khảo sát chúng cách riêng. Người đạo đức giả thờ phượng Thiên Chúa bằng miệng lưỡi, phô trương việc đó hoặc cất tiếng ca tụng không chân thành "Lạy Chúa, Lạy Chúa" mà Đức Giêsu Kitô đã vạch trần vì lý do đó, rằng đức tin của người Phariseu ngạo mạn chỉ thuần túy là việc đầu môi chót lưỡi và trong lương tâm của họ không chút nào chứng tỏ đức tin, cũng như họ không tuyên xưng đức tin bằng tâm hồn mình. Những lời mà cha đã nêu ra là dùng để nói tới họ chứ không ngụ ý tới việc cầu nguyện, cái mà Đức Giêsu đã trực tiếp ra lệnh một cách rõ ràng và dứt khoát rằng: "Con người phải luôn luôn cầu nguyện và đừng nản lòng." Cũng giống như vậy khi Tông đồ Phaolô phát biểu rằng ông thà nói trong nhà thờ năm tiếng với sự am hiểu còn hơn nói vô số tiếng mà không suy nghĩ hoặc bằng ngôn ngữ không ai biết, tức là ông đề cập tới sự thuyết giảng nói chung, chứ không ngụ ý cách riêng tới việc cầu nguyện, một chủ đề mà ông đã phát biểu một cách quả quyết rằng: "Vậy tôi muốn rằng loài người hãy cầu nguyện bất cứ nơi nào" (1 Timôthê 2:8) và ông còn đưa ra lời dạy tổng quát rằng: "Hãy cầu nguyện không ngừng" (1 Thêxalônica 5:17).

Lúc này thưa cha, chắc cha đã thấy việc thường xuyên cầu nguyện sinh hoa kết quả như thế nào, vì sự hoàn toàn mộc mạc của nó và sự am hiểu cách riêng mà Kinh Thánh đòi hỏi phải đánh giá nghiêm chỉnh ra sao?

Người hành hương: Thưa Cha đáng kính, đúng thật như vậy. Con đã thấy nhiều người chất phác mộc mạc, không có chút sự sáng học vấn nào và còn không biết sự chú ý là gì, mà dâng lời cầu nguyện Đức Giêsu không ngừng trên miệng họ. Con biết là họ đạt tới trình độ không thể ngăn được môi và lưỡi mình đừng nói lên lời cầu nguyện ấy. Lời cầu nguyện ấy mang họ tới hạnh phúc và giác ngộ cực độ, và biến họ từ người yếu đuối và bê trễ trở thành người đạt kết quả xuất sắc về tâm linh và quán quân về đức hạnh.

Đan sĩ khổ tu: Có thể nói việc cầu nguyện ấy đưa con người tới sự tái sinh thêm lần nữa. Sức mạnh của nó rất lớn lao tới độ không có cái gì, không có mức độ đau khổ nào đương cự nổi nó. Thay vì lời từ giả, nếu quý vị, những anh em thân mến của tôi, muốn thì tôi sẽ đọc cho các anh em nghe một bài tuy ngắn nhưng rất thú vị mà tôi đang mang theo mình.

Tất cả: Chúng con hết sức vui mừng lắng nghe.

## VỀ SỨC MẠNH CỦA CẦU NGUYỆN

Cầu nguyện rất có sức mạnh và rất quyền năng, tới độ "Hãy cầu nguyện và làm điều người muốn." Cầu nguyện sẽ dẫn bạn tới hành động công chính và chính đáng. Để làm vui lòng Thiên Chúa thì không gì thiết yếu hơn cầu nguyện. "Hãy yêu và làm điều người muốn," Thánh Augustinô đã nói như vậy. "Vì người yêu thương chân chính thì không muốn làm điều gì không vui lòng người mình yêu." "Hãy cầu nguyện và làm điều người muốn," và bạn sẽ với tới mục tiêu của cầu nguyện. Qua cầu nguyện, bạn sẽ tới giác ngộ.



Đề rút tía sự hiểu biết của chúng ta về vấn đề này một cách chi tiết hơn, chúng ta hãy nêu lên vài thí dụ.

(1) **"Hãy cầu nguyện và suy nghĩ điều người muốn."** Các ý nghĩ của bạn được làm cho tinh khiết hơn nhờ cầu nguyện. Cầu nguyện sẽ cho bạn sự giác ngộ của tâm trí; nó sẽ dẹp bỏ và xua đuổi hết thảy những ý nghĩ sai trái. Điều này được Thánh Grêgôriô Núi Xinaï xác nhận. Nếu bạn muốn xua đuổi các ý nghĩ và làm tinh khiết tâm trí thì lời khuyên bảo của ông là: "Hãy xua đuổi chúng bằng cầu nguyện." Vì không có gì có thể kiểm soát các ý nghĩ cho bằng cầu nguyện. Thánh Gioan Cái thang cũng đã nói về việc ấy rằng: "Hãy khắc phục các kẻ thù trong tâm trí bạn bằng tên Đức Giêsu. Ngoài vũ khí đó ra, bạn sẽ không tìm thấy vũ khí nào nữa."

(2) **"Hãy cầu nguyện và làm điều người muốn."** Các hành động của bạn sẽ làm vui lòng Thiên Chúa, sinh ích và tốt lành cho bạn. Cầu nguyện thường xuyên, bất kể lúc nào, thì bao giờ cũng sinh hoa kết quả, vì trong nó có sức mạnh của ơn sủng. "Vì hết thảy những ai kêu cầu danh Đức Chúa sẽ được ơn cứu độ" (Công Vụ 2:21). Thí dụ một người cầu nguyện không kết quả và không sốt sắng thì qua việc cầu nguyện tên Đức Giêsu sẽ được ban cho sự am hiểu rõ ràng và lời kêu gọi thông hỏi. Một thiếu nữ đam mê khoái lạc ân ái mà cầu nguyện trên đường về nhà thì lời cầu nguyện ấy cho cô thấy con đường dẫn tới cuộc sống trong trắng và tuân phục lời giảng dạy của Đức Giêsu Kitô.

(3) **"Hãy cầu nguyện và đừng dầy công tốn sức khắc phục các ham muốn bằng sức mạnh của chính mình."** Cầu nguyện sẽ tiêu diệt trong bạn những ham muốn đó. Kinh Thánh đã nói: "Vì Đấng ở trong anh em mạnh hơn kẻ ở trong thế gian" (1 Gioan 4:4). Và Thánh Gioan Karpathisky dạy rằng nếu bạn không có được tặng phẩm về khả năng tự mình kiểm soát bản thân thì bạn chớ lấy làm chán nản, nhưng hãy biết rằng Thiên Chúa đòi hỏi bạn siêng năng cầu nguyện, và cầu nguyện sẽ cứu bạn. Vị tôn sư mà chúng ta cho biết, trong cuốn "Otechnik, Hạnh Các Giáo Phụ" là một trường hợp điển hình. Khi ông sa ngã phạm tội thì ông không chán nản thất vọng mà ông dấn mình sâu hơn vào việc cầu nguyện, và nhờ thế, lấy lại được sự thăng bằng của mình.

(4) **"Hãy cầu nguyện và đừng sợ gì cả."** Đừng sợ rủi ro, đừng sợ tai ương. Cầu nguyện sẽ bảo vệ bạn và ngăn ngừa chúng. Bạn hãy nhớ lại Thánh Phêrô với đức tin ít ỏi và sự sa ngã của ông; Thánh Phaolô cầu nguyện trong nhà tù; vị tu sĩ đã được cầu nguyện giải thoát khỏi mọi sự tấn công của cám dỗ; cô gái được cứu khỏi ý định độc dữ của tên lính nhờ kết quả của cầu nguyện; và trong những trường hợp tương tự, tỏ rõ sức mạnh và quyền năng, cái là tính chất chung của lời cầu nguyện gọi tên Đức Giêsu Kitô.

(5) **"Hãy cầu nguyện bằng cách này hoặc cách nọ,"** đặc biệt lúc nào cũng cầu nguyện và không để cho mình bị quấy rầy bởi bất cứ cái gì. Hãy vui tươi trong tâm trí và bằng an. Cầu nguyện sẽ sửa soạn cho bạn mọi sự và dạy bảo bạn. Bạn hãy nhớ lời các vị thánh - Thánh Gioan Kim khẩu và Thánh Máccô Nhà lực sĩ tinh thần - nói về sức mạnh của cầu nguyện. Vị thứ nhất tuyên bố rằng lời cầu nguyện, dù được dâng lên bởi chúng ta là những người tội lỗi, vẫn tẩy sạch chúng ta lập tức. Vị thứ hai nói rằng: "Việc cầu nguyện bằng cách này hay cách khác thì nằm nội trong sức mạnh của chúng ta, nhưng cầu nguyện một cách thuần khiết là tặng phẩm ơn sủng." Như thế, hãy dâng lên Thiên Chúa cái mà bạn có thể dâng lên nội trong sức mạnh của mình. Đầu tiên hãy chỉ mang tới Ngài số lượng thôi (cái nội trong sức mạnh của bạn), và Thiên Chúa sẽ tuôn tràn sức mạnh lên trên sự yếu đuối của bạn. "Ban đầu, cầu nguyện có thể là khô khan và xao lãng nhưng nếu liên tục thì sẽ lập nên bản tính thứ hai và tự chuyển nó thành sự cầu nguyện thuần khiết, chói lọi, rực sáng và thích đáng."



**(6) Sau cùng,** cần chú ý rằng nếu thời gian để tâm để ý của bạn trong việc cầu nguyện mà kéo dài thì lúc đó, tự nhiên bạn sẽ không có thừa thời gian để phạm tội hoặc để nghĩ tới các hành động phạm tội nữa.

Tới đây, chắc bạn đã thấy rõ những ý tưởng sâu sắc được tập trung trong châm ngôn khôn ngoan: "Hãy yêu và làm điều bạn muốn"; "Hãy cầu nguyện và làm điều bạn muốn". Những lời ấy chứa đựng sự an ủi và khuây khoả biết bao cho người tội lỗi bị chìm đắm bởi sự yếu đuối của mình, đang kêu than dưới gánh nặng của những ham muốn đầy xung khắc.

Trong cầu nguyện bạn có cái toàn bộ được ban cho chúng ta như một phương thể vạn năng để được cứu rỗi và để linh hồn mình tiến tới sự hoàn hảo. Đúng như thế. Tuy vậy, việc cầu nguyện ấy được khẳng định thêm một điều kiện. Hãy cầu nguyện không ngừng là mệnh lệnh của Lời Thiên Chúa. Hậu quả là việc cầu nguyện phô bày hoa quả và sức mạnh tác động nhất khi nó được dâng lên thường xuyên và không ngừng; và rõ ràng sự thường xuyên cầu nguyện thì tùy thuộc vào ý muốn của chúng ta; cũng như sự thuần khiết, sốt sắng và hoàn hảo trong cầu nguyện là tặng phẩm của ơn sủng.

Và như thế chúng ta sẽ cầu nguyện hết sức thường xuyên có thể được. Chúng ta sẽ hiến dâng tất cả cuộc đời mình để cầu nguyện, dù lúc bắt đầu chưa thể tập trung chú ý vào việc cầu nguyện. Việc thường xuyên thực hành cầu nguyện sẽ dạy cho chúng ta sự chú ý. Chắc chắn số lượng của chúng ta sẽ dẫn tới chất lượng. Một nhà văn tâm linh đã nói: "Nếu bạn muốn học làm thành thạo một cái gì đó thì bạn phải làm cái đó hết sức thường xuyên có thể được."

Ông giáo sư: Quả thật cầu nguyện là một vấn đề rất lớn lao, và sự thường xuyên sốt sắng cầu nguyện là chìa khóa mở ra kho tàng ơn sủng của nó. Nhưng con thường hay thấy trong bản thân con sự đố kỵ giữ nhiệt thành và uể oải. Thật sung sướng cho con biết mấy nếu con tìm được cách khắc phục nó, làm cho mình tin tưởng và tự mình làm đẩy lên việc liên tục thực hành cầu nguyện.

Đan sĩ khổ tu: Nhiều nhà văn tâm linh đưa ra một số cách thức dựa trên lập luận có cơ sở, để kích thích sự chuyên cần cầu nguyện. Thí dụ như sau:

(1) họ khuyên bạn để tâm trí mình miệt mài trong các ý nghĩ về sự thiết yếu, sự tuyệt vời và hoa quả của cầu nguyện dành cho sự cứu rỗi linh hồn;

(2) bạn hãy làm cho mình tin tưởng vững chắc rằng Thiên Chúa tuyệt đối đòi hỏi sự cầu nguyện của chúng ta và rằng Lời Thiên Chúa truyền lệnh chúng ta cầu nguyện ở mọi nơi;

(3) bạn hãy luôn ghi nhớ rằng nếu bạn uể oải và thờ ơ việc cầu nguyện thì bạn không thể đạt tiến bộ trong hành động hiến thân, bạn cũng không với tới được sự bằng an và cứu rỗi, và do đó, bạn không tránh khỏi việc chịu hình phạt nơi trần thế lẫn sự khốn khổ trong cuộc sống đời sau; và

(4) bạn hãy làm cho quyết tâm của mình thêm hào hứng bằng gương mẫu các vị thánh đã đạt tới thánh thiện và cứu rỗi qua việc cầu nguyện không ngừng.

Dù hết thấy những cách thức ấy đều có giá trị của chúng và phát sinh từ sự am hiểu chân chính, nhưng một linh hồn ham muốn khoái lạc ái tình thì bệnh hoạn với lòng thờ ơ, dù nó có chấp nhận và dùng những cách thức ấy thì vẫn hiếm khi thấy được những thành quả của chúng vì lý do này: những phương thuốc ấy thì đáng đối với một vị giác bị hư hoại và quá yếu cho một bản tính bị thương tổn sâu xa. Vì người Kitô hữu ấy không biết rằng mình phải cầu nguyện thường xuyên và siêng năng, rằng

Thiên Chúa đòi hỏi mình cầu nguyện, rằng chúng ta bị trừng phạt vì uể oải trong lúc cầu nguyện, và rằng hết thảy các vị thánh đều cầu nguyện sốt sắng và liên tục. Nếu làm ngược lại thì tất cả am hiểu ấy rất hiếm khi tỏ ra cho thấy kết quả tốt.

Những ai quan sát bản thân đều thấy rằng mình chỉ ít ỏi và họa hiem chứng minh được những thúc đẩy của lý trí và lương tâm và đôi khi hồi tưởng tới chúng thì thấy mình lúc nào cũng sống một lối sống tẻ nhạt và biếng trễ. Và vì thế, các Giáo phụ thánh thiện - trong kinh nghiệm và sự khôn ngoan sùng tín, trong hiểu biết sự yếu đuối của ý chí và lòng ham muốn quá độ khoái lạc trong tâm hồn của con người - đã lập ra một phương cách đặc biệt cho nó, và về mặt này, các vị đã trộn mứt với thuốc bột, lấy mật bôi lên mép ly đựng thuốc. Các vị đã bày ra cho thấy một phương cách dễ dàng nhất và hiệu quả nhất để đánh tan uể oải và thờ ơ trong cầu nguyện, với niềm hy vọng vào sự giúp đỡ của Thiên Chúa để qua cầu nguyện đạt tới hoàn hảo và niềm hy vọng ngọt ngào tình yêu Thiên Chúa.

Các Giáo phụ khuyên bảo chúng ta chiêm nghiệm hết sức thường xuyên có thể được về trạng thái của linh hồn mình và lưu tâm đọc những gì các vị đã viết về chủ đề cầu nguyện. Các vị đưa ra sự bảo đảm đầy khích lệ rằng trong cầu nguyện, có thể ung dung đạt tới một cách dễ dàng những cảm xúc hân hoan nội tâm và đồng thời, nói rằng chúng đáng cho ta khao khát biết ngần nào. Thành tâm vui sướng, chan chứa ấm cúng và sự sáng nội tâm, nồng nàn không nói nên lời, hân hoan, con tim nhẹ nhàng, bình an sâu xa, và cái rất có thật của ơn lành và sự hài lòng tràn trề hạnh phúc, hết thảy những cái đó đều là hoa trái của việc cầu nguyện trong lòng. Qua việc chìm đắm bản thân trong những suy đi nghĩ lại như thế về những cái đó, một linh hồn yếu đuối lạnh lẽo được nhóm lên ngọn lửa và làm bùng mạnh thêm. Linh hồn ấy được khích lệ bởi sự nhiệt thành cầu nguyện và có thể nói, được quyền dụ để thực hành cầu nguyện. Như Thánh Isaác Xứ Xyri đã nói:

- Hân hoan là nỗi quyến rũ đối với linh hồn đó, hân hoan cũng là kết quả của niềm hy vọng đang đâm chồi nảy lộc trong tâm hồn đó, và chiêm nghiệm về niềm hy vọng của nó là hạnh phúc của con tim ấy.

Vị thánh đó còn tiếp tục:

- Ngay ở chỗ bắt đầu của hoạt động này và đứng ở chỗ kết thúc nó, được giả định có một loại phương pháp nhất định và một loại hy vọng nhất định cho sự hoàn thành nó, và cả hai cái đó đều nâng cao tâm trí để đặt nền tảng cho công cuộc ấy, và từ việc nhìn tới mục tiêu của nó, tâm trí tạm thời nhận được niềm an ủi trong khi lao nhọc vươn tới nó.

Cũng một cách như thế, Thánh Isikhi sau khi mô tả sự uể oải là trở lực cho việc cầu nguyện và dọn sạch những quan niệm sai lầm về việc phục hồi sự sốt sắng cho nó, cuối cùng đã nói ngay rằng:

- Nếu chúng ta không sẵn sàng khao khát sự tĩnh lặng của tâm hồn vì bất cứ lý do nào khác, thì hãy để yên cảm giác hân hoan nó trong linh hồn và sự thích thú mà nó mang lại.

Tiếp theo câu nói đó, vị Giáo phụ ấy lấy cảm giác hân hoan thú vị làm cái cớ về việc siêng năng cầu nguyện. Và cũng một cách thức như thế, Thánh Macariôt Cả dạy rằng những nỗ lực tâm linh của chúng ta (là cầu nguyện) nên được tiến hành với mục đích và trong niềm hy vọng sinh hoa kết trái - nghĩa là sự hân hoan trong tâm hồn của chúng ta. Có thể tìm thấy những thí dụ rõ ràng về sự hiệu nghiệm của phương pháp này trong nhiều đoạn của cuốn Philôkalìa, bao gồm những diễn tả chi tiết về các vui sướng khi cầu nguyện. Một người đang phấn đấu chống trả tính yếu đuối uể oải hoặc khô khan trong cầu nguyện thì cần đọc lui đọc tới những đoạn ấy một cách hết sức thường xuyên có thể được,

tuy thế, trong khi ấy, cần luôn luôn tự đánh giá là mình không xứng đáng với những hân hoan ấy và luôn luôn khiển trách là mình xao lãng trong việc cầu nguyện.

Linh mục khách: Phải chăng sự chiêm nghiệm như thế sẽ dẫn kẻ thiếu kinh nghiệm tới việc ham muốn khoái lạc tinh thần, như các nhà thần học gọi khuynh hướng đó của linh hồn là tham lam sự an ủi thái quá và sự ngọt ngào của ơn sung, và phải chăng sự hài lòng thành toàn công cuộc tận hiến không xuất phát từ cảm giác ràng buộc và bổn phận mà không có việc mơ màng tới phần thưởng?

Ông giáo sư: Trong trường hợp này, con nghĩ rằng các nhà thần học ấy cảnh cáo chúng ta chống lại sự quá độ hoặc tham lam hạnh phúc tinh thần, và không hoàn toàn bác bỏ sự hân hoan và an ủi trong đức hạnh. Và nếu khao khát phần thưởng là một khuyết điểm thì Thiên Chúa đã cấm chúng ta nghĩ tới phần thưởng và sự an ủi. Chính Ngài còn dùng tới ý tưởng phần thưởng để khích lệ con người thực hiện các giới răn của Ngài và đạt tới sự hoàn hảo. "Hãy tôn kính cha người và mẹ người." Đó là giới răn, và ta thấy kẻ đó là phần thưởng như một khích lệ cho sự thành toàn giới răn đó, "hầu cho ngày đời của người có thể được kéo dài trên đất mà Thiên Chúa ban cho người." "Nếu người muốn được hoàn hảo, hãy đi, hãy bán tất cả những gì người có, rồi tới đây theo Ta," đó là yêu cầu để được hoàn hảo. "Phúc cho anh em khi vì Con Người mà bị người ta oán ghét, khai trừ, sỉ vả và bị xóa tên như đồ xấu xa. Ngày đó anh em hãy vui mừng nhảy múa, vì này đây, phần thưởng dành cho anh em trên trời thật lớn lao" (Luca 8:22). Đó là phần thưởng vĩ đại cho sự thành tựu tâm linh, cái vốn cần sức mạnh phi thường của linh hồn và sự nhẫn nại không lay chuyển. Và vì thế nên mới có phần thưởng và sự ủi an lớn lao, cái có khả năng làm phát sinh và duy trì sức mạnh phi thường của linh hồn. "Vì này đây phần thưởng dành cho anh em trên trời thật lớn lao." Vì lý do đó, con nghĩ rằng một sự khát khao nào đó về nỗi hân hoan trong cầu nguyện thì lập nên trong nó phương thế để đạt được cả chuyên cần lẫn kết quả. Và như thế, tất cả những cái đó, rõ ràng là để hỗ trợ cho lời giảng thực tế về vấn đề mà chúng ta vừa nghe cha đan sĩ khổ tu đọc lên.

Đan sĩ khổ tu: Một trong những nhà thần học vĩ đại nhất - nói cách khác, Thánh Macariôt xứ Ai cập đã nói về vấn đề ấy bằng lối nói rõ ràng nhất có thể được. Ông nói rằng:

- Ngay khi bạn trông nho thì bạn đã dành ý nghĩ và sức lao động của mình cho mục đích hái nho. Và nếu bạn không hái nho, thì tất cả sức lao động của bạn sẽ vô ích. Trong cầu nguyện cũng vậy, nếu bạn không tìm kiếm hoa quả tinh thần - nghĩa là, yêu thương, bình an, hân hoan và nghỉ ngơi - thì sự lao nhọc của bạn sẽ vô ích. Và do đó, chúng ta phải thành toàn các nghĩa vụ tinh thần (cầu nguyện) với mục đích và hy vọng hái quả - nói cách khác, sự an ủi và hân hoan trong tâm hồn của chúng ta.

Thưa cha, cha có thấy vị Giáo phụ thánh thiện ấy trả lời rõ ràng biết bao câu hỏi về nhu cầu hân hoan trong cầu nguyện? Và quả thật, tâm trí con vừa xuất hiện một quan điểm mà con đã đọc cách đây không lâu của một nhà văn viết về các vấn đề tâm linh khi ông bàn về vấn đề hiệu quả này, rằng: đối với con người, tính tự nhiên của cầu nguyện là nguyên cơ chủ yếu của sở thích hướng về cầu nguyện. Như thế, theo ý kiến của con, có thể dùng sự khảo sát về tính tự nhiên này như một phương pháp hiệu nghiệm nhằm làm phát sinh sự siêng năng trong cầu nguyện, cái phương pháp mà người bạn giáo sư đây đang muốn tìm.

Lúc này, con xin tóm tắt vài điểm mà con đã chú ý và rút tĩa từ trong sổ tay. Thí dụ, một nhà văn tâm linh nói rằng, lý trí và bản tính đưa con người tới sự hiểu biết Thiên Chúa. Những thăm tra đầu tiên cho thấy một thực tế là không thể có hành động không căn nguyên, và việc leo lên chiếc thang của những cái có thể sờ mó được, từ thấp lên cao, thì sau cùng với tới Đệ Nhất Căn Nguyên, là Thiên

Chúa. Những thăm tra thứ hai phô bày ở mỗi nấc thang cái trí tuệ siêu phàm của nó, hài hòa, trật tự, sự phát triển từng bước, đưa ra chất liệu căn bản cho chiếc thang đó, cái dẫn từ những căn nguyên hữu hạn tới vô hạn. Như thế, con người tự nhiên vươn tới sự hiểu biết Thiên Chúa một cách tự nhiên. Sự hiểu biết đó đưa tới kết quả là một người sống trên một hòn đảo hoang vu nhất và không có sự thôi thúc nào từ bên ngoài, có thể nói là người ấy, một cách không chủ tâm, đưa mắt nhìn đăm đăm lên trời rồi quì gối xuống, thở ra một hơi dài mà mình không hiểu nhưng có thể thấy đó là cần thiết, và có cảm giác trực tiếp rằng có cái gì đó đang kéo mình hướng thượng, cái gì đó thúc giục mình vươn tới cái mình không biết. Từ nền tảng đó phát sinh mọi tôn giáo tự nhiên. Và trong sự liên hệ ấy, có điều rất đáng chú ý là, cốt tủy hoặc linh hồn của mọi tôn giáo nói chung đều cốt ở trong việc cầu nguyện thầm kín, cái tự nó biểu lộ trong hình thức chuyển động nào đó của thần khí, và cái đó rõ ràng là một hiện tế, dù đã bị méo mó ít nhiều bởi sự hiểu biết mê lầm có tính cách thô sơ và hoang dã của dân ngoại.

Sự kiện ấy càng đáng kinh ngạc chừng nào trong con mắt của lý trí thì yêu cầu đặt ra cho chúng ta càng lớn lao chừng nấy là phải khám phá căn nguyên sâu kín của cái kỳ diệu ấy, cái tìm thấy sự diễn tả bằng chuyển động tự nhiên hướng tới cầu nguyện. Về mặt tâm lý, tìm câu trả lời cho vấn đề ấy không là điều khó khăn. Gốc rễ, đầu ngọn và sức mạnh của tất cả các đam mê và hành động trong con người là sự yêu mình, có tính cách bẩm sinh. Ý tưởng ăn sâu và phổ biến của bản năng tự bảo toàn đã xác nhận rõ ràng điều đó. Mọi ý nguyện của con người, mọi dự tính, mọi hành động đều có mục đích của chúng là làm mãn nguyện sự tự yêu mình, tìm kiếm hạnh phúc cho chính mình. Sự mãn nguyện nhu cầu đó đi theo con người tự nhiên trong suốt cuộc đời nó. Nhưng tinh thần của con người không mãn nguyện với bất cứ cái gì lệ thuộc vào giác quan; và sự yêu mình bẩm sinh đó không bao giờ làm người ngoại được những thúc bách của tinh thần. Và như thế, khát vọng ấy càng lúc càng phát triển, nỗ lực đạt tới hạnh phúc càng lúc càng gia tăng mạnh mẽ, làm đầy tràn trí tưởng tượng và khuyến khích các cảm xúc hướng tới một cứu cánh giống nhau.

Sự tràn ngập cảm xúc nội tâm và khát vọng này khi nó triển khai là sự khuấy động tự nhiên việc cầu nguyện. Nó là một đòi hỏi của sự tự yêu mình, một đòi hỏi rất khó đạt tới mục đích. Con người tự nhiên càng không đạt được hạnh phúc thì trong mắt nó nỗi khát khao càng lúc càng gia tăng, và nó lại càng tìm phương thế để mãn nguyện bằng cầu nguyện. Trong thỉnh cầu cho cái mà mình khao khát, con người đưa hết bản thân mình cho cái căn nguyên không biết ấy của toàn bộ hiện hữu. Vậy trong con người tự nhiên, chính sự tự yêu mình bẩm sinh ấy, cái thành tố chủ yếu trong cuộc sống ấy, là sự kích thích ngầm ngầm để cầu nguyện. Đáng tạo hóa toàn trí của vạn vật đã làm con người tự nhiên ấy tràn trề khả năng tự yêu mình - nói theo diễn tả của các Giáo phụ - một cách chính xác, là như một "quyển dụ", cái sẽ kéo con người sa ngã hướng thượng chạm tới những gì trên trời. Ôi! Nếu con người không làm hư hoại khả năng ấy, nếu nó giữ tuyệt hảo khả năng ấy của mình, trong quan hệ với tính chất tâm linh của nó! Lúc đó con người hẳn sở hữu động cơ mạnh mẽ và phương thế hiệu nghiệm để mang nó đi trên con đường dẫn tới sự hoàn hảo đức hạnh. Nhưng hỡi ơi! con người lại thường hay biến khả năng cao nhã ấy thành một đam mê căn bản của sự tự yêu mình khi chuyển khả năng đó thành một khí cụ thuộc về tính chất sinh vật của mình.

Cha linh hướng: Xin hết lòng cảm ơn các anh em, những vị khách thân mến của tôi. Qua những nếm trải hôm nay của mình, tôi được an ủi sâu xa và học hỏi được nhiều điều lợi lộc từ cuộc đàm đạo sinh ích này. Nguyện xin Thiên Chúa ban ơn sủng của Ngài để đền đáp tình yêu thương đầy khai trí của anh em.

(Tất cả chia tay)



## CHƯƠNG BẢY

Người hành hương: Thưa cha, ông giáo sư đây, người anh em tận hiến của con, và con không thể cưỡng nổi lòng ao ước đi tiếp cuộc hành trình của mình. Trước khi lên đường, chúng con tạ và chào từ biệt cha và xin lời cầu nguyện của cha.

Ông giáo sư: Đúng thế, sự gần gũi giữa cha và chúng con thật hết sức có ý nghĩa và khiến chúng con được vui hưởng những cuộc đàm đạo sinh ích về các vấn đề tâm linh với các bằng hữu của cha tại nhà cha. Nơi vùng đất xa xôi sắp đặt chân tới, chúng con sẽ giữ trong lòng trọn vẹn kỷ ức ấy làm bằng chứng cho tình đồng đạo và tình yêu thương của người Kitô hữu.

Cha linh hướng: Cám ơn hai anh em đã có lòng tưởng đến tôi. Cũng vào dịp hai vị tới đây, tôi hiện có hai lữ khách vừa ghé lại nhà mình: một tu sĩ người Moldavia và một nhà ẩn tu sống tịnh khẩu trong rừng hai mươi lăm năm nay. Cả hai đều muốn gặp hai vị. Tôi mời họ ra đây ngay. Đây, họ đây.

Người hành hương: Ôi cuộc sống cô tịch đây ơn sung biết mấy! và thích hợp biết mấy cho việc đem linh hồn tới sự hiệp nhất nguyên vẹn với Thiên Chúa! Rừng sâu êm ả thì đâu khác gì Vườn Địa đàng nơi cây hoan lạc của sự sống mọc lên trong con tim nguyện cầu của người tu hành ẩn dật. Nếu con tiếp tục sống thêm ngày nào, thì con nghĩ, không có gì ngăn trở con khỏi sống đời ẩn tu.

Ông giáo sư: Nhìn từ xa, mọi sự dường như đáng cho chúng con khao khát cách riêng. Nhưng qua kinh nghiệm, chúng con đều nhận thấy bất cứ nơi nào, dù có thể có lợi thế của riêng nó, cũng có những mặt không thuận lợi. Dĩ nhiên nếu tính khí ta u sầu và có ý thích sự tịnh khẩu, thì sống cô đơn là một niềm an ủi. Nhưng trên đường ấy có vô số nguy cơ. Lịch sử cuộc sống ẩn tu cung cấp nhiều thí dụ cho thấy trong khi hoàn toàn tách biệt mình khỏi xã hội, vô số người ẩn tu và ẩn dật đã sa vào sự tự dối mình và các cám dỗ sâu xa.

Nhà ẩn tu: Tôi ngạc nhiên khi thường hay nghe người ta nói như thế tại nước Nga, không chỉ trong các nhà dòng mà còn giữa những giáo dân kính sợ Thiên Chúa, rằng nhiều người ao ước sống đời ẩn tu, hoặc trau dồi việc cầu nguyện trong lòng, đã lui bước, không dám theo đuổi sở thích đó vì sợ rằng các cám dỗ sẽ thiêu rụi mình. Trong khi khẳng định như thế, họ nêu lên các thí dụ chứng minh cho những gì mà tâm trí họ kết luận, như một lý do thích đáng để giữ cho mình khỏi sống đời nội tâm và cũng để giữ cho người khác đừng sống theo lối đó. Theo ý kiến của tôi, thì việc đó phát sinh từ hai lý do: hoặc từ sự không am hiểu công cuộc đó và thiếu sự thức ngộ tâm linh; hoặc từ lòng mình thờ ơ sự thành tựu về chiêm nghiệm hay quán tưởng hoặc lòng mình ganh tị rằng những người khác, những kẻ có trình độ thấp hơn mình lại vượt trội hơn mình trong sự am hiểu cao hơn đó.

Thật hết sức đáng thương cho những người tin như thế mà không thẩm tra lời giảng dạy của các Giáo phụ thánh thiện về vấn đề ấy, vì các vị đã dạy dứt khoát rằng ta không được sợ hãi hoặc không được nghi ngờ khi kêu tên Thiên Chúa. Nếu có người nào đó trong họ đã thật sự sa vào sự tự lừa dối và sự cuồng tín ấy, thì đó là kết quả của lòng kiêu hãnh, của việc không có người linh hướng và của việc lấy bề ngoài và tưởng tượng làm thực tại. Nếu sau một thời gian xảy ra thử thách như thế mà họ tiếp tục, thì ắt hẳn nó có thể dẫn tới nếm trải và đỉnh vinh quang, nhờ sự giúp đỡ của Thiên Chúa đến một cách lạ lùng để bảo vệ khi điều như thế được đề cho xảy ra. Hãy can đảm. Đức Giêsu Kitô đã nói: "Ta ở với các anh em, chớ sợ."



Và dựa theo lời đã phán ấy thì thật hoang tưởng khi cảm thấy sợ hãi và hoảng hốt về cuộc sống nội tâm lấy có là vì nguy cơ của sự tự lừa dối. Vì ý thức khiêm tốn về các tội lỗi của ta, sự phơi mở linh hồn ra cho vị linh hướng mình và sự "không hình không dạng" [formlessness: không có hình dạng, không có hình thức dứt khoát và rõ rệt] trong cầu nguyện thì mạnh mẽ và an toàn, chống trả được các ảo giác cám dỗ mà nhiều người cảm thấy hết sức sợ hãi và do đó không dám đắm mình trong hoạt động tâm linh. Và vì thế, những người ấy lại ngẫu nhiên phơi mình ra cho sự cám dỗ, như những lời khôn ngoan mà Philothêôt Núi Xinaï đã nói với chúng ta, rằng:

- Có nhiều tu sĩ không hiểu rõ ảo giác của chính tâm trí mình, cái mà họ chịu trong bàn tay của ma quỷ - nghĩa là, họ chăm chỉ hiển mình cho chỉ một hình thức hoạt động duy nhất: "những thao tác tốt lành bề ngoài"; còn về tâm trí - nghĩa là về sự chiêm nghiệm nội tâm - thì họ ít để ý tới, vì họ u mê và dốt nát về cái đó.

Thánh Grêgôriô Núi Xinaï cũng tuyên bố rằng:

- Cho dù họ có nghe từ những người khác rằng ơn sủng hoạt động một cách nội tại bên trong mình, nhưng do lòng ganh tị, họ xem cái đó như một sự tự lừa dối.

Ông giáo sư: Con xin phép nêu câu hỏi. Dĩ nhiên ý thức về các tội lỗi của ta thì có tính cách riêng biệt cho những ai chú ý tới bản thân, nhưng làm thế nào ta xúc tiến việc đó khi không có sẵn vị linh hướng nào trên con đường sống đời nội tâm phát xuất từ những chứng nghiệm riêng của vị ấy cho ta phơi mở lòng ta để được truyền đạt sự am hiểu chính xác và duy nhất đáng tin cậy về cuộc sống tâm linh? Trong trường hợp đó thì rõ ràng cách tốt là thà đừng tính tới chuyện chiêm nghiệm còn hơn là thử nó trên bản thân mình mà không có người hướng dẫn tâm linh. Thêm nữa, về phần con, thì con thấy khó mà hiểu rõ việc, nếu ta đặt bản thân trong sự hiện diện của Thiên Chúa, thì làm thế nào có thể quan sát trọn vẹn sự "không hình không dạng". Việc linh hồn của chúng ta hoặc tâm trí của chúng ta có thể không nảy ra cái gì cả trong trí tưởng tượng không dạng thức, trong không hình không dạng tuyệt đối, thì chẳng tự nhiên chút nào. Và thật ra, khi tâm trí miệt mài trong Thiên Chúa, tại sao ta không để nảy ra trong trí tưởng tượng mình Đức Giêsu Kitô, hoặc Một Chúa Ba Ngôi, và vân vân!

Nhà ẩn tu: Đối với những người có thể hàng ngày mở lòng mình ra mà không trở ngại, với tự tin và thuận lợi, kể các ý nghĩ của mình và những gì mình gặp trên đường tu tập nội tâm, thì sự chỉ bảo của một người linh hướng hoặc tôn sư tâm linh - vị đã chứng nghiệm, có khả năng am hiểu các vấn đề tâm linh và cận kề bên người đang đi vào cuộc sống tịnh khẫu - là điều kiện chính yếu cho việc thực hành sự cầu nguyện trong lòng. Tuy thế, trong trường hợp không tìm được một vị như thế, thì cũng chính các Giáo phụ thánh thiện từng nêu cách trị liệu ấy, đã đưa ra một ngoại lệ. Nicêphôre Nhà ẩn tu đưa ra những chỉ bảo rõ ràng về vấn đề đó như sau:

- Trong thời gian thực hành những thao tác bên trong tâm hồn thì đòi hỏi một người linh hướng chân thành và thông thạo. Nếu không có được một vị như thế ở kề bên thì bạn phải chuyên chú tìm cho được một vị. Nếu bạn không tìm được vị nào, thì lúc ấy, với lòng thống hối bạn hãy kêu cầu Thiên Chúa, xin Ngài giúp đỡ, và bạn phải rút tĩa lời chỉ bảo và hướng dẫn từ các bài dạy của các Giáo phụ thánh thiện và thẩm tra xác minh những lời đó qua Lời Thiên Chúa được trình bày trong Kinh Thánh.

Ở đây, ta cần cần nhắc thực tế rằng người tìm kiếm nếu có thiện chí và lòng sốt sắng cũng có thể thu lượm được điều hữu ích trong lời chỉ bảo của những người bình thường. Cũng thế, các Giáo phụ thánh thiện bảo đảm rằng, nếu với đức tin và dự tính trang trọng mà ta tới hỏi ý một người Hôi giáo du mục Saracen thì hẳn cũng có thể nói cho ta nghe những lời có giá trị. Ngược lại, nếu không có

đức tin và mục đích chính đáng thì dù ta có xin lời dạy bảo của một ngôn sứ, ngài cũng sẽ chẳng làm ta mãn nguyện. Chúng ta thấy một thí dụ về việc ấy trong trường hợp Macariôt Cả xứ Ai cập, đáng nhờ có cơ hội nghe lời giải thích do một người nhà quê chất phác đưa ra, mà chấm dứt được sự khắc khoải trong lòng mình.

Còn về sự "không hình không dạng" - nghĩa là không dùng tới trí tưởng tượng và không chấp nhận bất cứ loại thị kiến nào trong thời gian chiêm nghiệm, dù là ánh sáng, hoặc thiên thần, hoặc Đức Kitô, hoặc bất cứ vị thánh nào, và tránh hoàn toàn việc mơ màng - dĩ nhiên điều ấy được chỉ thị từ các Giáo phụ thánh thiện vì lý do này: rằng sức mạnh của trí tưởng tượng có thể tạo ra hình hài hình dạng một cách dễ dàng, hoặc có thể nói, gây sức sống cho những hình dung của tâm trí, và vì thế, người không kinh nghiệm có thể dễ dàng bị cuốn hút bởi những cái tưởng tượng, xem chúng như những khai thị của ơn sủng và sa vào sự tự lừa dối mình, bất chấp sự kiện Kinh Thánh đã nói rằng Sa tan có thể tự nó khoác lấy hình thức một thiên thần của sự sáng. Và như thế, tâm trí đó có thể ở trong trạng thái "không hình không dạng" một cách tự nhiên và dễ dàng, và giữ như thế, ngay cả trong khi nhớ tưởng sự có mặt của Thiên Chúa; và có thể thấy điều ấy từ thực tế rằng sức mạnh của trí tưởng tượng có thể làm nảy ra cái có thể tri giác được trong "không hình không dạng" và duy trì ảnh hưởng của nó trong lúc phô ra như thế. Vì vậy, thí dụ, sự hình dung về linh hồn của chúng ta, về không khí, ấm hoặc lạnh. Khi ta lạnh, ta có thể có ý nghĩ sống động về sự ấm áp trong tâm trí mình, dù sự ấm áp ấy không hình không dạng, và nó không là đối tượng cho mắt nhìn thấy, và nó không được cân đo bằng cảm giác thể lý của ta, kẻ thấy mình đang lạnh lẽo. Cũng một cách như thế, sự hiện diện hữu thể thần khí và không thể lãnh hội nổi của Thiên Chúa có thể được nảy ra trong tâm trí và được nhận ra trong tâm hồn trong tuyện đối không hình không dạng.

Người hành hương: Trong những chuyến lang thang, con đã đi ngang nhiều người, những người tận hiến đang kiếm tìm sự cứu rỗi. Họ có nói với con rằng họ sợ bất cứ điều gì liên quan tới cuộc sống nội tâm và họ cáo giác rằng nó hoàn toàn chỉ là ảo giác. Con có đọc cho vài người ấy nghe từ cuốn Philôkalia lời giảng dạy của Thánh Grêgôriô Núi Xinai. Ông nói rằng:

- Hoạt động của tâm hồn cũng như hoạt động của tâm trí không thể là ảo giác. Vì nếu kẻ thù thêm muốn biến đổi sự ấm áp của tâm hồn thành ngọn lửa không kiểm soát được của chính hắn, hoặc biến đổi sự hân hoan của tâm hồn thành các khoái lạc mê lầm của giác quan, thì thời gian, kinh nghiệm và cảm giác tự nó sẽ phô bày sự xảo trá và quỷ quyệt của hắn, cho ngay cả đối với những người không học hành thông thái.

Con cũng có gặp những người khác, những người cực kỳ bất hạnh. Sau khi đã biết đường lối tịnh khẩu và cầu nguyện của tâm hồn, họ gặp chướng ngại nào đó hoặc sự yếu đuối tội lỗi nên ngã lòng chịu thua và buông bỏ hoạt động của tâm hồn mà mình đã từng biết.

Ông giáo sư: Đúng vậy, và chuyện như thế rất tự nhiên. Chính con thỉnh thoảng cũng ném trái điều như vậy, vào những dịp con đánh mất ngọn lửa bên trong tâm trí hoặc làm điều sai trái. Vì cầu nguyện bên trong tâm hồn là cái thánh thiện và hiệp nhất với Thiên Chúa, thì phải chẳng thật là liều lĩnh và không thích đáng khi đem cái thánh thiện như thế vào một tâm hồn tội lỗi, trước khi làm cho tâm hồn ấy tinh sạch bằng sự im lặng ăn năn thống hối và sự chuẩn bị cách riêng để hiệp nhất với Thiên Chúa? Thà ta câm lặng trước Thiên Chúa còn tốt hơn là dâng lên Ngài những lời không suy nghĩ phát xuất từ một tâm hồn đang u tối và rối rắm.

Tu sĩ Moldavia: Nghĩ như bạn thì thật hết sức tội nghiệp. Đó là sự ngã lòng thối chí, cái tệ hại nhất trong mọi tội lỗi và là cái làm nên vũ khí chủ lực cho thế giới hắc ám chống lại chúng ta. Lời giảng của các Giáo phụ đầy kinh nghiệm và thánh thiện về vấn đề này thì hoàn toàn ngược lại. Nicêtas Stêthátốt nói rằng nếu bạn sa ngã, kể cả bị chìm đắm trong vực sâu của sự dữ đáng sa hỏa ngục, thì bạn cũng đừng thất vọng mà hãy lật đặt hướng tới Thiên Chúa và Ngài sẽ lạ lùng nâng tâm hồn sa ngã của bạn lên và ban cho bạn nhiều sức mạnh còn hơn bạn đã có trước đó. Như thế, sau mỗi sa ngã và thương tật tội lỗi của linh hồn, việc cần kíp ta phải làm là đặt nó trước sự hiện diện của Thiên Chúa để cứu chữa và tẩy rửa, giống như những vật đã bị nhiễm độc, nếu đem chúng ra phơi ít lâu dưới sức mạnh của ánh nắng mặt trời thì sự gầy nhiễm ấy mất sắc bén và mất sức mạnh. Nhiều nhà văn tâm linh đã phát biểu tích cực về sự xung khắc nội tâm với các kẻ thù của sự cứu rỗi, nghĩa là các đam mê của chúng ta. Nếu bạn bị chấn thương một ngàn lần thì bạn lại càng không nên buông bỏ hoạt động ban sự sống - nói cách khác, là việc kêu cầu Đức Giêsu Kitô, đáng hiện diện trong con tim của chúng ta. Hành động như bạn nói đó không chỉ là quay mình lại, không bước đi trong sự hiện diện của Đức Giêsu Kitô và không cầu nguyện trong lòng, mà còn làm phát sinh trong ta sự rối rắm, phiền não, và như thế, tốt nhất là hãy cấp tốc hướng tới Thiên Chúa. Đưa bé khi mới tập đi thì được mẹ dìu dắt, và hễ bị sẩy chân thì nó vội vàng quay qua nín lấy mẹ.

Nhà ẩn tu: Tôi nhìn sự việc ấy theo cách này, rằng sự sa ngã tinh thần và các ý nghĩ rối rắm và ngờ vực, đều dễ dàng phát sinh từ sự xao lãng của tâm trí và từ sự thất bại trong việc canh giữ chỗ nghỉ ngơi tĩnh lặng bên trong bản thân ta. Bằng minh triết thiêng liêng, các Giáo phụ xa xưa đã khắc phục sự ngã lòng và đón nhận ánh sáng nội tâm và sức mạnh qua niềm hy vọng vào Thiên Chúa, qua sự tịnh khẩu bình an và cô đơn. Và các vị đã cho chúng ta lời khuyên khôn ngoan và hữu ích, rằng: "Bạn hãy ngồi yên lặng trong phòng mình và nó sẽ dạy cho bạn mọi sự."

Ông giáo sư: Con rất tin tưởng vào thầy và con vui sướng lắng nghe những lời phân tích và bình phẩm của thầy về các ý tưởng của con đối với sự tịnh khẩu, cái mà thầy đã hết lời ca ngợi nó và những lợi ích của cuộc sống cô đơn, cái được các nhà ẩn tu nhiệt liệt tán thưởng. Tuy thế, đây là những gì con suy nghĩ: Vì theo luật tự nhiên mà Đấng tạo hóa đã quyết định, hết thảy mọi người đều được an bài trong sự lệ thuộc thiết yếu vào nhau, và do đó, bị ràng buộc phải giúp đỡ nhau trong cuộc sống, lao động cho nhau và hỗ tương phục vụ nhau. Tính hợp quần ấy tạo phúc lợi cho loài người và bày tỏ được lòng yêu thương đối với người bên cạnh của ta. Các nhà ẩn tu tịnh khẩu, những kẻ rút chân ra khỏi xã hội loài người, thì làm thế nào với sự bất động đó có thể phục vụ người bên cạnh mình, và liệu kẻ ấy có thể đóng góp được gì cho phúc lợi của xã hội loài người? Kẻ ấy hoàn toàn hủy diệt trong bản thân mình lẽ luật đó của Đấng tạo hóa, một lẽ luật liên quan tới sự hiệp nhất trong tình yêu của con người, đầy ân cần và ảnh hưởng sinh ích lên anh em đồng loại.

Nhà ẩn tu: Vì bạn có quan điểm không đúng về tịnh khẩu nên từ chỗ đó, bạn rút ra những kết luận không chính xác. Chúng ta hãy xem xét vấn đề ấy một cách cận kề, như sau:

(1) Người sống cô đơn tịnh khẩu ấy không phải là sống trong tình trạng không hoạt động hoặc ăn không ngồi rồi. Hẳn sống năng động ở mức độ cao nhất, còn hơn người tham gia cuộc sống xã hội. Hẳn canh chừng, thăm dò. Hẳn để mắt trên trạng thái ấy và trên diễn tiến cuộc sống đạo đức của mình. Đó là mục đích chân chính của tịnh khẩu. Và sự đo lường những tiến bộ của bản thân hẳn sinh nhiều ích lợi khác cho những kẻ lòng bị sa ngã chìm đắm vì cho rằng không thể thực hiện được việc triển khai một cuộc sống đạo đức như thế. Vì hẳn, kẻ quan sát trong tịnh khẩu, qua sự truyền đạt các kinh nghiệm nội tâm bằng lời nói (trong những trường hợp ngoại lệ) hoặc bằng việc viết chúng ra, cổ

võ những lợi thế tâm linh và sự cứu rỗi của anh em đồng đạo. Và còn hơn thế nữa, hẳn thuộc loại cao hơn những người làm việc thiện cá nhân. Việc từ thiện vì mũi lòng và cá nhân của con người trên thế giới này lúc nào cũng bị giới hạn trong số lượng nhỏ lợi ích được ban phát, còn với hẳn thì trái lại, hẳn thành người ban phát lợi ích cho hết thầy công chúng vì cái mà hẳn ban phát thì rút ra từ những thành tựu về mặt đạo đức, nhằm xác tín và thử nghiệm những phương cách làm hoàn hảo cuộc sống tâm linh. Kinh nghiệm và lời giảng dạy của hẳn truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, như bản thân chúng ta chứng kiến, và chúng ta sử dụng chúng từ thời xa xưa cho tới ngày nay. Và điều ấy không trái ngược với đức bác ái Kitô giáo; và qua kết quả, nó còn vượt lên đức bác ái.

(2) Ảnh hưởng sinh ích và hữu dụng nhất của người quan sát trong tịnh khẩu lên người bên cạnh của hẳn, không chỉ biểu lộ trong sự truyền đạt những điều quan sát có tính cách dạy bảo của hẳn về cuộc sống nội tâm, mà còn trong chính cuộc sống tách biệt của hẳn làm gương mẫu sinh ích cho người giáo dân siêng năng, bằng cách dẫn dắt người ấy tới sự tự biết mình và làm phát sinh trong người ấy cảm giác kính ngưỡng. Trong khi nghe nói tới người ẩn dật tận hiến ấy hoặc đi ngang cửa chốn ẩn dật, người sống nơi thế gian cảm thấy có sự thôi thúc sống đời tận hiến và tâm trí nhớ lại rằng con người trần gian có thể là gì, rằng con người có khả năng trở về trạng thái chiêm nghiệm nguyên thủy trong đó mình bắt nguồn từ bàn tay Đấng tạo hóa. Sự ẩn dật tịch lặng, qua chính sự tịnh khẩu của hẳn và chính cuộc sống của hẳn, hẳn sinh ích, giúp mở mang trí tuệ và thuyết phục sự tìm kiếm Thiên Chúa.

(3) Lợi ích ấy tuôn trào từ sự tịnh khẩu chân thành, cái được chiếu rọi và thánh hóa bởi sự sáng của ơn sủng. Nhưng nếu kẻ tịnh khẩu ấy không có tặng phẩm của ơn sủng để biến hẳn thành ánh sáng cho thế gian và cho dù hẳn có dẫn mình vào con đường tịnh khẩu với mục đích lẫn tránh loại đoàn nhóm của mình, như một kết quả của lười biếng và lãnh đạm, thì lúc ấy hẳn vẫn sinh ích lớn lao cho cộng đoàn mà hẳn đang sống trong đó; y như người giữ vườn cắt bỏ các cành khô còi cọc và dọn sạch cỏ dại để không cản trở sự tăng trưởng của cái tốt nhất và hữu dụng nhất. Và điều này quan trọng. Nó thuộc về ích lợi tổng quát mà nhờ sự tách biệt của mình, kẻ tịnh khẩu ấy tự cắt bỏ những cám dỗ mà nếu hẳn ở giữa công chúng thì sớm muộn gì cũng sẽ phát sinh từ cuộc sống vô đạo của hẳn và làm tổn thương tới đạo đức của người bên cạnh.

Về vấn đề tầm quan trọng của tịnh khẩu, Thánh Isaác xứ Xyri đã tuyên bố như sau:

- Khi ở đời này chúng ta đặt vào đó mọi hoạt động của cuộc đời, và ở đời kia chúng ta đặt vào đó sự tịnh khẩu, thì chúng ta thấy cán cân bị lệch. Bạn đừng đặt những kẻ thực hiện các biểu hiện và các kỳ công trên thế giới lên ngang hàng với những người giữ tịnh khẩu có am hiểu. Bạn hãy yêu thương sự hoạt động không ngừng của tịnh khẩu hơn là sự thừa mứa những kẻ tham lam trên thế giới này và sự quay lưng của nhiều người đối với Thiên Chúa. Cách tốt là bạn giải thoát mình, cắt bỏ mọi ràng buộc của tội lỗi hơn là giải phóng người nô lệ khỏi sự phục dịch của họ.

Ngay các nhà hiền triết cơ bản nhất cũng công nhận giá trị của tịnh khẩu. Trường phái triết học Tân Platon, vốn giữ riết nhiều môn đồ dưới sự dẫn dắt của Platon, đã triển khai tới một trình độ cao cuộc sống quán tưởng nội tâm, cái được đặc biệt đạt tới trong tịnh khẩu. Một nhà văn tâm linh đã nói rằng nếu trạng thái ấy triển khai được tới mức cao nhất về mặt giáo dục và đạo đức, thì lúc ấy lại càng cần phải cung cấp cho dân chúng sự chiêm nghiệm và tiếp nhận nó từ hết thầy các thế kỷ đã qua, để lưu giữ cho các thế hệ mai sau và truyền lại cho con cháu. Những người như thế, trong giáo hội, là các nhà ẩn tu, ẩn dật và ẩn sĩ.



Người hành hương: Con nghĩ rằng không ai đánh giá một cách rất xác đáng về những tuyệt hảo của tịnh khẩu bằng Thánh Gioan Cái thang. Ông nói rằng:

- Tịnh khẩu là mẹ của cầu nguyện, là sự trở về từ tình trạng bị câu thúc của tội lỗi, kết quả vô thức trong đức hạnh, một thăng tiến liên tục tới thiên đàng.

Đúng thế, và chính Đức Giêsu Kitô vì muốn tỏ ra cho chúng ta biết tính chất lợi thế và thiết yếu của sự ẩn dật tịnh khẩu, nên Ngài thường rời những buổi rao giảng cho công chúng mà đi vào nơi yên lặng vắng vẻ để cầu nguyện và thanh thảo. Những nhà tu tịnh khẩu thì giống như những cột trụ nâng đỡ sự tận hiến của giáo hội nhờ lời cầu nguyện liên tục và thâm lặng của họ. Ngay từ thời quá khứ xa xưa, người ta đã thấy có nhiều giáo dân tận hiến, kể cả các đức vua và triều thần, tới viếng thăm các nhà ẩn tu và những người giữ tịnh khẩu để yêu cầu họ cầu nguyện cho sự củng cố và sự cứu rỗi của mình. Như vậy, người ẩn dật tịnh khẩu cũng có thể phục vụ người bên cạnh và hoạt động cho lợi ích và hạnh phúc của xã hội bằng sự cầu nguyện trong chốn khuất nẻo của mình.

Ông giáo sư: Thế thì lại có thêm một ý tưởng nữa mà con không thể hiểu dễ dàng. Giữa hết thảy các Kitô hữu chúng ta, có một tập tục nói chung là xin cầu nguyện cho nhau, ao ước người khác cầu nguyện cho mình, và có sự tin tưởng cách riêng vào một thành phần của giáo hội. Phải chăng cái đó không thuần túy chỉ là đòi hỏi của sự tự yêu mình? Phải chăng đó không phải là chúng ta chỉ nhiễm thói quen của việc nói lên điều mà chúng ta nghe người khác nói, như một loại tương tượng của tâm trí mà không có sự suy xét nghiêm chỉnh nào? Vì như sách Phúc âm thiêng liêng đã nói: Thiên Chúa thấy trước mọi sự và Ngài hành động theo sự quan phòng đầy ơn sủng của Ngài chứ không theo khát vọng của chúng ta; Ngài biết và an bài mọi sự trước khi chúng ta đạo đạt thỉnh cầu của mình, thế thì Ngài có đòi hỏi sự cầu nguyện dùm cho nhau của chúng ta không? Có phải quả thật lời cầu nguyện của nhiều người có thể mạnh mẽ khuất phục các quyết định của Thiên Chúa hơn là lời cầu nguyện của một người? Trong trường hợp đó thì Thiên Chúa hẳn là Đấng thiên vị con số đông người. Liệu lời cầu nguyện của người khác có quả thật cứu được con một khi vì những hành động của mình, mỗi người hoặc được tuyên dương hoặc bị làm cho hổ thẹn tới tận tột? Và do đó, theo ý con, việc yêu cầu lời cầu nguyện của người khác chỉ là một biểu lộ lòng ngoan đạo, nhã nhặn tinh thần và phô bày dấu hiệu của lòng khiêm tốn và một khát vọng làm hài lòng nhau trong có đi có lại với nhau, thế thôi.

Tu sĩ Moldavia: Nếu ta chỉ để ý tới những đánh giá bên ngoài và theo triết học cơ bản, thì có thể diễn tả nó theo cách đó. Nhưng lý lẽ tâm linh được ơn sủng bởi ánh sáng tôn giáo và được tôi luyện bởi những chứng nghiệm của cuộc sống nội tâm thì đi trước một bước sâu xa hơn, chiêm nghiệm rõ ràng hơn, và trong bí nhiệm, vén lộ điều hoàn toàn trái ngược với điều bạn vừa đặt ra.

Để có thể hiểu vấn đề này nhanh chóng và rõ ràng hơn, chúng ta hãy đan cử một thí dụ và kể đó, xác minh chân lý của nó căn cứ vào Lời Thiên Chúa.

Chúng ta hãy nói có một học sinh nào đó tới xin theo học một ông thầy. Khả năng hẳn yếu kém, hơn nữa, hẳn lại trẻ nãi và thiếu tập trung, nên không đạt kết quả nào trong học tập. Người ta liệt hẳn vào loại lười biếng và thất bại. Cảm thấy buồn rầu về việc đó, hẳn không biết phải làm gì, không biết làm thế nào để ganh đua vì mình kém cỏi quá. Kế đó hẳn gặp một học sinh khác, bạn học cùng lớp, có khả năng hơn hẳn, chuyên cần và thành công hơn. Hẳn cất nghĩa cho bạn nghe sự rối rắm của mình. Người bạn quan tâm tới hẳn, rủ hẳn làm việc chung. Bạn hẳn nói:

- Chúng ta hãy cùng làm việc với nhau và chúng ta sẽ hăng hái hơn, vui vẻ hơn và do đó, chúng ta sẽ thành công hơn.



Và như thế, cả hai bắt đầu học chung, người này chia sẻ hiểu biết của mình với người kia. Bài vở học tập của họ giống nhau. Vài ngày sau thì xảy tới cái gì? Kẻ lơ là trở thành người siêng năng; hần thành người yêu thích công việc của mình, sự lơ là đã biến thành sốt sắng và linh hoạt, cái cũng tác động sinh ích lên cá tính và đạo đức của hần. Và riêng phần người thông minh kia thì trở nên tài giỏi hơn và cần cù hơn. Kết quả là, cùng nhau cả hai đạt được lợi thế chung.

Và điều ấy rất tự nhiên vì con người được sinh ra trong xã hội loài người. Qua người khác, nó phát triển sự hiểu biết thuần lý của mình, các tập quán trong cuộc sống, tập luyện, các cảm xúc, các hoạt động của ý chí - tóm lại, mọi sự nó tiếp nhận từ những gương mẫu cùng loại với nó. Do đó, vì đời sống của loài người cốt ở những quan hệ gần gũi nhất và ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của người này lên người kia, nên con người, kẻ sống giữa một loại người nhất định, trở nên quen thuộc với một loại tập quán, tác phong, đạo đức như thế. Hậu quả là, sự lạnh nhạt trở nên nhiệt tình, đần độn trở nên sắc bén, lười biếng được nâng lên thành năng động nhờ quan tâm sống động tới anh em đồng loại. Tinh thần có thể tự nó cho tinh thần, hoạt động sinh ích trên người khác và lôi cuốn người khác vào việc cầu nguyện, vào việc chú ý. Có thể khích lệ khi con người ngã lòng, lèo lái nó khỏi thói hư tật xấu và nâng nó lên tới hành động thánh thiện. Và như thế, nhờ sự giúp đỡ nhau, người ta có thể trở thành tận hiến hơn, dồi dào nghị lực tinh thần hơn và kính ngưỡng hơn. Đó, bạn đã có sự bí nhiệm của việc cầu nguyện cho người khác, cái giải thích tập tục tận hiến nơi phần của những người theo Đức Kitô trong việc cầu nguyện cho nhau và xin lời cầu nguyện của anh chị em đồng đạo.

Và từ cái đó, ta có thể thấy là Thiên Chúa hài lòng, không theo kiểu những người quyền thế của trần gian hài lòng vì con số lời thỉnh nguyện và lời nói dùm, nhưng chính vì tinh thần và sức mạnh của cầu nguyện tẩy rửa và nâng cao linh hồn kẻ mà lời cầu nguyện được dâng lên dùm và phô bày lòng sẵn sàng hiệp nhất với Thiên Chúa. Nếu cầu nguyện hỗ tương giữa những người đang sống trên thế gian này sinh ích tới độ đó thì cũng một cách như thế, chúng ta có thể suy ra rằng cầu nguyện cho những người quá cố cũng sinh ích hỗ tương vì mối liên hệ rất mật thiết hiện hữu giữa thế giới trên trời và thế giới dưới đất. Bằng cách ấy, các linh hồn của Giáo hội Lâm chiến có thể được kéo đến hiệp nhất với các linh hồn của Giáo hội Khải hoàn, hoặc cũng một cách như thế, giữa người đang sống và kẻ đã chết.

Hết thảy những điều tôi vừa trình bày thì có tính cách suy luận tâm lý, nhưng nếu mở Kinh Thánh ra, chúng ta có thể xác minh cho các lời đó.

(1) Đức Giêsu Kitô nói với Tông đồ Phêrô rằng: "Thầy đã cầu nguyện cho anh, để anh khỏi mất lòng tin" (Luca 22:32). Bạn thấy đó, sức mạnh lời cầu nguyện của Đức Kitô củng cố tâm linh của Thánh Phêrô và khích lệ ông khi đức tin của ông bị thử thách.

(2) Khi Tông đồ Phêrô bị giam trong nhà ngục thì "Hội Thánh không ngừng dâng lên Thiên Chúa lời cầu nguyện khẩn thiết cho ông" (Công Vụ 12:5). Ở đây, chúng ta phát giác ra sự giúp đỡ được ban cho từ lời cầu nguyện của anh em đồng đạo trong hoàn cảnh khốn khó của cuộc sống.

(3) Những mệnh lệnh rõ ràng nhất về việc cầu nguyện cho người khác được Tông đồ Giacôbê thánh thiện đưa ra theo lối này: "Anh em hãy thú tội với nhau và cầu nguyện cho nhau... lời cầu xin tha thiết của người công chính rất có hiệu lực" (Giacôbê 5:16).

Đó là sự xác định tuyệt đối cho những luận cứ có tính cách tâm lý nêu trên. Và chúng ta nói như thế nào về gương mẫu mà Tông đồ Phaolô nêu ra cho chúng ta như một kiểu mẫu của việc cầu nguyện cho nhau? Một nhà văn nhận xét rằng gương mẫu đó của Tông đồ Phaolô thánh thiện đã dạy chúng ta sự thiết yếu biết bao của việc cầu nguyện cho nhau khi vị thánh thiện và thành đạt tâm linh

siêu việt mạnh mẽ ấy xác nhận nhu cầu của chính ông về sự giúp đỡ tâm linh. Trong Thư Gửi Tín Hữu Do thái, ông viết rằng:

- Xin anh em cầu nguyện cho chúng tôi. Chúng tôi tin rằng chúng tôi có lương tâm ngay lành, muốn ăn ở tốt trong mọi hoàn cảnh (Do thái 13:18).

Lúc chúng ta nhận xét câu nói ấy thì thấy việc chúng ta chỉ dựa vào lời cầu nguyện và các thành quả của chính mình có vẻ vô lý biết bao, trong khi một vị rất thánh thiện, rất dồi dào ơn sủng, mà với lòng khiêm tốn của mình đã xin lời cầu nguyện của những người bên cạnh mình (người Do thái) kết hợp với lời cầu nguyện của chính ông. Vì thế, trong khiêm tốn, mộc mạc và hiệp nhất tình yêu, chúng ta không nên từ khước hoặc không màng tới sự giúp đỡ trong lời cầu nguyện của ngay cả những tín hữu yếu kém nhất, trong khi chính tâm linh thông tuệ của Tông đồ Phaolô cảm thấy không chút ngại ngần về việc đó. Ông yêu cầu lời cầu nguyện của tất cả nói chung, trong khi ông biết rằng quyền năng của Thiên Chúa là làm cho hoàn hảo trong chỗ yếu kém. Hậu quả là, thỉnh thoảng nó có thể làm hoàn hảo trong những kẻ có vẻ như thể chỉ có khả năng cầu nguyện một cách yếu ớt. Trong khi cảm thấy sức mạnh của gương mẫu ấy, chúng ta còn nhận ra rằng việc cầu nguyện cho nhau củng cố sự hiệp nhất trong tình yêu Kitô, cái được lệnh truyền từ Thiên Chúa, làm chứng cho sự khiêm tốn tinh thần của kẻ đưa ra lời yêu cầu, và có thể nói, lôi cuốn tâm linh của người cầu nguyện. Việc thốt lời cầu nguyện dùm cho nhau được phân khích theo lối đó.

Ông giáo sư: Những phân tích và những bằng chứng thầy vừa đưa ra thật đáng ngưỡng mộ và xác đáng, nhưng nếu được thầy nói thêm cho biết về phương pháp và hình thức cầu nguyện cho nhau thì thật sung sướng vô ngần. Vì con nghĩ rằng nếu hoa quả và sức mạnh đầy quyền rũ của cầu nguyện tùy thuộc vào lòng quan tâm sống động tới người bên cạnh chúng ta, và chúng dễ thấy trên ảnh hưởng liên tục của người cầu nguyện đối với tâm linh của kẻ xin cầu nguyện; trạng thái đó của linh hồn có thể làm cho ta xao lãng cái cảm giác liên tục về sự có mặt vô hình của Thiên Chúa và loi lỏng sự dạt dào của linh hồn ta trước Thiên Chúa theo những nhu cầu của chính ta. Và nếu ta mang người bên cạnh vào trong tâm trí mình, dù chỉ một đôi lần trong một ngày, với thiện cảm dành cho người ấy và cầu xin Thiên Chúa giúp đỡ cho người ấy thì làm như vậy liệu có đủ để lôi kéo và củng cố linh hồn người ấy không? Diễn tả cách ngắn gọn, con muốn biết chính xác mình nên cầu nguyện cho người khác như thế nào?

Tu sĩ Moldavia: Cầu nguyện là dâng lên Thiên Chúa dù bất cứ cái gì đi nữa cũng không hoặc không thể làm chúng ta xao lãng cảm giác về sự hiện diện của Thiên Chúa, vì nếu nó là một hành động tiến dâng lên Thiên Chúa thì đương nhiên nó phải thể hiện trong sự hiện diện của Ngài. Cần ghi nhận rằng, cho tới bây giờ, trong những phương pháp liên quan tới việc cầu nguyện cho người khác thì sức mạnh của loại cầu nguyện này cốt ở thiện cảm chân chính của Kitô hữu đối với người bên cạnh mình, và ảnh hưởng nhiều ít của nó lên trên người bên cạnh tùy vào mức độ thiện cảm ấy. Do đó, khi ta ngẫu nhiên nhớ tới người ấy (người bên cạnh mình), hoặc vào thời điểm định sẵn để cầu nguyện dùm, thì cách tốt là đem tinh thần của người ấy vào trong sự hiện diện của Thiên Chúa, và dâng lời cầu nguyện theo hình thức như sau:

"Lạy Chúa chí nhân, chúng con xin vâng theo thánh ý Chúa và qua thánh ý Chúa mọi người sẽ được cứu rỗi và được an ủi chân lý. Xin Chúa cứu giúp tôi tớ Chúa tên----- . Xin Chúa đoái xem khát vọng này của con như tiếng kêu van của tình yêu mà Chúa đã phán truyền."

Nói chung, bạn nên lặp đi lặp lại những lời ấy khi linh hồn bạn cảm thấy bị thúc giục làm như thế, hoặc bạn có thể lần tràng hạt với lời cầu nguyện ấy. Qua kinh nghiệm, tôi thấy lời cầu nguyện đó hoạt động sinh ích biết bao trên kẻ mà mình muốn dâng lời cầu nguyện dùm cho họ.

Ông giáo sư: Quan điểm, những luận cứ của quý thầy và các cuộc đàm đạo mở mang trí tuệ này cùng những tư tưởng sáng chói phát sinh từ chúng, khiến con cảm thấy mình không thể không giữ chúng trong ký ức con. Và con xin được bày tỏ với quý thầy sự tôn kính và những lời cảm tạ của tâm hồn biết ơn của con.

Người hành hương và Ông giáo sư: Đã đến lúc chúng con phải lên đường. Chúng con thành khẩn xin lời cầu nguyện của cha và quý thầy cho chuyến hành trình này và cho sự hiệp đoàn của chúng con.

Cha linh hướng: "Thiên Chúa, nguồn mạch bình an, đã đưa ra khỏi cái chết Vị Mực Tử cao cả của đàn chiên là Đức Giêsu, Chúa chúng ta, Đấng đã đổ máu mình ra để thiết lập giao ước vĩnh cửu. Xin Thiên Chúa ban cho anh em mọi ơn lành để có sức thi hành thánh ý Người. Xin Người thực hiện nơi anh em điều đẹp lòng Người, nhờ Đức Giêsu Kitô. Kính dâng Đức Kitô vinh quang đến muôn thuở muôn đời. Amen. (Do thái 13: 20,21)



## PHỤ LỤC

### **Phần Phụ Lục này gồm bốn mục.**

1. Văn kiện của Thánh Công đồng Vatican II về vấn đề hiệp nhất. Công Đồng Chung là cơ quan lập pháp và giáo huấn tối cao của Giáo hội và là bản thân Giám Mục Đoàn. Vì thế, những sắc lệnh giáo lý của công đồng đều có thẩm quyền và giá trị bất khả ngộ.

### **Phần chúng tôi trích, liên quan tới Giáo hội Đông phương.**

Sự phân ly giữa hai giáo hội Tây phương và Đông phương xảy ra năm 1054 khi Đặc sứ của Đức Giáo hoàng, Hồng Y Humbert dứt phép thông công Thượng phụ Conxantinôp là Micae Cerulariô; đáp lại, Thượng phụ Cerulariô cũng dứt phép thông công vị Đặc sứ đó và tách khỏi La mã. Sự cắt đứt này trở thành toàn diện và dứt khoát vào thế kỷ XIII.

Ngày 7 tháng 12 năm 1965 tại Vatican, Đức Giáo hoàng Phaolô VI và tại Conxantinôp (Istanbul), Đức Thượng phụ Athenagoras đã long trọng hủy bỏ sự dứt phép thông công nhau ấy. Từ đó đến nay, cả hai Giáo hội đang ngày càng đại kết vì thuộc phần Nhiệm Thể Chúa Kitô.

2. Các chú thích cho những từ vựng có đánh số A rập, để làm sáng tỏ thêm chi tiết.

3. Tiểu sử của các Giáo phụ và một số nhà văn tâm linh được nhắc tới trong sách này. Chúng tôi cố gắng giới thiệu ngắn gọn và trong khả năng sưu tầm tài liệu hạn hẹp của mình.

4. Bản đồ lộ trình của người hành hương.

Chúng tôi ao ước nhận sự góp ý của độc giả về mọi mặt, đặc biệt những sai sót, để lần tái bản được đầy đủ.

## **PHỤ LỤC 1**

### **Khóa V**

**Ngày 21 tháng 11 năm 1964**

### **SẮC LỆNH VỀ HIỆP NHẤT**

#### **Unitatis Redintegratio**

**(trích)**

"Các Giáo hội Đông phương từ khởi đầu đã từng có một kho tàng công hiến cho Giáo hội Tây phương nhiều yếu tố về phụng vụ, về truyền thống tu đức và luật pháp.

...Di sản do các Tông Đồ truyền lại đã được đón nhận qua nhiều hình thức và cách thế khác nhau, do đó, ngay từ thuở ban đầu của Giáo hội, di sản ấy cũng được giải thích khác nhau đây đó tùy theo thiên tài và cách sống riêng." (Số 14)

"Vì các Giáo hội ấy, mặc dù ly khai, vẫn có các bí tích đích thực nhờ sự kế vị các Tông đồ, nhất là Chức Linh mục và Phép Thánh Thể, bởi đó, họ còn liên kết chặt chẽ với chúng ta; cho nên, một vài hình thức thông dự vào sự thánh, trong những trường hợp thuận tiện và với sự chấp thuận của giáo quyền, chẳng những là việc có thể thực hiện mà còn đáng khuyến khích nữa.

Ở Đông phương cũng còn thấy có nhiều truyền thống tu đức phong phú, tiêu biểu nhất là đời sống đan viện, vì tại đây, nền tu đức đan viện đã phát triển ngay từ thời vàng son của các Thánh Giáo phụ, và về sau, còn lan tràn sang nhiều nơi ở Tây phương. Định chế dòng tu La tinh phát xuất, và sau đó, không ngừng nhận được sinh lực mới từ nền tu đức ấy như từ nguồn mạch của mình. Vì vậy thiết tha kêu mời những người Công giáo hãy năng tìm đến kho tàng thiêng liêng của các Thánh Giáo phụ Đông phương hơn vì các kho tàng ấy nâng toàn thể con người đến chỗ chiêm ngưỡng những sự thần linh.

Mọi người đều biết rằng: thông hiểu, kính trọng, giữ gìn và phát triển di sản phụng vụ và tu đức rất phong phú của các tín hữu đông phương là việc tối quan trọng để trung thành bảo toàn truyền thống Kitô giáo và để thực hiện sự giao hòa các Kitô hữu đông phương với tây phương." (Số 15)

"Thực thế, trên đường đi tìm chân lý mạc khải, ở đông cũng như ở tây phương, có nhiều phương pháp và tiến trình khác nhau để nhận thức và tuyên xưng những sự thần linh. Do đó, không đáng ngạc nhiên khi thấy có vài khía cạnh của mầu nhiệm mạc khải đôi khi được một bên hiểu đúng và trình bày sáng sủa hơn bên kia, thành thử những công thức thần học khác nhau ấy phải được coi là bổ túc hơn là đối lập nhau. Còn về những truyền thống thần học chân chính của các tín hữu đông phương, phải công nhận là chúng ăn rễ cách tuyệt hảo trong Thánh Kinh, lại được khai triển và biểu hiện trong đời sống Phụng vụ, được nuôi dưỡng bằng truyền thống Tông đồ, sống động trong các văn phẩm của

các Thánh Giáo phụ Đông phương cũng như các tác giả tu đức, chúng giúp xây dựng một cuộc đời chính trực và giúp chiêm ngưỡng đầy đủ chân lý Kitô giáo.

Tạ ơn Chúa vì nhiều tín hữu đông phương con cái Giáo hội Công giáo đang sống hoàn toàn hiệp thông với các anh em thuộc truyền thống Tây phương, mà vẫn giữ gìn và tha thiết sống phần gia sản ấy cho tinh ròng và đầy đủ hơn. Thánh Công đồng này tuyên bố rằng: toàn bộ di sản tu đức và phụng vụ, kỷ luật và thần học trong các truyền thống ấy thuộc về đặc tính công giáo và tông truyền trọn vẹn của Giáo hội." (Số 17)

"Đàng khác, người công giáo cần phải vui mừng nhìn nhận và tôn trọng những giá trị thật sự Kitô giáo, xuất phát từ cùng một gia sản chung được tìm thấy nơi các anh em ly khai. Nhìn nhận những kho tàng phong phú của Chúa Kitô và những hoạt động của quyền lực Người trong đời sống của những kẻ đang làm chứng về Người - có khi phải đổ máu mới nói lên được - quả là chính đáng và có giá trị cứu rỗi: vì Thiên Chúa luôn đáng khâm phục và việc Ngài làm bao giờ cũng kỳ diệu." (Số 4)

### **Bản dịch của Giáo Hoàng Học Viện Piô X**

**Chuẩn ấn, Đà Lạt, 7.7.1972.**

**Simon-Hòa Nguyễn văn Hiền**

\*\*\*\*\*

## **PHỤ LỤC 2**

### **Chú thích**

1. Hãy cầu nguyện không ngừng. Thư Thứ nhất của Thánh Phaolô gửi Tín hữu Thêxalônica, chương 5, câu 17.

2. Starets. Tiếng Nga. Người linh hướng, tôn sư. Một đan sĩ được tôn kính nhờ lòng mộ đạo sâu xa, kinh nghiệm lâu năm trong cuộc sống tâm linh và được ban ơn sủng hướng dẫn các linh hồn khác. Giáo dân thường tìm tới các vị linh hướng này để được hướng dẫn về tâm linh. Tại các đan viện, một tu sinh tân tuyển được một tôn sư kèm cặp để học hành và tu tập.

3. Giáo phụ thánh thiện. Giáo phụ của Giáo hội. Một số các tác giả xa xưa viết về tâm linh thời Kitô giáo (gồm giáo sĩ và giáo dân), được kính mến nhờ những đóng góp vượt bậc về giáo lý cùng sự mẫu mực đạo hạnh của họ và được sự phê chuẩn của Giáo hội. Tuy thế, một đôi người vẫn còn có khuyết điểm trong đời sống cá nhân như Tertulien hoặc có một số luận đề về sau bị coi là phi chính thống như Origen. Lời giảng dạy của các giáo phụ không được xem là hiển nhiên 'bất khả ngộ' (ngoại trừ được 'nhất trí đồng ý'), nhưng nhờ tính cổ đại của họ nên Giáo hội xem họ là những nhân chứng đặc biệt của đức tin và thường tái tham khảo họ mỗi khi Giáo hội có khủng hoảng. Thời kỳ giáo phụ kéo dài từ đầu thế kỷ thứ nhất tới thế kỷ thứ sáu bên Tây phương và tới thế kỷ thứ bảy bên Đông phương. Họ được chia thành hai nhóm. Nhóm Giáo phụ phương Tây dùng tiếng La tinh gồm 39 vị, trong đó có 31 vị được phong thánh; vị cuối cùng là Thánh Ixidôre thành Sêvin (560-636). Nhóm Giáo phụ phương Đông dùng tiếng Hi Lạp gồm 49 vị, trong đó có 38 vị được phong thánh; vị cuối cùng là Thánh Gioan Đamascxêno (675-749).



Ngày nay, có phong trào nghiên cứu sâu rộng trở lại các giáo phụ, nằm trong nỗ lực tìm về nguồn Kitô giáo. Việc nghiên cứu ấy đóng góp rất nhiều trong lãnh vực thần học, phụng vụ và canh tân, đặc biệt trước và sau Công đồng Vatican II; và đóng vai trò chính yếu trong cuộc đối thoại đại kết giữa các giáo hội phân ly.

Thượng phụ. Gốc từ chữ Hi Lạp Patriarchès: tổ phụ của một giống nòi. Tổ phụ và người cai quản một gia tộc, một bộ tộc hay nòi giống trong lịch sử có tính cách kinh thánh. Danh hiệu ấy được áp dụng chung cho Abraham, Isaac và Giacóp.

Từ thế kỷ thứ sáu, một giáo chủ hoặc giám mục đứng đầu một cộng đoàn rộng lớn cũng được gọi theo tước hiệu đó như một vinh dự làm hoàng tử của các tổ phụ nhưng không có quyền hành xét xử, ngoại trừ được qui định cách riêng theo luật lệ. Khởi điểm là năm Thượng phụ, giữ địa vị cao hơn giáo chủ địa phương, tổng giám mục chính tòa và giám mục. Theo phẩm trật, Thượng phụ La mã- từ vị trí lãnh đạo của Tông đồ Phêrô-đứng đầu các Thượng phụ Conxstantinôp, Alexandria, Antiokia và Giêrusalem (về sau, có thêm Matscova). Tại phương Đông, còn có các Thượng phụ lễ diễn ở Ácmênia, Maron (Liban), Melkhit, Candê, và các tiểu Thượng phụ Venice, Lisbon, Đông Ấn và Tây Ấn. Quyền hành và tầm quan trọng của Thượng phụ (ngoại trừ Đức Giáo hoàng La mã) bị giảm bớt kể từ lúc có cuộc ly khai Đông Tây (1054). Các vị ấy có quyền tấn phong giám mục, làm phép dầu thánh, triệu tập công đồng, gửi dây phù hiệu Panlium tới các tổng giám mục chính tòa và nghe điều trần các khiếu nại tái thẩm án của tòa dưới. Đồng thời, là người cai trị tối cao trong cộng đoàn giáo hội của mình và có quyền tài phán trên các giám mục khác. Trên họ, chỉ có Đức Giáo hoàng là có thẩm quyền tối thượng.

Tổ phụ đan viện. Viện phụ. Những vị tiên phong trong việc thiết lập cuộc sống cộng đoàn và qui chế tu trì cho những tu sĩ, thí dụ Thánh Antôn Cả Ai cập, Thánh Basiliô Cả, Thánh Bênedictô (Biển Đức)...

4. Philokalia. (Tiếng Hi Lạp: Philokalia; tiếng Nga: Dobrotolyubie). Có nghĩa: Tình yêu về đẹp tâm linh. Nhan đề một bộ sách sưu tập các văn bản Kitô giáo về cuộc sống tâm linh, thần nghiệm và khổ hạnh viết bằng tiếng Hi Lạp từ thế kỷ thứ năm tới thế kỷ mười lăm. Sách chủ yếu liên quan tới việc thực hành cầu nguyện tịch lặng (Linh đạo tĩnh tọa) và dùng Lời Cầu Nguyện Đức Giêsu (Lặp đi lặp lại thường xuyên lời cầu nguyện: "Chúa Giêsu Kitô xin thương xót con"; hoặc "Chúa Giêsu Kitô, xin thương xót con là kẻ tội lỗi".) Được biên tập vào thế kỷ mười tám do hai tu sĩ Hi Lạp, Nikôđimôt Núi Athos Và Makariôt Corinthô, xuất bản lần đầu tiên tại Venice năm 1782. Bản biên dịch tiếng Anh có tên The Philokalia do G.E.H. Palmer, Philip Sherrard và Kallistos Ware. Nxb Faber and Faber Ltd. 3 Queen Square London WC1N 3AU, xuất bản lần đầu năm 1979.

Khoảng 1.400 năm trước, từng có cuốn Philokalia thứ nhất, là một hợp tuyển các bài viết của Origen (k.185-k. 254), do Basiliô Cả và Grêgôriô Nazianzêno hợp soạn (thế kỷ thứ tư).

#### 5. Thánh vịnh Năm mươi mốt.

Miserere

Lạy Thiên Chúa xin thương xót tôi  
theo lòng nhân nghĩa của Người,  
vì đức từ tâm hải hà,  
xin tẩy xóa tội ác tôi đi!  
Lòng tà này, xin cọ trắng tinh,

lỗi lầm của tôi, xin Người luyện sạch.

Bởi chung tội ác tôi, tôi xin nhận,  
lỗi lầm của tôi luôn luôn trước mặt tôi.  
Tôi đã xúc phạm đến Người, đến một mình Người,  
điều ác trước mắt Người, tôi đã dám làm,  
ngõ hầu Người thật chí công, khi Người tuyên án,  
Người sạch trong khi người xét xử.  
Này trong tà ác tôi đã sinh ra,  
và đã là tội lỗi khi mới là thai bụng mẹ.

Này Người muốn sự thật nơi tâm khảm  
và trong bí mật Người dạy tôi cho biết khôn ngoan.  
Xin lấy bài hương xá tội tôi, cho tôi nên sạch,  
xin phiếu giặt tôi, cho tôi nên trắng hơn cả tuyết băng!

Xin cho vang dội tai tôi mừng vui hoan lạc  
cho nắm xương Người đã nghiền tán lại được reo lên.  
Xin hãy ngoảnh mặt đừng bắt lỗi tôi,  
và mọi tà ác nơi tôi, xin Người tẩy xóa.

Xin hãy tạo dựng cho tôi tâm lòng trong sạch,  
lạy Thiên Chúa  
một khí phách mới, xin đặt vào lòng tôi.  
Xin chớ xua đuổi tôi xa cách nhan Người,  
thanh khí\* của Người, xin chớ cất khỏi tôi.

Xin ban lại cho tôi nguồn vui cứu độ,  
và ứng thêm tiết khí mà chống đỡ tôi!  
Tôi sẽ dạy cho phường ngỗ nghịch lỗi của Người  
để tội nhân trở lại với Người.

Vạ đổ máu, xin Người miễn cho  
lạy Thiên Chúa, thần tế độ cho tôi  
đức công chính của Người, lưỡi tôi sẽ reo lên!  
Lạy Chúa, xin mở môi tôi,  
cho miệng tôi cao rao lời ngợi khen Người.

Vì Người chẳng màng đến của tế lễ  
và toàn thiêu, tôi có dâng lên, Người cũng chẳng nhận.  
Lễ tế cho Thiên Chúa: tâm thần bầm tím,  
tâm lòng bầm tím và nghiền tán, lạy Thiên Chúa,  
Người sẽ chẳng khinh!

Theo lượng khoan nhân, xin Người giáng phúc xuống Sion,

tường Giêrusalem, xin Người xây lại!  
Bấy giờ Người sẽ vui nhận lễ tế thập thành,  
- lễ thượng hiến và của toàn thiêu-  
bấy giờ trên bàn thờ Người, bò tơ sẽ nghi ngút lên hương.

**Bản dịch của Nguyễn Thế Thuấn**  
**Chuẩn án, Sài Gòn 12.11.1975**  
**Phaolô Nguyễn văn Bình**

\*\*\*\*\*

\* Thanh khí: Nguyên lý nội tại về luân lý và tôn giáo mà Thiên Chúa đã ban cho mỗi người - Chú thích của Nguyễn Thế Thuấn.

6. Đan sĩ khổ tu. (Tiếng Hi Lạp: Megaloschemos; tiếng Nga: Shimnik). Một nam tu hoặc nữ tu cấp bậc cao nhất. Đan viện chính thống giáo không có phân biệt lời khấn có thời hạn và lời khấn trọn đời như ở phương tây. Tại đó, tu sĩ được chia thành ba cấp, căn cứ theo lối tu trì, Cấp cao nhất là Megaloschemos, có nghĩa là cái áo lớn. Chiếc áo đặc biệt dành cho những đan sĩ tự nguyện dần thân vào những nhiệm vụ khổ tu khắc khe hơn những đan sĩ khác, rút lui khỏi thế giới một cách nghiêm ngặt hơn, qui luật ăn uống đạm bạc hơn và bỏ ra phần lớn thì giờ để cầu nguyện và chiêm nghiệm.

7. Tượng thánh. Tượng thánh hoặc ảnh thánh giữ vai trò nổi bật trong cuộc sống chính thống giáo. Tại Nga, các tượng ảnh thánh có mặt không chỉ trong nhà thờ mà còn ở các tòa nhà công cộng đủ loại và tư gia. Cũng như ở Việt nam, tượng ảnh thánh được đặt trên bàn thờ hoặc treo trên chính giữa tường trong phòng, thường đối diện cửa ra vào. Và khách lai vãng thường làm dấu thánh giá trước tượng thánh khi họ ra vào.

8. Chiến tranh Crimea. Xảy ra từ năm 1853 tới 1856. Một bên là Nga, một bên là Pháp, Anh, Thổ Nhĩ Kỳ và một số nước Tây Âu. Có thể lấy đây làm thời điểm xác định cho cuốn 'Chuyện Người Hành Hương' này.

9. Gần nơi các thánh. Nghĩa là gần mộ của các thánh, tại Kiev-Pecherskaya. Nơi đây từng có một trong các đan viện nổi tiếng nhất và có ảnh hưởng nhất tại Nga, hàng năm có hàng trăm ngàn người tới hành hương. Đan viện được thành lập vào thế kỷ mười một, và trong hầm mộ hiện vẫn còn nhiều di thể không bị hư hoại của nhiều vị thánh người Nga thời xa xưa.

10. Đài Đức Mẹ Pochaev. Theo truyền thuyết, vào khoảng thế kỷ thứ 13, Đức Mẹ với ánh hào quang chói lọi và các thánh bao quanh đã hiện ra tại Pochaev cho một số người chăn súc vật. Mẹ để lại dấu chân trên tảng đá Mẹ đứng. Từ chỗ đó phát ra một dòng nước có khả năng chữa trị bệnh tật. Về sau, có thiết lập tại đó một tu viện. Tảng đá ấy hiện vẫn được lưu giữ dưới hầm mộ của Đài Đức Mẹ Pochaev.

11. Pravoslavny. Tên mà người Nga gọi giáo hội chính thống, có nghĩa là "chính giáo".

Chính thống giáo là danh xưng mà các Giáo hội Đông phương đòi phải được thừa nhận khi họ chấp nhận Công đồng Êphêsô, năm 431, trong đó tuyên bố Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa và xác định Ngôi Con của Đức Giêsu Kitô; và Công đồng Calcêđônia, năm 451, trong đó chống lại lạc giáo và tuyên bố Đức Giêsu Kitô có một ngôi vị và có hai bản tính. Thời cận đại, người ta có thói quen gọi các

Giáo hội Chính thống là tất cả các Giáo hội Đông phương giữ lại đức tin của Calcêđônia nhưng không hiệp thông cùng Giáo hội La mã.

12. Raskolnik. Nghĩa đen là 'ly giáo', đôi khi được gọi là 'tín đồ bảo thủ'. Ra đời vào thế kỷ 17 do việc chống lại cuộc cải cách kinh sách phụng vụ của Đức Nikon, Thượng phụ Mát-cơ-va.

13. Núi thánh Athos. Bán đảo nhiều đồi núi, phía Bắc nước Hi Lạp, nơi vào năm 958, thánh Athanasiô (được gọi là Người núi Athos) đến ở và thiết lập Dòng tu Lavra năm 963. Sau đó, các đan viện và các khu lều của các nhà ẩn tu, ẩn sĩ gia tăng nhanh chóng, đưa con số các đan sĩ của các Giáo hội Chính thống lên hơn mười ngàn người. Tại đây cũng có một đan viện Đa minh thuộc Giáo hội La mã. Hiện nay, núi Athos được hưởng một nền tự trị rộng rãi trong nước Hi Lạp và trực thuộc Đức Thượng phụ Conxstantinôp về phương diện Giáo Hội. Hiện đếm được trên hai mươi đan viện có lối sống cộng đoàn riêng tư, mười hai tiểu đan viện, chừng hai mươi phòng nhỏ cá nhân và hơn 400 lều ẩn tu. Tổng cộng gần 3000 đan sĩ.

14. Solovetsky. Tên một đan viện nổi tiếng tại một quần đảo nhỏ có cùng tên, tại Bạch Hải. Trực thuộc đan viện trên các đảo có những tiểu đan viện. Được thành lập năm 1429.

15. Trong nguyên bản tiếng Nga, ở chỗ này có ghi là: "Tờ bản chép tay của tác giả nhận được qua Cha Ambrose của Đan viện Dobry."

16. Trong nguyên bản tiếng Nga, ở chỗ này có ghi là: "Vào thập niên chín mươi, cuối thế kỷ vừa qua, tại Troitskaya Lavra, một starets từ trần. Ông là một giáo dân sống 108 tuổi. Ông không biết đọc biết viết nhưng lúc nào cũng thốt lời cầu nguyện Đức Giêsu, kể cả trong khi ngủ, và sống liên tục như một đứa con nhỏ của Thiên Chúa, với con tim khao khát Ngài. Tên ông là Gordi." Troitskaya Lavra là một đan viện nổi tiếng thuộc dòng Ba Ngôi Thánh Thiện, gần Mátcova, do Thánh Sergei thành lập vào thế kỷ 14. Trong một số phương diện, đóng góp của nó vào cuộc sống tôn giáo của người Nga có thể so sánh với phong trào Hội Dòng Cluny (đã giải tán năm 1790). Đan viện Troitskaya liên hệ mật thiết với lịch sử nước Nga, và là mũi nhọn trong phong trào dân tộc đánh đuổi người Ba lan, lập nên triều đại Romanov ở Nga năm 1613.

17. Otechnik. Cuộc đời gương mẫu (trong các nhà dòng thường gọi là 'hạnh') của các Giáo phụ rút tỉa từ các bài viết của chư vị.

18. Moldavia. Một nước cộng hòa ở vùng tây bắc nước Nga.

19. Nhà ẩn tu. (Tiếng Anh: Hermit, tiếng Pháp Ermite, gốc tiếng La tinh Eremus). Người sống một mình nơi hoang địa, tận hiến để cầu nguyện và chiêm nghiệm. Xuất hiện từ thời kỳ giáo hội tiên khởi bị bách hại. Còn có dấu vết trong thời đại Cựu Ước như ngôn sứ Êlia, và sau đó Thánh Gioan Tẩy giả. Ban đầu, có vô số nhà ẩn tu tại Ai cập và Tiểu Á, về sau lan tới phương tây làm thành các tu viện. Theo truyền thống đan viện thì nhà ẩn tu là đan sĩ sống một mình phải có liên hệ với một đan viện và vẫn luôn luôn vâng phục đan viện trưởng.

20. Saracen. Tiếng dùng để gọi người Hồi giáo A rập thời Thập tự chinh. Họ sống du mục trong hoang mạc thuộc vùng Xyri và A rập.

\*\*\*\*\*

### **PHỤ LỤC 3**

#### **Tiểu sử**

**Antôn Cả.** Còn gọi là Antôn xứ Ai cập. Nhà ẩn tu. Sinh gần Memphis khoảng năm 251, mất năm 356 tại Núi Kolzim. Lễ kính: 17 tháng Giêng.

Ông được xem là tổ phụ sáng lập chế độ đan viện theo ý nghĩa về sau của tiếng đó, vì ông tập hợp các nhà ẩn tu thành cộng đoàn có liên hệ chặt chẽ và áp dụng giới luật qui củ cho họ, nhưng bản thân ông thì suốt đời trải qua cuộc sống một mình, khi nhiều khi ít.

Vào khoảng hai mươi tuổi, ông bán hết sản nghiệp thừa kế, đem tiền giúp cho người nghèo khổ và bắt đầu sống cô độc tại nhiều địa điểm khác nhau quanh vùng quê của mình tại Hạ Ai cập, dùng thời gian để cầu nguyện, học hỏi và lao động chân tay kiếm sống. Ông chịu nhiều cuộc cám dỗ dữ dội cả tinh thần lẫn thể xác nhưng ông khắc phục được, và tới lúc đó, một số môn đệ tụ tập chung quanh ông. Vào khoảng năm 312, ông đi xa hơn và đến sống ẩn dật tại một hang động vùng Núi Kolzim, sát góc tây bắc của Biển Đỏ. Nơi đây là nhà của ông cho đến hết cuộc đời. Ông nói: "Cá ra khỏi nước thì hết sống. Tu sĩ xa cảnh tịch lặng thì chết dần chết mòn."

Đủ loại người tìm đến ông để xin lời chỉ bảo hoặc hoàn toàn chỉ vì tò mò. Thịnh thoảng, ông đến thăm các đệ tử ở những chỗ ẩn cư của họ. Tới cuối đời, ông có đi Alexandria để cổ động việc chống lại lạc giáo Ariô. [Ariô (k.250-336) được truyền chức linh mục tại Alexandria khoảng năm 312. Ông giảng dạy một học thuyết rằng Đức Giêsu chỉ là một tạo vật thứ yếu và tùy phụ vào Đức Chúa Cha, và như thế có nghĩa ông không công nhận tính chất hằng cửu và thiêng liêng của Đức Giêsu. Ông bị dứt phép thông công k.318 và bị Công đồng Nixêa lên án là lạc giáo năm 325.]

Theo truyền thuyết, Thánh Antôn Cả sống hoàn toàn mạnh khỏe cho đến hơn một trăm tuổi mới qua đời. Phần lớn chi tiết cuộc đời ông do Thánh Athanasiô, giám mục Alexandria, (k.296-k.373), một người quen biết ông viết lại, Cuốn sách "Hạnh Thánh Antôn" ấy nay vẫn còn.

Các tu sĩ sa mạc thường bị mô tả là những người quá độ và cuồng tín, nhưng Antôn thì không như vậy. Trong đời mình, ông là người đặc biệt dịu dàng, khôn ngoan tâm linh, có cuộc sống khổ hạnh cao cả, luôn luôn đầy nhận thức, hướng tới sự càng ngày càng phục vụ Thiên Chúa. Khi còn sống và kể cả sau khi qua đời và cho tới thời Trung cổ, ảnh hưởng của ông vô cùng lớn lao, và sự tôn kính ông, đôi khi vì những lý do ngoại tại, rất sâu xa trong khắp những xứ theo Kitô giáo.

Các "tổ phụ sa mạc" mà Thánh Antôn là một đại biểu cổ điển, sống khi lâu khi mau tại những chốn hẻo lánh, trong lều, hang động hoặc các tòa nhà bỏ hoang. Họ tìm kiếm Thiên Chúa qua kỷ luật tự giác về thể xác và trí tuệ, bằng cuộc sống cầu nguyện và chiêm nghiệm, khắc khổ và lao động chân tay. Việc lao động chân tay phát sinh từ nhu cầu tự cung cấp nhu yếu tối thiểu về thực phẩm, quần áo và chỗ ở bằng nghề như đan thúng, đan chiếu lá cọ. Nhiều nhà văn (và nhiều họa sĩ) có khuynh hướng chú trọng hạn hẹp vào lối sống tự hành xác vô độ chỉ vì chính nó và một cuộc sống không kèm tỏa của kẻ "siêu việt". Nhưng gương phước của Thánh Antôn cho thấy sống khổ hạnh không là như thế. Trong hoàn cảnh tốt nhất của nó, nó có thể, và đã chứng tỏ là có thể, sản sinh những nhân vật chính trực và minh triết lạ thường với nét đặc trưng là sự am hiểu sắc bén tâm lý con người và khả năng biểu lộ sự am hiểu đó bằng những trình thuật của họ.

Khi qua đời, Thánh Antôn được an táng tại chỗ ông chọn nhưng không ai biết. Tới năm 561, người ta tìm thấy hài cốt của ông, đưa về cải táng ở Alexandria. Về sau, khoảng năm 1.100, nơi đó lập



thành cộng đoàn Tu sĩ Cứu tế Antôn, và trở thành một địa điểm hành hương và cứu chữa. Tượng trưng nghệ thuật của Thánh Antôn là con heo và cái chuông. Ông không phải là tác giả cuốn "Luật dòng Antôn", một tác phẩm do một đan sĩ sưu tập về sau. Ông để lại nhiều thư từ gửi các đan viện khác nhau (Thánh Giêrêmiô kể lại bảy thư của ông, được dịch từ tiếng Cổ Ai cập ra tiếng Hi Lạp).

**Athanasio Núi Athos.** Tu viện trưởng. Sinh tại Trebizond k.920, mất k.1003 tại Núi Athos. L.k.: 5 tháng Bảy.

Từ trước đó, Núi Athos tại Hi Lạp vẫn là nơi tu hành của các nhà ẩn tu, nhưng phải chờ tới thế kỷ thứ mười, ở đó mới có chế độ cộng đoàn tu viện do Thánh Athanasio đem tới. Ông vốn là thầy giáo ở Conxtantinôp, sau đó gia nhập cuộc sống tu sĩ ở Núi Kyminas tại Bithynia mà bề trên là Thánh Micae Maleniôt. Tới năm 958, ông sang sống tại Núi Athos. Nhờ hoàng đế Nicêphôre II tài trợ, ông xây lên tu viện đầu tiên và vẫn còn đứng vững cho tới ngày nay với cái tên giản dị là Lavra, nghĩa là Tu viện. Tiếp theo là những cơ sở khác nay vẫn tồn tại ba cơ sở là những tu viện hàng đầu tại Núi Thánh ấy.

Ban đầu, ông gặp sự chống đối và căm ghét của các nhà ẩn tu tại đó vì họ cho rằng ông chiếm đất đai và xâm phạm đời tư của họ bằng cách mang cấp bậc và giới luật tới cho cuộc sống và lối sống tu tập của họ. Sau nhờ nhà vua Gioan Tzimixet can thiệp, ông mới xác lập được thẩm quyền của mình và đạt được sự tín nhiệm và tôn kính của những kẻ đi theo mình. Ông qua đời vì bị vom đá nhà thờ sập trúng.

**Augustinô. [Âu-tinh].** Giám mục và Tiến sĩ Hội thánh. Sinh tại Thagaste, nay thuộc Algeria, Phi châu, năm 354, mất tại Hippô năm 430. L.k.: 28 tháng Tám.

Ông là vị Giáo phụ La tinh nổi tiếng nhất của giáo hội phương Tây. Phụ thân là người ngoại đạo. Thân mẫu là Kitô hữu, Thánh Nữ Mônica. Bà nuôi dạy ông nhưng ông không chịu phép rửa tội. Ông học về hùng biện tại Đại học Carthage và muốn trở thành luật sư. Trong thời gian đó, ông sống chung với một tình nhân suốt 15 năm và có một con trai tên là Adêđatôt. Rồi ông học triết học theo trường phái Plato và sau đó, đi theo thuyết Manikê (của Mani, một tôn sư người Ba tư vào thế kỷ thứ ba, cho rằng hai nguyên lý Thiện và Ác đối lập nhau vĩnh viễn và con người là sự hòa trộn của hai nguyên lý đó). Năm 383, Augustinô đến giảng dạy tại La mã và dần dần chịu ảnh hưởng vừa của trường phái Tân-Plato vừa của các lời giảng dạy của Thánh Ambrôsiô (k.339-397). Ông trải qua sự xung khắc nội tâm đầy đau đớn giữa danh giá, tài sản, hôn nhân và lời kêu gọi tận hiến toàn bộ cuộc đời cho Thiên Chúa. Khi bắt gặp Thư Tông đồ Phaolô Gửi Tín hữu Rôma chương 13:12-14, "Đêm sắp tàn, ngày gần đến. Vậy chúng ta hãy loại bỏ những việc làm đen tối, và cầm lấy vũ khí của sự sáng để chiến đấu. Chúng ta hãy ăn ở cho đứng đắn như người giữa ban ngày: không chèn chén say sưa, không chơi bời dâm dăng, cũng không cãi cọ ghen tương. Nhưng anh em hãy mặc lấy Chúa Giêsu Kitô, và đừng chiều theo tính xác thịt mà thỏa mãn các dục vọng", thì ông lập quyết định.

Ông được rửa tội vào dịp lễ Phục sinh năm 387 cùng với con trai mình và người bạn tên Alipiút. Sau đó, ông trở về châu Phi lập một cộng đoàn tu trì. Đến năm 391, dù không muốn, ông vẫn được truyền chức linh mục, và năm năm sau, được phong giám mục thành Hippô.

Suốt ba mươi bốn năm, Thánh Augustinô là một trong các giám mục địa phận vĩ đại nhất của Giáo hội Kitô tại Bắc Phi. Ông hành xử thẩm quyền mục vụ như một thừa tác viên vô tư, bất vụ lợi, đầy thiện cảm và chăm sóc phúc lợi của dân chúng. Ông sống cộng đoàn với giới tăng lữ theo qui luật nghiêm ngặt, hằng ngày dâng lễ cho công chúng, rao giảng mỗi ngày Chúa nhật và ngày lễ, chuẩn bị

bài dạy rửa tội, xem xét các nhu cầu vật chất của giáo hội và của người nghèo, kể cả việc phân xử công lý trong các sự vụ công dân. Và hẳn có thời gian là ông viết, không chỉ cho các bằng hữu và nhằm đáp ứng các nhu cầu địa phương chống lại các tà giáo dị giáo, mà còn cho độc giả khắp nơi, đặc biệt các bài viết về Tam Vị Nhất Thể và về ơn sủng.

Tác phẩm của ông rất đồ sộ. Hiện vẫn còn 113 cuốn sách và luận văn, trên 200 thư, hơn 500 bài giảng. Hai cuốn dài nhất của ông là Confession (Lời trần tình - tiểu sử tự thuật từ lúc còn trẻ cho tới ngày ông trở lại), và The City of God (Thành đô của Thiên Chúa - viết về cuộc thất thủ Rôma năm 410 và sự sụp đổ của văn minh La mã ở phương Tây), thu hút vô số độc giả trong hàng ngũ sinh viên và các nhà thần học từ lúc sách mới ra đời và cho tới hiện nay. Tư tưởng của ông ảnh hưởng mạnh mẽ lên giáo hội phương Tây tuy học thuyết về sự tiền định của ông đã gây nên những tranh luận lâu dài. Luật lệ tu trì của ông ngày nay vẫn được chấp nhận và áp dụng trong vô số dòng tu nam và nữ, đặc biệt những qui điển và những dòng tu mang tên ông.

**Basiliô Cả.** Còn gọi là Basiliô thành Xêdarê. Giám mục và Tiến sĩ Hội thánh. Sinh tại Xêdarê năm 329 và mất ngày 1 tháng Giêng năm 378 cũng tại đó.

Thánh Basiliô Cả chào đời trong một gia đình Kitô giáo lâu đời, giàu có, danh giá và đặc biệt mộ đạo. Bà nội, cha và mẹ ông, chị ông và hai em trai ông, tất cả đều được phong thánh. Ông được theo học tại các học viện ở Xêdarê, Conxantinôp và Athen. Tại đó, ông kết bạn thân thiết với Thánh Grêgôriô Nazianzêno (329-389). Khoảng năm 357, ông viếng thăm các trung tâm tu viện phương Đông và ở lại làm tu sĩ ở Annesi, bên dòng sông Iris ở Pontius. Thánh Basiliô thành lập một đan viện ở Cappôdoxia, chỉ sống với cộng đoàn đó khoảng năm năm nhưng từ đó, ông được xem là tổ phụ của chế độ tu trì đan viện ở phương Đông. Ông không phải là người lập ra luật dòng như Thánh Bê-nê-đictô ở phương Tây nhưng ảnh hưởng của ông rất sâu rộng và cho tới nay, đời sống đan viện của giáo hội Chính thống giáo vẫn dựa trên những nguyên tắc do ông ấn định.

Từ khi được truyền chức linh mục vào năm 365, Thánh Basiliô thực hiện sứ vụ tại địa phận Xêdarê và được phong giám mục tại đó năm 370. Đứng với nhiệm vụ mình, ông đứng lên chống lại sự bách hại của Hoàng đế lạc giáo (Ariô) Valens (k.328-378) đối với các Kitô hữu chính thống và bị gọi ra quan trấn thủ địa phương để tự biện hộ cho mình. Thái độ của ông cứng cỏi tới độ quan trấn thủ phải tỏ ra sùng sốt về sự táo bạo của ông. Ông trả đũa lại rằng, "Có lẽ ông chưa bao giờ phải ứng xử với một giám mục thật sự." Sự việc đó và những cuộc tranh luận khác đã làm xáo trộn toàn bộ quyền giám mục của ông và ông lâm vào các quan hệ đầy khó khăn với Đức Thánh Giáo hoàng Damasô (k.304-384) và giáo hội phương Tây. Hoàng đế Valens sợ hãi ông, tìm cách truất quyền ông bằng các biện pháp hành chính. Tình trạng đó đưa tới sự đoạn giao đau đớn giữa Basiliô và Grêgôriô Nazianzêno mà ông đánh giá là cả hai có một tình bạn rất thâm sâu.

Khi Basiliô Cả qua đời, chứng kiến các đám đông dân chúng khóc thương ông, người ta thấy rõ ông sống thân mật với đàn chiên của mình như thế nào. Một trong những công trình vĩ đại nhất của ông là cung ứng tại Xêdarê một cơ sở vĩ đại gồm các tòa nhà tạm trú, một nhà thờ, một bệnh viện, một nhà tế bần cho khách vắng lai, một ban bác sĩ y tá và các thợ thủ công. Cơ sở đó lớn tới độ trông giống như một thị trấn mới thành lập.

Các chi tiết về cuộc đời Thánh Basiliô Cả phần nhiều được rút ra từ các bức thư và các bài giảng của ông, cho thấy một hình ảnh sống động về cá tính đa dạng và các hoạt động phong phú của ông. Ông có thiện cảm mạnh mẽ và thực tế đối với người nghèo, người bị áp bức và ông quyết liệt với

các hành động tàn ác của người giàu. Tính ông ngoan cường và sẵn sàng đối phó thẳng thừng, đó là hai yếu tố góp phần làm nên một số thất bại của ông. Ông thường viết một cách chán nản: "Vì các tội lỗi của mình, tôi dường như thất bại trong mọi sự."

Ông nhấn mạnh tới cuộc sống cộng đoàn, kinh nguyện phụng vụ và lao động chân tay hơn là những kỳ tích khổ hạnh có tính cách riêng tư. Lễ luật phải đủ uyển chuyển để cho phép phát triển các nhà tế bần, nhà thương, các nhà trọ, mà trong đó tu sĩ làm việc và đồng thời tránh được những nguy cơ của chủ trương chỉ nhấn mạnh hoạt động vào sự chiêm nghiệm. Trong số các luận văn của mình, ông có một bài khuyên các cháu ông cần thận trọng nhưng phải sử dụng đầy đủ nền văn học cổ điển ngoại đạo để dọn cho mình am hiểu sâu xa hơn về Kitô giáo; một quan điểm hiếm thấy vào thời đại của ông. Các bài viết giáo lý quan trọng nhất của ông là luận văn về Chúa Thánh Thần, những cuốn sách chống lại Eunomius, và cuốn Philokalia mà ông cùng Gregôriô Nazianzêno tuyên từ các bài viết của Origen. Ảnh hưởng của ông rất lớn nhằm đưa tới việc chấm dứt tranh luận về lạc giáo Ariô hai năm sau khi ông qua đời. Ông là một trong bốn Tiến sĩ Hội thánh thuộc nhóm Giáo phụ Hi Lạp.

Từ năm 1969, lễ kính ông chung với Thánh Grêgôriô Nazianzêno ngày 2 tháng Giêng. Giáo hội phương Đông kính ông ngày 1 tháng Giêng.

**Callistôt Thương phụ.** Sống vào giữa thế kỷ 14. Đệ tử của Thánh Grêgôriô Núi Xinai, tại tiểu đạn viện Magoola ở Núi Athos. Ông sống đời khổ hạnh 28 năm với một người tên Máccô và đặc biệt có một tình thân thiết rất sâu xa với Thánh Inhaxiô tới độ "như thể một tinh thần ở trong hai thể xác." Về sau, khi đã được tấn phong Thương phụ, ông ghé ngang Núi Athos trên đường đi Serbia và trong khi ở lại Núi thánh này, một người tên Maxium đã tiên đoán về cái chết của ông: "Vị tôn sư này sẽ không thấy lại đàn chiên của mình, vì từ sau lưng ông, người ta đã nghe ra bài tang lễ: Phúc cho ai không bị ô uế trên lối đi ấy." Quả thật, ông qua đời khi vừa tới Serbia. Trong một luận án viết về việc cầu nguyện Đức Giêsu, Grêgôriô Palamas đã ca ngợi các bài viết của Callistôt và Inhaxiô về cùng một chủ đề đó.

**Diadokh.** Được gọi là Diadokh Đầy ơn sủng. Giám mục giáo phận Photice ở Epirus. Khoảng năm 460, Giám mục Victorê, giáo phận Utica, viết trong lời đề tựa cuốn History of the Barbarity of the Vandals - Lịch Sử Sự Dã Man Của Dân Vandal của ông tự nhận mình là học trò của Diadokh, trích dẫn và ca ngợi các bài viết tâm linh của thầy mình. Người ta có đọc thấy tên ông ký chung trong thư của các Giám mục Epirote gửi Hoàng đế Lêo. Còn ngoài ra, không biết thêm gì về ông.

**Êphrem xứ Xyri.** Thi sĩ, nhà thần học vĩ đại người Xyri. Tiến sĩ Hội thánh. Sinh tại Nisibia, Mesôpôtamia, k.306, mất k.373. L.k.: 18 tháng Sáu.

Suốt đời, ông khiêm nhượng chỉ nhận chức phó tế, và sống tại quê nhà mình ở vùng Mêsôpôtamia. Tới năm 363, ông di cư tới Êđessa (tỉnh Urfa ở Irắc) nơi có một học viện thần học quan trọng và nổi tiếng. Êphrem nổi danh về các bài viết của mình và trên tất cả là những bài thuyết giảng giàu âm điệu để đọc lớn tiếng và các bài thánh thi phụng vụ. Thánh ca của ông được soạn phổ thông cho công chúng và có phong cách giảng dạy, thường trực tiếp chống lại những giáo thuyết tà đạo muôn hình muôn vẻ. Những tác phẩm qui cho ông ngày nay vẫn được dùng trong các giáo đường ở Xyri, và trước khi qua đời, ông đã nổi tiếng khắp các vùng nói tiếng Hi Lạp. Có nhiều khúc ca của ông được chuyển sang tiếng các nước khác và dùng trong giáo hội phương Tây.

Ông viết một số sách luận giải có giá trị về Kinh Thánh. Tác phẩm của ông dạt dào cảm xúc, tràn đầy hình ảnh; và dù là một nhà thần học, ông viết như một thi sĩ. Ông luôn luôn được đánh giá

như một tôn sư vĩ đại của giáo hội Xyri. Nhiều tác phẩm của ông được dịch ra tiếng Hi Lạp, Ácmênia và La tinh từ rất sớm. Ông là nhà quản quân trong việc bảo vệ quan điểm chính thống, đặc biệt chống lại Marcion và bảo vệ Kinh Tin kính Nixê. Năm 1920, Đức Giáo hoàng Bênêdictô XV phong ông là Tiến sĩ Hội thánh.

**Gioan Cái thang.** Còn gọi là Gioan Klimax. Tu sĩ và tu viện trưởng tại Núi Xinai. Sinh k. 569. Mất năm 649 tại Xinai. L.k: ngày 30 tháng Ba.

Klimax tiếng Hi Lạp có nghĩa là Cái thang. Ông sinh tại Palestine. Lập gia đình lúc còn trẻ. Khi vợ qua đời, ông đi tu. Sau vài năm trong nhà dòng, ông trở thành nhà ẩn tu sống hầu hết cuộc đời mình tại Thole giống như các tu sĩ Ai Cập. Năm ngày một tuần ông sống gần như hoàn toàn cô độc, tới Thứ Bảy và Chúa nhật mới cùng các ẩn sĩ khác đi nhà thờ. Tại chốn ẩn cư của mình, ông viết tác phẩm về sau trở thành danh hiệu của ông, cuốn "Cái Thang Lên Thiên Đàng." Cuốn này ứng xử với sự hoàn hảo đức hạnh, chia con đường đạt tới bằng ba mươi "nấc thang". Sách nổi tiếng và được quảng bá rộng rãi trong giới tu sĩ và những người mộ đạo ở phương Đông cũng như phương Tây. Bản tiếng Anh xuất bản năm 1959 với nhan đề The Ladder of Divine Ascent.

Ông có ảnh hưởng lớn trong cuộc sống tu trì về việc ứng xử tâm linh với các tật xấu và các đức hạnh, đời sống đan viện và cuộc sống ẩn dật, và việc theo đuổi apatheica (trạng thái vô tư vô ưu). Tới tuổi bảy mươi, ông được bầu làm tu viện trưởng nhưng ông chỉ làm bề trên trong bốn năm rồi lui về nơi ẩn dật của mình. Khái niệm của ông về cuộc sống tâm linh như một chiếc thang đã khởi hứng cho các nghệ sĩ sáng tác triển khai thành một hình ảnh qui ước trong các tranh tượng ở Byzance, Núi Athos và nhiều nơi khác. Tại khắp vùng Palestine và A rập, ông nổi tiếng là người thánh thiện.

**Gioan Cassian.** Còn gọi Kassian La mã. Sinh k.360, có lẽ tại một nơi nào đó nay thuộc Rumania, mất k.435 tại Marseilles. L.k.: 23 tháng Bảy.

Cha mẹ ông là người nổi tiếng và giàu có và ông thụ hưởng một nền giáo dục tốt. Ông tới Palestine và trở thành tu sĩ ở Giêrusalem. Nghe nói về thành tựu khổ hạnh của các tổ phụ Ai Cập, hai năm sau, khoảng 390, ông cùng một người bạn gốc Đức tới thăm viếng họ. Về sau, ông ghé lại một tu viện nhỏ và ở với các nhà ẩn tu từ năm 397 tới 400. Rồi ông đi Conxtantinốp, được Thánh Gioan Kim khẩu phong trợ tế, còn người bạn Đức của ông được phong linh mục. Cả hai được Gioan Kim khẩu phái đi Tòa thánh La mã để xin yểm trợ lúc ông bị bắt giam. Gioan Cassian không quay lại phương đông nữa, mà trở về quê hương mình và được truyền chức linh mục. Ông dùng phần đời còn lại thực hành cuộc sống khổ hạnh nghiêm ngặt mà ông đã học được tại Ai Cập. Năm 415, ông lập một nhà dòng nam và một nhà dòng nữ. Các bài viết của ông về cuộc sống tu trì có ảnh hưởng lớn lao lên cả hai giáo hội phương Đông cũng như phương Tây và đặc biệt Thánh Bênêdictô đã truyền lệnh phải dùng cuốn Conferences - Vấn ý - của Gioan Cassian làm một trong những cuốn sách đọc lớn cho các đan sĩ nghe sau bữa ăn tối. Sách đó gồm khoảng 12 tập về các yêu cầu của cuộc sống tu trì ẩn dật.

**Gioan Đamascus.** Còn gọi là Gioan Đamasxênê hay Đamasxênô. Tu sĩ, nhà thần học và soạn thánh thi phụng vụ, Giáo phụ sau cùng trong nhóm Giáo phụ Hi Lạp. Sinh tại Đamascus k.675, mất gần Giêrusalem k.749. L.k.: 27 tháng Ba.

Suốt đời ông trải qua dưới sự cai trị của Hồi giáo. Cha ông là một Kitô hữu giàu có ở Đamascus, đại diện chính thức cho các Kitô hữu tại kinh đô và kế thừa làm quan phụ trách tài chính tại triều đình của vua Hồi giáo Abdul Malak. Cha ông bỏ ra một số tiền rất lớn chuộc Cosma, một tu sĩ Sicili, giới khoa học và thần học, bị người Hồi bắt giam. Và vị tu sĩ này trở thành thầy của Gioan



Damascus. Sau đó, Gioan kế thừa đảm trách chức vụ của cha, nhưng rồi Hoàng đế Lêo III hạ lệnh phá hủy các ảnh tượng thiêng liêng, Gioan nhờ sống tại Damascus và có sự che chở của nhà cầm quyền Ả-rập Hồi giáo nên có thể viết và xuất bản các luận văn bảo vệ tượng thánh mà không bị trừng phạt và gây được nhiều ảnh hưởng. Tới năm 716, ông đi tu, sau đó làm linh mục tại đan viện của Thánh Sabas, gần Giêrusalem, trong vùng núi non hoang mạc giữa Giêrusalem và Biển Chết. Ông sống ở đó cho tới khi qua đời.

Thường ngày, ông bận rộn với việc viết các thánh thi phụng vụ và các tác phẩm thần học. cuốn quan trọng nhất của ông là Fount of Knowledge - Nguồn gốc của kiến thức - mà trong phần thứ ba, Đức tin Chính thống, chứa đựng một tổng hợp về thần học của các Giáo phụ. Cuốn này được dùng rộng rãi và có ảnh hưởng sâu xa tại phương Tây thời Trung cổ. Ông còn có ba bài giảng liên quan tới Đức Mẹ Đồng Trinh lên trời cả hồn lẫn xác sau khi Mẹ qua đời và Sự Hiện Diện Thật Sự của Phép Thánh Thể. Người ta còn qui cho ông là tác giả cuốn Sacra Parellela - Những đối chiếu thiêng liêng, một hợp tuyển lớn lao về tu đức học và đạo đức học. Nhân đức của ông sống mãi trong giáo hội qua những thánh thi phụng vụ của ông mà ngày nay vẫn còn được hát lên trong nhà thờ. Năm 1890, ông được Giáo hoàng Leo XIII tuyên bố là Tiên sĩ Hội thánh.

**Gioan Karpathisky.** Không có gì về tác giả này được xác nhận một cách cụ thể. Chỉ có Phôtiôt, Thượng phụ Conxantinôp, đề cập tới việc mình có đọc một cuốn sách trong đó, bên cạnh các bài của Diadokh và Nil, có một phần của Gioan Karpathisky với nhan đề: Những lời an ủi các đan sĩ từ Ấn trở về xin lời khuyên bảo. Điều đó cho thấy ông sống cùng thời với Diadokh và Nil vào thế kỷ thứ năm. Karpathos là một hòn đảo giữa đảo Rhodes và Crete của Hi Lạp. Với danh xưng đó, người ta nghĩ hoặc đảo ấy là quê ông hoặc ông đã từng sống ở đó.

**Gioan Kim khâu.** Giám mục và Tiên sĩ Hội thánh. Sinh tại Antiôkia k.347, mất tại Comana ở Pontus năm 407. L.k.: 13 tháng Chín.

Là con trai độc nhất của một sĩ quan quân đội tại Antiôkia, Gioan mồ côi cha, được người mẹ quả phụ nuôi dưỡng và tiếp thu nền giáo dục tốt nhất của Antiôkia cả về luật học lẫn hùng biện, dưới sự dạy dỗ về tu từ học của nhà hùng biện ngoại đạo nổi tiếng Libanius, về tôn giáo của nhà chú giải Diôđôre và Giám mục Mêlêxa. Từ khoảng năm 373, ông trở thành một đan sĩ khổ tu trong một cộng đồng ở vùng núi gần thành phố và sức khỏe gần như bị tàn phá hoàn toàn vì lối sống kham khổ và điều kiện ẩm ướt trong chiếc hang ẩn dật của mình.

Ông quay về Antiôkia năm 381, được truyền chức trợ tế và phục vụ giáo hội địa phương cho tới khi được thụ phong linh mục năm 386. Kể đó, ông trở thành phụ tá đặc biệt của giám mục, chuyên lo các nhu cầu thế tục và hướng dẫn tâm linh cho vô số Kitô hữu nghèo khó trong thành phố. Chẳng bao lâu, ông nổi tiếng là người rao giảng và luận giải về các Thư Gởi Tín Hữu của Tông đồ Phaolô và sách Phúc âm theo Thánh Mátthêu và Thánh Gioan. Theo truyền thống Antiôkia, ông khẳng định nghĩa đen từng chữ một của Sách Thánh và sự áp dụng thực tế của nó vào các vấn đề thời đại. Vì thế, các tác phẩm của ông vẫn còn thích đáng đối với ngày nay. Ông cũng nổi tiếng về chính trị bằng hai mươi mốt bài giảng vào năm 387 về "Các Tượng", đưa tới việc dân chúng nổi loạn chống thuế của nhà vua, và các "bức tượng" tượng trưng cho Hoàng đế Thêđôsius, cha ông ta, các con trai và người vợ quá cố của ông ta. Ông may mắn thoát khỏi sự trả đũa nhờ có lệnh khoan hồng của vị giám mục cao niên Flavian (?-449). Các bài giảng của ông cũng góp phần quan trọng trong việc đẩy mạnh các căn nguyên của hòa bình và hiểu biết.



Năm 397, sau khi giám mục giáo phận Conxstantinôp từ trần, Hoàng đế Arcadius (k.377-408) ao ước Gioan Kim Khẩu được chọn làm người kế vị, sai sứ giả tới bí mật đưa ông rời khỏi Antiokia vì sợ dân chúng phản đối. Theophilus, giám mục Alexandria, (?-412), một đối thủ không đạt ý nguyện và trong tương lai là chú của Giám mục Cyril Alexandria, buộc lòng phải phong cho Gioan Kim Khẩu làm Giám mục Conxstantinôp vào năm 398. Lập tức, Gioan bắt tay vào việc chấn chỉnh nền luân lý suy đồi của triều đình, tăng lữ và dân chúng. Cuộc sống của ông giản dị và khắc khổ, thương yêu người nghèo, chống lại sự xa hoa, đặc biệt của tầng lớp vương công quý tộc. Ông giảm bớt các chi phí đã thành lệ trong nhà mình để lo cho người nghèo và bệnh viện. Ông ban hành các luật lệ nghiêm ngặt cho giới giáo sĩ: những luật lệ thường bị gọi là thiếu tế nhị. Ông cũng tán công thái độ cư xử, y phục và lối trang điểm của phụ nữ tại cung đình và sự kiện nhiều Kitô hữu tham gia đưa ngựa ngày Thứ Sáu Tuần Thánh và dự các cuộc vui chơi ở vận động trường vào ngày Chúa Nhật Thánh.

Hoàng hậu Euxôdia (?-404), vợ của Arcadius, xem đa số các biện pháp chấn hưng luân lý của ông là những công kích nhắm vào cá nhân bà, và thực tế không cải thiện được khi một bức tượng bằng bạc của bà được dựng lên bên ngoài nhà thờ chánh tòa của Gioan và khánh thành bằng những trò chơi của công chúng như một dịp mê tín và thác loạn. Trong khi đó, Theophilus về phe với nữ hoàng, tổ chức một nhóm các giám mục hội họp tại Chalcedon, lên án Gioan Kim Khẩu về một chuỗi các cáo giác có ít nhiều ngụy tạo mà không cần nghe ông biện bạch, đồng thời kết án ông là phản bội vì đã gọi Euxôdia là "Mặt dày mày dạn", và yêu cầu truất phế ông.

Gioan Kim Khẩu bị lưu đày nhưng một trận động đất làm hải hùng hoàng hậu Euxôdia ở Conxstantinôp và ông được triệu hồi. Ông lại tiếp tục phát ngôn bộc trực và thêm lần nữa làm bà thịnh nộ. Theophilus lại kích động chống ông với lời khiêu nại lên hội đồng lạc giáo Arios ở Antiokia, và thêm lần nữa, Gioan bị truất phế, lần này lý do là vì tái tục hành xử quyền giám mục mà ông đã bị "hạ bệ đúng luật". Việc này xảy ra năm 404 và dù ông được dân chúng, giáo hoàng và nhiều giám mục phương Tây ủng hộ, ông vẫn bị lưu đày. Ban đầu tới Cucusus ở Ácmênia và rồi tới Pontus, nơi ông từ trần vì bị buộc đi bộ trong thời tiết xấu, bất chấp lời khiêu nại nhiều lần rằng mình đang kiệt sức. Hôm đó là ngày 14 tháng Bảy.

Ba mươi một năm sau, di hài ông được đem về Conxstantinôp và được cải táng trong Thánh đường Các Tông đồ. Đối với giáo hội phương Tây, ông là một trong bốn Tiên sĩ Hội thánh nhóm Hi Lạp; đối với giáo hội phương Đông, ông là một trong Ba Tôn Sư Hoàn Vũ và Phẩm Trật Thánh Thiện. Các tác phẩm của ông đem lại cho ông vai trò hàng đầu trong các giáo phụ như một nhà đạo đức học và một nhà chú giải Kinh Thánh. Đặc biệt, *Lettres à Olympias* - Thư gửi Olympias; và nhất là rất nhiều bài giảng về Kinh Thánh, trong đó có cả một loạt bài dài chú giải sách Phúc âm theo Thánh Mátthêu và theo Thánh Gioan. Các tác phẩm luận giải và luận văn của ông về Chức Tư Tế nổi tiếng nhất. Nhưng trên tất cả, ông là một nhà rao giảng. Gioan Kim Khẩu rất hùng biện, nói dài, nhưng thẳng tới chủ đề, hoàn toàn thực dụng và vẫn còn thích hợp cho ngày nay. Tài năng diễn thuyết đã làm ông vang danh trong thế kỷ V, xứng đáng với biệt danh Chrysostome: miệng vàng.

**Grêgôriô Núi Xinai.** Nhà thần nghiệm. Sinh gần Smyrna k.1290, mất tại Bulgaria năm 1346. L.k.: 27 tháng Mười một. Được phong thánh bởi giáo hội Chính thống giáo.

Sau khi bị mang đi khỏi quê nhà vì một cuộc đột kích của quân Thổ Nhĩ Kỳ Seljuk, và được các láng giềng của mình chuộc lại, Grêgôriô gia nhập các tu sĩ ở Núi Xinai. Một thời gian sau, ông bắt đồng ý kiến và đi tới đảo Crete học hỏi việc thực hành cầu nguyện tinh thần với một tu sĩ khác. Khi đến Núi Athos, ông thất vọng vì thấy các tu sĩ ở đó hiểu biết quá ít ỏi về "Chiêm nghiệm và Tĩnh khẩu

chân chính." Vì thế, ông ở lại, rao giảng ý tưởng của mình cho các tu sĩ và các ẩn sĩ. Kế đến, một cuộc tấn kích khác của hải tặc làm ông rời Athos. Sau cùng, năm 1325, ông thiết lập một đan viện trên Núi Paroraria, gần Sozopol ở bờ tây của Hắc Hải. Ông sống ở đó suốt phần đời còn lại dù vẫn bị quấy nhiễu bởi quân Thổ Nhĩ Kỳ.

Grêgôriô viết rất ít nhưng lời giảng của ông có tác động sâu xa trong giáo hội Chính thống giáo. Ông nhấn mạnh tới tầm quan trọng của các hỗ trợ về thể lý (thí dụ việc thờ đúng nhịp điệu) để làm hoàn hảo sự chú ý trong việc cầu nguyện tinh thần, vốn thuộc phần kỹ thuật Linh đạo tĩnh tọa của phái Palamas. Ông lập ba chi nhánh lớn thuộc dòng mẹ Lavra tại Macêđonia và dạy về việc cầu nguyện không ngừng. Tiểu sử đời ông do học trò của ông là Callistôt, Thượng phụ Conxantinôp viết lại. Ông viết ít, nhưng lời giảng dạy của ông có ảnh hưởng rộng rãi trong Chính thống giáo.

**Grêgôriô Palamas.** Nhà thần nghiệm và nhà thần học. Tiến sĩ Hội thánh. Sinh tại Conxantinôp k.1296, mất tại Salonika 1359. L.k.: 14 tháng Mười một. Ông được phong thánh bởi giáo hội Chính thống giáo.

Grêgôriô Palamas là người trình bày và là cột trụ của lý thuyết thần nghiệm và tu đức khổ hạnh, gây thành cuộc tranh luận rộng lớn trong giáo hội Chính thống giáo suốt thế kỷ thứ mười bốn. Lý thuyết này được gọi là Linh đạo tĩnh tọa (Hesychasm), hoặc đôi khi là Chủ trương Palamas, gọi theo tên của chính ông.

Ông là một tu sĩ Núi Athos. Khi Thổ Nhĩ Kỳ tấn công Hi Lạp, ông đi Thêxalônica, chịu chức linh mục năm 1326 và được phong Tổng giám mục Thêxalônica năm 1347. Vào năm 1333, lời giảng của ông đưa ông vào cuộc tranh luận với một tu sĩ tài năng người Hi Lạp, tên là Barlaam xứ Calabiria, đến từ miền nam nước Ý. Linh đạo tĩnh tọa là một học thuyết, thực hành và kỹ thuật mà những người ủng hộ nó tuyên bố là có thể đưa những người chiêm nghiệm tới một kiến thị về "ánh sáng tự nhiên mà có" (increated light) của Thiên Chúa. Những người chống đối nó thì phản bác rằng lời giảng của Grêgôriô về việc ấy xâm phạm đơn nhất tính và siêu việt tính của Thiên Chúa. Để phản bác lời tuyên bố cực đoan của Barlaam về tính bất khả tri của Thiên Chúa, Grêgôriô Palamas trong cuốn Triads in Defence of the Holy Hesychasts - "Tam thể biện hộ của Người Linh đạo tĩnh tọa" (k.1338), quả quyết rằng Thiên Chúa quả thật truyền đạt cho loài người sự am hiểu về bản thân Ngài, và kinh nghiệm về ánh sáng tự nhiên của Thiên Chúa trong chiêm nghiệm mà các tu sĩ tĩnh tọa tuyên bố là chân chính.

Grêgôriô Palamas được sự ủng hộ mạnh mẽ của các tu sĩ Núi Athos và cuộc tranh luận ấy kéo dài mười năm. Kế đó, vô số các bài viết của ông bị kết án và ông bị dứt phép thông công. Nhưng khi Gioan Cantacuzênôtt lên ngôi vào năm 1347 và muốn tranh thủ sự ủng hộ của các tu sĩ Núi Athos, những người vốn có ảnh hưởng vô cùng sâu rộng trong dân chúng, nên nhà vua đã phục hồi cho Grêgôriô và bổ nhiệm ông làm Tổng giám mục Salonika. Lúc ấy, cuộc tranh luận về Linh đạo tĩnh tọa mở ra trở lại. Sau cùng, phía ủng hộ Grêgôriô khải hoàn, và lời giảng của ông được tuyên bố là chính thống bởi giáo hội Conxantinôp năm 1351. Nhưng tới đây, ông đã quá mệt mỏi và sức khỏe sa sút trầm trọng.

Sáu năm sau khi ông qua đời, một Công đồng ở Conxantinôp tấn phong Grêgôriô Palamas là Tiến sĩ Hội thánh Chính thống giáo. Trong những năm gần đây, tại phương Tây cũng như tại phương Đông, có phong trào khôi phục mối quan tâm về Linh đạo tĩnh tọa. Cùng với vai trò một nhà thần học suy lý quan trọng, Thánh Grêgôriô Palamas còn là một tôn sư và là một giáo sĩ tận hiến.

**Isaac xứ Xiry.** Theo bản tiếng Anh The Philokalia thì ông là Isaac xứ Niniveh. Ông là nhà khổ tu và thần bí phái lạc giáo Nestôriô, sống ở Ba tư và qua đời vào cuối thế kỷ VII. Di sản văn chương quan trọng của ông tạo ảnh hưởng rất lớn ở Đông phương nhưng khó xác định vì có thể lẫn lộn với rất nhiều nhà văn tâm linh cùng tên Isaac.

**Nestôriô (k.381-k.450).** Giám mục Conxstantinôp năm 428. Ông không công nhận Đức Giêsu là Ngôi Lời nhập thể mà rao giảng một quan điểm phi chính thống về bản tính của Đức Giêsu. Rằng: Đức Giêsu được cấu tạo bởi sự liên kết giữa hai ngôi vị, một ngôi vị thần linh là Lời (Logos) và một ngôi vị nhân linh là Đức Giêsu. Ông bị Công đồng Êphêsô (431) lên án là dị giáo. Những người tin theo lý thuyết này sau đó chuyển về sinh sống và rao giảng rộng rãi tại vùng Tây Bắc Trung hoa.]

**Inhaxiô.** Nếu là người sống đồng thời với Thượng phụ Callistô thì chúng tôi không tìm được tiểu sử. Có lẽ ông cũng không thể là Inhatiô Loyola sáng lập Dòng Tên (1491-1556) vì lúc ấy thuộc hai giáo hội Đông Tây và hai khuynh hướng khác nhau. Có thể ông là Inhaxiô Thượng phụ Conxstantinôp. Một vị thánh của giáo hội cả Đông lẫn Tây phương, mất k.877. L.k.: 23 tháng Mười.

Inhaxiô Conxstantinôp là người bảo vệ giới luật khắt khe cho Giáo hội Byzance, chống lại ảnh hưởng của triều đình trên những sự vụ của tăng lữ. Năm 857, ông từ chối cho Bađas, chú của vua Michael III rước lễ vì mắc loạn luân, do đó, ông bị lưu đày. Năm 867, dưới thời hoàng đế Basilius, ông được phục chức. Lúc qua đời, ông bị Giáo hoàng Gioan VIII nghi ngờ, vì ông không rút được phái đoàn truyền giáo Hi Lạp về từ Bulgary, xứ đang bị Giáo hoàng xét xử.

**Innôcentê Irkutsk.** Ông là một trong những nhà truyền giáo vĩ đại của Nga trong thế kỷ 19. Nga hoàng Phêrô Đại đế bổ nhiệm và tấn phong ông làm giám mục đầu tiên tại Bắc Kinh nhưng vua Khang Hi không chịu cho thành lập giáo phận ngay tại Kinh đô. Sau đó, ông làm giám mục Giáo phận Irkutsk tại Nga và hoạt động như một giám mục truyền giáo suốt mười năm. Ông qua đời tại Irkutsk năm 1731.

**Isikhi.** Ông sinh trưởng tại Giêrusalem. Thuở nhỏ là môn sinh của Grêgôriô Nhà thần học (k.335-k.395). Ông ẩn tu tại Palestine trong vài năm, tới năm 412, được phong linh mục, và được kính trọng rộng rãi như một tôn sư và dịch giả Kinh Thánh. Ông mất khoảng năm 432-433.

**Macariô Cả.** Tu sĩ sa mạc. Sinh tại Thượng Ai cập k.300, mất tại Sketis k.390. L.k.: 15 tháng Giêng.

Là con của một nông dân và bản thân ông nguyên là một người chăn giữ súc vật. Ông là một trong những Tổ phụ Ai cập chủ trương sống giản dị và ẩn dật. Bị lôi cuốn mạnh mẽ bởi lối sống của các nhà ẩn tu, ông bỏ đi sống trong một hang động gần làng mình. Tới năm ba mươi tuổi, theo gương Thánh Antôn Cả, ông cùng một số tu sĩ khác rút vào hoang mạc Sketis gần Liby và Ai cập. Từ đó, ông nổi tiếng về khổ hạnh và minh triết. Ông được phong linh mục và trở thành thủ lãnh của cộng đoàn đó, nổi tiếng về quyền năng lạ lùng và khả năng ngôn sứ. Sau bốn mươi năm ẩn dật, ông bị người lạc giáo Ariô hành hạ vì chủ trương chính thống của mình và mất vào năm 90 tuổi. Ông để lại nhiều bài viết về cuộc sống tâm linh, nhưng không có gì bảo đảm tất cả là của ông trong đó có năm mươi bài giảng về tu đức.

**Máccô Nhà khổ tu.** Mất sau năm 430. Giáo hội phương Đông kính lễ ông vào ngày 5 tháng Ba.

Chỉ có thể khẳng định được đôi điều về Thánh Máccô Nhà khô tu, còn được gọi là Máccô Tu sĩ hay Máccô Ân sĩ. Có người nói ông sống vào đầu thế kỷ thứ sáu, nhưng theo Thánh Nicôđê mô, người đồng biên tập cuốn Philôkalia, thì ông sống vào đầu thế kỷ thứ năm, và như vậy có lẽ đúng. Có thể ông là đệ tử của Thánh Gioan Kim khẩu, nhưng không chắc. Theo Thư Gửi Nicolas Ân sĩ, thì có một giai đoạn ông sống như một nhà ẩn tu trong hoang mạc, đâu đó giữa Palestine và Ai cập. Trước đó, hình như ông là bề trên của một cộng đoàn gần Ankyra (Tiểu Á). Ông viết ít nhất là tám luận văn quan trọng về phép rửa tội, thống hối và chống lại lạc giáo Nestôriôt. Trong lời giảng tâm linh của mình, ông thẳng thắn và cách riêng, trong những tập sách của mình về khô tu, ông chống lại phong trào tà giáo của Xyri về chủ trương Duy Cầu nguyện (Messalianism). Ông nhấn mạnh vai trò của ân sủng thanh tẩy và đưa ra những phân tích chi tiết về bản chất của sự cám dỗ.

**Máccô Nhà lực sĩ tinh thần.** Ông là một trong những Tổ phụ đan viện Ai cập cao cả nhất, nhưng người ta không biết nhiều về cuộc đời ông. Ông có tiếng là hòa nhã và dịu dàng, rất mê say việc học hỏi Kinh Thánh và thuộc lòng cả Cựu Ước và Tân Ước. Sống thọ tới hơn trăm tuổi và qua đời vào đầu thế kỷ thứ năm. Ông để lại sau mình gương mẫu về sự tận hiến cho việc Rước Mình Thánh Chúa và cuộc sống tâm linh. Các bài viết của ông mai một gần hết.

**Marina.** Nữ tu sĩ. Không biết năm sinh năm mất. L.k.: 12 tháng Hai.

Thân phụ bà là một tu sĩ tại Bithya. Ông cho bà cải trang làm một thiếu niên để sống bên cạnh ông. Khi ông qua đời, bà vẫn không bị tu viện khám phá. Bà bị kết án là có với con gái chủ quán trọ một đứa con. Sau sáu năm bị trục xuất, bà được tu viện nhận lại. Tới khi bà qua đời, sự thật về phái tính của bà mới bị khám phá. Câu chuyện này mang tính cách truyền thuyết và khuếch đại văn học.

**Maximô Người tuyên tín.** Tu viện trưởng. Sinh tại Conxstantinôp k.580, mất gần Batum năm 662. L.k.: 13 tháng Tám.

Theo lời nói thời Kitô giáo sơ khai, Người tuyên tín là kẻ anh dũng tuyên xưng đức tin và chịu trừng phạt tuy không có ơn phước được từ vì đạo. Maximô thuộc một gia đình quý tộc, được bổ nhiệm làm Chánh văn phòng ngự tiền của Hoàng đế Eraclius, nhưng sau một thời gian, ông từ chức và trở thành tu sĩ tại Chrysopolia (Skutari). Ông được bầu làm bề trên của cộng đoàn, nhưng tới năm 626, cộng đoàn tan rã trước cuộc tiến quân của người Ba tư. Ông bỏ tới Alexandria, sau đó đi Carthage và tới Rôma. Tại đây, ông tích cực ủng hộ Thánh Giáo hoàng Máctinô I (649-655) chống lại một giáo thuyết phi chính thống được gọi là Đơn Tính và Nhất Ý, và một đạo dụ thỏa hiệp của Hoàng đế Constans II. [Phái Đơn Tính cho rằng Đức Giêsu chỉ có một bản tính duy nhất là thần tính. Phái Nhất Ý cho rằng Ngài chỉ có một ý muốn duy nhất là thần ý, do Sergius, Thượng phụ Conxstantinôp, đưa ra để hoà giải với phái Đơn Tính. Về sau, Công đồng Conxstantinôp năm 681 tuyên bố chủ trương ấy là lạc giáo vì nó phủ nhận bản tính con người của Đức Giêsu và như thế, đưa tới hệ luận rằng công cuộc cứu rỗi nằm ngoài tầm với của loài người.]

Năm 653, chung số phận với ĐGH Máctinô, Maximô cuối cùng bị giải về Conxstantinôp như một tội nhân. Sau nhiều năm bị hành hạ, quấy nhiễu và đầy ải, ông bị kết án đánh đòn, cắt lưỡi, chặt bàn tay phải và giam cầm vĩnh viễn vì khinh thị hoàng đế. Bản án dã man ấy được thực hiện và ông lão Maximô (lúc đó khoảng 82 tuổi) bị giải tới Skhemanian, một đồn binh heo hút ở cuối bờ Hắc Hải. Chẳng bao lâu, ông qua đời tại đó. Thánh Maximô, Người tuyên tín là một nhà thần học và thần nghiệm quan trọng. Ông để lại những tác phẩm tín lý, một công trình tu đức độc đáo: Chapitres Gnostiques-Các chương đoạn về ngộ đạo; Mystagogie-Khai tâm các màu nhiệm. Và đặc biệt, cuốn



Four Centuries of Charity-Bốn trăm chương đoạn về bác ái, với các cách ngôn và những trâm tu, được đánh giá là một trong những tác phẩm sâu sắc và tuyệt vời nhất trong mọi văn bản của Kitô giáo; có hai bản dịch tiếng Anh. Với những công trình ấy, ông trở thành một trong những nhà thần bí đồng phương có nhiều ảnh hưởng nhất. Ngày nay, ông được đặc biệt nhắc nhở nhờ các luận văn về khổ hạnh và thần nghiệm; và vẫn còn vang vọng câu nói của ông ở bên bàn kim kẹp: "Không có gì mãnh liệt bằng sự trách cứ của lương tâm, cũng không có gì vững lòng hơn sự tán thành của lương tâm."

**Nicêphôre Nhà ẩn tu.** Tu sĩ khổ hạnh vĩ đại của Núi Athos, qua đời khoảng trước năm 1340. Ông là tôn sư linh hướng của Thánh Grêgôriô Palamas.

**Nicêtas Stêthatôt.** Ông là trưởng lão Viện Nghiên cứu của Chính thống giáo vào thế kỷ 11 và là môn sinh của Simêon Nhà thần học mới. Về mặt đức hạnh và khôn ngoan ông được ví như một mặt trời song sinh với tôn sư của mình.

**Phêrô Damacus.** Còn gọi là Phêrô Đamascênê. (? thế kỷ 11-12).

**Philôthêôt Núi Xinai.** Ông là tu viện trưởng của một cộng đoàn tu tập người Slave ở Núi Xinai. Không biết chính xác thời điểm.

**Phôtiôt. Giám mục.** Sinh tại Conxstantinôp k.810, mất tại đó k.891. Được phong thánh bởi Giáo hội Chính thống giáo. L.k.: 6 tháng Hai.

Thuộc một gia đình quý tộc Byzance, Phôtius là người tài năng xuất sắc và học hỏi suốt nửa đời người, phục vụ công chúng với kiến thức uyên bác của mình, ông làm quốc vụ khanh tại triều đình và hướng dẫn các cơ quan chính quyền khác. Tới năm 858, Hoàng đế Micael III truất phế Thượng phụ Inhaxiô; Photius lúc ấy vẫn là một giáo dân, bị nhà vua đưa lên thay chỗ, làm Thượng phụ. Từ đó trở đi, cuộc đời Phôtiôt lâm vào những gay gắt và nan giải với Thánh Giáo hoàng Nicôlas I rồi tiếp tới Giáo hoàng kế vị, Andrianô II, và bị rắc rối thêm lên bởi những thăng trầm bất thường trong sinh hoạt chính trị của Byzance - một cuộc tranh chấp lâu dài, phức tạp và thường mờ mịt, thuộc về vấn đề lịch sử tổng quát của giáo hội. Tranh chấp kéo dài cho mãi tới năm 879, khi Phôtiôt làm Thượng phụ lần thứ hai và vào cuối cuộc đời, ông được Giáo hoàng Gioan VIII công nhận là một Thượng phụ hợp pháp của Conxstantinôp, và hòa bình lại được văn hồi giữa các giáo hội.

Đối với các Kitô hữu Chính thống giáo phương Đông, Thánh Phôtiôt là người lính tiên phong của giáo hội mình trong những bất đồng quan điểm với Giáo hoàng La mã; đối với người Công giáo La mã, ông là một thủ lãnh ly giáo kiêu ngạo và đầy tham vọng. Trong nhiều thế hệ qua, các tác phẩm thích đáng của các học giả đã góp công rất nhiều vào việc làm thay đổi những phán xét có tính cách phe phái đó. Tất cả đều đồng ý về đức hạnh trong cuộc sống cá nhân của Phôtius và các tài năng đặc biệt, gần như là thiên tài của ông, cũng như trình độ kiến thức bao la của ông trong rất nhiều lãnh vực. Ông được Giáo hoàng Nicôlas đánh giá là 'đức hạnh cao cả và kiến thức uyên bác.' Sách ông gồm: Myiobiblion, mô tả và tóm lược từ 279 cuốn thuộc nhiều loại, và đặc biệt cuốn Mystagogy of the Holy Spirit bàn về bí nhiệm Đức Chúa Thánh Thần. Vào cuối đời, Phôtius bị truất chức và bị đày đi Armênia năm 886.

**Plato. Hoặç Platon.** Triết gia Hi Lạp. Sinh ở Egine gần Athen k.429 trước Công nguyên và mất k.347. Ông là học trò của Socrates và là thầy của Asistotle. Năm 389, ông lập tại Athen một trường triết học có tên là Academy (Viện Hàn lâm) trong vườn Academos và dạy ở đó suốt bốn mươi năm, đề cập đến tất cả mọi vấn đề trong thời đại ông. Triết thuyết Plato có đặc điểm là thực hành biện



chúng pháp và xem như một định đề rằng trí óc con người nhạy bén với cái tuyệt đối, vượt quá cái khả giác để đạt tới Ý tưởng, cái là lãnh vực của khả năng tư duy thuần túy và là những thực tại duy nhất mà các hiện tượng của chúng chỉ là những bóng mờ, những nguyên lý của sự hiện hữu cũng như của tri thức.

**Simêon Nhà thần học mới.** Sinh tại Paphlagonia 949, mất tại Conxstantinôp 1022. L.k.: 12 tháng Ba.

Ông lớn lên tại Conxstantinôp và trở thành tu sĩ của Viện Nghiên cứu. Bắt đầu từ mười bốn tuổi và suốt đời, ông có những khái thị sâu xa và bí nhiệm. Tìm kiếm một đời sống tu trì nghiêm ngặt hơn, ông chuyển đến đan viện Thánh Mamas và làm tu viện trưởng ở đó trong hai mươi năm. Về sau, bị oán ghét, ông lập một tu viện riêng và sống yên ổn tới cuối đời. Cuốn The Method - Phương pháp, trình bày phương pháp cầu nguyện bằng chiêm nghiệm và cách dùng Lời Cầu Nguyện Đức Giêsu mà về sau được minh xác không phải là của ông, nhưng ông đã gây ảnh hưởng lớn lao trong việc quảng bá phương pháp đó. Tên của ông được giải thích nhiều cách khác nhau, có người cho là 'Simêon, người tuổi trẻ, nhà thần học'; nhưng theo Nicêtas Stêthátôt, kẻ viết tiểu sử ông, thì tên đó nhắc tới Thánh Gioan Người thiêng liêng, và như thế có nghĩa ông là "Thánh Gioan mới."

**Thêlôp thành Philadenphia.** Một tu sĩ Núi Athos nơi về sau trở thành Thủ phủ Philadelphia. Trong số các học trò của ông có Thánh Grêgôriô Palamas.

## **Sách tham khảo cho Phần Phụ Lục**

### **Liệt kê và Cảm tạ**

1. Giáo Phụ (Hai tập) dịch từ tiếng Pháp của J. Liébaert.  
Trở Về Nguồn, Sài Gòn.
2. Kinh Thánh, Nguyễn Thế Thuấn, Sài Gòn, 1975
3. Kinh Thánh Tân Ước, Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ, Sài Gòn, 1994.
4. Lịch sử Giáo Hội Công Giáo, Hồng Phúc CSsR. Sài Gòn.
5. Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II, Giáo Hoàng Học Viện PIÔ X
6. Tự điển Đức Tin Kitô giáo, dịch từ tiếng Pháp, O. de La Brosse..., Sài Gòn.
7. Từ vựng Triết Thần Căn Bản Anh Pháp Việt. 1996. Paris.  
Ngô Minh và Nguyễn Thế Minh.
8. After Jesus, The Triumph of Christianity. Reader's Digest, 1992
9. Dictionary of Beliefs and Religions, Larousse, 1995.
10. The HarperCollins Dictionary of Religions, 1995.
11. The Oxford Dictionary of Saints, 1978.

12. The Oxford Dictionary of World Religions, 1997.
13. The Penguin Dictionary of Saints, 1979.

## **VỀ DỊCH GIẢ**

### **Tiểu Sử của Nguyễn Ước**

Sinh năm 1947 tại Hàm Hoà, Quảng Ninh, Quảng Bình. Năm 1954, theo gia đình di cư vào Bồ Điền, Phong Điền, Thừa Thiên. Tốt nghiệp Đại học Sư Phạm Huế, ban Việt Hán. Trước năm 1975, dạy Văn và Sử tại Huế, Đà Nẵng rồi Tuy Hòa, đồng thời làm chuyên viên công tác phát triển xã hội. Có bài đăng trên các báo Giáo Giới, Văn, Bách Khoa, Trình Bày, Ý Thức, Xây Dựng, Sóng Thần, Đại Dân Tộc, v.v. Sau ngày 30.4.1975, làm rẫy ở Quảng Thuận, Sông Pha, Ninh Thuận. Từ năm 1976, buôn đồng hồ cũ, sách cũ rồi mua bán đạo vật liệu phế thải dùng để phân kim tại Sài Gòn và Châu Đốc suốt 13 năm, trong đó có 2 lần sống ở Hà Nội và Từ Sơn khoảng 2 năm. Năm 1989, vượt biên sang đảo Galang, Indonesia. Từ năm 1991, định cư tại Toronto, Canada; tác viên cộng đồng; cộng tác với các tạp chí như Hợp Lưu, Thơ, , Đi Tới, Làng Văn, Thời Báo, Thư Quán Bản Thảo, Người Việt Hải Ngoại, các Diễn đàn talawas, Đàn Chim Việt, Thông Luận, Phong Trào Dân Chủ, v.v. Địa chỉ hiện nay: 532 Dufferin St. Toronto, ON. Canada. M6K 2A7.

#### **Tác phẩm đã in**

##### **Trước 1975:**

- Tội Của Họ (kịch)
- Bài Ca Người Nô Lệ Mới (thơ)

Tại hải ngoại: (những cuốn có dấu \* đã tái bản và phát hành trong nước do các NXB Văn Học, Văn Hoá Thông Tin, Hội Nhà Văn, v.v.):

- Giáo Lý Mới Thời Đại Mới: Đức Tin Công giáo  
(Sách Giáo lý của HĐGM Hà Lan), dịch
- Chân Dung Một Giáo Hoàng, tuyển dịch

- Đức Giê-su: Cuộc Đời Và Thời Đại, dịch \*
- Krishnamurti: Cuộc Đời Và Lời Giảng, biên dịch \*
  
- Tập I: Đời Không Tâm Điểm \*
  
- Tập II: Dòng Sông Thanh Tẩy \*
  
- Tập III: Krishnamurti Tinh Yếu \*
  
- Chuyện Kinh Thánh của Pearl Buck, dịch \*
  
- Về Từ Cõi Chết của Elie Wiesel, dịch \*
  
- Tập I: Đêm \*
- Tập II: Rạng Sáng \*
- Tập III: Tai Nạn \*
  
- Chuyện Người Hành Hương, dịch và chú giải \*
  
- Máu Hồng Y của Brian Moore, dịch \*
  
- Hiến Chương Nhân Bản 2000, dịch và chú giải
  
- Một Hồ Sơ Chủ Nghĩa Hậu Hiện Đại, biên khảo \*
  
- Trăng Huyết, trường thiên tiểu thuyết (chung với A. Grey)

Truyện Tì bà Của Nguyễn Bính, sưu khảo và chú thích.  
Cầm Nang Thiền